

QUYỂN 3

(Quyển Năm-Uẩn)

(KHANDHA-VAGGA)

VỀ BẢN DỊCH SN

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bồ-Đề (*Bhikkhu Bodhi*, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên bác, nhà từ thiện). Đây là bản dịch chính xác nhất từng câu chữ của kinh văn nguyên thủy với đủ các chú-giải cần thiết. Có nhiều chỗ tham chiếu với các phiên bản của nhà sư Ajahn Sujato và PTS.

- Đề hình dung nhanh: Bộ Kinh SN này có 05 *QUYỂN lớn* (*Vagga*); mỗi *QUYỂN* được đặt tên theo tên của *CHƯƠNG đầu tiên* của nó. Toàn bộ kinh có 56 *CHƯƠNG*. Mỗi chương là đồng nghĩa với một *LIÊN-KẾT* (tương ứng) theo một chủ-đề chính nào đó (ví dụ: liên-kết về *Nhập-Lưu*, liên-kết về *Ca-Diếp*, liên-kết về *Citta* ...). Bản dịch Việt này đánh số *CHƯƠNG* trùng với số *LIÊN-KẾT* luôn. Trong nhiều *CHƯƠNG* lại có các *NHÓM kinh* (*vagga*).

- Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa theo tiếng Việt của câu hay chữ chỗ đó.

- Các giải thích, diễn dịch trong ngoặc vuông [...] có trong kinh và trong cả phần chú-thích là của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBD]).

- Còn các chú-giải của các luận giảng (như **Spk**, **Spk-Pt**, **Vism** ...) thì đã được ghi rõ tên ngay đầu câu.

- Trong phần chú-thích có chỉ dẫn các kinh chỉ ghi số như **12:08**, **56:34** có nghĩa chúng thuộc bộ kinh SN này; vì nếu thuộc bộ kinh khác thì đã ghi rõ là AN, MN, hay DN ... trước số kinh. Người dịch Việt cũng ghi luôn số của Quyển để dễ dàng tra chiếu, ví dụ **12:08** (Quyển 2), **56:34** (Quyển 5).

- Một số chữ Hán-Việt đã được quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác (hành), những hiện-tượng (các pháp), nhận-thức (tưởng), sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ) ...

+ Lời nhắn gửi của người dịch: *người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật!* vì làm vậy cũng không mấy khó khăn. Với các tăng và ni đã bỏ một đời để đi tu lẽ nào không bỏ ra thời gian một hai tháng để đọc qua hết các kinh của Phật. Ví dụ trong bộ kinh SN này, mỗi ngày dành ít thời gian đọc một *Liên-kết* (chương, tương ứng) dài hay vài *Liên-kết* ngắn, thì trong một số ít ngày quý vị sẽ đọc hết một *QUYỂN*, rồi hết

Bộ Kinh. *Số kinh tóm-lược* theo các “*khuôn mẫu*” là rất nhiều, nhưng quý vị chỉ cần đọc lướt qua. Bản dịch bằng *tiếng Việt phổ thông* nên ai cũng có thể đọc hiểu được (và lời nói của Phật là rõ ràng từng câu chữ). Đọc qua các kinh quý vị sẽ có được cách-nhìn rộng mở hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, hiểu đúng giáo lý đích thực và lý tưởng của Phật để tu hành. Và chắc chắn tâm sẽ dần đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng buông bỏ giải thoát của đạo Phật.

- Do bộ kinh có nhiều *liên-kết theo chủ-đề* khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ *QUYỂN* nào và trong đó có thể chọn những *liên-kết* nào mình quan tâm hơn để đọc trước. Ví dụ, nếu quý vị muốn đọc về các phẩm-chất để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu thì có thể đọc *Liên-kết ‘Nhập-Lưu’*, về lý duyên-khởi và vòng nhân-duyên thì đọc *Liên-kết ‘Nhân-Duyên’*, về ngài Ca-Điếp thì đọc *Liên-kết ‘Ca-Điếp’* ...

+ *Nên đọc một bài kinh từ đầu đến cuối* để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. (Hầu hết lời các kinh là đơn giản, tự rõ nghĩa). **ĐỪNG LO ĐỌC NHỮNG CHÚ-THÍCH**, vì nếu cứ dừng lại để tra những chú-thích về các chữ thì người đọc có thể bị lạc khỏi chủ-đề của bài kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyền nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú-giải này nọ. Nếu có câu nào, chữ nào, hay thuật ngữ nào khó hiểu thì sau khi đọc xong bài kinh mới nên tra các chú-thích để hiểu.

Cuối cùng, là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm, tỉ mỉ và kỹ càng nhất từ xưa đến nay của ngài Tỳ Kheo Bồ-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn công đức như thái dương của thầy. Tôi cũng có tham vọng như thầy: tham vọng lớn nhì là để cho Tăng, Ni và Phật tử nhiều đời đọc đúng lời Phật dạy để tu hành giải thoát, và tham vọng lớn nhất là để bảo tồn các kinh nguyên thủy khỏi bị mai một mỗi ngày qua nhiều người diễn dịch.

Nhà Bè, Mùa mưa 2018 (PL 2562)
(hiệu đính lần cuối 2024)

MỤC LỤC

Về Bản Dịch SN	i
MỤC LỤC	iii
Chương 22. Liên Kết (NĂM) UẨN	1
PHẦN I. ‘NĂM MƯƠI KINH GỐC’	3
NHÓM 1. NHÓM ‘NAKULAPITĀ’ (<i>Nakulapitā-vagga</i>).....	3
1 (1) <i>Gia Chủ Nakulapitā</i>	3
2 (2) <i>Ở Devadaha</i>	7
3 (3) <i>Gia Chủ Hāliddakāni (1)</i>	11
4 (4) <i>Gia Chủ Hāliddakāni (2)</i>	15
5 (5) <i>Sự Định Tâm</i>	16
6 (6) <i>Sự Tách Ly</i> (ẩn dật, ẩn cư, ẩn tu).....	18
7 (7) <i>Sự Áu Lo Vì Vi Cháp Thủ (1)</i>	18
8 (8) <i>Sự Áu Lo Vì Vi Cháp Thủ (2)</i>	20
9 (9) <i>Vô-Thường Trong Ba Thời</i>	21
10 (10) <i>Khổ Trong Ba Thời</i>	22
11 (11) <i>Vô-Ngã Trong Ba Thời</i>	23
NHÓM 2. NHÓM ‘VÔ THƯỜNG’ (<i>Anicca-vagga</i>)	24
12 (1) <i>Vô-Thường</i>	24
13 (2) <i>Khổ</i>	24
14 (3) <i>Vô-Ngã</i>	24
15 (4) <i>Thứ Gì Vô Thường</i>	25
16 (5) <i>Thứ Gì Khổ</i>	25
17 (6) <i>Thứ Gì Vô Ngã</i>	26

18 (7) <i>Vô Thường Là Có Nguyên Nhân</i>	26
19 (8) <i>Khổ Là Có Nguyên Nhân</i>	27
20 (9) <i>Vô Ngã Là Có Nguyên Nhân</i>	27
21 (10) <i>Ānanda</i>	28
NHÓM 3. NHÓM ‘GÁNH NẶNG’ (<i>Bhāra-vagga</i>)	29
22 (1) <i>Gánh Nặng</i>	29
23 (2) <i>Hoàn-Toàn Hiểu</i>	30
24 (3) <i>Trực-Tiếp Biết</i>	30
25 (4) <i>Dục và Tham</i>	31
26 (5) <i>Sự Thỏa Thích ... (1)</i>	31
27 (6) <i>Sự Thỏa Thích ... (2)</i>	33
28 (7) <i>Sự Thỏa Thích ... (3) (nếu không có)</i>	34
29 (8) <i>Khoái Lạc (sự khoái thích)</i>	34
30 (9) <i>Sự Khởi Sinh (của sự khổ)</i>	35
31 (10) <i>Gốc Rễ Của Sự Thống Khổ</i>	35
32 (11) <i>Sự Mong Manh</i>	36
NHÓM 4. NHÓM ‘KHÔNG PHẢI LÀ CỦA-TA’ (<i>Natumhāka-vagga</i>)	37
33 (1) <i>Không Phải Là ‘Của-Ta’ (1)</i>	37
34 (2) <i>Không Phải Là ‘Của-Ta’ (2)</i>	37
35 (3) <i>Một Tỳ Kheo Nọ (1)</i>	38
36 (4) <i>Một Tỳ Kheo Nọ (2)</i>	39
37 (5) <i>Ānanda (1)</i>	41
38 (6) <i>Ānanda (2)</i>	42
39 (7) <i>Theo Đúng Giáo Pháp (1)</i>	44
40 (8) <i>Theo Đúng Giáo Pháp (2)</i>	44

<i>41 (9) Theo Đúng Giáo Pháp (3)</i>	44
<i>42 (10) Theo Đúng Giáo Pháp (4)</i>	45
NHÓM 5. NHÓM ‘VỚI CHÍNH MÌNH LÀ HÒN ĐẢO’ (Attadīpa-vagga)	46
<i>43 (1) Với Chính Mình Là Hòn Đảo</i>	46
<i>44 (2) Con Đường</i>	47
<i>45 (3) Vô-Thường (1)</i>	48
<i>46 (4) Vô-Thường (2)</i>	49
<i>47 (5) Những Cách Nhìn Nhận Các Thứ</i>	50
<i>48 (6) Các Uẩn</i>	51
<i>49 (7) Sọna (1)</i>	52
<i>50 (8) Sọna (2)</i>	54
<i>51 (9) Tiêu Diệt Khoái Lạc (1)</i>	55
<i>52 (10) Tiêu Diệt Khoái Lạc (2)</i>	56
PHẦN II. ‘NĂM MƯƠI KINH GIỮA’	57
NHÓM 1. NHÓM ‘SỰ DÍNH-LÍU’ (Upaya-vagga)	57
<i>53 (1) Sự Dính Lίου</i>	57
<i>54 (2) Mầm Giống (chủng tử)</i>	58
<i>55 (3) Lời Cảm Hứng Nói Ra (tự thuyết)</i>	60
<i>56 (4) Những Giai Đoạn Chuyển Biến Của Các Uẩn</i>	64
<i>57 (5) Bảy Trường Hợp</i>	68
<i>58 (6) Bạc Toàn Giác</i>	72
<i>59 (7) Đặc Tính Vô Ngã (vô ngã tướng)</i>	74
<i>60 (8) Mahāli</i>	76
<i>61 (9) Bốc Cháy</i>	78
<i>62 (10) Những Đường Chử Nghĩa</i>	78

NHÓM 2. NHÓM ‘NHỮNG A-LA-HÁN’ (*Arahanta-vagga*)81

63 (1) <i>Khi Chấp Thủ</i>	81
64 (2) <i>Khi Suy Tưởng</i>	82
65 (3) <i>Khi Tìm Cầu Khoái Lạc</i>	83
66 (4) <i>Vô-Thường</i>	85
67 (5) <i>Khổ</i>	85
68 (6) <i>Vô-Ngã</i>	86
69 (7) <i>Thứ Không Thuộc Về ‘Ta’</i>	86
70 (8) <i>Thứ Có Vẻ Khiêu Gợi</i>	86
71 (9) <i>Rādha</i>	86
72 (10) <i>Surādha</i>	87

NHÓM 3. NHÓM ‘ĐANG BỊ NHAI NUỐT’ (*Khajjanīya-vagga*)

.....89

73 (1) <i>Sự Thỏa Thích ...</i>	89
74 (2) <i>Nguồn Gốc ... (1)</i>	89
75 (3) <i>Nguồn Gốc ... (2)</i>	90
76 (4) <i>Những A-la-hán (1)</i>	90
77 (5) <i>Những A-la-hán (2)</i>	92
78 (6) <i>Sư Tử</i>	92
79 (7) <i>Đang Bị Nhai Nuốt</i>	94
80 (8) <i>Người Khát Thực (xin ăn)</i>	99
81 (9) <i>Ở Pārileyya</i>	102
82 (10) <i>Đêm Rằm</i>	107

NHÓM 4. NHÓM ‘CÁC TRƯỞNG LÃO’ (*Thera-vagga*)113

83 (1) <i>Ngài Ānanda</i>	113
84 (2) <i>Ngài Tissa</i>	114

85 (3) Ngài Yamaka.....	117
86 (4) Ngài Anurādhā	124
87 (5) Ngài Vakkali	126
88 (6) Ngài Assaji.....	131
89 (7) Ngài Khemaka	132
90 (8) Ngài Channa.....	137
91 (9) Ngài Rāhula (1).....	139
92 (10) Ngài Rāhula (2).....	140
NHÓM 5. NHÓM ‘HOA’ (Puppha-vagga).....	142
93 (1) Dòng Sông.....	142
94 (2) Hoa.....	143
95 (3) Bột Nước	144
96 (4) Phân Bò.....	148
97 (5) Móng Tay.....	150
98 (6) Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản).....	152
99 (7) Dây Xích (1).....	152
100 (8) Dây Xích (2).....	153
101 (9) Cán Rìu (hay Con Thuyền).....	155
102 (10) Nhận Thức Về Sự Vô-Thường	158
PHẦN III. ‘NĂM MƯƠI KINH CUỐI’.....	161
NHÓM 1. NHÓM ‘CÁC PHẦN’ (Anta-vagga)	161
103 (1) Các Phần.....	161
104 (2) Khổ.....	162
105 (3) Danh Tính.....	162
106 (4) Nên Được Hoàn-Toàn Hiểu	163
107 (5) Những Tu Sĩ (1).....	163

<i>108 (6) Những Tu Sĩ (2)</i>	164
<i>109 (7) Nhập-Lưu</i>	164
<i>110 (8) A-la-hán</i>	165
<i>111 (9) Đẹp Bỏ Dục (1)</i>	165
<i>112 (10) Đẹp Bỏ Dục (2)</i>	166
NHÓM 2. NHÓM ‘NGƯỜI THUYẾT PHÁP’ (<i>Dhammakathika-</i> <i>vagga</i>)	167
<i>113 (1) Vô Minh</i>	167
<i>114 (2) Trí Biết Đích Thực (minh)</i>	167
<i>115 (3) Người Thuyết Pháp (1)</i>	168
<i>116 (4) Người Thuyết Pháp (2)</i>	169
<i>117 (5) Sự Ràng Buộc</i>	169
<i>118 (6) Chất Vấn (1)</i>	170
<i>119 (7) Chất Vấn (2)</i>	171
<i>120 (8) Những Thứ Gông Cùm</i>	172
<i>121 (9) Những Thứ Có Thể Đính Chấp-Thủ</i>	172
<i>122 (10) Có Giới Hạnh</i>	173
<i>123 (11) Đã Được Chỉ Dạy</i>	174
<i>124 (12) Kappa (1)</i>	174
<i>125 (13) Kappa (2)</i>	175
NHÓM 3. NHÓM ‘VÔ MINH’ (<i>Avijjā-vagga</i>)	176
<i>126 (1) Thuộc Tính Khởi Sinh (1)</i>	176
<i>127 (2) Thuộc Tính Khởi Sinh (2)</i>	177
<i>128 (3) Thuộc Tính Khởi Sinh (3)</i>	177
<i>129 (4) Sự Thỏa Thích ... (1)</i>	178
<i>130 (5) Sự Thỏa Thích ... (2)</i>	178

131 (6) Nguồn Gốc ... (1)	179
132 (7) Nguồn Gốc ... (2)	179
133 (8) Ngài Câu-hi-la (Kotthita) (1)	180
134 (9) Ngài Câu-hi-la (Kotthita) (2)	180
135 (10) Ngài Câu-hi-la (Kotthita) (3)	180
NHÓM 4. NHÓM 'THAN CHÁY ĐỎ' (Kukkuḷa-vagga)	182
136 (1) Than Cháy Đỏ.....	182
137 (2) Vô-Thường (1).....	182
138 (3) Vô-Thường (2).....	182
139 (4) Vô-Thường (3).....	183
140 (5) Khổ (1).....	183
141 (6) Khổ (2).....	183
142 (7) Khổ (3).....	183
143 (8) Vô-Ngã (1).....	183
144 (9) Vô-Ngã (2).....	183
145 (10) Vô-Ngã (3).....	184
146 (11) Thảm Nhuận Trong Sự Ghê-Sợ	184
147 (12) Quán Sát Sự Vô-Thường	184
148 (13) Quán Sát Sự Khổ.....	185
149 (14) Quán Sát Sự Vô-Ngã.....	185
NHÓM 5. NHÓM 'CÁCH NHÌN' (Ditṭhi-vagga).....	186
150 (1) Ở Bên Trong	186
151 (2) Đây Là “Của-Ta”	187
152 (3) Cái ‘Ta’	188
153 (4) Nếu Điều Đó Không Là Vậ Đốì Với Ta	189
154 (5) Cách Nhìn Sai Lạc (tà kiến).....	189

155 (6) <i>Cách Nhìn Có Danh Tính</i> (thân kiến).....	190
156 (7) <i>Cách Nhìn Có Cái ‘Ta’</i> (ngã kiến).....	191
157 (8) <i>Sự Cố Chấp (1)</i>	191
158 (9) <i>Sự Cố Chấp (2)</i>	191
159 (10) <i>Ānanda</i>	191
Chương 23. Liên Kết RĀDHA	193
NHÓM 1. NHÓM ‘MA VƯƠNG’ THỨ NHẤT (<i>Paṭhama-Māra-vagga</i>)	195
1 (1) <i>Ma Vương</i>	195
2 (2) <i>Một Chúng Sinh</i>	196
3 (3) <i>Đường Dẫn Tới Sự Hiện-Hữu</i>	197
4 (4) <i>Nên Được Hoàn-Toàn Hiểu</i>	198
5 (5) <i>Những Tu Sĩ (Sa-môn) (1)</i>	198
6 (6) <i>Những Tu Sĩ (Sa-môn) (2)</i>	198
7 (7) <i>Nhập-Lưu</i>	198
8 (8) <i>A-la-hán</i>	198
9 (9) <i>Đẹp Bỏ Dục (1)</i>	198
10 (10) <i>Đẹp Bỏ Dục (2)</i>	198
NHÓM 2. NHÓM ‘MA-VƯƠNG’ THỨ HAI (<i>Dutiya-Māra-vagga</i>)	199
11 (1) <i>Ma Vương</i>	199
12 (2) <i>Phải Bị Ma Vương</i>	199
13 (3) <i>Vô Thường</i>	200
14 (4) <i>Thuộc Bản Chất Vô Thường</i>	200
15 (5) <i>Khổ</i>	201
16 (6) <i>Thuộc Bản Chất Khổ</i>	201

17	(7) Vô Ngã	201
18	(8) Thuộc Bản Chất Vô-Ngã	202
19	(9) Phải Bị Hoại Diệt	202
20	(10) Phải Bị Biến Mất	203
21	(11) Phải Bị Khởi Sinh	203
22	(12) Phải Bị Chấm Dứt	204
NHÓM 3. NHÓM 'THỈNH CẦU' (<i>Āyācana-vagga</i>)		205
23	(1) Ma Vương	205
24	(2) Phải Bị Ma Vương	205
25	(3) Vô Thường	205
26	(4) Thuộc Bản Chất Vô Thường	205
27	(5) Khổ	205
28	(6) Thuộc Bản Chất Khổ	205
29	(7) Vô Ngã	205
30	(8) Thuộc Bản Chất Vô Ngã	206
31	(9) Phải Bị Hoại Diệt	206
32	(10) Phải Bị Biến Mất	206
33	(11) Phải Bị Khởi Sinh	206
34	(12) Phải Bị Chấm Dứt	206
NHÓM 4. NHÓM 'NGỒI BÊN CẠNH' (<i>Upanisinna-vagga</i>)...		207
35	(1) Ma Vương	207
36	(2) Phải Bị Ma Vương	207
37	(3) Vô Thường	207
38	(4) Thuộc Bản Chất Vô Thường	207
39	(5) Khổ	207
40	(6) Thuộc Bản Chất Khổ	207

41	(7) Vô Ngã	207
42	(8) Thuộc Bản Chất Vô Ngã	207
43	(9) Phải Bị Hoại Diệt	207
44	(10) Phải Bị Biến Mất	207
45	(11) Phải Bị Khởi Sinh	207
46	(12) Phải Bị Chấm Dứt	207
Chương 24. Liên Kết CÁCH-NHÌN		209
NHÓM 1. NHÓM 'NHẬP-LUÛU' (Sotāpatti-vagga)		211
1	(1) Gió	211
2	(2) Đây Là 'Của-Ta'	212
3	(3) Đây Là Cái 'Ta' (ngã)	213
4	(4) Lẽ Ra Điều Đó Đã Không Xảy Ra Với Ta	213
5	(5) Không Có	214
6	(6) Hành Động (sự làm)	215
7	(7) Nhân	216
8	(8) Cách Nhìn Lớn (đại tà kiến)	217
9	(9) Thế Giới Là Bất Diệt	219
10	(10) Thế Giới Là Không Bất Diệt	220
11	(11) Thế Giới Là Hữu Hạn	220
12	(12) Thế Giới Là Vô Hạn	220
13	(13) Linh Hồn và Thể Xác Là Một	221
14	(14) Linh Hồn và Thể Xác Là Khác Nhau	221
15	(15) Như Lai Còn Hiện Hữu	222
16	(16) Như Lai Không Còn Hiện Hữu	222
17	(17) Như Lai Vừa Hiện Hữu Vừa Không Hiện Hữu	222

18	(18) <i>Như Lai Không Còn Hiện Hữu Cũng Không Phải Không Còn Hiện Hữu</i>	223
NHÓM 2. NHÓM 'THUYẾT LẠI VÒNG HAI' (<i>Dutiya-Gamana-vagga</i>)		
19	(1) <i>Gió</i>	225
20	(2) <i>Đây Là 'Của Ta' — cho tới kinh 36 (18)</i>	226
37	(19) <i>Một Cái 'Ta' Gồm Có Sắc-Thân</i>	226
38	(20) <i>Một Cái 'Ta' Là Vô Sắc</i>	226
39	(21) <i>Cái 'Ta' Vừa Có Sắc-Thân Vừa Vô Sắc</i>	226
40	(22) <i>Cái 'Ta' Không Có Sắc-Thân Cũng Không Phải Vô Sắc</i>	226
41	(23) <i>Chỉ Toàn Sướng</i>	227
42	(24) <i>Chỉ Toàn Khổ</i>	227
43	(25) <i>Có Khổ và Sướng</i>	227
44	(26) <i>Không Sướng Không Khổ</i>	227
NHÓM 3. NHÓM 'THUYẾT LẠI VÒNG BA' (<i>Tatiya-Gamana-vagga</i>)		
45	(1) <i>Gió</i>	228
46	(2) <i>Đây Là "Của-Ta" — cho đến 70 (26)</i>	229
NHÓM 4. NHÓM 'THUYẾT LẠI VÒNG BỐN' (<i>Catuttha-Gamana-vagga</i>)		
71	(1) <i>Gió</i>	230
72	(2) <i>Đây là 'Của-Ta' — cho đến 96 (26)</i>	231
Chương 25. Liên Kết NHẬP-VÀO		
	1 <i>Mắt</i> ... (sáu căn)	235
	2 <i>Những Hình-Sắc</i> ... (sáu trần)	235
	3 <i>Thức</i>	236

<i>4 Sự Tiếp-Xúc</i> (xúc)	237
<i>5 Cảm-Giác</i> (thọ)	237
<i>6 Nhận-Thức</i> (tưởng)	237
<i>7 Sự Cố-Ý</i> (tư).....	238
<i>8 Dục-Vọng</i> (ái)	238
<i>9 Các Yếu-Tố</i> (giới)	239
<i>10 Các Uẩn</i>	239
Chương 26. Liên Kết KHỞI-SINH.....	241
<i>1 Mắt ...</i> (sáu căn).....	243
<i>2 Những Hình-Sắc ...</i> (sáu trần).....	243
<i>3 Thức</i>	244
<i>4 Tiếp-Xúc</i> (xúc)	244
<i>5 Cảm-Giác</i> (thọ)	244
<i>6 Nhận-Thức</i> (tưởng)	245
<i>7 Sự Cố-Ý</i> (tư).....	245
<i>8 Dục-Vọng</i> (ái)	246
<i>9 Các Yếu-Tố</i> (giới)	246
<i>10 Các Uẩn</i>	246
Chương 27. Liên Kết NHỮNG Ô-NHIỄM	249
<i>1 Mắt ...</i> (sáu căn).....	251
<i>2 Những Hình-Sắc ...</i> (sáu trần).....	251
<i>3 Thức</i>	251
<i>4 Tiếp-Xúc</i> (xúc)	252
<i>5 Cảm-Giác</i> (thọ)	252
<i>6 Nhận-Thức</i> (tưởng)	252
<i>7 Sự Cố-Ý</i> (tư).....	253

8 <i>Dục-Vọng</i> (ái)	253
9 <i>Các Yếu-Tố</i> (giới)	253
10 <i>Các Uẩn</i>	254
Chương 28. Liên Kết XÁ-LỢI-PHÁT	255
1 <i>Được Sinh Ra Từ Sự Tách-Ly ...</i> (Nhất thiên)	257
2 <i>Không Còn Ý-Nghĩ (tâm) ...</i> (Nhị thiên)	258
3 <i>Sự Hoan-Hỷ (hỷ) ...</i> (Tam thiên)	258
4 <i>Sự Buông-Xả (xả) ...</i> (Tứ thiên)	259
5 <i>Không Vô Biên Xứ</i>	259
6 <i>Thức Vô Biên Xứ</i>	260
7 <i>Vô Sở Hữu Xứ</i>	261
8 <i>Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ</i>	261
9 <i>Diệt Thọ Tưởng</i> (chấm dứt nhận-thức và cảm-giác)	262
10 <i>Nữ Du Sĩ Sucimukhī</i>	262
Chương 29. Liên Kết RỒNG NĀGA	265
1 <i>Bản Kinh Tóm Gọn</i> (đơn giản)	267
2 <i>Tốt Hơn</i>	267
3 <i>Uposatha (1)</i> (Bố-tát)	267
4 <i>Uposatha (2)</i> (Bố-tát)	268
5 <i>Uposatha (3)</i> (Bố-tát)	268
6 <i>Uposatha (4)</i> (Bố-tát)	268
7 <i>Người Đó Đã Nghe (1)</i>	268
8 <i>Người Đó Đã Nghe (2)</i>	269
9 <i>Người Đó Đã Nghe (3)</i>	269
10 <i>Người Đó Đã Nghe (4)</i>	269
11 – 20 <i>Nhờ Sự Bố-Thí (1)</i> (mà tái sinh ...)	269

21 – 50 <i>Nhờ Sự Bồ-Thí</i> (2), (3), (4) (mà tái sinh ...)	270
Chương 30. Liên Kết CHIM-THẦN.....	271
1 <i>Bản Kinh Tóm Gọn</i> (đơn giản)	273
2 <i>Chúng Gặp Rồng Naga</i>	273
3 <i>Lấn Lộn Thiện Ác</i> (1)	273
4 – 6 <i>Lấn Lộn Thiện Ác</i> (2), (3), (4)	274
7 – 16 <i>Nhờ Sự Bồ-Thí</i> (1) (mà tái sinh ...)	274
17 – 46 <i>Nhờ Sự Bồ-Thí</i> (2), (3), (4) (mà tái sinh ...)	275
Chương 31. Liên Kết CÀN-THÁT-BÀ.....	277
1 <i>Bản Kinh Tóm Gọn</i> (đơn giản)	279
2 <i>Hành Vi Thiện</i>	279
3 <i>Người Bồ Thí</i> (1)	280
4 – 12 <i>Người Bồ Thí</i> (2) ... (10)	280
13 – 22 <i>Nhờ Sự Bồ-Thí</i> (1) (mà tái sinh ...)	281
23 – 112 <i>Nhờ Sự Bồ-Thí</i> (2) (mà tái sinh ...)	282
Chương 32. Liên Kết THIÊN THẦN MÂY.....	283
1 <i>Bản Kinh Tóm Gọn</i> (đơn giản)	285
2 <i>Hành Vi Thiện</i>	285
3 – 12 <i>Nhờ Sự Bồ-Thí</i> (1) (mà tái sinh ...)	285
13 – 52 <i>Nhờ Sự Bồ-Thí</i> (2) (mà tái sinh ...)	285
53 <i>Những Thiên Thần Mây-Mát</i>	286
54 <i>Những thiên thần Mây-Ám</i>	286
55 <i>Những thiên thần Mây-Bão</i>	287
56 <i>Những thiên thần Mây-Gió</i>	287
57 <i>Những thiên thần Mây-Mưa</i>	287

Chương 33. Liên Kết VACCHAGOTTA..... 289

1 Do Không Biết (1) 291

2 Do Không Biết (2) 291

3 Do Không Biết (3) 292

4 Do Không Biết (4) 292

5 Do Không Biết (5) 292

6 – 10 Do Không Nhìn-Thấy (năm uẩn) 293

11 – 15 Do Không Đột-Phá (năm uẩn)..... 293

16 – 20 Do Không Năm-Rõ (năm uẩn)..... 293

21 – 25 Do Không Thâm-Nhập..... 293

26 – 30 Do Không Nhận-Thấy Được..... 293

31 – 35 Do Không Phân-Biệt Ra [đối xử] 293

36 – 40 Do Không Phân-Biệt [sự khác nhau]..... 293

41 – 45 Do Không Soi-Xét..... 293

46 – 50 Do Không Soi-Xét Kỹ Càng 294

51 – 55 Do Không Trực Tiếp Nhận-Biết..... 294

Chương 34. Liên Kết THIÊN-ĐỊNH 295

1 Chứng-Đặc tương quan với Định-Tâm..... 297

2 Duy-Trì tương quan với Định-Tâm..... 297

3 Thoát-Ra tương quan với Định-Tâm 298

4 Mềm-Dẻo tương quan với Định-Tâm..... 298

5 Đối-Tượng tương quan với Định-Tâm..... 299

6 Trú-Xử tương quan với Định-Tâm 299

7 Quyết-Tâm tương quan với Định-Tâm 299

8 Chu-Đáo tương quan với Định-Tâm..... 299

9 Kiên-Trì tương quan với Định-Tâm..... 299

<i>10 Thích-Hợp tương quan với Định-Tâm</i>	299
<i>11 Duy-Trì tương quan với Chứng-Đắc</i>	300
<i>12 Thoát-Ra tương quan với Chứng-Đắc</i>	300
<i>13 Mềm-Dẻo tương quan với Chứng-Đắc</i>	301
<i>14 Đối-Tượng tương quan với Chứng-Đắc</i>	301
<i>15 Trú-Xứ tương quan với Chứng-Đắc</i>	301
<i>16 Quyết-Tâm tương quan với Chứng-Đắc</i>	301
<i>17 Chu-Đáo tương quan với Chứng-Đắc</i>	301
<i>18 Kiên-Trì tương quan với Chứng-Đắc</i>	301
<i>19 Thích-Hợp tương quan với Chứng-Đắc</i>	302
<i>20 Thoát-Ra tương quan với Duy-Trì</i>	302
<i>21 – 27 Mềm Dẻo tương quan với Duy-Trì</i> ...	302
<i>28 Mềm-Dẻo tương quan với Thoát-Ra</i>	303
<i>29 – 34 Đối-Tượng tương quan với Thoát-Ra</i> ...	303
<i>35 Đối-Tượng tương quan với Mềm-Dẻo</i>	303
<i>36 – 40 Trú-Xứ tương quan với Mềm-Dẻo</i> ...	304
<i>41 Trú-xứ tương quan với Đối-Tượng</i>	304
<i>42 – 45 Quyết-Tâm tương quan với Đối-Tượng</i> ...	305
<i>46 Quyết-Tâm tương quan với Trú-Xứ</i>	305
<i>47 – 49 Chu-Đáo tương quan với Trú-Xứ</i>	306
<i>50 Chu-Đáo tương quan với Quyết Tâm</i>	306
<i>51 – 52 Chu-Đáo tương quan với Trú-Xứ</i>	306
<i>53 Kiên-Trì tương quan với Chu-Đáo</i>	307
<i>54 Thích-Hợp tương quan với Chu-Đáo</i>	307
<i>55 Thích-Hợp tương quan với Kiên-Trì</i>	308
BẢNG VIẾT TẮT	311

CHÚ THÍCH.....317

*Kính lễ Đức Thế Tôn,
bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!*

Chương 22

Liên Kết (NĂM) UẨN

(22 *Khandha-saṃyutta*)

(22 *Tương ưng Uẩn*)

PHẦN I

‘NĂM MƯƠI KINH GỐC’

NHÓM 1

NHÓM ‘NAKULAPITĀ’

(*Nakulapitā-vagga*)

1 (I) Gia Chủ Nakulapitā

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Bhagga ở vùng Sumsumāragira, ở khu Vườn Nai, trong Khu Rừng Bhesakalā. Rồi gia chủ Nakulapitā đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:¹

“Thưa Thế Tôn, con nay đã già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã tuổi xế chiều, bước vào giai đoạn cuối, khổ đau trong thân, thường bệnh yếu. Con hiếm khi có dịp gặp được đức Thế Tôn và các Tỷ kheo đáng kính trọng.² Vậy thưa Thế Tôn, mong đức Thế Tôn khởi xướng (giáo giới) cho con, mong đức Thế Tôn chỉ dạy con, vì điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc lâu dài cho con.”

“Đúng là vậy, này gia chủ, đúng là vậy! Thân này của chú bị đau đớn, nặng nề (bị đè nặng, mang nặng), khó nhọc (vướng víu, lọng cọng).³ Nếu có ai vác thân này đi xung quanh và nói nó khỏe mạnh được phút chốc nào, thì điều đó khác gì sự ngu dại? Do vậy, này gia chủ, chú nên tu tập bản thân như vậy: ‘Dù ta bị khổ đau trong thân, tâm ta không bị khổ đau.’ Chú nên tu tập bản thân như vậy.”

Rồi gia chủ Nakulapitā, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ hướng đức Thế Tôn ở bên phải mình (và ra về); sau đó ông đến gặp Ngài

Xá-lợi-phất. Sau khi kính lễ thầy Xá-lợi-phất, ông ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi-phất đã nói với ông:

“Này gia chủ, các căn của chú tĩnh lặng, da mặt chú trong và sáng. Hôm nay chú đã được đích thân nghe đức Thế Tôn nói chuyện Giáo Pháp phải không?”

“Tại sao không, thưa thầy? Con mới vừa được đức Thế Tôn ‘xức’ bằng loại thuốc trường sanh là một bài Pháp thoại.”

“Loại Pháp thoại nào là thuốc trường sanh mà đức Thế Tôn đã ‘xức’ cho chú, này gia chủ?”

“Ồ đây, thưa thầy, con đã đến gặp đức Thế Tôn ... [*Gia chủ Nakulapitā đã lặp lại cuộc nói chuyện của ông và Phật như trên, và nói tiếp:*]

“Thưa thầy, chính thứ thuốc trường sanh là bài Pháp thoại đó đức Thế Tôn đã ‘xức’ cho con.”

“Nhưng, này gia chủ, tại sao lúc đó không nảy sinh thêm câu hỏi này với gia chủ: Theo cách nào là một người bị khổ đau trong thân và bị khổ đau trong tâm, và theo cách nào là một người bị khổ đau trong thân nhưng không bị khổ đau trong tâm?”

“Thưa thầy, thì chúng con đi đường xa đến đây là để học hiểu ý nghĩa của điều đó từ Ngài Xá-lợi-phất. Cho nên sẽ tốt lành nếu được thầy Xá-lợi-phất làm rõ ý nghĩa của điều này.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, tôi sẽ nói”.

“Dạ, thưa thầy”, gia chủ Nakulapitā đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất nói điều này:

(I) (i) “Này gia chủ, theo cách nào một người *bị khổ đau trong thân và trong tâm*? Ở đây, này gia chủ, một người phạm chưa được chỉ dạy,⁴ không phải là người nhìn thấy (gặp được) những thánh nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương (huấn luyện, rèn luyện) trong Giáo Pháp của họ; không phải là người nhìn thấy những thượng nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương trong Giáo Pháp của họ; *cứ coi sắc-*

thân (sắc) là ‘ta’, hoặc ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc sắc-thân ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong sắc-thân. Người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là sắc-thân, sắc-thân là ‘của-ta’.⁵ Trong khi người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm đó, sắc-thân người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi (nhìn thấy) sắc-thân thay đổi và biến đổi thì khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não).

(ii) “Người đó *cứ* coi *cảm-giác (thọ)* là cái ‘ta’, hoặc ‘ta’ sở hữu cảm-giác, hoặc cảm-giác là ở trong cái ‘ta’ hoặc cái ‘ta’ ở trong cảm-giác. Người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là cảm-giác, cảm-giác là ‘của ta’.” Trong khi người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm đó, cảm-giác của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi cảm-giác thay đổi và biến đổi thì khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.

(iii) “Người đó *cứ* coi *nhận-thức (tưởng)* là cái ‘ta’, hoặc ‘ta’ sở hữu nhận-thức, hoặc nhận-thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong nhận-thức. Người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là nhận-thức, nhận-thức là ‘của ta’.” Trong khi người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm đó, nhận-thức của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi nhận-thức thay đổi và biến đổi thì khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.

(iv) “Người đó *cứ* coi *những sự tạo-tác (hành)* là cái ‘ta’, hoặc ‘ta’ sở hữu những sự tạo-tác, hoặc những sự tạo-tác là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong những sự tạo-tác. Người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là những sự tạo-tác, những sự tạo-tác là ‘của ta’.” Trong khi người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm đó, những sự tạo-tác của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi những sự tạo-tác thay đổi và biến đổi thì khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.

(v) “Người đó *cứ* coi *thức (thức)* là cái ‘ta’, hoặc ‘ta’ sở hữu thức, hoặc thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Người đó sống bị

ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là thức, thức là ‘của ta’.’ Trong khi người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm đó, thức của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi thức luôn thay đổi và biến đổi thì khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Này gia chủ, chính theo cách như vậy là một người bị khổ đau trong thân và khổ đau trong tâm.”⁶

(II) (i) “Và, này gia chủ, theo cách nào thì một người *bị khổ đau trong thân, nhưng không bị khổ đau trong tâm*? Ở đây, này gia chủ, một người thánh đệ tử đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy (gặp được) những thánh nhân, và thiện khéo và được kỷ cương trong Giáo Pháp của họ; là người nhìn thấy những thượng nhân, và thiện khéo và được kỷ cương trong Giáo Pháp của họ; *không coi sắc-thân (sắc)* là cái ‘ta’, hay ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hay sắc-thân là ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ ở trong sắc-thân.”⁷ Người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là sắc-thân, sắc-thân là ‘của ta’.’ Trong khi người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm đó, sắc-thân của người đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi (nhìn thấy) sắc-thân thay đổi và biến đổi vẫn *không* khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.

(ii) Người đó *không* coi *cảm-giác (thọ)* là cái ‘ta’, hay ‘ta’ sở hữu cảm-giác, hay cảm-giác là ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ ở trong cảm-giác. Người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là cảm-giác, cảm-giác là ‘của ta’.’ Trong khi người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm đó, cảm-giác của người đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi cảm-giác thay đổi và biến đổi vẫn *không* khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.

(iii) Người đó *không* coi *nhận-thức (tưởng)* là cái ‘ta’, hay ‘ta’ sở hữu nhận-thức, hay nhận-thức là ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ ở trong nhận-thức. Người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là nhận-thức, nhận-thức là ‘của ta’.’ Trong khi người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm đó, nhận-thức của người đó luôn thay đổi và

biến đổi. Khi nhận-thức thay đổi và biến đổi vẫn *không* khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.

(iv) Người đó *không* coi những sự tạo-tác (**hành**) là cái ‘ta’, hay ‘ta’ sở hữu những sự tạo-tác, hay những sự tạo-tác là ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ ở trong những sự tạo-tác. Người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là những sự tạo-tác, những sự tạo-tác là ‘của ta.’ Trong khi người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm đó, những sự tạo-tác của người đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi những sự tạo-tác thay đổi và biến đổi vẫn *không* khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.

(v) Người đó *không* coi thức (**thức**) là cái ‘ta’, hay ‘ta’ sở hữu thức, hay thức là ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ ở trong thức. Người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là thức, thức là ‘của ta.’ Trong khi người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm đó, thức của người đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi thức thay đổi và biến đổi vẫn *không* khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Này gia chủ, chính theo cách như vậy là một người bị khổ đau trong thân, nhưng không bị khổ đau trong tâm.”⁸

Đây là điều thầy Xá-lợi-phất đã nói. Gia chủ Nakulapitā đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của thầy Xá-lợi-phất.

(SN 22:01)

2 (2) Ở Devadaha

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa dân xứ Thích-ca (Sakya), trong một thị trấn của họ có tên là Devadaha; (Devadaha là quê mẹ của Đức Phật). Rồi một số Tỳ kheo đang hướng đi miền tây đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, chúng con muốn đến tỉnh lỵ phía tây để chọn nơi trú ngụ ở đó.”⁹

“Các thầy đã xin phép thầy Xá-lợi-phất về việc ra đi này chưa?”

“Dạ chưa, thưa Thế Tôn.”

“Vậy hãy tới xin phép thầy Xá-lợi-phất về việc ra đi, này các Tỳ kheo. Xá-lợi-phất là hiền trí, thầy ấy là người trợ giúp các huynh đệ trong đời sống tâm linh [phạm hạnh, đời sống thánh thiêng; đời sống tu hành].”¹⁰

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Lúc đó thầy Xá-lợi-phất đang ngồi không xa chỗ đức Thế Tôn, trong chỗ bụi cây ba đậu.¹¹ Rồi các Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và kính lễ đức Thế Tôn. Rồi, giữ hướng đức Thế Tôn ở bên phải mình, (và đi ra); rồi họ qua gặp thầy Xá-lợi-phất. Họ chào hỏi với thầy Xá-lợi-phất, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên và nói với thầy ấy:

“Thưa đạo hữu Xá-lợi-phất, chúng tôi muốn đi về tỉnh lỵ phía tây để chọn nơi trú ngụ ở đó. Chúng tôi mới xin phép Vị Thầy (tức Phật) rồi.”

“Này các đạo hữu, ở đó có những người giai cấp chiến-sĩ trí khôn, những bà-la-môn trí khôn, những gia chủ trí khôn, và những tu sĩ (sa-môn) trí khôn, họ thường vẫn hỏi một Tỳ kheo vừa xuất ngoại qua đó—¹² bởi vì, này các đạo hữu, những người trí khôn thường tra hỏi: ‘Thầy của các vị nói gì, thầy của các vị chỉ dạy những gì?’— Tôi hy vọng các thầy đã học-hiểu thấu đáo những giáo lý, đã nắm-bắt chúng thấu đáo, đã chú-tâm chúng thấu đáo, đã quán-chiếu (suy xét) chúng thấu đáo, và đã thâm-nhập chúng thấu đáo bằng trí-tuệ, nhờ đó khi trả lời các thầy sẽ nói ra điều đã được nói bởi đức Thế Tôn và không diễn dịch sai lời của đức Thế Tôn bằng điều gì trái với thực tế; nhờ đó các thầy sẽ giảng giải đúng theo Giáo Pháp và không tạo cơ sở có lý nào để bị (người nghe) phê bình.”¹³

“Này đạo hữu, chúng tôi đã đi đường xa tới đây là để học hiểu ý nghĩa của điều này từ Ngài Xá-lợi-phất. Sẽ thực sự tốt lành nếu thầy Xá-lợi-phất làm rõ ý nghĩa của điều này.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, tôi sẽ nói.”

“Đạ, đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất nói điều này:

(i) “Này các đạo hữu, ở đó có những người giai cấp chiến-sĩ trí khôn, những bà-la-môn trí khôn, những gia chủ trí khôn, và những tu sĩ trí khôn, họ thường vấn hỏi một Tỳ kheo vừa xuất ngoại qua đó—bởi vì, này các đạo hữu, những người trí khôn thường tra hỏi: ‘Thầy của các vị nói gì, thầy của các vị *chỉ dạy những gì?*’ Khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời rằng: ‘Này các bạn, Vị Thầy của chúng tôi chỉ dạy *sự trừ bỏ dục và tham.*’

(ii) “Này các đạo hữu, sau khi các thầy trả lời như vậy, có thể họ [= những người giai cấp chiến-sĩ trí khôn, những bà-la-môn trí khôn, những gia chủ trí khôn, và những tu sĩ trí khôn] còn hỏi thêm nữa—bởi vì, này các đạo hữu, những người trí khôn thường tra hỏi: ‘Thầy của các vị chỉ dạy sự trừ bỏ dục và tham *đối với cái gì?*’ Khi được hỏi như vậy, này các đạo hữu, các thầy nên trả lời rằng: ‘Này các bạn, Vị Thầy của chúng tôi chỉ dạy sự trừ bỏ dục và tham *đối với sắc-thân (sắc) ... cảm-giác (thọ) ... nhận-thức (tưởng) ... những sự tạo-tác (hành) ... thức (thức).*’ (năm uẩn)

(iii) “Này các đạo hữu, sau khi các thầy trả lời như vậy, có thể họ còn hỏi thêm nữa—bởi vì, này các đạo hữu, những người trí khôn thường tra hỏi: ‘Sau khi đã *nhìn thấy sự nguy-hại gì* mà thầy của các vị chỉ dạy sự trừ bỏ dục và tham *đối với sắc-thân ... cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức?*’ Khi được hỏi như vậy, này các đạo hữu, các thầy nên trả lời rằng: ‘Này các bạn, nếu người không tránh bỏ nhục dục, tham muốn, cảm tình (luyến ái), sự thèm khát, sự đam mê, và dục vọng (ái) *đối với sắc-thân*,¹⁴ thì khi *sắc-thân* thay đổi và biến đổi sẽ khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não). Nếu người không tránh bỏ nhục dục, tham muốn, cảm tình, sự thèm khát, sự đam mê, và dục vọng (ái) *đối với cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức*, thì khi *thức* thay đổi và biến đổi sẽ khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Sau khi nhìn thấy sự nguy-hại này, Vị Thầy của chúng tôi chỉ dạy sự trừ

bỏ dục và tham đối với *sắc-thân*, sự trừ bỏ dục và tham đối với *cảm-giác* ... *nhận-thức* ... *những sự tạo-tác* ... *thức*.’

(iv) “Này các đạo hữu, sau khi các thầy trả lời như vậy, có thể họ còn hỏi thêm nữa—bởi vì, này các đạo hữu, những người trí khôn thường tra hỏi: ‘Sau khi *nhìn thấy lợi-ích* gì mà thầy của các vị chỉ dạy sự trừ bỏ dục và tham đối với *sắc-thân*, sự trừ bỏ dục và tham đối với *cảm-giác* ... *nhận-thức* ... *những sự tạo-tác* ... *thức*?’ Khi được hỏi như vậy, này các đạo hữu, các thầy nên trả lời rằng: ‘Này các bạn, người không-có nhục dục, tham muốn, cảm tình, sự thèm khát, sự đam mê, và dục-vọng đối với *sắc-thân*, thì khi *sắc-thân* thay đổi và biến đổi sẽ không khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Người không-có nhục dục, tham muốn, cảm tình, sự thèm khát, sự đam mê, và dục-vọng đối với *cảm-giác* ... *nhận-thức* ... *những sự tạo-tác* ... *thức*, thì khi thức thay đổi và biến đổi sẽ không khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Sau khi nhìn thấy *lợi-ích* này, Vị Thầy của chúng tôi chỉ dạy sự trừ bỏ dục và tham đối với *sắc-thân*, sự trừ bỏ dục và tham đối với *cảm-giác* ... *nhận-thức* ... *những sự tạo-tác* ... *thức*.’

(v) “Này các đạo hữu,¹⁵ (i) nếu người ta chứng nhập và thường trú giữa những trạng thái (tâm) *bất thiện* mà có thể sống một cách hạnh phúc ngay trong kiếp này, không bị ưu phiền, tuyệt vọng và sốt não, và (ii) nếu, khi thân này tan rã, sau khi chết, người đó có thể trông đợi (được tái sinh trong) nơi-đến tốt lành—thì đức Thế Tôn đã không đề cao sự trừ bỏ những trạng thái bất thiện như vậy để làm gì. Nhưng bởi vì, (i) khi một người chứng nhập và thường trú giữa những trạng thái bất thiện thì sống trong khổ đau ngay trong kiếp này, với sự ưu phiền, tuyệt vọng và sốt não, và (ii) bởi vì người đó có thể trông đợi (bị tái sinh trong) nơi-đến đầy đọa (thấp xấu, đọa giới) khi thân tan rã, sau khi chết—cho nên đức Thế Tôn mới đề cao sự trừ bỏ những trạng thái bất thiện như vậy.

(vi) “Này các bạn, (i) nếu người ta chứng nhập và an trú giữa những trạng thái (tâm) *thiện lành* mà bị sống trong khổ-đau ngay trong kiếp này,

với sự ưu phiền, tuyệt vọng và sốt não, và (ii) nếu, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó có thể trông đợi (bị tái sinh trong) nơi-đến đầy đọa—thì đức Thế Tôn đã không đề cao sự tích lũy những trạng thái thiện lành đó để làm gì. Nhưng bởi vì, (i) khi một người chứng nhập và an trú trong những trạng thái thiện lành thì được sống một cách hạnh-phúc ngay trong kiếp này, không bị sự ưu phiền, tuyệt vọng và sốt não, và (ii) bởi vì người đó có thể trông đợi (được tái sinh) trong nơi-đến tốt lành khi thân tan rã, sau khi chết—cho nên đức Thế Tôn mới đề cao sự thu- nạp những trạng thái thiện lành đó.”

Đây là lời thầy Xá-lợi-phất đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời của thầy Xá-lợi-phất.

(SN 22:02)

3 (3) Gia Chủ Hāliddakāni (1)

Tôi nghe như vậy. Một lần Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāna) đang sống giữa xứ dân Avantī, trên Núi Papāta, vùng Kuraraghara.¹⁶ Rồi gia chủ tên Hāliddakāni đã đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên, kính lễ thầy, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa thầy, đức Thế Tôn đã nói điều này trong phần “*Những Câu Hỏi của Māgandiya*” thuộc Chương Tám (*Aṭṭhakavagga*):¹⁷

‘Sau khi bỏ nhà đi, lang thang không gia cư,
 Trong làng mạc người tu sĩ không thân tình với ai,
 Bỏ hết những khoái-lạc giác quan, không cầu vọng,
 Cũng không tranh cãi gì với ai.’

Thưa thầy, điều này đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn; ý nghĩa của nó nên được hiểu một cách chi tiết theo cách nào?”

(1) “Này gia chủ, yếu tố *sắc-thân* (sắc giới) là nhà của thức; người có thức bị gông cùm bởi ‘tham-dục đối với yếu tố sắc-thân’ (sắc giới tham) thì được gọi là *người đi lang thang trong-nhà*.¹⁸ Yếu-tố *cảm-giác* (thọ

giới) là nhà của thức ... Yếu tố *nhận-thức* (tưởng giới) là nhà của thức ... Yếu tố *những sự tạo-tác* (hành giới) là nhà của thức; người có thức bị gông cùm bởi ‘tham-dục đối với yếu tố những sự tạo-tác’ (hành giới tham) thì được gọi là *người đi lang thang trong-nhà*. Chính theo cách như vậy là một người đi lang thang trong nhà.¹⁹

(2) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *một người đi lang thang không-nhà*? Tham-muốn, nhục-dục, khoái-lạc, và dục-vọng, sự dính-líu và chấp-thủ, những quan-điểm này nọ, những cố-chấp, và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) đối với yếu-tố *sắc-thân*: những thứ này đã bị Như Lai trừ bỏ, cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.²⁰ Do vậy, Như Lai được gọi là *người đi lang thang không-nhà*.”

“Tham-muốn, nhục-dục, khoái-lạc, và dục-vọng, sự dính-líu và chấp-thủ, những quan-điểm này nọ, những cố-chấp, và những khuynh-hướng tiềm ẩn đối với yếu-tố *cảm-giác* ... yếu-tố *nhận-thức* ... yếu-tố *những sự tạo-tác* ... yếu-tố *thức*;²¹ những thứ này đã bị Như Lai trừ bỏ, cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là *người đi lang thang không-nhà*. Chính theo cách như vậy là một người đi lang thang không-nhà.”

(3) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người đi lang thang trong một trú-xứ*? Do sự phát rộng (của những ô-nhiễm) và sự trói buộc (của chúng) trong một trú xứ [có chứa] dấu-hiệu những hình-sắc (sắc tướng), nên người đó được gọi là *người đi lang thang trong một trú-xứ*.²²

“Do sự phát rộng (của những ô-nhiễm) và sự trói buộc (của chúng) trong một trú xứ [có chứa] dấu hiệu những âm-thanh (thanh tướng) ... dấu hiệu những mùi-hương (hương tướng) ... dấu hiệu những mùi-vị (vị tướng) ... dấu hiệu những đối-tượng chạm xúc (xúc tướng) ... dấu hiệu những hiện-tượng thuộc tâm (pháp tướng), nên người đó được gọi là *người đi lang thang trong một trú-xứ*. Chính theo cách như vậy là một người đi lang thang trong một trú-xứ.”

(4) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người đi lang thang không trú-xứ*? Sự phát rộng (của những ô-nhiễm) và sự trói buộc (của chúng) trong một trú xứ [có chứa] dấu-hiệu những hình-sắc: những thứ này đã bị Như Lai trừ bỏ, cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là *người đi lang thang không trú-xứ*.”

“Sự phát rộng và sự trói buộc trong trú xứ [có chứa] dấu hiệu những âm-thanh ... những mùi-hương ... những mùi vị ... những đối-tượng chạm xúc ... những hiện-tượng thuộc tâm: những thứ này đã bị Như Lai trừ bỏ, cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là *người đi lang thang không trú-xứ*. Chính theo cách như vậy là một người đi lang thang không trú-xứ.”²³

(5) “Và, này gia chủ, theo cách nào là người có *thân tình* (với người khác) *ở trong làng*? Ở đây, này gia chủ, có người tu sống có liên hệ với những người tại gia: người đó vui chung với họ và sầu chung với họ, người đó vui khi họ vui và buồn khi họ buồn, và người đó dính líu vào những chuyện riêng và phận sự của họ.”²⁴ Chính theo cách như vậy là một người có thân tình trong làng.

(6) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người không thân tình* (với ai) *trong làng*? Ở đây, này gia chủ, một Tỷ kheo sống không có liên hệ (thân tình) với những người tại gia. Người đó không vui chung với họ hay sầu chung với họ, người đó không vui khi họ vui hay buồn khi họ buồn, và người đó không dính líu bản thân vào những chuyện riêng và phận sự của họ. Chính theo cách như vậy là một người không thân tình trong làng.

(7) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người chưa hết những khoái-lạc giác quan* (dục lạc)? Ở đây, này gia chủ, có người tu không tránh bỏ nhục dục, tham muốn, cảm tình (luyến ái), sự thèm khát, sự đam mê, và dục-vọng (ái) đối với những khoái-lạc giác quan. Theo cách như vậy là một người chưa hết khoái-lạc giác quan.

(8) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người đã trừ bỏ những khoái-lạc giác quan*? Ở đây, này gia chủ, có người tu đã không còn nhục dục, tham muốn, cảm tình, sự thèm khát, sự đam mê, và dục-vọng (ái) đối với những khoái-lạc giác quan. Theo cách như vậy là người đã trừ bỏ hết khoái-lạc giác quan.

(9) “Và, này gia chủ, làm thế nào là *người nuôi dưỡng những cầu vọng*?²⁵ Ở đây, có người cứ nghĩ: ‘Cầu cho ta có được *sắc-thân* như vậy như vậy trong tương lai! Cầu cho ta có được *cảm-giác* như vậy như vậy trong tương lai! Cầu cho ta có được *nhận-thức* như vậy như vậy trong tương lai! Cầu cho ta có được *những sự tạo-tác* như vậy như vậy trong tương lai! Cầu cho ta có được *thức* như vậy như vậy trong tương lai!’ Chính theo cách như vậy là một người nuôi dưỡng những cầu vọng.

(10) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người không có những cầu vọng*? Ở đây, này gia chủ, người không nghĩ: ‘Cầu cho ta có được *sắc-thân* như vậy như vậy trong tương lai! ... Cầu cho ta có *thức* như vậy như vậy trong tương lai!’ Chính theo cách như vậy là một người không có cầu vọng.

(11) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người dính vào tranh cãi với người ta*? Ở đây, này gia chủ, có người dính vào kiểu nói chuyện như vậy: ‘Bạn không hiểu được Giáo Pháp và Giới Luật này. Tôi thì hiểu rõ Giáo Pháp và Giới Luật này. Cái gì, bạn mà hiểu được Giáo Pháp và Giới Luật này sao! Bạn đang tu tập sai lạc, tôi đang tu tập đúng đắn. Điều nên được nói trước thì bạn lại nói sau; điều nên được nói sau thì bạn lại nói trước. Tôi nhất quán trước sau, bạn không nhất quán. Điều bạn phải nghĩ rất lâu mới ra cũng bị lộn ngược (tức sai). Luận thuyết của bạn đã bị bác bỏ. Bạn thua rồi, đi mà cứu lấy luận thuyết của bạn, hoặc tự đi mà gỡ rối cho mình nếu mình có thể.’²⁶ Chính theo cách như vậy là một người dính vào sự tranh cãi với người khác.

(12) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người không dính vào tranh cãi với người ta*? Ở đây, này gia chủ, có người không dính vào kiểu nói chuyện như vậy: ‘Bạn không hiểu được Giáo Pháp ... *[y hệt như đoạn kể*

trên] ... hoặc tự đi mà gỡ rối cho mình nếu mình có thể.’ Chính theo cách như vậy là người không dính vào sự tranh cãi với người khác.

“Như vậy đó, này gia chủ, khi đức Thế Tôn nói điều này trong phần ‘*Những Câu Hỏi của Māgandiya*’ thuộc Chương Tám (*Aṭṭhakavagga*):

‘Sau khi bỏ nhà đi, lang thang không gia cư,
Trong làng mạc người tu sĩ không thân tình với ai,
Bỏ hết những khoái-lạc giác quan, không cầu vọng,
Cũng không tranh cãi gì với ai.’

, thì ý nghĩa của điều này, đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn, nên được hiểu một cách chi tiết theo cách như vậy”

(SN 22:03)

4 (4) *Gia Chủ Hāliddakāni* (2)

Tôi nghe như vậy. Một lần Ngài Đại Ca-chiên-diên (*Mahākaccāna*) đang sống giữa xứ dân *Avantī*, trên Núi *Papāta*, vùng *Kuraraghara*. Rồi gia chủ *Hāliddakāni* đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên, kính lễ thầy, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa thầy, điều này được nói bởi đức Thế Tôn trong phần ‘*Những Câu Hỏi của Đê-thích (Sakka)*’:²⁷ ‘Những tu sĩ và bà-la-môn nào được giải-thoát trong sự tắt ngấm đục-vọng là những người đã đạt tới đích-đến tốt cùng, sự an-toàn tốt cùng khỏi sự trói-buộc, đời-sống tâm linh tốt cùng, mục-tiêu tốt cùng, và họ là bậc nhất trong những thiên thần và loài người.’ Thưa thầy, ý nghĩa của điều này, đã được nói một cách ngắn gọn bởi đức Thế Tôn, nên được hiểu một cách chi tiết theo cách nào?”

“Này gia chủ, thông qua sự hủy diệt, sự phai biến, sự chấm dứt, sự buông bỏ, và sự từ bỏ tham-muốn, nhục-dục, khoái-lạc, đục-vọng, sự dính-líu và chấp-thủ, những quan-điểm này nọ, những sự cố-chấp, và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) đối với yếu-tố *sắc-thân* (sắc) thì tâm được cho là đã được giải-thoát một cách hay khéo.

“Thông qua sự hủy diệt, sự phai biến, sự chấm dứt, sự buông bỏ, và sự từ bỏ tham-muốn, nhục-dục, khoái-lạc, dục-vọng, sự dính-líu và chấp-thủ, những quan-điểm này nọ, những sự cố-chấp, và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tuy miên) đối với yếu-tố *cảm-giác* (thọ) ... yếu-tố *nhận-thức* (tưởng) ... yếu-tố *những sự tạo-tác* (hành) ... yếu-tố *thức* (thức) thì tâm được cho là đã được giải-thoát một cách hay khéo.

“Nhu vậy đó, này gia chủ, khi điều này được nói bởi đức Thế Tôn trong phần ‘*Những Câu Hỏi của Đấng-thích*’: ‘Những tu sĩ và bà-la-môn nào được giải-thoát trong sự tắt ngấm dục-vọng là những người đã đạt tới đích-đến tốt cùng, sự an-toàn tốt cùng khỏi sự trói-buộc, đời-sống tâm linh tốt cùng, mục-tiêu tốt cùng, và họ là bậc nhất trong những thiên thần và loài người’,²⁸ thì ý nghĩa của điều này, đã được nói một cách ngắn gọn bởi đức Thế Tôn, nên được hiểu một cách chi tiết như vậy”

(SN 22:04)

5 (5) *Sự Định Tâm*

Tôi nghe như vậy. Ở Sāvattthī ... Ở đó, đức Thế Tôn đã nói điều này: “Này các Tỳ kheo, hãy tu tập sự định-tâm. Một Tỳ kheo đạt-định sẽ hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.

“Và người đó hiểu cái gì đúng như nó thực là? Nguồn gốc và sự phai biến của sắc-thân (sắc); nguồn gốc và sự phai biến của cảm-giác (thọ); nguồn gốc và sự phai biến của nhận-thức (tưởng); nguồn gốc và sự phai biến của những sự tạo-tác (hành); nguồn gốc và sự phai biến của thức (thức).

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nguồn gốc của sắc-thân? Cái gì là nguồn gốc của cảm-giác? Cái gì là nguồn gốc của nhận-thức? Cái gì là nguồn gốc của những sự tạo-tác? Cái gì là nguồn gốc của thức?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, người tìm kiếm khoái-lạc, người đón tiếp, người ôm giữ. Và người tìm kiếm khoái-lạc trong cái gì, người đón tiếp

cái gì, người ôm giữ cái gì? (Đó là) người tìm kiếm khoái-lạc *trong sắc-thân*, đón tiếp nó, và ôm giữ nó. Rồi hậu quả là, khoái-lạc khởi sinh. Khoái-lạc trong sắc-thân là sự chấp-thủ. Do có sự chấp-thủ (thủ) là điều-kiện (duyên) nên có [sinh ra] sự hiện-hữu (hữu); do có sự hiện-hữu là điều-kiện nên có sự sinh-ra (sinh); do có sự sinh-ra là điều-kiện nên có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.²⁹

“Người tìm kiếm khoái-lạc *trong cảm-giác ... trong nhận-thức ... trong những sự tạo-tác ... trong thức*, đón tiếp nó, và ôm giữ nó. Rồi hậu quả là, khoái-lạc khởi sinh ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

“Này các Tỳ kheo, đây là nguồn gốc của *sắc-thân*; đây là nguồn gốc của *cảm-giác*; đây là nguồn gốc của *nhận-thức*; đây là nguồn gốc của *những sự tạo-tác*; đây là nguồn gốc của *thức*.³⁰

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự phai biến của *sắc-thân*? Cái gì là sự phai biến của *cảm-giác*? Cái gì là sự phai biến của *nhận-thức*? Cái gì là sự phai biến của *những sự tạo-tác*? Cái gì là sự phai biến của *thức*?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, người *không* tìm kiếm khoái-lạc, người không đón tiếp, người không ôm giữ. Và người *không* tìm kiếm khoái-lạc trong cái gì, người không đón tiếp cái gì, người không ôm giữ cái gì? (Đó là) người *không* tìm kiếm khoái-lạc *trong sắc-thân*, không đón tiếp nó, và không ôm giữ nó. Rồi hậu quả là, khoái-lạc không khởi sinh. Khoái-lạc trong sắc-thân chấm dứt. Do có sự chấm dứt khoái-lạc nên chấm dứt sự chấp-thủ; khi chấm dứt sự chấp-thủ (thủ diệt) thì chấm dứt sự hiện-hữu (hữu diệt); khi chấp-thủ sự hiện-hữu thì sự-sinh (sinh diệt); khi chấm dứt sự sinh-ra thì chấm dứt (đâu còn) sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.

“Người *không* tìm kiếm khoái-lạc *trong cảm-giác ... trong nhận-thức ... trong những sự tạo-tác ... trong thức*, không đón tiếp nó, và không ôm

giữ nó. Rồi hậu quả là, khoái-lạc chám dứt ... Đó là *chám-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.

“Này các Tỳ kheo, đây là sự phai biến của *sắc-thân*; đây là sự phai biến của *cảm-giác*; đây là sự phai biến của *nhận-thức*; đây là sự phai biến của *những sự tạo-tác*; đây là sự phai biến của *thức*.”

(SN 22:05)

6 (6) Sự Tách Ly

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, hãy tạo sự cố-gắng (tu tập) trong sự tách-ly (ẩn dật, thiền trú).³¹ Một Tỳ kheo là (người) tách-ly sẽ hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.

“Và người đó hiểu cái gì đúng như nó thực là? Nguồn gốc và sự phai biến của *sắc-thân* (sắc); nguồn gốc và sự phai biến của *cảm-giác* (thọ); nguồn gốc và sự phai biến của *nhận-thức* (tưởng); nguồn gốc và sự phai biến của *những sự tạo-tác* (hành); nguồn gốc và sự phai biến của *thức* (thức).

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nguồn gốc của *sắc-thân*? ...”

[*Tiếp tục giống phần còn lại giống trong kinh kể trên*]

(SN 22:06)

7 (7) Sự Âu Lo Vì Chấp Thủ (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về sự âu-lo [và khích-động] do có chấp-thủ (thủ), và sự không âu-lo [và không khích-động] nhờ không chấp-thủ (vô thủ).³² Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là *có sự âu-lo do có chấp-thủ*? Ở đây, này các Tỳ kheo, một người phàm chưa được chỉ dạy, không phải là người nhìn thấy (gặp được) những thánh nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương (rèn luyện, huấn luyện) trong Giáo Pháp của họ; không phải là người nhìn thấy những thượng nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương trong Giáo Pháp của họ; *cứ coi sắc-thân* (sắc) là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu *sắc-thân*, hoặc nghĩ *sắc-thân* ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong *sắc-thân*. Mà *sắc-thân* của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi *sắc-thân* thay đổi và biến đổi, thức của người đó bị bận tâm [bị chiếm ngự] bởi sự thay đổi của sắc-thân. Sự âu-lo và một mớ những trạng thái tâm cùng khởi sinh từ ‘sự bận tâm với sự thay đổi của sắc-thân’ cứ ám muội tâm người đó.³³ Bởi vì tâm người đó bị ám muội cho nên người đó sợ hãi, buồn phiền, và lo lắng, và do có sự chấp-thủ đó cho nên người đó bị âu-lo và khích-động.

“Người đó *cứ coi cảm-giác* (thọ) là cái ‘ta’ ... *nhận-thức* (tưởng) là cái ‘ta’ ... những *sự tạo-tác* (hành) là cái ‘ta’ ... *thức* (thức) là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu *thức*, hoặc nghĩ thức ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Mà *thức* của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi thức thay đổi và biến đổi, thì thức của người đó bị bận tâm với sự thay đổi của thức. Sự âu-lo và một mớ những trạng thái tâm cùng khởi sinh từ ‘sự bận tâm với sự thay đổi và biến đổi của thức’ cứ ám muội tâm của người đó. Do tâm người đó bị ám muội cho nên người đó sợ hãi, buồn phiền, và lo lắng, và do có sự chấp-thủ đó cho nên người đó bị âu-lo và khích-động.

“Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là có sự âu-lo [và khích-động] do có chấp-thủ.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là *không có sự âu-lo nhờ không chấp-thủ*? Ở đây, một người thánh đệ tử đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy (gặp được) những thánh nhân, và thiện khéo và được kỷ cương trong Giáo Pháp của họ; là người nhìn thấy những thượng nhân, và thiện khéo và được kỷ cương trong Giáo Pháp của họ; *không coi sắc-thân* là cái ‘ta’, hay nghĩ ‘ta’ sở hữu *sắc-thân*, hay nghĩ *sắc-thân* ở trong cái ‘ta’, hay

cái ‘ta’ ở trong *sắc-thân*. *Sắc-thân* của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi *sắc-thân* thay đổi và biến đổi, thức của người đó *không* bị bận tâm bởi sự thay đổi và biến đổi của *sắc-thân*. *Không* có sự âu-lo và *không* có một mớ trạng thái tâm cùng khởi sinh từ ‘sự bận tâm với sự thay đổi và biến đổi của *sắc-thân*’ ám muội tâm người đó. Bởi vì tâm người đó *không* bị ám muội cho nên người đó *không* sợ hãi, buồn phiền, hay lo lắng, và nhờ *không* có sự chấp-thủ cho nên người đó *không* bị âu-lo và khích-động.

“Người đó *không* coi *cảm-giác* là cái ‘ta’ ... *nhận-thức* là cái ‘ta’ ... những *sự tạo-tác* là cái ‘ta’ ... *thức* là cái ‘ta’, hay nghĩ ‘ta’ sở hữu *thức*, hay nghĩ *thức* ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ ở trong *thức*. *Thức* của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi *thức* thay đổi và biến đổi, thì *thức* của người đó *không* bị bận tâm với sự thay đổi và biến đổi của *thức*. *Không* có sự âu-lo và *không* có một mớ những trạng thái tâm cùng khởi sinh từ ‘sự bận tâm với sự thay đổi và biến đổi của *thức*’ ám muội tâm người đó. Do tâm người đó *không* bị ám muội cho nên người đó *không* sợ hãi, buồn phiền, hay lo lắng, và nhờ *không* có sự chấp-thủ cho nên người đó *không* bị âu-lo và khích-động.

“Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là *không* có sự âu-lo [và khích-động] nhờ sự *không* còn chấp-thủ.

(SN 22:07)

8 (8) *Sự Âu Lo Vì Chấp Thủ (2)*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về sự âu-lo [và khích-động] do có chấp-thủ (thủ), và sự *không* âu-lo [và *không* khích-động] nhờ sự *không* chấp-thủ (vô thủ). Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng ...

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có sự âu-lo [và khích-động] do có chấp-thủ? Ở đây, này các Tỳ kheo, một người phạm chưa được chỉ dạy *cứ* coi *sắc-thân* (sắc) như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái

‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’].³⁴ Mà *sắc-thân* của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi *sắc-thân* thay đổi và biến đổi, thì khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Người đó *cứ* coi *cảm-giác* (thọ) như vậy: ... *nhận-thức* (tưởng) như vậy: ... *những sự tạo-tác* (hành) như vậy: ... *thức* (thức) như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’]. Mà *thức* của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi *thức* thay đổi và biến đổi, thì khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy nên có sự âu-lo [và khích-động] do có chấp-thủ.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là *không* có sự âu-lo [và không khích-động] nhờ không chấp-thủ? Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử đã được chỉ dạy *không* coi *sắc-thân* như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’]. *Sắc-thân* của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi *sắc-thân* thay đổi và biến đổi (những) *không* khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Người đó *không* coi *cảm-giác* như vậy: ... *nhận-thức* như vậy: ... *những sự tạo-tác* như vậy: ... *thức* như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’]. Mà *thức* của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi *thức* thay đổi và biến đổi (nhưng) *không* khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy nên không có sự âu-lo [và khích-động] nhờ sự không chấp-thủ.”

(SN 22:08)

9 (9) Vô-Thường Trong Ba Thời

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, *sắc-thân* (sắc) là vô thường, cả trong quá khứ và

tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người thánh đệ tử đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan (vô tư, buông xả) đối với *sắc-thân* của quá khứ; người đó cũng không tìm khoái-lạc trong *sắc-thân* của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ (ghê ghớm) đối với *sắc-thân* của hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.

“*Cảm-giác* (thọ) là vô thường ... *Nhận-thức* (tưởng) là vô thường ... *Những sự tạo-tác* (hành) là vô thường ... *Thức* (thức) là vô thường ... cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người thánh đệ tử đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan đối với *thức* của quá khứ; người đó cũng không tìm khoái-lạc trong *thức* của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với *thức* của hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.”

(SN 22:09)

10 (10) *Khổ Trong Ba Thời*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, *sắc-thân* (sắc) là khổ, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người thánh đệ tử đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan (vô tư, buông xả) đối với *sắc-thân* của quá khứ; người đó cũng không tìm khoái-lạc trong *sắc-thân* của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ (ghê ghớm) đối với *sắc-thân* của hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.

“*Cảm-giác* (thọ) là khổ ... *Nhận-thức* (tưởng) là khổ ... *Những sự tạo-tác* (hành) là khổ ... *Thức* (thức) là khổ ... cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người thánh đệ tử đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan đối với *thức* của quá khứ; người đó cũng không tìm khoái-lạc trong *thức* của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với *thức* của hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.”

(SN 22:10)

11 (11) Vô-Ngã Trong Ba Thời

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, *sắc-thân* (sắc) là vô ngã, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người thánh đệ tử đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan (vô tư, buông xả) đối với *sắc-thân* của quá khứ; người đó cũng không tìm khoái-lạc trong *sắc-thân* của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ (ghê ghớm) đối với *sắc-thân* của hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.

“*Cảm-giác* (thọ) là vô ngã ... *Nhận-thức* (tưởng) là vô ngã ... *Những sự tạo-tác* (hành) là vô ngã ... *Thức* (thức) là vô ngã ... cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người thánh đệ tử đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan đối với *thức* của quá khứ; người đó cũng không tìm khoái-lạc trong *thức* của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với *thức* của hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.”

(SN 22:11)

NHÓM 2

NHÓM ‘VÔ THƯỜNG’

(*Anicca-vagga*)

12 (1) Vô-Thường

Tôi nghe như vậy. Ở Sāvattthī ... Ở đó, đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, sắc-thân (sắc) là vô thường, cảm-giác (thọ) là vô thường, nhận-thức (trưởng) là vô thường, những sự tạo-tác (hành) là vô thường, thức (thức) là vô thường. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ (ghê ghớm) đối với sắc-thân, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự-biết: ‘Nó được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:12)

13 (2) Khổ

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sắc-thân là khổ, cảm-giác là khổ, nhận-thức là khổ, những sự tạo-tác là khổ, thức là khổ. Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:13)

14 (3) Vô-Ngã

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sắc-thân là vô ngã, cảm-giác là vô ngã, nhận-thức là vô ngã, những sự tạo-tác là vô ngã, thức là vô ngã. Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:14)

15 (4) Thứ Gì Vô Thường

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sắc-thân là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã thì nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Cảm-giác là vô thường ... Nhận-thức là vô thường ... Những sự tạo-tác ... Thức là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã thì nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:15)

16 (5) Thứ Gì Khổ

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sắc-thân là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã thì nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng,

như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’] ta.

“Cảm-giác là khổ ... Nhận-thức là khổ ... Những sự tạo-tác là khổ ... Thức là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã thì nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’] ta.

Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:16)

17 (6) Thứ Gì Vô Ngã

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sắc-thân là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Cảm-giác là vô ngã ... Nhận-thức vô ngã ... Những sự tạo-tác vô ngã ... Thức vô ngã ... Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:17)

18 (7) Vô Thường Là Có Nguyên Nhân

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sắc-thân là vô thường. Nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duyên) làm khởi sinh sắc-thân cũng là vô thường. Khi sắc-thân bắt nguồn từ thứ vô thường, thì làm sao nó không là vô thường?”

“Cảm-giác là vô thường ... Nhận-thức là vô thường ... Những sự tạo-tác là vô thường ... Thức là vô thường. Nguyên-nhân và điều-kiện làm khởi sinh thức cũng là vô thường. Khi thức bắt nguồn từ thứ vô thường, thì làm sao nó không là vô thường?”

Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:18)

19 (8) Khổ Là Có Nguyên Nhân

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sắc-thân là khổ. Nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duyên) làm khởi sinh sắc-thân cũng là khổ. Khi sắc-thân bắt nguồn từ thứ khổ, thì làm sao nó là sướng (hạnh phúc, lạc)?

“Cảm-giác là khổ ... Nhận-thức là khổ ... Những sự tạo-tác là khổ ... Thức là khổ. Nguyên-nhân và điều-kiện làm khởi sinh thức cũng là khổ. Khi thức bắt nguồn từ thứ khổ, thì làm sao nó là sướng?”

Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:19)

20 (9) Vô Ngã Là Có Nguyên Nhân

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sắc-thân là vô ngã. Nguyên-nhân và điều-kiện (nhân-duyên) làm khởi sinh sắc-thân cũng là vô ngã. Khi sắc-thân bắt nguồn từ thứ vô ngã, thì làm sao nó là bản ngã?”

“Cảm-giác là vô ngã ... Nhận-thức là vô ngã ... Những sự tạo-tác là vô ngã ... Thức là vô ngã. Nguyên-nhân và điều-kiện làm khởi sinh thức cũng là vô ngã. Khi thức bắt nguồn từ thứ vô ngã, thì làm sao nó là bản ngã?”

Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:20)

21 (10) *Ānanda*

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘sự chấm-dứt, sự chấm-dứt’. Do chấm dứt những thứ gì mà nói tới sự chấm-dứt?”

“Này Ānanda, sắc-thân là vô thường, là có điều-kiện (hữu vi), khởi-sinh tùy thuộc (duyên khởi), sẽ bị hoại diệt, bị biến mất, bị phai biến, bị chấm dứt. Do có sự chấm-dứt của nó, cho nên nói sự chấm-dứt.

“Cảm-giác là vô thường ... Nhận-thức là vô thường ... Những sự tạo-tác là vô thường ... Thức là vô thường, là khởi-sinh tùy thuộc, là sẽ bị hoại diệt, bị biến mất, bị phai biến, bị chấm dứt. Do có sự chấm-dứt của nó, cho nên nói sự chấm-dứt.

“Này Ānanda, chính do có sự chấm-dứt của những thứ đó, nên nói tới sự chấm-dứt.”

(SN 22:21)

NHÓM 3

NHÓM ‘GÁNH NẶNG’

(*Bhāra-vagga*)

22 (1) *Gánh Nặng*

Ở Sāvattthī ... Ở đó, đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về gánh nặng, người mang gánh nặng,³⁵ sự mang gánh nặng, và sự đặt xuống gánh nặng. Hãy lắng nghe điều đó ...

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là gánh nặng? Nên nói nó là: năm uẩn (đồng, tập hợp, tổ hợp) dính chấp-thủ (năm thủ uẩn). Năm đó là gì? Uẩn sắc-thân dính chấp-thủ (*sắc thủ uẩn*), uẩn cảm-giác dính chấp-thủ (*thọ thủ uẩn*), uẩn nhận-thức dính chấp-thủ (*tưởng thủ uẩn*), uẩn những sự tạo-tác dính chấp-thủ (*hành thủ uẩn*), uẩn thức dính chấp-thủ (*thức thủ uẩn*). Đây được gọi là gánh nặng.³⁶

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người mang gánh nặng? Nên nói đó là: một cá nhân, là người [vì] có họ có tên là vậy là vậy. Đây được gọi là người mang gánh nặng.³⁷

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự mang gánh nặng? Chính dục-vọng này (ái) dẫn tới sự tái hiện-hữu (hữu), đi kèm với sự khoái-lạc và tham-dục, tìm kiếm khoái-lạc chỗ này chỗ nọ; đó là: dục-vọng khoái-lạc giác quan (dục ái), dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái), và dục-vọng muốn/vì không hiện-hữu (phi-hữu ái). Đây được gọi là sự mang gánh nặng.³⁸

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự đặt xuống gánh nặng? Đó là sự phai-biến sạch sẽ và sự chấm-dứt của dục-vọng đó (ái tận, ái diệt), là sự buông bỏ và sự từ bỏ nó, sự tự do khỏi nó, sự không còn lệ thuộc nó. Đây được gọi là sự đặt xuống gánh nặng.”³⁹

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy, nói thêm như vậy:

“Năm-uần đích thực là gánh nặng,
Người mang năm-uần là ‘cá nhân’.
Sự mang gánh nặng là ‘sự khổ’ trong thế giới,
Sự đặt xuống gánh nặng là ‘chân phúc’.

Sau khi đã đặt xuống gánh nặng,
Không mang thêm gánh nặng nào nữa,
Sau khi đã bừng sạch đục-vọng và gốc rễ của nó,
Người được tự do khỏi cơn đói thèm,
Đã giải hết cơn khát (đã tịch tịnh).”⁴⁰

(SN 22:22)

23 (2) Hoàn-Toàn Hiểu

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những thứ nên được hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) và cả sự hoàn-toàn hiểu. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thứ nên được hoàn-toàn hiểu? Này các Tỳ kheo, sắc-thân (sắc) là thứ nên được hoàn-toàn hiểu; cảm-giác (thọ) ... nhận-thức (tưởng) ... những sự tạo-tác (hành) ... thức (thức) là thứ nên được hoàn-toàn hiểu. Đó là những thứ nên được hoàn-toàn hiểu.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự hoàn-toàn hiểu (sự liễu ngộ)? (đó là) Sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si. Đây được gọi là sự hoàn-toàn hiểu.”⁴¹

(SN 22:23)

24 (3) Trực-Tiếp Biết

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, nếu không trực-tiếp biết (không liễu tri) và không hoàn-toàn hiểu (không liễu ngộ) sắc-thân, không trở nên chán-bỏ đối với nó và không từ-bỏ nó, thì một người không thể tiêu diệt được sự khổ. Nếu không trực-tiếp biết và không hoàn-toàn hiểu cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức, không trở nên chán-bỏ đối với nó và không từ-bỏ nó, thì một người không có khả năng tiêu diệt sự khổ.

“Này các Tỳ kheo, bằng cách trực-tiếp biết (liễu tri) và hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) sắc-thân, bằng cách trở nên chán-bỏ đối với nó và bằng cách từ-bỏ nó, thì một người có thể tiêu diệt được khổ đau. Bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức, bằng cách trở nên chán-bỏ đối với nó và bằng cách từ-bỏ nó, thì một người có khả năng tiêu diệt sự khổ.”⁴²

(SN 22:24)

25 (4) Dục và Tham

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, hãy dẹp bỏ dục và tham đối với sắc-thân. Như vậy sắc-thân đó sẽ được dẹp bỏ, bị cắt bỏ, bị làm thành như gốc chết cây cọ, bị xóa sổ để nó không còn khởi sinh trong tương lai.

“Hãy dẹp bỏ dục và tham đối với cảm-giác ... đối với nhận-thức ... đối với những sự tạo-tác ... đối với thức. Như vậy thì thức đó sẽ được dẹp bỏ, bị cắt bỏ, bị làm thành như gốc chết cây cọ, bị xóa sổ để nó không còn khởi sinh trong tương lai.”

(SN 22:25)

26 (5) Sự Thỏa Thích ... (1)

Ở Sāvattthī.

(i) “Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác-ngộ [trước khi sự giác-ngộ của ta], khi ta còn là một bò-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, điều này đã xảy đến với ta: ‘Cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, cái gì là sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sắc-thân? Cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, cái gì là sự thoát-khỏi đối với cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức?’⁴³

“Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Sự sướng và vui khởi sinh tùy thuộc vào sắc-thân: đây là sự thỏa-thích trong sắc-thân. Mà sắc-thân đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong sắc-thân. Sự loại bỏ và trừ bỏ dục và tham đối với sắc-thân: đây chính là sự thoát-khỏi sắc-thân.

‘Sự sướng và vui khởi sinh tùy thuộc vào cảm-giác ... tùy thuộc vào nhận-thức ... tùy thuộc vào những sự tạo-tác ... tùy thuộc vào thức: đây là sự thỏa-thích trong thức. Mà thức đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây là chính sự nguy-hại trong thức. Sự loại bỏ và trừ bỏ dục và tham đối với thức: đây chính là sự thoát-khỏi thức.’

(ii) Chừng nào, này các Tỳ kheo, khi ta còn chưa trực-tiếp biết sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm-uẩn dính chấp-thủ (năm thủ uẩn), đúng như chúng thực là, thì ta vẫn không tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có các tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết tất cả những điều đó, đúng như chúng thực là, thì ta mới tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng trong thế giới này có những thiên thần ... và loài người.

“Sự-biết và sự-thấy (trí biết và tầm nhìn) đã khởi sinh trong ta như vậy: ‘Sự giải-thoát của-tâm của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn sự tái hiện-hữu (tái sinh).’”

(SN 22:26)

27 (6) Sự Thỏa Thích ... (2)

Ở Sāvattthī.

(i) “Này các Tỳ kheo, ta đã quyết tâm đi tìm sự thỏa-thích trong sắc-thân. Mọi sự thỏa-thích trong sắc-thân— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự thỏa-thích trong sắc-thân với xa tới mức nào.

“Ta đã quyết tâm đi tìm sự nguy-hại trong sắc-thân. Mọi sự nguy-hại trong sắc-thân— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự nguy-hại trong sắc-thân với xa tới mức nào.

“Ta đã quyết tâm đi tìm sự thoát-khỏi sắc-thân. Mọi sự thoát-khỏi sắc-thân— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự thoát-khỏi sắc-thân với xa tới mức nào.”

“Này các Tỳ kheo, ta đã quyết tâm đi tìm sự thỏa-thích trong ... sự nguy-hại trong ... sự thoát-khỏi cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức. Mọi sự thoát-khỏi thức— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ, ta đã rõ ràng nhìn thấy sự thoát-khỏi thức với xa tới mức nào.

(ii) Chừng nào, này các Tỳ kheo, khi ta còn chưa trực-tiếp biết sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm uẩn dính chấp-thủ, thì ta vẫn không tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có các tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết tất cả những điều đó, đúng như chúng thực là, thì ta mới tuyên bố mình đã thức tỉnh tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng trong thế giới này có những thiên thần ... và loài người.

“Sự-biết và sự-thấy (trí biết và tầm nhìn) đã khởi sinh trong ta như vậy: ‘Sự giải-thoát của-tâm của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn sự tái hiện-hữu.’”

(SN 22:27)

28 (7) Sự Thỏa Thích ... (3) (nếu không có)

Ở Sāvattthī.

(i) “Này các Tỳ kheo, nếu mà không có sự thỏa-thích trong sắc-thân, thì chúng sinh sẽ không bị say-mê với nó; nhưng vì có sự thỏa-thích trong sắc-thân, nên chúng sinh bị say-mê với nó. Nếu mà không có sự nguy-hại trong sắc-thân, thì chúng sinh sẽ không ghê-sợ với nó; nhưng vì có sự nguy-hại trong sắc-thân, nên chúng sinh ghê-sợ với nó. Nếu không có sự thoát-khỏi sắc-thân, thì chúng sinh sẽ không thoát-khỏi nó; nhưng vì có sự thoát-khỏi nó, nên chúng sinh (có thể tìm cách) thoát-khỏi nó.

“Này các Tỳ kheo, nếu mà không có sự thỏa-thích trong cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức, thì chúng sinh sẽ không bị say-mê với nó; nhưng vì có sự thỏa-thích trong thức, nên chúng sinh bị say-mê với nó ... nhưng vì có sự thoát-khỏi thức, nên chúng sinh (có thể tìm cách) thoát-khỏi nó.

(ii) Chùng nào, này các Tỳ kheo, (do) chúng sinh đã không trực-tiếp biết sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm uẩn dính chấp-thủ, đúng như chúng thực là, cho nên họ đã chưa thoát-khỏi thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, chưa thoát khỏi thế hệ chúng sinh này có các tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người; họ chưa thể thoát-ly khỏi nó, chưa được giải-thoát khỏi nó, và họ cũng chưa được sống với một cái tâm ‘không-còn những rào-cản’. Nhưng khi họ đã trực-tiếp biết tất cả điều này, đúng như chúng thực là, thì họ đã thoát-khỏi thế giới này ... có những thiên thần và loài người; họ đã thoát-ly khỏi nó, được giải-thoát khỏi nó, và họ cũng được sống với một cái tâm ‘không-còn những rào-cản’.” (giống cuối kinh SN 14:33)

(SN 22:28)

29 (8) Khoái Lạc (sự khoái thích)

Ở Sāvattthī.

(i) “Này các Tỳ kheo, ai tìm kiếm khoái-lạc trong sắc-thân là tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ. Ai tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ thì (người đó) không thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy. Ai tìm kiếm khoái-lạc trong cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức là tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ. Ai tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ thì không thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.

(ii) “Ai không tìm kiếm khoái-lạc trong sắc-thân ... trong thức là không tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ. Ai không tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ thì thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.”

(SN 22:29)

30 (9) Sự Khởi Sinh (của sự khổ)

Ở Sāvattthī.

(i) “Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của sắc-thân (sắc) là sự khởi sinh của sự khổ, sự liên tục của căn bệnh, sự thể hiện của sự già-chết. Sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của cảm-giác (thọ) ... nhận-thức (tưởng) ... những sự tạo-tác (hành) ... thức (thức) là sự khởi sinh của sự khổ, sự liên tục của căn bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

(ii) “Sự chấm dứt, sự lảng lạn, và sự phai biến của sắc-thân ... thức là sự chấm dứt của sự khổ, sự lặn mất của căn bệnh, sự biến mất của sự già-chết.” **

(SN 22:30)

31 (10) Góc Rẽ Của Sự Thông Khổ

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về sự thông-khở⁴⁴ và gốc rễ của sự thông-khở. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự thông khở? Sắc-thân là sự thông khở; cảm-giác là sự thông khở; nhận-thức là sự thông khở; những sự tạo-tác là sự thông khở; thức là sự thông khở. Đây được gọi là sự thông khở.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là gốc rễ của sự thông khở? Chính dục-vọng này (ái) dẫn tới sự tái hiện-hữu (hữu), đi kèm với sự khoái-lạc và tham-dục, tìm kiếm khoái-lạc chỗ này chỗ nọ; đó là: dục-vọng khoái-lạc giác quan (dục ái), dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái), và dục-vọng muốn/vì không hiện-hữu (phi-hữu ái). Đây là gốc rễ của sự thông khở.”

(SN 22:31)

32 (11) Sự Mong Manh

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những thứ mong manh (sẽ tan rã, vô thường)⁴⁵ và những thứ không mong manh. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là thứ mong manh, và cái gì là thứ không mong manh? Sắc-thân là thứ mong manh; sự chấm dứt, sự lắng lặn, sự biến mất của nó là thứ (sự) không mong manh. Cảm-giác là thứ mong manh ... Nhận-thức là thứ mong manh ... Những sự tạo-tác là thứ mong manh ... Thức là thứ mong manh ...; sự chấm dứt, sự lắng lặn, sự biến mất của nó là thứ không mong manh.”

(SN 22:32)

NHÓM 4

NHÓM ‘KHÔNG PHẢI LÀ CỬA-TA’

(*Natumhāka-vagga*)

33 (1) Không Phải Là ‘Cửa-Ta’ (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thứ gì không phải là ‘cửa-ta’ [của các thầy], hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích lợi (lợi) và hạnh phúc (lạc) cho các thầy.⁴⁶ Và, này các Tỳ kheo, cái gì không phải là ‘cửa-ta’? Sắc-thân (sắc) không phải là ‘cửa-ta’: hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của các thầy. Cảm-giác (thọ) không phải là ‘cửa-ta’ ... Nhận-thức (tưởng) không phải là ‘cửa-ta’ ... Những sự tạo-tác (hành) không phải là ‘cửa-ta’ ... Thức (thức) không phải là ‘cửa-ta’: hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc cho các thầy.

“Này các Tỳ kheo, giả sử người ta dọn hết cỏ, cây, cành, lá trong cả Khu Vườn này của Thái tử Jeta, hoặc đốt chúng đi, hoặc xử lý chúng theo ý họ. Vậy các thầy có nghĩ (điều đó có đồng nghĩa rằng): ‘Người ta đang dọn chúng ta đi, hoặc đang đốt hết chúng ta, hoặc đang xử lý chúng ta theo ý họ?’”

“Không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Bởi vì, thưa Thế Tôn, (cỏ, cây, cành, lá) đó đâu phải là ‘chúng ta’ hay ‘của chúng ta’.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, sắc-thân không phải là ‘cửa-ta’ ... thức không phải là ‘cửa-ta’: hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của các thầy.”

(SN 22:33)

34 (2) Không Phải Là ‘Cửa-Ta’ (2)

[Giống hệt kinh 22:33 kể trên, chỉ khác là không có phần ví dụ.]

(SN 22:34)

35 (3) Một Tỳ Kheo Nọ (1)

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp cho con một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, con có thể ở một mình (độc trú), thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Tỳ kheo, nếu ai có một khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên)⁴⁷ đối với thứ gì, thì người đó được quy theo nó (tức quy theo tùy miên đó). Nếu ai không có một khuynh-hướng tiềm ẩn đối với thứ gì, thì người đó không được quy theo nó.

“Dạ, con đã hiểu, thưa Thế Tôn! Con đã hiểu, thưa bậc Phúc Lành!”

“Này Tỳ kheo, theo cách nào thầy hiểu một cách chi tiết điều mới được ta nói ra một cách ngắn gọn?”

(1) “Thưa Thế Tôn, nếu ai có khuynh-hướng tiềm ẩn đối với *sắc-thân* (sắc), thì người đó được quy theo nó. Nếu ai có khuynh-hướng tiềm ẩn đối với *cảm-giác* (thọ), thì người đó được quy theo nó. Nếu ai có khuynh-hướng tiềm ẩn đối với *nhận-thức* (tưởng), thì người đó được quy theo nó. Nếu ai có khuynh-hướng tiềm ẩn đối với *những sự tạo-tác* (hành) thì người đó được quy theo nó. Nếu ai có một khuynh-hướng tiềm ẩn đối với *thức* (thức), thì người đó được quy theo nó.

(2) “Thưa Thế Tôn, nếu ai không có một khuynh-hướng tiềm ẩn đối với *sắc-thân*, thì người đó không được quy theo nó. Nếu ai không có một

khuy-nh-hướng tiềm ẩn đối với *cảm-giác* ... đối với *nhận-thức* ... đối với *những sự tạo-tác* ... đối với *thức*, thì người đó không được quy theo nó.

“Thưa Thế Tôn, chính theo cách như vậy con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều mới được Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn.”

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành rằng thầy hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều đã được ta nói một cách ngắn gọn. Này Tỳ kheo, nếu ai có một khuy-nh-hướng tiềm ẩn đối với *sắc-thân* ... [*Phật lặp lại như hai đoạn (1) và (2) ở trên*] ... Chính theo cách như vậy, ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết như vậy.”

Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính lễ, giữ hướng đức Thế Tôn bên phải mình, và đi ra.

Sau đó, vị Tỳ kheo đó ở một mình, thu mình, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, và bằng sự tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu vô thượng của đời sống tâm linh (phạm hạnh) mà vì (mục-tiêu) đó những người họ tộc đã chân chính từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực-tiếp biết: “Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.”

Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán.⁴⁸

(SN 22:35)

36 (4) Một Tỳ Kheo Nọ (2)

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp cho con một cách ngắn gọn, dễ mà, sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, con có thể ở một mình (độc trú), thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Tỳ kheo, nếu ai có một khuynh-hướng tiềm ẩn đối với thứ gì, thì người đó được đo lường theo nó;⁴⁹ nếu ai được đo lường theo thứ gì, thì người đó được quy theo nó. Nếu ai không có một khuynh-hướng tiềm ẩn đối với thứ gì, thì người đó không được đo lường theo nó; nếu ai không được đo lường theo thứ gì, thì người đó không được quy theo nó.”

“Dạ, con đã hiểu, thưa Thế Tôn! Con đã hiểu, thưa bậc Phúc Lành!”

“Này Tỳ kheo, theo cách nào thầy hiểu một cách chi tiết điều mới được ta nói ra một cách ngắn gọn?”

(1) “Thưa Thế Tôn, nếu ai có một khuynh-hướng tiềm ẩn đối với *sắc-thân*, thì người đó được đo lường theo nó; nếu ai được đo lường theo nó, thì người đó được quy theo nó. Nếu ai có một khuynh-hướng tiềm ẩn đối với *cảm-giác* ... đối với *nhận-thức* ... đối với *những sự tạo-tác* ... đối với *thức*, thì người đó được đo lường theo nó; nếu ai được đo lường theo nó, thì người đó được quy theo nó.

(2) “Thưa Thế Tôn, nếu ai không có một khuynh-hướng tiềm ẩn đối với *sắc-thân*, thì người đó không được đo lường theo nó; nếu ai không được đo lường theo nó, thì người đó không được quy theo nó. Nếu ai không có một khuynh-hướng tiềm ẩn đối với *cảm-giác* ... đối với *nhận-thức* ... đối với *những sự tạo-tác* ... đối với *thức*, thì người đó không được đo lường theo nó; nếu ai không được đo lường theo nó, thì người đó không được quy theo nó.

“Thưa Thế Tôn, chính theo cách như vậy, con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều mới được Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn.”

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành rằng thầy hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn. Này Tỳ kheo, nếu ai có một khuynh-hướng tiềm ẩn đối với *sắc-thân* ... [*Phật lập lại như hai đoạn*”

(1) và (2) ở trên] ... Chính theo cách như vậy, ý nghĩa của điều được ta nói ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết như vậy.”

Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi ...

Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 22:36)

37 (5) Ānanda (1)

Ở Sāvattthī.

Lúc đó Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn ... Rồi đức Thế Tôn đã nói với ngài Ānanda sau khi thầy ấy đã ngồi xuống một bên:

“Này Ānanda, nếu người ta hỏi thầy:

‘Này đạo hữu Ānanda, những thứ nào mà sự khởi-sinh (sinh) của chúng được nhận thấy, sự biến-mất (diệt) của chúng được nhận thấy, một sự biến-đổi (tàn hoại) của chúng khi (chúng) đang có mặt (đang trụ, đang hiện hành) được nhận thấy?’— sau khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?” ⁵⁰

“Thưa Thế Tôn, nếu họ hỏi con như vậy, con sẽ trả lời như vậy: ‘Này các bạn, với *sắc-thân*, sự khởi-sinh của nó được nhận thấy, sự biến-mất của nó được nhận thấy, một sự biến-đổi của nó khi (nó) đang có mặt (đang trụ, đang hiện hành) được nhận thấy. Với *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức*, sự khởi-sinh của nó được nhận thấy, sự biến-mất của nó được nhận thấy, sự biến-đổi của nó khi (nó) đang có mặt được nhận thấy.’ Khi được hỏi như vậy, thưa Thế Tôn, con sẽ trả lời theo cách như vậy.”

“Tốt, tốt, này Ānanda! Với *sắc-thân*, sự khởi-sinh của nó được nhận thấy, sự biến-mất của nó được nhận thấy, sự biến-đổi của nó khi (nó) đang có mặt được nhận thấy. Với *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác*

... *thức*, sự khởi-sinh của nó được nhận thấy, sự biến-mất của nó được nhận thấy, sự biến-đổi của nó khi đang có mặt được nhận thấy. Nay Ānanda, đó là những thứ (năm uẩn) mà sự khởi-sinh của chúng được nhận thấy, sự biến-mất của chúng được nhận thấy, sự biến-đổi của chúng khi (chúng) đang có mặt được nhận thấy. Khi được hỏi như vậy, thầy nên trả lời theo cách như vậy.”

(SN 22:37)

38 (6) Ānanda (2)

Ở Sāvattthī.

Lúc đó Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn ... Rồi đức Thế Tôn đã nói với ngài Ānanda sau khi thầy ấy đã ngồi xuống một bên:

“Này Ānanda, nếu người ta hỏi thầy:

(i) ‘Này đạo hữu Ānanda, những thứ nào mà sự khởi-sinh (sinh) của chúng được nhận thấy, sự biến-mất (diệt) của chúng được nhận thấy, sự biến-đổi (tàn hoại) của chúng khi (chúng) đang có mặt (đang trụ, đang hiện hành) được nhận thấy?’

(ii) ‘Những thứ nào mà sự khởi-sinh của chúng sẽ được nhận thấy, sự biến-mất của chúng sẽ được nhận thấy, sự biến-đổi của chúng khi đang có mặt sẽ được nhận thấy?’

(iii) ‘Những thứ nào mà sự khởi-sinh của chúng đã được nhận thấy, sự biến-mất của chúng đã được nhận thấy, sự biến-đổi của chúng khi đang có mặt đã được nhận thấy?’

— sau khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?”

“Thưa Thế Tôn, nếu họ hỏi con như vậy, con sẽ trả lời như vậy:

(i) ‘Này các bạn, với *sắc-thân* đã biến qua, đã chấm dứt, đã hoại diệt, (thì) sự khởi-sinh của nó đã được nhận thấy, sự biến-mất của nó đã được nhận thấy, sự biến-đổi của nó khi (nó) đang có mặt (tồn tại, đang trụ) đã

được nhận thấy. Với *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức đã* biến qua, đã chấm dứt, đã hoại diệt, (thì) sự khởi-sinh của nó *đã* được nhận thấy, sự biến-mất của nó *đã* được nhận thấy, sự biến-đổi của nó khi (nó) có mặt *đã* được nhận thấy. Nay đạo hữu, đó là những thứ (năm uẩn) mà đối với chúng sự khởi-sinh *đã* được nhận thấy, sự biến-mất *đã* được nhận thấy, và sự biến-đổi của chúng khi (chúng) đang có mặt *đã* được nhận thấy.

(ii) ‘Với *sắc-thân chưa* được sinh ra và chưa được hiện thị, (thì) sự khởi-sinh của nó *sẽ* được nhận thấy, sự biến-mất của nó *sẽ* được nhận thấy, sự biến-đổi của nó khi (nó) đang có mặt (tồn tại, đang trụ) *sẽ* được nhận thấy. Với *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức chưa* được sinh ra và chưa được hiện thị, (thì) sự khởi-sinh của nó *sẽ* được nhận thấy, sự biến-mất của nó *sẽ* được nhận thấy, sự biến-đổi của nó khi (nó) đang có mặt (tồn tại, đang trụ) *sẽ* được nhận thấy. Nay đạo hữu, đó là những thứ (năm uẩn) mà đối với chúng sự khởi-sinh *sẽ* được nhận thấy, sự biến-mất *sẽ* được nhận thấy, và sự biến-đổi của chúng khi (chúng) đang có mặt *sẽ* được nhận thấy.

(iii) ‘Với *sắc-thân đã* được sinh ra và đã được hiện thị, (thì) sự khởi-sinh của nó được nhận thấy, sự biến-mất của nó được nhận thấy, sự biến-đổi của nó khi (nó) đang có mặt (tồn tại, đang trụ) được nhận thấy. Với *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức đã* được sinh ra và đã được hiện thị, (thì) sự khởi-sinh của nó được nhận thấy, sự biến-mất của nó được nhận thấy, sự biến-đổi của nó khi (nó) đang có mặt (tồn tại, đang trụ) được nhận thấy. Nay đạo hữu, đó là những thứ (năm uẩn) mà đối với chúng sự khởi-sinh được nhận thấy, sự biến-mất được nhận thấy, và sự biến-đổi của chúng khi (chúng) đang có mặt được nhận thấy.’ — Khi được hỏi như vậy, con sẽ trả lời theo theo cách như vậy.”

“Tốt, tốt, này Ānanda. [*Phật lặp lại toàn bộ như lời của thầy Ānanda*].
Này Ānanda, khi được hỏi như vậy, thầy nên trả lời theo cách như vậy.”

(SN 22:38)

39 (7) Theo Đúng Giáo Pháp (1)

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang tu tập theo đúng Giáo Pháp,⁵¹ thì đây là điều đúng theo Giáo Pháp: người đó nên ‘sống thấm nhuần (miên man, miên mật) trong sự ghê-sợ’ đối với *sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác, và thức*.⁵² Ai ‘sống thấm nhuần trong sự ghê-sợ’ đối với *sắc-thân ... thức* thì hoàn-toàn hiểu *sắc-thân ... thức*. Ai hoàn-toàn hiểu *sắc-thân ... thức* thì được giải-thoát khỏi chúng. Người đó được giải-thoát khỏi sự sinh, già, và chết; được giải-thoát khỏi sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; được giải-thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy.”

(SN 22:39)

40 (8) Theo Đúng Giáo Pháp (2)

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang tu tập theo đúng Giáo Pháp, thì đây là điều đúng theo Giáo Pháp: người đó nên ‘sống quán xét (quán niệm, thiền quán) sự vô-thường’ trong *sắc-thân ... thức*. Ai ‘sống suy xét sự vô-thường’ trong *sắc-thân ... thức* thì hoàn-toàn hiểu ... được giải-thoát khỏi chúng ... khỏi sự sinh, già, và chết ... khỏi sự buồn sâu ... khỏi sự khổ, ta nói vậy.”

(SN 22:40)

41 (9) Theo Đúng Giáo Pháp (3)

“ ... : người đó nên ‘sống quán xét (quán niệm, thiền quán) sự khổ’ trong *sắc-thân ... thức*. Ai ‘sống suy xét sự khổ’ trong *sắc-thân ... thức* thì hoàn-toàn hiểu ... được giải-thoát khỏi chúng ... khỏi sự sinh, già, và chết ... khỏi sự buồn sâu ... khỏi sự khổ, ta nói vậy.”

(SN 22:41)

42 (10) Theo Đúng Giáo Pháp (4)

“ ... : người đó nên ‘sống quán xét (quán niệm, thiền quán) sự vô ngã’ trong *sắc-thân ... thức*. Ai ‘sống suy xét sự vô ngã’ trong *sắc-thân ... thức* thì hoàn-toàn hiểu ... được giải-thoát khỏi chúng ... khỏi sự sinh, già, và chết ... khỏi sự buồn sầu ... khỏi sự khổ, ta nói vậy.”

(SN 22:42)

NHÓM 5

NHÓM ‘VỚI CHÍNH MÌNH LÀ HÒN ĐẢO’

(*Attadīpa-vagga*)

43 (1) Với Chính Mình Là Hòn Đảo

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, hãy sống với chính mình là hòn đảo, với chính mình là nơi nương tựa, không nương tựa chỗ khác; với Giáo Pháp là hòn đảo, với Giáo Pháp là nơi nương tựa, không nương tựa chỗ khác.⁵³ Khi các thầy sống với chính mình là hòn đảo, với chính mình là nơi nương tựa, không nương tựa chỗ khác; với Giáo Pháp là hòn đảo, với Giáo Pháp là nơi nương tựa, không nương tựa chỗ khác, thì chính căn-bản đó nên được được điều tra như vậy:⁵⁴ ‘Từ cái gì sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra? Theo cách nào chúng được tạo ra?’

(i) “Và, này các Tỳ kheo, từ cái gì sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra? Theo cách nào chúng được tạo ra? Ở đây, này các Tỳ kheo, người phạm chưa được chỉ dạy, không phải là người nhìn thấy (gặp được) những thánh nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương (rèn luyện, huấn luyện) trong Giáo Pháp của họ; không phải là người nhìn thấy những thượng nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương trong Giáo Pháp của họ; *cứ* coi sắc-thân (sắc) là ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc nghĩ sắc-thân là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong sắc-thân. Mà sắc-thân đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi [vì] sắc-thân thay đổi và biến đổi, thì [nên] khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Người đó *cứ* coi cảm-giác (thọ) là cái ‘ta’ ... nhận-thức (tưởng) là ‘ta’ ... những sự tạo-tác (hành) là ‘ta’ ... thức (thức) là ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Mà thức đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi thức thay đổi và biến đổi, thì

khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.

(ii) “Nhưng, này các Tỳ kheo, khi ai đã hiểu được tính vô-thường của sắc-thân (sắc), sự thay đổi của nó, sự phai biến, và sự chấm dứt của nó, và khi người đó nhìn thấy nó đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Trong quá khứ cũng như bây giờ, tất cả mọi sắc-thân đều là vô-thường, khổ, và luôn bị thay đổi’, thì sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng được dẹp bỏ. Với sự dẹp bỏ chúng, người đó không còn bị khích-động (âu lo, bận tâm).⁵⁵ Khi không còn bị khích-động, người đó sống một cách hạnh-phúc. Một Tỳ kheo mà sống một cách hạnh phúc như vậy thì được cho là đã hết-dục (hết thềm khát, nguội tắt) về phương diện đó.⁵⁶

“Khi ai đã hiểu được tính vô-thường của cảm-giác (thọ) ... của nhận-thức (tưởng) ... của những sự tạo-tác (hành) ... của thức (thức), sự thay đổi của nó, sự phai biến và chấm dứt của nó, và khi người đó nhìn thấy nó đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Trong quá khứ cũng như trong hiện tại, tất cả mọi cảm-giác ... thức đều là vô-thường, khổ, và luôn bị thay đổi’, thì sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng được dẹp bỏ. Với sự dẹp bỏ chúng, người đó không còn bị khích-động. Khi không còn bị khích-động, nên người đó sống một cách hạnh-phúc. Một Tỳ kheo mà sống một cách hạnh phúc như vậy thì được cho là đã hết-dục về phương diện đó.”

(SN 22:43)

44 (2) Con Đường

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về con đường dẫn tới sự phát-sinh của danh-tính (thân kiến) và con đường dẫn tới sự chấm-dứt của danh-tính. Hãy lắng nghe điều đó ...

(i) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới sự phát-sinh của danh-tính? Ở đây, này các Tỳ kheo, người phàm chưa được chỉ dạy ... *cứ* coi sắc-thân là cái ‘ta’ ... cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác là cái ‘ta’ hoặc nghĩ cái ‘ta’ là ở trong thức. Này các Tỳ kheo, điều này được gọi là con đường dẫn tới sự phát-sinh của danh-tính. Khi nói ‘con đường dẫn tới sự phát-sinh của danh-tính’ thì nó có nghĩa: đó là một con đường nhìn-nhận các thứ (theo cách) dẫn đến sự phát-sinh sự khổ.⁵⁷

(ii) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới sự chấm-dứt của danh-tính? Ở đây, người thánh đệ tử ... *không* coi sắc-thân là cái ‘ta’ ... hay cảm-giác là cái ‘ta’ ... hay nhận-thức là cái ‘ta’ ... hay những sự tạo-tác là cái ‘ta’ ... hay thức là cái ‘ta’ hay cái ‘ta’ ở trong thức. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là con đường dẫn tới sự chấm-dứt của danh-tính. Khi nói ‘con đường dẫn tới sự chấm-dứt của danh-tính’ thì nó có nghĩa: đó là một con đường nhìn-nhận các thứ (theo cách) dẫn đến sự chấm-dứt sự khổ.”

(SN 22:44)

45 (3) Vô-Thường (1)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, sắc-thân là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’]. Khi một người nhìn thấy điều này như vậy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, thì tâm sẽ trở nên chán-bỏ và được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt).⁵⁸

“Cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây

không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’]. Khi một người nhìn thấy điều này như vậy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, thì tâm sẽ trở nên chán-bỏ và được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không chấp-thủ.

“Này các Tỳ kheo, nếu tâm một người đã trở nên chán-bỏ đối với yếu tố sắc-thân (sắc giới), thì nó được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn chấp-thủ. Nếu tâm đã trở nên chán-bỏ đối với yếu tố cảm-giác (thọ giới) ... đối với yếu tố nhận-thức (tưởng giới) ... đối với yếu tố những sự tạo-tác (hành giới) ... đối với yếu tố thức (thức giới), thì nó được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn chấp-thủ.

“Nhờ nó được giải-thoát, cho nên nó ổn định; nhờ được ổn định, cho nên nó hài lòng; nhờ được hài lòng, cho nên người tu không bị kích-động. Nhờ không bị kích-động, cho nên người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”⁵⁹

(SN 22:45)

46 (4) Vô-Thường (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sắc-thân là vô thường ... Cảm-giác là vô thường ... Nhận-thức là vô thường ... Những sự tạo-tác là vô thường ... Thức là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Khi một người nhìn thấy điều này như vậy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, thì người đó không còn nắm giữ những quan-điểm này nọ (tà kiến) liên quan quá khứ. Khi một người không còn nắm giữ những

quan-điểm này nọ liên quan quá khứ, thì người đó không còn nắm giữ những quan-điểm này nọ liên quan tới tương lai. Khi một người không còn nắm giữ những quan-điểm này nọ liên quan tới tương lai, thì người đó không còn sự nắm-chấp dai dẳng (= sự cố chấp, sự cứng đầu, sự chấp thủ khó trị, tà-kiến nặng đô khó bỏ) nào nữa.⁶⁰ Khi người đó không còn sự nắm-chấp dai dẳng nào nữa, thì tâm trở nên chán-bỏ đối với sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác, và thức, và nó được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt).

“Nhờ nó được giải-thoát, cho nên nó ổn định; nhờ được ổn định, cho nên nó hài lòng; nhờ được hài lòng, cho nên người tu không bị kích-động. Nhờ không bị kích-động, cho nên người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:46)

47 (5) Những Cách Nhìn Nhận Các Thứ

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào coi (nhìn nhận) [bất cứ thứ gì là] cái ‘ta’ theo những cách khác nhau, thì tất cả họ đều coi năm-uẩn dính chấp-thủ, hay một uẩn nào trong đó, là cái ‘ta’. Năm đó là gì?”

(i) “Ở đây, này các Tỳ kheo, người phạm chưa được chỉ dạy, người không phải là người nhìn thấy (gặp được) những thánh nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương (rèn luyện, huấn luyện) trong Giáo Pháp của họ; không phải là người nhìn thấy những bậc thiện nhân, không thiện khéo và không được kỷ cương trong Giáo Pháp của họ; *cứ* coi sắc-thân (sắc) là cái ‘ta’ [tự ngã], hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc nghĩ sắc-thân ở trong ‘ta’ hay cái ‘ta’ ở trong sắc-thân. Người đó *cứ* coi cảm-giác (thọ) là cái ‘ta’ ... nhận-thức (tưởng) là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác

(hành) là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức ở trong cái ‘ta’ hay ‘ta’ ở trong thức.

“Nhu vậy, cách nhìn-nhận các thứ như vậy và [quan niệm] cái ‘ta-là’ (ngã mạn) chưa biến mất trong (tâm) người đó.⁶¹ Khi cái ‘ta-là’ chưa biến mất, thì chỗ đó tạo ra góc-gác của năm căn—của căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi, căn thân.⁶² Nay các Tỳ kheo, có tâm, có các hiện-tượng thuộc tâm (các pháp), có yếu tố vô-minh. Khi người phàm chưa được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc (có) vô-minh, thì cái sự ‘ta-là’ xảy ra với người đó; cái sự ‘ta là này là nọ’ xảy ra với người đó, và sự ‘ta sẽ gồm có sắc-thân’ (sắc) và sự ‘ta sẽ không có sắc-thân (phi sắc)’ và sự ‘ta sẽ là có nhận-thức’ (tưởng) và sự ‘ta sẽ là không-có nhận-thức’ (phi tưởng) và sự ‘ta sẽ là không có nhận-thức cũng không phải không có nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng)’—những sự đó xảy ra với người đó.⁶³

(ii) “Nay các Tỳ kheo, năm căn vẫn còn ngay đó, nhưng đối với chúng người thánh đệ tử đã được chỉ dạy dẹp bỏ sự vô-minh và phát khởi trí-biết đích thực (minh, chân trí). Với sự phai biến vô-minh và sự khởi sinh trí-biết đích thực, thì cái sự ‘ta là’ không xảy ra với người đó; cái sự ‘ta là này là nọ’ không xảy ra với người đó; và sự ‘ta sẽ gồm có sắc-thân’ (sắc) và sự ‘ta sẽ không có sắc-thân (phi sắc)’ và sự ‘ta sẽ là có nhận-thức’ (tưởng) và sự ‘ta sẽ là không-có nhận-thức’ (phi tưởng) và sự ‘ta sẽ là không có nhận-thức cũng không phải không có nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng)’—những sự đó không xảy ra với người đó.”

(SN 22:47)

48 (6) Các Uẩn

Ở Sāvattthī.

“Nay các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về năm uẩn và năm uẩn dính chấp-thủ. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là năm uẩn? Mọi sắc-thân (sắc) dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần: đó được gọi là uẩn sắc-thân (sắc uẩn).⁶⁴ Mọi cảm-giác (thọ) ... được gọi là uẩn cảm-giác (thọ uẩn). Mọi nhận-thức (tưởng) ... được gọi là uẩn nhận-thức (tưởng uẩn). Mọi sự-tạo tác cố-ý ... được gọi là uẩn những sự tạo-tác (hành uẩn). Mọi thức ... được gọi là uẩn thức (thức uẩn). Này các Tỳ kheo, đó được gọi là năm-uẩn.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là năm uẩn dính chấp-thủ (năm thủ uẩn)? Mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại ... xa hay gần, nó bị ô-nhiễm, (ta, tâm) có thể chấp thủ (thủ) nó: đây được gọi là uẩn sắc-thân dính chấp-thủ (sắc thủ uẩn). Mọi cảm-giác dù là loại gì ... nó bị ô-nhiễm, có thể chấp thủ nó: đây được gọi là uẩn cảm-giác dính chấp-thủ (thọ thủ uẩn). Mọi nhận-thức dù là loại gì ... nó bị ô-nhiễm, có thể dính chấp-thủ theo nó: đây được gọi là uẩn nhận-thức dính chấp-thủ (tưởng thủ uẩn). Những sự tạo-tác dù là loại gì ... chúng bị ô-nhiễm, có thể chấp thủ chúng: đây được gọi là uẩn những sự tạo-tác dính chấp-thủ (hành thủ uẩn). Mọi thức dù là loại gì ... nó bị ô-nhiễm, có thể dính chấp-thủ theo nó: đây được gọi là uẩn thức dính chấp-thủ (thức thủ uẩn). Này các Tỳ kheo, đó được gọi là năm-uẩn dính chấp-thủ (năm thủ uẩn).”⁶⁵

(SN 22:48)

49 (7) Soṇa (1)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Lúc đó có Soṇa, con trai của một gia chủ, đã đến gặp đức Thế Tôn ... Đức Thế Tôn đã nói với Soṇa, con trai gia chủ, như sau:

(1) “Này Soṇa, khi bất cứ tu sĩ và bà-la-môn nào, dựa trên cơ sở sắc-thân (sắc)—vốn là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi—*cứ* coi mình là này nọ như: ‘Ta tốt hơn’ (người khác), hay ‘Ta bằng’, hay ‘Ta kém hơn’,⁶⁶

như vậy họ khác gì một người không nhìn thấy được các thứ đúng như chúng thực là?

“Khi bất cứ tu sĩ và bà-la-môn nào, dựa trên cơ sở cảm-giác (thọ) ... dựa trên cơ sở nhận-thức (tưởng) ... dựa trên cơ sở những sự tạo-tác (hành) ... dựa trên cơ sở thức (thức)—vốn là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi—*cứ* coi mình là này nọ như vậy: ‘Ta tốt hơn’, hoặc ‘Ta bằng’, hoặc ‘Ta kém hơn’, như vậy họ khác gì một người không nhìn thấy được các thứ đúng như chúng thực là?

(2) “Khi bất kỳ tu sĩ và bà-la-môn nào, dựa trên cơ sở sắc-thân—vốn là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi—*không* coi chính mình là này nọ như vậy: ‘Ta tốt hơn’, hoặc ‘Ta bằng’, hoặc ‘Ta kém hơn’, như vậy họ khác gì một người *nhìn thấy* các thứ đúng như chúng thực là?

“Khi bất kỳ tu sĩ và bà-la-môn nào, dựa trên cơ sở cảm-giác ... dựa trên cơ sở nhận-thức ... dựa trên cơ sở những sự tạo-tác ... dựa trên cơ sở thức—vốn là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi—*không* coi mình là này nọ như vậy: ‘Ta tốt hơn’, hoặc ‘Ta bằng’, hoặc ‘Ta kém hơn’, như vậy họ khác gì một người *nhìn thấy được* các thứ đúng như chúng thực là?

(3) “Này Soṇa, anh nghĩ sắc-thân là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng để được coi là như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’] hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Cảm-giác là vô thường hay thường hằng? ... Nhận-thức là vô thường hay thường hằng? ... Những sự tạo-tác là vô thường hay thường hằng? ... Thức là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng để được coi là như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’] hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn.”

- “Do vậy, này Soṇa, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay

gần, tất cả mọi sắc-thân đều nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Mọi cảm-giác ... mọi nhận-thức ... mọi sự tạo-tác ... mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần, tất cả mọi thức đều nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

- “Này Soṇa, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với sắc-thân, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ [tâm] người đó được giải-thoát. Khi (tâm) được giải-thoát thì có sự-biết: ‘Tâm được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:49)

50 (8) Soṇa (2)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Lúc đó có Soṇa, con trai của một gia chủ, đã đến gặp đức Thế Tôn ... Đức Thế Tôn đã nói với Soṇa, con trai gia chủ, như sau:

(1) “Này Soṇa, những tu sĩ (sa-môn) và bà-la-môn nào không hiểu được sắc-thân [khổ đế], nguồn-gốc của nó [tập đế], sự chấm-dứt của nó [diệt đế], và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó [đạo đế]; ai không hiểu được cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó: những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong số bà-la-môn, và những vị đó, do không tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực

tiếp, nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu-sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.⁶⁷

(2) “Nhưng, này Soṇa, những tu sĩ (sa-môn) và bà-la-môn nào hiểu được sắc-thân, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó; ai hiểu được cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó: những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số bà-la-môn, và những vị đó, bằng sự tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu-sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.”

(SN 22:50)

51 (9) Tiêu Diệt Khoái Lạc (I)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nhìn thấy sắc-thân vô thường đúng như nó thực chất là vô thường: đó là cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) của người đó. Sau khi nhìn thấy một cách đúng đắn như vậy, người đó trải nghiệm sự ghê-sợ. Với sự tiêu diệt khoái-lạc [sự thích thú, sự khoái thích, sự vui thú] cho nên có sự tiêu diệt tham-dục; với sự tiêu diệt tham-dục cho nên có sự tiêu diệt khoái-lạc. Với sự tiêu diệt khoái-lạc và tham-dục cho nên tâm được giải-thoát và được cho là đã được giải-thoát một cách thiện khéo.⁶⁸

“Một Tỳ kheo nhìn thấy cảm-giác vô thường ... nhận-thức vô thường ... những sự tạo-tác vô thường ... thức vô thường đúng như nó thực chất là vô thường: đó là cách-nhìn đúng-đắn của người đó ... Với sự tiêu diệt khoái-lạc và nhục-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là đã được giải-thoát một cách thiện khéo.”

(SN 22:51)

52 (10) Tiêu Diệt Khoái Lạc (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, hãy chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý) tới *sắc-thân*. Hãy nhận thấy tính vô thường của sắc-thân đúng như nó thực là. Khi một Tỳ kheo chú-tâm kỹ càng tới sắc-thân và nhận thấy tính vô thường của sắc-thân đúng như nó thực là, thì người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với sắc-thân. Với sự tiêu diệt khoái-lạc nên có sự tiêu diệt nhục-dục; với sự tiêu diệt nhục-dục nên có sự tiêu diệt khoái-lạc. Với sự tiêu diệt khoái-lạc và nhục-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là đã được giải-thoát một cách thiện khéo.

“Này các Tỳ kheo, hãy chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý) tới *cảm-giác* ... tới *nhận-thức* ... tới *những sự tạo-tác* ... tới *thức* ... Với sự tiêu diệt khoái-lạc và tham-dục cho nên tâm được giải-thoát và được cho là đã được giải-thoát một cách thiện khéo.”

(SN 22:52)

PHẦN II

‘NĂM MƯƠI KINH GIỮA’

NHÓM 1

NHÓM ‘SỰ DÍNH-LÍU’

(*Upaya-vagga*)

53 (1) *Sự Dính Lίου*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, người còn dính lίου (dính lίου năm-uẩn)⁶⁹ thì không được giải-thoát; người không còn dính lίου thì được giải-thoát. Này các Tỳ kheo, thức, khi đang có mặt (đang trụ, đang hiện hành) nó có thể có mặt dính lίου với *sắc-thân* (sắc), được dựa trên sắc-thân, được lập thành trên sắc-thân, (và khi) được rưới thêm ít nhiều khoái-lạc, thì nó có thể đi đến tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng. Hoặc thức, khi đang có mặt nó có thể có mặt [dính lίου với *cảm-giác* (thọ) ... dính lίου với *nhận-thức* (tưởng) ...] dính lίου với *những sự tạo-tác* (hành), được dựa trên những sự tạo-tác, được lập thành trên những sự tạo-tác, (và khi) được rưới thêm ít nhiều khoái-lạc, thì nó có thể đi đến tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng.⁷⁰

“Này các Tỳ kheo, dù ai có nói: ‘Ngoài sắc-thân, ngoài cảm-giác, ngoài nhận-thức, ngoài những sự tạo-tác, tôi sẽ (có thể) mô tả (chỉ ra, cho thấy) sự đến và sự đi của thức, sự biến qua và sự tái sinh của nó, sự tăng trưởng, sự gia tăng, và sự nhân rộng của nó’—điều đó là không thể.

“Này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo đã dẹp bỏ tham-dục đối với yếu tố sắc-thân (sắc giới), sau khi đã dẹp bỏ tham-dục thì cái cơ-sở [hay đối tượng] bị cắt bỏ: thì đâu còn một trợ-giúp nào cho *sự lập-thành của thức*.⁷¹ Nếu người đó đã dẹp bỏ tham-dục đối với yếu tố cảm-giác (thọ giới) ... yếu tố nhận-thức (tưởng giới) ... yếu tố những sự tạo-tác (hành

giới) ... yếu tố thức (thức giới), sau khi đã dẹp bỏ tham-dục thì cái cơ-sở bị cắt bỏ: thì đâu còn một trợ-giúp nào cho *sự lập-thành của thức*.

“Khi thức đó không được lập thành, không đi đến tăng trưởng, không tạo phát này nọ, thì nó được giải-thoát.⁷² Nhờ nó được giải-thoát, cho nên nó ổn định; nhờ được ổn định, cho nên nó hài lòng; nhờ được hài lòng, cho nên người tu không bị kích-động. Nhờ không bị kích-động, cho nên người tu tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:53)

54 (2) *Mầm Giống* (chủng tử)

Ở Sāvattthī.

(i) “Này các Tỳ kheo, có năm loại mầm-giống. Năm đó là gì? Giống rẽ, giống cành, giống ghép, giống chiết, và giống mầm là thứ năm.⁷³ Nếu năm loại giống không bị sút mẻ, không hư hỏng, không bị hư hại bởi nắng gió, có khả năng sinh nở (không bị trơ, lép), được gieo cấy một cách an toàn (không bị phá hoại), nhưng ở đó *không* có đất hay nước, thì liệu năm loại giống đó có (mọc lên) tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

(ii) “Nếu năm loại giống không bị sút mẻ, không hư hỏng, không bị hư hại bởi nắng gió, có khả năng sinh nở (không bị trơ, lép), nhưng *không* được gieo cấy một cách an toàn (không bị phá hoại), nhưng ở đó có đất và nước, thì liệu năm loại giống đó có (mọc lên) tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

(iii) “Nếu năm loại giống không bị sút mẻ, không hư hỏng, không bị hư hại bởi nắng gió, có khả năng sinh nở (không bị trơ, lép), được gieo

cây một cách an toàn (không bị phá hoại), và ở đó có đất và nước, thì liệu năm loại giống đó có (mọc lên) tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Này các Tỳ kheo, bốn ‘trạm-trú cho thức’ [trạm-trú của thức] nên được nhìn thấy như yếu-tố đất. Còn sự khoái-lạc và tham-dục nên được nhìn thấy như yếu-tố nước. Thức cùng với những dưỡng-chất của nó nên được nhìn thấy giống như năm loại mầm giống.⁷⁴

“Này các Tỳ kheo, thức, khi đang có mặt (đang trụ, đang hiện hành) (nó) có thể có mặt dính líu với sắc-thân; được dựa trên sắc-thân, được lập thành trên sắc-thân (sắc), (và khi) được rưới thêm ít nhiều khoái-lạc, thì nó có thể đi đến tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng. Hoặc thức, khi đang có mặt, (nó) có thể có mặt dính líu với cảm-giác (thọ) ... nhận-thức (tưởng) ... những sự tạo-tác (hành); được dựa trên những sự tạo-tác, được lập thành trên những sự tạo-tác, (và khi) được rưới thêm ít nhiều khoái-lạc, thì có thể đi đến tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng.

“Này các Tỳ kheo, dù ai có nói: ‘Ngoài sắc-thân, ngoài cảm-giác, ngoài nhận-thức, ngoài những sự tạo-tác, tôi sẽ (có thể) mô tả (chỉ ra, cho thấy) sự đến và sự đi của thức, sự biến qua và sự tái sinh của nó, sự tăng trưởng, sự gia tăng, và sự nhân rộng của nó’—điều đó là không thể.

“Này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo đã dẹp bỏ tham-dục đối với yếu tố sắc-thân (sắc giới), sau khi đã dẹp bỏ tham-dục thì cái cơ-sở [hay đối tượng] bị cắt bỏ: thì đâu còn một trợ-giúp nào cho *sự lập-thành của thức*. Nếu người đó đã dẹp bỏ tham-dục đối với yếu tố cảm-giác (thọ giới) ... yếu tố nhận-thức (tưởng giới) ... yếu tố những sự tạo-tác (hành giới) ... đối với yếu tố thức (thức giới), sau khi đã dẹp bỏ tham-dục thì cái cơ-sở bị cắt bỏ: thì đâu còn một trợ-giúp nào cho *sự lập-thành của thức*.

“Khi thức đó không được lập thành, không đi đến tăng trưởng, không tạo phát này nọ, thì nó được giải-thoát. Nhờ nó được giải-thoát, cho nên nó ổn định; nhờ được ổn định, cho nên nó hài lòng; nhờ được hài lòng,

cho nên người tu không bị khích-động. Nhờ không bị khích-động, cho nên người tu tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:54)

55 (3) *Lời Cảm Hứng Nói Ra* (tự thuyết)

Ở Sāvattthī.

Lúc đó đức Thế Tôn đã tự mình nói ra điều này: “Lẽ ra nó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra với ta (tức không nên là ‘của-ta’), [và giờ] nó sẽ không xảy ra; nó sẽ không xảy ra với ta’: một Tỳ kheo thiết lập (chủ tâm, quyết tâm, giải quyết) như vậy thì có thể cắt bỏ được năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử).”⁷⁵

Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn:

“Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào thì một Tỳ kheo có thể thiết lập như vậy: ‘Lẽ ra nó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra với ta (tức không nên là ‘của-ta’), [và giờ] nó sẽ không xảy ra; nó sẽ không xảy ra với ta’, thì có thể cắt bỏ được năm gông-cùm thấp hơn?”

[1] “Ở đây, này các Tỳ kheo, người phạm chưa được chỉ dạy, không phải là người nhìn thấy (gặp được) những thánh nhân ... *cứ* coi sắc-thân là cái ‘ta’ ... hay ‘ta’ ở trong thức’.

(i) “Người đó không hiểu được đúng như nó thực là: sắc-thân vô thường là ‘sắc-thân vô thường’ ... cảm-giác vô thường là ‘cảm-giác vô thường’ ... nhận-thức vô thường là ‘nhận-thức vô thường’ ... những sự tạo-tác vô thường là ‘những sự tạo-tác vô thường’ ... thức vô thường là ‘thức vô thường’.

(ii) “Người đó không hiểu được đúng như nó thực là: sắc-thân *khổ* là ‘sắc-thân khổ’ ... cảm-giác *khổ* là ‘cảm-giác khổ’ ... nhận-thức *khổ* là

‘nhận-thức khô’ ... những sự tạo-tác khô là ‘những sự tạo-tác khô’ ... thức khô là ‘thức khô’.

(iii) “Người đó không hiểu được đúng như nó thực là: sắc-thân *vô ngã* là ‘sắc-thân vô ngã ... cảm-giác vô ngã là ‘cảm-giác vô ngã’ ... nhận-thức vô ngã là ‘nhận-thức vô ngã’ ... những sự tạo-tác vô ngã là ‘những sự tạo-tác vô ngã’ ... thức vô ngã là ‘thức vô ngã’.

(iv) “Người đó không hiểu được đúng như nó thực là: sắc-thân *có điều-kiện* (hữu-vi) là ‘sắc-thân có điều-kiện ... cảm-giác có điều-kiện là ‘cảm-giác có điều-kiện’ ... nhận-thức có điều-kiện là ‘nhận-thức có điều-kiện’ ... những sự tạo-tác có điều-kiện là ‘những sự tạo-tác có điều-kiện’ ... thức có điều-kiện là ‘thức có điều-kiện’.

(v) “Người đó không hiểu được đúng như nó thực là: sắc-thân *sẽ bị hủy diệt* là ‘sắc-thân sẽ bị hủy diệt’ ... cảm-giác sẽ bị hủy diệt là ‘cảm-giác sẽ bị hủy diệt’ ... nhận-thức sẽ bị hủy diệt là ‘nhận-thức sẽ bị hủy diệt’ ... những sự tạo-tác sẽ bị hủy diệt là ‘những sự tạo-tác sẽ bị hủy diệt’ ... thức sẽ bị hủy diệt là ‘thức sẽ bị hủy diệt’, đúng như nó thực là.⁷⁶

[2] “Này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy (gặp được) những thánh nhân ... thì *không* coi sắc-thân là cái ‘ta’ ... hay ‘ta’ ở trong thức.

(i) “Người đó hiểu được đúng như nó thực là: sắc-thân *vô thường* là ‘sắc-thân vô thường’ ... cảm-giác vô thường là ‘cảm-giác vô thường’ ... nhận-thức vô thường là ‘nhận-thức vô thường’ ... những sự tạo-tác vô thường là ‘những sự tạo-tác vô thường’ ... thức vô thường là ‘thức vô thường’.

(ii) “Người đó hiểu được đúng như nó thực là: sắc-thân *khổ* là ‘sắc-thân khổ ... cảm-giác khổ là ‘cảm-giác khổ’ ... nhận-thức khổ là ‘nhận-thức khổ’ ... những sự tạo-tác khổ là ‘những sự tạo-tác khổ’ ... thức khổ là ‘thức khổ’.

(iii) “Người đó hiểu được đúng như nó thực là: sắc-thân *vô ngã* là ‘sắc-thân vô ngã ... cảm-giác vô ngã là ‘cảm-giác vô ngã’ ... nhận-thức

vô ngã là ‘nhận-thức vô ngã’ ... những sự tạo-tác vô ngã là ‘những sự tạo-tác vô ngã’ ... thức vô ngã là ‘thức vô ngã’, đúng như nó thực là.

(iv) “Người đó hiểu được sắc-thân *có điều-kiện* (hữu-vi) là ‘sắc-thân có điều-kiện ... cảm-giác là có điều-kiện là ‘cảm-giác có điều-kiện’ ... nhận-thức là có điều-kiện là ‘nhận-thức có điều-kiện’ ... những sự tạo-tác là có điều-kiện là ‘những sự tạo-tác có điều-kiện’ ... thức là có điều-kiện là ‘thức có điều-kiện’.

(v) “Người đó hiểu được đúng như nó thực là: sắc-thân *sẽ bị hủy diệt* là ‘sắc-thân sẽ bị hủy diệt’ ... cảm-giác là sẽ bị hủy diệt là ‘cảm-giác sẽ bị hủy diệt’ ... nhận-thức là sẽ bị hủy diệt là ‘nhận-thức sẽ bị hủy diệt’ ... những sự tạo-tác là sẽ bị hủy diệt là ‘những sự tạo-tác sẽ bị hủy diệt’ ... thức là sẽ bị hủy diệt là ‘thức sẽ bị hủy diệt’.

- “Với sự hủy diệt (chấm-dứt hoàn toàn) của sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác, và thức, vị Tỳ kheo đó, sau khi thiết lập như vậy: ‘Lẽ ra điều đó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra với ta, điều đó sẽ không xảy ra; [và] nó sẽ không xảy ra với ta’, thì có thể cắt bỏ năm gông-cùm thấp hơn.”⁷⁷

[3] “Thưa Thế Tôn, khi thiết lập như vậy, thì một Tỳ kheo có thể cắt bỏ năm gông-cùm thấp hơn. Nhưng, theo cách nào người tu thấy, theo cách nào người tu biết, để có thể xảy ra ‘sự lập tức tiêu diệt ô-nhiễm’?”⁷⁸

(i) “Ở đây, này Tỳ kheo, người phạm chưa được chỉ dạy *bị sợ-hãi* với một vấn đề không có lý làm sợ-hãi. Vì điều đó làm sợ-hãi người phạm chưa được chỉ dạy (khi người đó nghĩ rằng): ‘Lẽ ra điều đó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra với ta, điều đó sẽ không xảy ra; [và] nó sẽ không xảy ra với ta’. Nhưng người thánh đệ tử đã được chỉ dạy thì *không bị sợ-hãi* với một vấn đề không có lý làm sợ hãi. Vì nó *không* làm sợ-hãi người thánh đệ tử đã được chỉ dạy (khi người đó nghĩ rằng): ‘Lẽ ra điều đó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra với ta, [và] điều đó sẽ không xảy ra; nó không xảy ra với ta’.”⁷⁹

(ii) “Này các Tỳ kheo, thức, khi đang có mặt (đang trụ, đang hiện hành) (nó) có thể có mặt dính líu với sắc-thân ... dính líu với cảm-giác ... dính líu với nhận-thức ... dính líu với những sự tạo-tác ... dính líu với thức; được dựa trên những sự tạo-tác, được lập thành trên những sự tạo-tác, (và khi) được rưới thêm ít nhiều khoái-lạc, thì nó có thể tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng.

(iii) “Này các Tỳ kheo, dù ai có nói: ‘Ngoài sắc-thân, ngoài cảm-giác, ngoài nhận-thức, ngoài những sự tạo-tác, tôi sẽ (có thể) mô tả (chỉ ra, cho thấy) sự đến và sự đi của thức, sự biến qua và sự tái sinh của nó, sự tăng trưởng, sự gia tăng, và sự nhân rộng của nó’— điều đó là không thể.

(iv) “Này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo đã dẹp bỏ tham-dục đối với yếu tố sắc-thân (sắc giới), khi đã dẹp bỏ tham-dục thì cái cơ-sở [hay đối tượng] bị cắt bỏ: thì đâu còn một trợ-giúp nào cho *sự lập-thành của thức*. (coi chú thích 71 kinh **22:53**). Nếu người đó đã dẹp bỏ tham-dục đối với yếu tố cảm-giác (thọ giới) ... yếu tố nhận-thức (tưởng giới) ... yếu tố những sự tạo-tác (hành giới) ... đối với yếu tố thức (thức giới), sau khi đã dẹp bỏ tham-dục thì cái cơ-sở bị cắt bỏ: thì đâu còn một trợ-giúp nào cho *sự lập-thành của thức*.

(v) “Khi thức đó không được lập thành, không đi đến tăng trưởng, không tạo phát này nọ, thì nó được giải-thoát. (coi chú thích 79 đoạn (i) trên đây). Nhờ nó được giải-thoát, cho nên nó ổn định; nhờ được ổn định, cho nên nó hài lòng; nhờ được hài lòng, cho nên người tu không bị khích-động. Nhờ không bị khích-động, cho nên người tu tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

“Này Tỳ kheo, theo cách như vậy một người tu biết, theo cách như vậy người tu thấy, thì có thể xảy ra ‘sự lập tức tiêu diệt ô-nhiễm’.”

(SN 22:55)

56 (4) Những Giai Đoạn Chuyển Biến Của Các Uẩn

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có năm uẩn dính chấp-thủ (năm thủ uẩn). Năm đó là gì? Uẩn sắc-thân bị dính chấp, uẩn cảm-giác bị dính chấp, uẩn nhận-thức bị dính chấp, uẩn những sự tạo-tác bị dính chấp, uẩn thức bị dính chấp.

“Chùng nào ta chưa trực-tiếp biết năm uẩn dính chấp-thủ theo bốn giai đoạn,⁸⁰ đúng như chúng thực là, thì ta không tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này những tu sĩ (sa-môn) và bà-la-môn, những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết tất cả điều đó, đúng như chúng thực là, ta mới tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng trong thế giới này có ... những thiên thần và loài người.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào có bốn giai đoạn đó? Ta trực-tiếp biết sắc-thân (sắc), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó. Ta trực-tiếp biết cảm-giác (thọ) ... nhận-thức (tưởng) ... những sự tạo-tác (hành) ... thức (thức), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó.

(1) “Và này các Tỳ kheo, cái gì là *sắc-thân* (sắc)? Bốn yếu-tố lớn (tứ đại) và những thể sắc phái sinh từ bốn yếu-tố lớn đó. Đây được gọi là sắc. Khi có khởi sinh ‘dưỡng-chất’ là khởi sinh sắc-thân. Khi chấm dứt ‘dưỡng-chất’ là chấm dứt sắc-thân. Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự chấm dứt sắc-thân; đó gồm (tám phần tu tập): chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định [cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, và sự định-tâm đúng đắn].⁸¹

(a) “Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực-tiếp biết như vậy về *sắc-thân*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự

chấm-dứt nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự ghê-sợ đối với sắc-thân, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có-được một chỗ-đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.⁸²

(b) “Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về *sắc-thân*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, thông qua sự ghê-sợ đối với sắc-thân, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, họ được giải-thoát nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt), họ được giải-thoát một cách thiện khéo. Những người được khéo giải-thoát là những người toàn-vẹn (toàn thiện). Đối với những người toàn-vẹn như vậy, thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả họ. (tức, họ không còn tái sinh, không còn thị hiện trong thế gian nữa).⁸³

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *cảm-giác* (thọ)? Cảm giác có sáu dạng như vậy: (i) cảm giác có từ mắt tiếp xúc, (ii) cảm giác có từ tai tiếp xúc, (iii) cảm giác có từ mũi tiếp xúc, (iv) cảm giác có từ lưỡi tiếp xúc, (v) cảm giác có từ thân chạm xúc, (vi) cảm giác có từ tâm tiếp xúc. Đây được gọi là cảm-giác. Khi có ‘tiếp xúc’ (xúc) thì khởi sinh cảm-giác (thọ).⁸⁴ Khi chấm dứt ‘tiếp xúc’ (xúc diệt) thì chấm dứt cảm-giác (thọ diệt). Bát Thánh Đạo là con-đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác; đó gồm (tám phần tu tập): chánh kiến ... chánh định.

(a) “Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực-tiếp biết như vậy về *cảm-giác*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự ghê-sợ đối với cảm-giác, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này. **

(b) “Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về *cảm-giác*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, thông qua sự ghê-sợ đối với cảm-giác, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, họ được giải-thoát nhờ sự không còn

chấp-thủ (thủ diệt) ... Đối với những người toàn- vẹn như vậy, thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả họ.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *nhận-thức*? Nhận thức có sáu dạng như vậy: (i) nhận thức về những hình-sắc, (ii) nhận thức về những âm-thanh, (iii) nhận thức về những mùi-hương, (iv) nhận thức về những mùi-vị, (v) nhận thức về những đối-tượng chạm xúc, (vi) nhận thức về những hiện-tượng thuộc tâm. Đây được gọi là nhận-thức. Khi có ‘tiếp xúc’ là có khởi sinh nhận-thức. Khi chấm dứt ‘tiếp xúc’ là chấm dứt nhận-thức. Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự chấm dứt nhận-thức; đó gồm (tám phần tu tập): chánh-kiến ... chánh-định.

(a) “Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực-tiếp biết như vậy về *nhận-thức*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự ghê-sợ đối với nhận-thức, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

(b) “Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về *nhận-thức*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, thông qua sự ghê-sợ đối với nhận-thức, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, họ được giải-thoát nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt) ... Đối với những người toàn- vẹn như vậy, thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả họ.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *những sự tạo-tác*? Sự cố-ý (tư) có sáu dạng:⁸⁵ (i) sự cố-ý đối với những hình-sắc, (ii) sự cố-ý đối với những âm-thanh, (iii) sự cố-ý đối với những mùi-hương, (iv) sự cố-ý đối với những mùi-vị, (v) sự cố-ý đối với những đối-tượng chạm xúc, (vi) sự cố-ý đối với những hiện-tượng thuộc tâm (các pháp). Những sự này được gọi là những sự tạo-tác (các hành). Khi có ‘sự tiếp-xúc’ (xúc) là có khởi sinh ‘những sự tạo-tác’ (hành). Khi chấm dứt ‘sự tiếp-xúc’ (xúc diệt) là chấm dứt ‘những sự tạo-tác’ (hành diệt). Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự

chấm-dứt những sự tạo-tác; đó gồm (tám phần tu tập): chánh-kiến ... chánh-định.

(a) “Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực-tiếp biết như vậy về *những sự tạo-tác*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

(b) “Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về *những sự tạo-tác*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, thông qua sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, họ được giải-thoát nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt) ... Đối với những người toàn-vẹn như vậy, thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả họ.

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *thức*? Thức có sáu dạng như vậy: (i) thức mắt, (ii) thức tai, (iii) thức mũi, (iv) thức lưỡi, (v) thức thân, (vi) thức tâm. Đây được gọi là thức. Khi có ‘danh-sắc’ (danh sắc) là có khởi sinh thức (thức). Khi chấm dứt ‘danh-sắc’ (danh sắc diệt) là chấm dứt thức (thức diệt). Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự chấm dứt thức; đó gồm (tám phần tu tập): chánh-kiến ... chánh-định.⁸⁶

(a) “Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực-tiếp biết như vậy về *thức*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự ghê-sợ đối với thức, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

(b) “Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về *thức*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, thông qua sự ghê-sợ đối với thức, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, họ được giải-thoát nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ

diệt) ... Đối với những người toàn-vẹn như vậy, thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả họ.

(SN 22:56)

57 (5) Bảy Trường Hợp

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, là người thiện khéo trong bảy (07) trường hợp và là người điều-tra tìm hiểu theo ba (03) cách, thì trong Giáo Pháp và Giới Luật này được gọi là một người toàn-vẹn (toàn thiện), người đã sống đời sống tâm linh một cách tròn đầy, là loại người cao nhất”.⁸⁷

(I) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là thiện khéo trong bảy trường hợp? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được sắc-thân, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó; người đó hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sắc-thân.

“Người đó hiểu được cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó; người đó hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] thức.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sắc-thân*? Bốn yếu-tố lớn (tứ đại) và những thể sắc phái sinh từ bốn yếu-tố lớn đó: đây được gọi là sắc-thân. Khi khởi sinh ‘dưỡng-chất’ thì có khởi sinh sắc-thân. Khi chấm dứt ‘dưỡng-chất’ là chấm dứt sắc-thân. Bát Thánh Đạo là con đường dẫn tới sự chấm dứt sắc-thân; đó gồm (tám phần tu tập): chánh-kiến ... chánh-định.

“Sự khoái thích và vui thích khởi-sinh tùy thuộc vào sắc-thân: đây chính là sự thỏa-thích trong sắc-thân. Mà sắc-thân đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong sắc-thân. Sự loại bỏ và dẹp bỏ dục và tham đối với sắc-thân: đây chính là sự thoát-khỏi sắc-thân.

(a) “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về *sắc-thân*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó; sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] *sắc-thân*, *đang tu tập với mục đích dẫn tới sự ghê-sợ* đối với *sắc-thân*, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo thì đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

(b) “Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về *sắc-thân*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó; sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] *sắc-thân*, thông qua sự ghê-sợ đối với *sắc-thân*, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó (cho nên) *được giải-thoát nhờ sự không chấp-thủ* (thủ diệt), là họ được giải-thoát một cách thiện khéo. Những ai được giải-thoát một cách thiện khéo là những người toàn-ven (toàn thiện). Đối với những người toàn-ven, thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả họ.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *cảm-giác*? Có sáu dạng cảm-giác: cảm-giác có từ mắt tiếp xúc ... *[trong tự đoạn này trong kinh 22:56 kể trên]* ... cảm-giác có từ tâm tiếp xúc. Đây được gọi là cảm-giác. Khi có ‘tiếp-xúc’ (xúc) thì khởi sinh cảm-giác (thọ). Khi chấm dứt ‘tiếp-xúc’ (xúc diệt) là chấm dứt cảm-giác (thọ diệt). Bát Thánh Đạo là con đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác; đó gồm (tám phần tu tập): chánh-kiến ... chánh-định.

“Sự khoái thích và vui thích khởi-sinh tùy thuộc vào cảm-giác: đây chính là sự thỏa-thích trong cảm-giác. Mà cảm-giác đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong cảm-giác. Sự loại bỏ và dẹp bỏ dục và tham đối với cảm-giác: đây chính là sự thoát-khỏi cảm-giác.

(a) “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về *cảm-giác* ... sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] cảm-giác ... đang tu tập với mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với cảm-giác ... là họ đang tu

tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo thì *đã có-được một chỗ đứng* trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

(b) “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về *cảm-giác* ... sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] cảm-giác ... thông qua sự ghê-sợ đối với sắc-thân ... (cho nên) *được giải-thoát nhờ sự không chấp-thủ* (thủ diệt), là họ được giải-thoát một cách thiện khéo ... là những người toàn-vẹn. Đối với những người toàn-vẹn, thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả họ.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *nhận-thức*? Có sáu dạng nhận-thức: nhận thức về sắc-thân ... nhận thức về các hiện-tượng thuộc tâm (các pháp). Đây được gọi là nhận-thức. Khi có ‘tiếp-xúc’ (xúc) thì khởi sinh nhận-thức (tưởng). Khi chấm dứt ‘tiếp-xúc’ (xúc diệt) là chấm dứt nhận-thức (tưởng diệt). Bát Thánh Đạo là con đường dẫn tới sự chấm dứt nhận-thức; đó gồm (tám phần tu tập): chánh-kiến ... chánh-định.

“Sự khoái thích và vui thích khởi-sinh tùy thuộc vào nhận-thức: đây chính là sự thỏa-thích trong nhận-thức. Mà nhận-thức đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong nhận-thức. Sự loại bỏ và dẹp bỏ dục và tham đối với nhận-thức: đây chính là sự thoát-khỏi nhận-thức.

(a) “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về *nhận-thức* ... sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] nhận-thức ... đang tu tập với mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với nhận-thức ... là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo thì *đã có-được một chỗ đứng* trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

(b) “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về *nhận-thức* ... sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] nhận-thức ... thông qua sự ghê-sợ đối với sắc-thân ... (cho nên) *được giải-thoát nhờ sự không chấp-thủ* (thủ diệt), là họ được giải-thoát một cách thiện khéo ... là những người toàn-vẹn. Đối với những người toàn-vẹn, thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả họ.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *những sự tạo-tác*? Sự cố-ý (tư) có sáu dạng: sự cố-ý đối với sắc-thân ... sự cố-ý đối với những hiện-tượng thuộc tâm. Đây được gọi là những sự tạo-tác. Khi có ‘tiếp-xúc’ (xúc) thì khởi sinh những sự tạo-tác (hành). Khi chấm dứt ‘tiếp-xúc’ (xúc diệt) là chấm dứt những sự tạo-tác (hành diệt). Bát Thánh Đạo là con đường dẫn tới sự chấm dứt những sự tạo-tác; đó gồm (tám phần tu tập): chánh-kiến ... chánh-định.

“Sự khoái thích và vui thích khởi-sinh tùy thuộc vào những sự tạo-tác: đây chính là sự thỏa-thích trong những sự tạo-tác. Mà những sự tạo-tác đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong những sự tạo-tác. Sự loại bỏ và dẹp bỏ dục và tham đối với những sự tạo-tác: đây chính là sự thoát-khỏi những sự tạo-tác.

(a) “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về *những sự tạo-tác* ... sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] những sự tạo-tác ... đang tu tập với mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác ... là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo thì đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

(b) “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về *những sự tạo-tác* ... sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] những sự tạo-tác ... thông qua sự ghê-sợ đối với sắc-thân ... (cho nên) được giải-thoát nhờ sự không chấp-thủ (thủ diệt), là họ được giải-thoát một cách thiện khéo ... là những người toàn-vẹn. Đối với những người toàn-vẹn, thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả họ.

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *thức*? Có sáu dạng thức: thức mắt ... thức-tâm. Đây được gọi là thức. Khi có ‘danh-sắc’ (danh sắc) thì khởi sinh thức (thức). Khi chấm dứt phần ‘danh-sắc’ (danh sắc diệt) là chấm dứt thức (thức diệt). Bát Thánh Đạo là con đường dẫn tới sự chấm dứt thức; đó gồm (tám phần tu tập): chánh-kiến ... chánh-định.

“Sự khoái thích và vui thích khởi-sinh tùy thuộc vào thức: đây chính là sự thỏa-thích trong thức. Mà thức đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay

đôi: đây chính là sự nguy-hại trong thức. Sự loại bỏ và dẹp bỏ dục và tham đối với thức: đây chính là sự thoát-khỏi thức.

(a) “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về thức ... sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] thức ... đang tu tập với mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với thức ... là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo thì đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

(b) “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về thức ... sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] thức ... thông qua sự ghê-sợ đối với sắc-thân ... (cho nên) được giải-thoát nhờ sự không chấp-thủ (thủ diệt), là họ được giải-thoát một cách thiện khéo ... là những người toàn-vẹn. Đối với những người toàn-vẹn, thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả họ.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy thì một Tỳ kheo là thiện khéo trong bảy (07) trường hợp.

(II) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là người điều-tra tìm hiểu theo ba (03) cách? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo điều-tra tìm hiểu (1) theo cách các yếu-tố (giới) [như các kinh chương SN 14], (2) theo cách sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ) [như các kinh chương SN 35], và (3) theo cách của ‘sự khởi-sinh tùy-thuộc’ (lý duyên khởi) [như các kinh chương SN 12]. Theo cách như vậy thì một Tỳ kheo là người điều-tra tìm hiểu theo ba (03) cách.⁸⁸

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, là người thiện khéo trong bảy (07) trường hợp và là người điều-tra tìm hiểu theo ba (03) cách, thì trong Giáo Pháp và Giới Luật này được gọi là một người toàn-vẹn, người đã sống đời sống tâm linh một cách tròn đầy, là loại người cao nhất.”

(SN 22:57)

58 (6) Bạc Toàn Giác

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác [giác ngộ toàn thiện], được giải thoát nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt) thông qua sự ghê-sợ đối với sắc-thân (sắc), thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, thì được gọi là một bậc Toàn Giác. Một Tỳ kheo được giải thoát nhờ trí-tuệ, được giải thoát nhờ sự không còn chấp-thủ thông qua sự ghê-sợ đối với sắc-thân, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, thì được gọi là một người được giải-thoát nhờ trí-tuệ.⁸⁹

“Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, được giải thoát nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt) thông qua sự ghê-sợ đối với cảm-giác (thọ) ... nhận-thức (tưởng) ... những sự tạo-tác (hành) ... thức (thức), thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, thì được gọi là một bậc Toàn Giác. Một Tỳ kheo được giải thoát nhờ trí-tuệ, được giải thoát nhờ sự không còn chấp-thủ thông qua sự ghê-sợ đối với cảm-giác ... thức, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, thì được gọi là một người được giải-thoát nhờ trí-tuệ.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, cái gì là sự phân biệt, cái gì sự khác biệt, cái gì là sự khác nhau giữa Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác với một Tỳ kheo được giải thoát nhờ trí-tuệ?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói, này các Tỳ kheo.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, là người phát khởi con-đường [đạo] chưa khởi sinh trước đó, là người tạo ra con-đường chưa được tạo ra trước đó, là người tuyên thuyết con-đường chưa được tuyên thuyết trước đó. Bậc ấy là người-biết con-đường, là người-khám-phá con-đường, là người thiện-thạo về con-đường. Và những người

đệ tử của bậc ấy giờ đang sống theo con-đường đó và sau đó họ trở nên có-được con-đường đó (đắc đạo đó).

“Này các Tỳ kheo, đây là sự phân biệt, sự không tương đồng, sự khác biệt giữa Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác (tức một vị Phật) với một Tỳ kheo được giải thoát nhờ trí-tuệ.”

(SN 22:58)

59 (7) *Đặc Tính Vô Ngã* (vô ngã tướng) ⁹⁰

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Bārāṇasī (Ba-la-nại), trong khu Vườn Nai ở Isipatana (Isipatana có nghĩa là: nơi những thiên thần hạ giới). Ở đó đức Thế Tôn nói với nhóm năm Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói:

“Này các Tỳ kheo, sắc-thân không phải là ‘ta’. Bởi nếu sắc-thân là ta, này các Tỳ kheo, thì sắc-thân này đâu dẫn tới khổ đau, và ta có thể quyết định: ‘Sắc-thân của ta phải như vậy; sắc-thân của ta không được như vậy.’ Nhưng bởi vì sắc-thân không phải là ‘ta’, cho nên tự nó dẫn tới khổ đau, và ta không thể nào quyết định: ‘Sắc-thân của ta phải như vậy; sắc-thân của ta không được như vậy.’⁹¹

“Cảm-giác không phải là ‘ta’ ... Nhận-thức không phải là ‘ta’ ... Những sự tạo-tác không phải là ‘ta’ ... Thức không phải là ‘ta’. Bởi nếu thức là ‘ta’, này các Tỳ kheo, thì thức này đâu dẫn tới khổ đau, và ta có thể quyết định: ‘Thức của ta phải như vậy; thức của ta không được như vậy.’ Nhưng bởi vì thức không phải là ‘ta’, cho nên tự nó dẫn tới khổ đau, và ta không thể nào quyết định: ‘Thức của ta phải như vậy; thức của ta không được như vậy.’

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân là thường hằng hay vô thường?”—“Là vô thường, thưa Thế Tôn”—“Mà thứ gì vô thường là khổ hay là sướng?”—“Là khổ, thưa Thế Tôn”,—“Thứ gì là vô thường, khổ, và

luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’] hay không?”—“Dạ không, thưa Thế Tôn”.

“Cảm-giác là thường hằng hay vô thường? ... Nhận-thức là thường hằng hay vô thường? ... Những sự tạo-tác là thường hằng hay vô thường? ... Thức là thường hằng hay vô thường?”—“Là vô thường, thưa Thế Tôn”, —“Mà thứ gì vô thường là khổ hay là sướng?”—“Là khổ, thưa Thế Tôn”,—“Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’] hay không?”—“Dạ không, thưa Thế Tôn”.

“Do vậy, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— tất cả sắc-thân nên được nhìn thấy đúng như chúng thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải ‘của ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’”.

“Mọi cảm-giác dù là loại gì ... mọi nhận-thức dù là loại gì ... mọi sự tạo-tác dù là loại gì ... mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— tất cả cảm-giác ... thức nên được nhìn thấy đúng như chúng thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải ‘của ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’”.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với sắc-thân, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát thì có sự-biết: ‘Nó được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn. Và trong khi bài kinh này đang được nói, tâm của năm vị Tỳ kheo đó đã được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt).

(SN 22:59)

60 (8) *Mahāli*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li), trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm), trong Sảnh Đường Mái Nhọn. Rồi ông Mahāli người Licchavi đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, (đạo sư) Pūraṇa Kassapa (Phú-lâu-na Ca-diếp) nói như vậy: ‘Không có nhân và duyên [nguyên-nhân và điều-kiện] nào tạo ra sự ô-nhiễm của chúng sinh; chúng sinh bị ô-nhiễm không phải do nhân hay duyên nào cả. Không có nhân hay duyên nào làm nên sự trong-sạch (thanh tịnh) của chúng sinh; chúng sinh được thanh-lọc không phải do nhân và duyên nào cả.’ Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”⁹²

“Này Mahāli, có nhân và duyên tạo ra sự ô-nhiễm của chúng sinh; chúng sinh bị ô-nhiễm là (do) có nhân và duyên (tạo ra). Có nhân và duyên làm nên sự trong-sạch của chúng sinh; chúng sinh được thanh-lọc là (do) có nhân và duyên (làm nên).”

(1) “Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là có nhân và duyên tạo ra sự ô-nhiễm của chúng sinh? Theo cách nào mà chúng sinh bị ô-nhiễm vì có nhân và duyên?”

“Này Mahāli, nếu sắc-thân (sắc) này chỉ (có) toàn khổ, chìm đắm trong khổ, chìm ngập trong khổ, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sướng, thì chúng sinh đâu bị đắm mê với nó. Nhưng bởi vì sắc-thân là (có) sướng, chìm đắm trong sướng, chìm ngập trong sướng, chứ nó không phải chỉ chìm ngập trong khổ, cho nên chúng sinh bị mới đắm mê với nó.”⁹³ Do

bị đắm mê với nó nên họ bị lôi cuốn bởi nó, và do bị lôi cuốn bởi nó nên họ bị ô-nhiễm. Nay Mahāli, đây là một nhân và duyên tạo ra sự ô-nhiễm của chúng sinh; chính theo cách như vậy chúng sinh bị ô-nhiễm vì có nhân và duyên.

“Nay Mahāli, nếu cảm-giác (thọ) này chỉ (có) toàn khổ ... Nếu nhận-thức (tưởng) này ... những sự tạo-tác (hành) này ... thức (thức) này chỉ (có) toàn khổ, chìm đắm trong khổ, chìm ngập trong khổ, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sướng, thì chúng sinh đâu bị đắm mê với nó. Nhưng bởi vì cảm-giác ... thức là (có) sướng, chìm đắm trong sướng, chìm ngập trong sướng, chứ nó không phải chỉ chìm ngập trong khổ, cho nên chúng sinh bị mới đắm mê với nó. Do bị đắm mê với nó nên họ bị lôi cuốn bởi nó, và do bị lôi cuốn bởi nó nên họ bị ô-nhiễm. Nay Mahāli, đây cũng là một nhân và duyên tạo ra sự ô-nhiễm của chúng sinh; chính theo cách như vậy chúng sinh bị ô-nhiễm vì có nhân và duyên.

(2) “Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là nhân và duyên làm nên sự trong-sạch của chúng sinh? Theo cách nào mà chúng sinh được thanh-lọc nhờ có nhân và duyên?”

“Nay Mahāli, nếu sắc-thân này chỉ (có) toàn sướng, chìm đắm trong sướng, chìm ngập trong sướng, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong khổ, thì chúng sinh đâu trải nghiệm (thấy) sự ghê-sợ đối với nó. Nhưng bởi vì sắc-thân là (có) khổ, chìm đắm trong khổ, chìm ngập trong khổ, và nó không [chỉ] chìm ngập trong sướng, nên chúng sinh trải nghiệm sự ghê-sợ đối với nó. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, họ trở nên chán-bỏ, và thông qua sự chán-bỏ họ được thanh-lọc (trong sạch, thanh tịnh). Nay Mahāli, đây là một nhân và duyên làm nên sự trong-sạch của chúng sinh; chính theo cách như vậy mà chúng sinh được thanh-lọc nhờ có nhân và duyên.

“Nay Mahāli, nếu cảm-giác này chỉ (có) toàn sướng ... Nếu nhận-thức này ... Nếu những sự tạo-tác này ... Nếu thức này chỉ (có) toàn sướng, chìm đắm trong sướng, chìm ngập trong sướng, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong khổ, thì chúng sinh đâu trải nghiệm (thấy) sự ghê-sợ đối

với nó. Nhưng bởi vì cảm-giác ... thức là (có) khổ, chìm đắm trong khổ, chìm ngập trong khổ, và nó không [chi] chìm ngập trong sướng, nên chúng sinh trải nghiệm sự ghê-sợ đối với nó. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, họ trở nên chán-bỏ, và thông qua sự chán-bỏ họ được thanh-lọc. Nay Mahāli, đây cũng là một nhân và duyên làm nên sự trong-sạch của chúng sinh; chính theo cách như vậy mà chúng sinh được thanh-lọc nhờ có nhân và duyên.”

(SN 22:60)

61 (9) Bốc Cháy⁹⁴

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sắc-thân đang bốc cháy, cảm-giác đang bốc cháy, nhận-thức đang bốc cháy, những sự tạo-tác đang bốc cháy, thức đang bốc cháy. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với sắc-thân, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát thì có sự-biết: ‘Nó được giải-thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’”.

(SN 22:61)

62 (10) Những Đường Chữ Nghĩa

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, này có ba đường chữ-nghĩa, là ba đường chi-định, ba đường mô-tả,⁹⁵ nó không bị pha tạp, đã chưa từng bị pha tạp, đang

không bị pha tạp, và sẽ không bị pha tạp, không bị chê trách bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. Ba đó là gì?

“Này các Tỳ kheo, mọi sắc-thân *đã* biến qua, đã chấm dứt, đã thay đổi: thì chữ, sự chỉ định, và sự mô tả “*đã*” được dùng để chỉ nó, không dùng chữ ‘đang’ hay chữ ‘sẽ’.

“Mọi cảm-giác ... Mọi nhận-thức ... Mọi sự tạo-tác ... Mọi thức *đã* biến qua, đã chấm dứt, đã thay đổi: thì chữ, sự chỉ định, và sự mô tả “*đã*” được dùng để chỉ nó, không dùng chữ ‘đang’ hay chữ ‘sẽ’.

“Này các Tỳ kheo, mọi sắc-thân *chưa* được sinh ra, chưa hiện thành (chưa thể hiện, hiện thị, xuất hiện): thì chữ, sự chỉ định, và sự mô tả “*sẽ*” được dùng để chỉ nó, không dùng chữ ‘đang’ hay chữ ‘đã’.

“Mọi cảm-giác ... Mọi nhận-thức ... Mọi sự tạo-tác ... chưa được sinh ra, chưa hiện thành: thì chữ, sự chỉ định, và sự mô tả “*sẽ*” được dùng để chỉ nó, không dùng chữ ‘đang’ hay chữ ‘đã’.

“Này các Tỳ kheo, mọi sắc-thân *đã* được sinh ra, đã hiện thành (thể hiện, hiện thị, xuất hiện): thì chữ, sự chỉ định, và sự mô tả “*đang*” (đang có mặt) dùng để chỉ nó, không dùng chữ ‘đã’ hay chữ ‘sẽ’.

“Mọi cảm-giác ... Mọi nhận-thức ... Mọi sự tạo-tác ... đã được sinh ra, đã hiện thành: thì chữ, sự chỉ định, và sự mô tả “*đang*” (đang có mặt) dùng để chỉ nó, không dùng chữ ‘đã’ hay chữ ‘sẽ’.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba đường chữ-nghĩa, là ba đường chỉ-định, ba đường mô-tả, chúng không bị pha tạp, chưa từng bị pha tạp, đang không bị pha tạp, sẽ không bị pha tạp, không bị chê trách bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí.

“Này các Tỳ kheo, ngay cả Vassa và Bañña ở xứ Ukkalā, là những người nắm giữ thuyết phi nhân-duyên, thuyết phi hành-động (phi tác nghiệp), và thuyết tự-diệt (diệt vong), cũng đã không nghĩ ba đường chữ-nghĩa, là ba đường chỉ-định, ba đường mô-tả này, cho nên bị khinh miệt hay chỉ trích. Vì lý do gì? Vì họ sợ bị chê trách, bị công kích và lên án.”⁹⁶

(SN 22:62)

NHÓM 2

NHÓM ‘NHỮNG A-LA-HÁN’

(*Arahanta-vagga*)

63 (1) *Khi Chấp Thủ*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có một Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, dễ mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ ở một mình (độc trú), thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Tỳ kheo, khi chấp-thủ [trong sự chấp-thủ], người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không chấp-thủ, người ta tự do khỏi Ác Ma đó.”⁹⁷

“Dạ con đã hiểu, thưa Thế Tôn! Con đã hiểu, thưa Thế Tôn!”

“Này Tỳ kheo, theo cách nào thầy hiểu được một cách chi tiết điều mới được ta nói ra một cách ngắn gọn như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, khi chấp-thủ theo *sắc-thân*, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không chấp-thủ theo nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. Khi chấp-thủ theo *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức*, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không chấp-thủ theo nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó.

“Thưa Thế Tôn, chính theo cách như vậy con hiểu một cách chi tiết điều được đức Thế Tôn mới nói ra một cách ngắn gọn.”

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta nói ra một cách ngắn gọn như vậy. Này Tỳ kheo, khi chấp-thủ theo *sắc-thân ...* người ta bị trói buộc bởi Ma-vương ... [*Phật lặp lại*]

như trên] ... bằng cách không chấp-thủ theo nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. Chính theo cách như vậy, ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết như vậy.”

Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi ra.

Sau đó, vị Tỳ kheo đó, đã ở một mình (độc trú), thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu vô thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã chân chính từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực-tiếp hiểu rằng: “Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.

Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 22:63)

64 (2) Khi Suy Tưởng

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn ... (*giống tương tự kinh trên*) ...

“Này Tỳ kheo, khi suy-tưởng, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không suy-tưởng, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó.

“Dạ con đã hiểu, thưa Thế Tôn! Con đã hiểu, thưa bậc Phúc Lành!”

“Này Tỳ kheo, theo cách nào thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta mới nói ra một cách ngắn gọn như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, khi suy tưởng *sắc-thân*, nên người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không suy-tưởng nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. Khi suy tưởng *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức*, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không bị suy tưởng nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó.

“Thưa Thế Tôn, chính theo cách như vậy con hiểu một cách chi tiết điều được Thế Tôn mới nói ra một cách ngắn gọn.”

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta nói ra một cách ngắn gọn như vậy. Này Tỳ kheo, khi suy tưởng *sắc-thân*, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương ... [*Phật lập lại như trên*] ... bằng cách không suy tưởng nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. Chính theo cách như vậy, ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết như vậy.”

Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi ra.

Sau đó, vị Tỳ kheo đó sống tu một mình ...

Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 22:64)

65 (3) Khi Tìm Cầu Khoái Lạc

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn ... (*giống tương tự kinh trên*) ...

“Này Tỳ kheo, khi tìm cầu khoái-lạc, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không tìm cầu khoái-lạc, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó.

“Dạ con đã hiểu, thưa Thế Tôn! Con đã hiểu, thưa bậc Phúc Lành!”

“Này Tỳ kheo, theo cách nào thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta mới nói ra một cách ngắn gọn như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, khi tìm cầu khoái-lạc trong *sắc-thân*, nên người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không tìm cầu khoái-lạc trong nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. Khi tìm cầu khoái-lạc trong *cảm-giác* ... trong *nhận-thức* ... trong *những sự tạo-tác* ... trong *thức*, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không tìm cầu khoái-lạc trong nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó.

“Thưa Thế Tôn, chính theo cách như vậy con hiểu một cách chi tiết điều được Thế Tôn mới nói ra một cách ngắn gọn.”

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta nói ra một cách ngắn gọn như vậy. Này Tỳ kheo, khi tìm cầu khoái-lạc trong *sắc-thân*, nên người ta bị trói buộc bởi Ma-vương ... [*Phật lặp lại như trên*] ... bằng cách không tìm cầu khoái-lạc trong nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. Chính theo cách như vậy, ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết như vậy.”

Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi ra.

Sau đó, vị Tỳ kheo đó sống tu một mình ...

Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 22:65)

66 (4) Vô-Thường

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn ... (*giống tương tự kinh trên*) ...

“Này Tỳ kheo, thầy nên dẹp bỏ dục đối với mọi thứ là *vô thường*.”

“Dạ con đã hiểu, thưa Thế Tôn! Con đã hiểu, thưa bậc Phúc Lành!”

“Này Tỳ kheo, theo cách nào thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta mới nói ra một cách ngắn gọn như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, *sắc-thân* là vô thường; con nên dẹp bỏ dục đối với nó. *Cảm-giác* là vô thường ... *Nhận-thức* là vô thường ... *Những sự tạo-tác* là vô thường ... *Thức* là vô thường; con nên dẹp bỏ dục đối với nó.

“Thưa Thế Tôn, chính theo cách như vậy con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều được Thế Tôn mới nói ra một cách ngắn gọn.”

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta nói ra một cách ngắn gọn như vậy. *Sắc-thân* là vô thường ... *Thức* là vô thường; thầy nên dẹp bỏ dục đối với nó. Chính theo cách như vậy, ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết như vậy.”

Sau đó, vị Tỳ kheo đó sống tu một mình ...

Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 22:66)

67 (5) Khổ

[*Giống kinh 22:66 kể trên, chỉ thay “vô thường” bằng chữ “khổ”.*]

(SN 22:67)

68 (6) Vô-Ngã

[Giống kinh 22:66 kể trên, chỉ thay “vô thường” bằng chữ “vô ngã”.]

(SN 22:68)

69 (7) Thứ Không Thuộc Về ‘Ta’

[Giống kinh 22:66 kể trên, chỉ thay “vô thường” bằng chữ “không thuộc về ‘ta’”.]

(SN 22:69)

70 (8) Thứ Có Vẻ Khiêu Gợi

[Giống kinh 22:66 kể trên, chỉ thay “vô thường” bằng chữ “có vẻ khiêu gợi”.]

(SN 22:70)

71 (9) Rādha

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có Ngài Rādha đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:⁹⁸

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để mà, đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả mọi dấu-hiệu (hình tướng) bên ngoài, thì cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) tạo ra sự ‘tự-ta’ (ngã mạn, ta-đây) không còn xảy ra ở bên trong?”

“Này Rādha, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần—một người nhìn thấy tất cả sắc-thân đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ

chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Mọi *cảm-giác* ... Mọi *nhận-thức* ... Mọi *sự tạo-tác* ... Mọi *thức* dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một người nhìn thấy tất cả *cảm-giác* ... tất cả *thức* đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Này Rādha, khi một người biết và thấy như vậy, thì đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả mọi dấu-hiệu bên ngoài: cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sự ‘tự-ta’ *không còn xảy ra* ở bên trong.”

Sau đó thầy Rādha sống tu một mình ...

Và thầy ấy đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 22:71)

72 (10) *Surādha*

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có Ngài Surādha đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để mà, đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả mọi dấu-hiệu (hình tướng) bên ngoài, tâm *khử sạch* cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), đã vượt trên sự phân-biệt đối đãi, và được bình-an và được giải-thoát một cách thiện khéo?”

“Này Surādha, mọi *sắc-thân* dù là loại gì, thuộc quá khứ, hay tương lai hay hiện tại, thô tế hay vi tế, thấp nhược hay cao siêu, xa hay gần— một người nhìn thấy tất cả *sắc-thân* đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ

chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Mọi *cảm-giác* ... Mọi *nhận-thức* ... Mọi *sự tạo-tác* ... Mọi *thức* dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một người nhìn thấy tất cả cảm-giác ... tất cả thức đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’], thì tâm được giải thoát nhờ sự không chấp-thủ.

“Này Surādha, khi một người biết và thấy như vậy, thì đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả mọi dấu-hiệu bên ngoài: tâm *khử sạch* cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và sự tự-ta, (nó) đã vượt trên sự phân-biệt đối đãi, và được bình-an và được giải-thoát một cách khéo léo.”

Sau đó thầy Surādha sống tu một mình ...

Và thầy ấy đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 22:72)

NHÓM 3

NHÓM ‘ĐANG BỊ NHAI NUỐT’

(*Khajjanīya-vagga*)

73 (1) *Sự Thỏa Thích ...*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, người phàm chưa được chỉ dạy không hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác, và thức, đúng như nó thực là.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác, và thức, đúng như nó thực là.”

(SN 22:73)

74 (2) *Nguồn Gốc ... (1)*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, người phàm chưa được chỉ dạy không hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác, và thức, đúng như nó thực là.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác, và thức, đúng như nó thực là.”

(SN 22:74)

75 (3) Nguồn Gốc ... (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác, và thức, đúng như nó thực là.”

(SN 22:75)

76 (4) Những A-la-hán (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sắc-thân là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Cảm-giác là vô thường ... Nhận-thức là vô thường ... Những sự tạo-tác là vô thường ... Thức là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Này các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với sắc-thân, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát thì có sự-biết: ‘Nó được giải-thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’

“Này các Tỳ kheo, dù tới tận đâu có các cõi của chúng sinh, ngay cả tới đỉnh cao nhất của sự hiện-hữu,⁹⁹ thì những bậc này là đứng đầu trong thế gian, những bậc này là tốt nhất trong thế gian, đó là những bậc A-la-hán.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy, nói thêm như vậy:

“Hạnh phúc thay những bậc A-la-hán!
Không còn dục-vọng bên trong họ.
Sự ‘tự-ta’ (ngã mạn) đã cắt bỏ’,
Lưới vô-minh đã phá bung.

“Họ đã đạt tới trạng thái bất-động,¹⁰⁰
Tâm trí họ rõ ràng minh mẫn;
Họ không còn bị dính nhiễm trong thế gian—
Những bậc thánh thiện, không-còn ô nhiễm.

“Sau khi đã hiểu được năm-uẩn,
Dựa vào bảy phẩm-hạnh,¹⁰¹
Những bậc thượng nhân đáng tôn vinh đó,
Là những người con ruột rà của Phật.

“Được trao cho bảy-báu,
Đã tu xong ba-phần tu-tập,¹⁰²
Những vị đại anh hùng đó đi khắp nơi,
Với sự sợ hãi và run sợ đã dẹp bỏ.

“Được phú đủ mười yếu-tố (chi phần),¹⁰³
Những con-rồng lớn đó, tâm đạt định,
Là những chúng sinh bậc nhất trong thế gian:
Dục-vọng đã không còn bên trong họ.

“Sự-biết tinh thông đã khởi sinh trong họ:”
‘Thân này là thân cuối cùng ta mang’.
Về cốt lõi của đời sống tâm linh,
Họ không còn phụ thuộc ai khác.

“Không còn bị lay động với ba sự phân-biệt,¹⁰⁴

Họ đã thoát khỏi sự tái-sinh.

Đã đạt tới giai đoạn của bậc đã tu-thành (A-la-hán),

Họ là những người chiến thắng trong thế gian.

“Trên, dưới, dọc, ngang,

Sự khoái-thích không còn bên trong họ.

Họ hiên ngang cất tiếng gầm sư tử rằng:

‘Những bậc giác-ngộ là tối thượng trong thế gian.’”

(SN 22:76)

77 (5) Những A-la-hán (2)

[Giống hết bài kinh kể trên, chỉ không có phần thi kệ.]

(SN 22:77)

78 (6) Sư Tử

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, vào buổi cuối chiều, sư tử, vua của các loài thú, ra khỏi hang ổ. Rồi nó rướn mình, dò xét hết bốn hướng xung quanh, và rống lên tiếng gầm sư tử ba lần, sau đó nó bắt đầu đi săn mồi.

“Khi con sư tử, vua của các loài thú, rống lên tiếng gầm sư tử, hầu hết những thú vật xung quanh nghe tiếng gầm đều cảm thấy đầy sợ-hãi, một sự cảm thấy sự cấp-bách và sự khiếp-sợ. Những con vật sống trong lỗ hang thì chui vào lỗ hang; những con sống dưới nước thì lặn xuống nước; những con sống trong rừng rậm thì bỏ chạy vô rừng rậm; và chim thì bay lên trời. Ngay cả những con voi đực lớn của hoàng gia, đang bị cột bởi những sợi dây da to chắc trong các ngôi làng, thị trấn và các đô thị, cũng cố bứt phá và bứt đứt dây cột; cũng khiếp đảm, té đái và té phân, cuồng

chạy khắp nơi. Nay các Tỳ kheo, sư tử thật là oai hùng giữa những loài thú, là vua của những loài thú, thật uy dũng và uy lực.

“Cũng giống như vậy, nay các Tỳ kheo,¹⁰⁵ khi Như Lai xuất hiện trong thế giới này, là bậc A-la-hán (đã tu thành), bậc toàn-giác (đã giác ngộ toàn thiện, chánh đẳng chánh giác), đã hoàn thiện đầy đủ trí-biết đích thực và phẩm-hạnh (minh hạnh túc), là bậc phúc lành (thiện thế), bậc hiểu biết những thế giới (thế gian giải), người dẫn dắt tối cao của những người cần được thuần phục (điều ngự trượng phu), thầy của những thiên thần và loài người (thiên nhân sư), bậc giác-ngộ (Phật), bậc Thế Tôn; Như Lai giảng dạy Giáo Pháp như vậy: ‘Này là sắc-thân, này là sự khởi-sinh của sắc-thân, này là sự biến-diệt của sắc-thân; này là cảm-giác ... này là nhận-thức ... này là những sự tạo-tác ... này là thức, này là sự khởi-sinh của thức, này là sự biến-diệt của thức.’

“Rồi, nay các Tỳ kheo, những thiên thần được sống đại thọ, đẹp đẽ, tràn đầy hạnh phúc, đang sống rất lâu trong những thiên cung tiên bồng, khi họ nghe thấy giáo lý của Như Lai, hầu hết họ cảm thấy đầy sự sợ-hãi, sự cảm-nhận sự cấp-bách, và sự khiếp-sợ [nên họ nói rằng]: ‘Coi chừng chúng ta là vô-thường, mặc dù chúng ta nghĩ mình là thường hằng; coi chừng chúng ta là không chắc-chắn, mặc dù chúng ta nghĩ mình là chắc chắn; coi chừng chúng ta sẽ bị hoại-diệt, mặc dù chúng ta nghĩ mình là bất diệt. Thưa ngài, coi chừng chúng ta là vô-thường, không chắc-chắn, sẽ bị hoại-diệt, bị nằm trong cái danh-tính này.’¹⁰⁶ Nay các Tỳ kheo, Như Lai thật là oai hùng trong khắp thế gian này có những thiên thần, Như Lai thật là uy dũng và uy lực.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi đã nói điều này, đức Thế Tôn, bậc Phúc Lành, Vị Thầy, đã nói thêm như vậy:

“Khi Đức Phật, thông qua tự-trí,
Thiết lập chuyển động bánh xe Giáo Pháp,
Trong thế giới này có những thiên thần,
Vị Thầy vô song đã tuyên thuyết [điều này]:

“Sự chấm dứt danh-tính
Và nguồn gốc của danh-tính,
Và con đường Bát Thánh Đạo
Dẫn tới sự lặn lặn khổ đau.

“Rồi những thiên thần có tuổi siêu đại thọ,
Đẹp đẽ, chói lọi trong hào quang,
Đều cảm thấy sợ hãi, đầy khiếp sợ,
Giống như những loài thú khi nghe tiếng gầm sư tử.

“Chúng ta chưa thoát khỏi danh-tính
Ôi thưa ngài, dường như chúng ta cũng vô-thường’,
[Họ thốt lên như vậy] sau khi nghe lời tuyên thuyết
Của bậc A-la-hán, bậc An Định đã được giải thoát.”

(SN 22:78)

79 (7) Đang Bị Nhai Nuốt

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào nhớ lại nhiều cõi sống trong quá khứ (tiền kiếp) của họ thì tất cả đều nhớ lại năm-uẩn dính chấp-thủ (năm thủ uẩn), hoặc một trong năm uẩn đó.¹⁰⁷ Năm đó là gì?

“Này các Tỳ kheo, khi nhớ lại như vậy: ‘Mình đã có sắc-thân như vậy trong quá khứ’, đó chính là sắc-thân mà người đó nhớ lại. Khi nhớ lại: ‘Mình đã có cảm-giác như vậy trong quá khứ’, đó chính là cảm-giác mà người đó nhớ lại. Khi nhớ lại: ‘Mình có nhận-thức như vậy trong quá khứ’, đó chính là nhận-thức mà người đó nhớ lại. Khi nhớ lại: ‘Mình có những sự tạo-tác như vậy trong quá khứ’, đó chính là những sự tạo-tác mà người đó nhớ lại. Khi nhớ lại: ‘Mình có thức như vậy trong quá khứ’, đó chính là thức mà người đó nhớ lại.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, vì sao các thầy gọi nó là *sắc-thân* (sắc)?¹⁰⁸
Này các Tỳ kheo, nó bị biến dạng (biến sắc, biến thể, biến tướng) nên nó

được gọi là dạng sắc-thân.¹⁰⁹ Biến dạng bởi gì? Bị biến dạng bởi lạnh, bị biến dạng bởi nóng, bị biến dạng bởi đói, bị biến dạng bởi khát, bị biến dạng bởi tiếp xúc với ruồi, muỗi, gió, nắng, và rần rít. ‘Nó bị biến dạng’, này các Tỳ kheo, nên nó được gọi là sắc-thân.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, vì sao các thầy gọi nó là *cảm-giác* (thọ)? Này các Tỳ kheo, ‘nó cảm nhận’ nên nó được gọi là cảm-giác.¹¹⁰ (vì chính cái cảm-giác nó cảm nhận, không phải ‘ai’ hay ‘chủ thể’ nào cảm nhận). Và nó cảm nhận cái gì? Nó cảm nhận sướng, nó cảm nhận khổ, nó cảm nhận không sướng không khổ. ‘Nó cảm nhận’, này các Tỳ kheo, nên nó được gọi là cảm-giác.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, vì sao các thầy gọi nó là *nhận-thức* (tuồng)? Này các Tỳ kheo, ‘nó nhận thức’, nên nó được gọi là sự nhận-thức. Và nó nhận thức cái gì? Nó nhận thức màu xanh, nó nhận thức màu vàng, nó nhận thức màu đỏ, nó nhận thức màu trắng. ‘Nó nhận thức’, này các Tỳ kheo, nên nó được gọi là nhận-thức.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, vì sao các thầy gọi nó là *những sự tạo-tác* (hành)? Này các Tỳ kheo, ‘chúng tự tạo tác những thứ/sự có điều-kiện (hữu vi) nên chúng được gọi là những sự tạo-tác.¹¹¹ Và chúng tạo tác những gì có điều-kiện? Chúng tạo tác sắc-thân có điều-kiện là sắc-thân;¹¹² chúng tạo tác cảm-giác có điều-kiện là cảm-giác; chúng tạo tác những sự tạo-tác có điều-kiện là những sự tạo-tác; chúng tạo tác thức có điều-kiện là thức. ‘Chúng tạo tác những thứ/sự có điều-kiện’, này các Tỳ kheo, nên chúng được gọi là những sự tạo-tác.

(5) “Và, này các Tỳ kheo, vì sao các thầy gọi nó là *thức*? Này các Tỳ kheo, ‘nó nhận biết’ nên nó được gọi là thức. Và nó nhận biết cái gì? Nó nhận biết chua, nó nhận biết đắng, nó nhận biết cay, nó nhận biết ngọt, nó nhận biết vị nặng, nó nhận biết vị nhẹ, nó nhận biết mặn, nó nhận biết nhạt; (tám vị). ‘Nó nhận biết’, này các Tỳ kheo, nên nó được gọi là thức.¹¹³

- “Trong đó, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy biết suy xét (quán xét, quán niệm) như vậy: ‘Giờ ta đang bị nhai nuốt (bị dày vò, bị làm khổ) bởi *sắc-thân*.¹¹⁴ Trong quá khứ ta cũng bị nhai nuốt bởi *sắc-thân* theo cách y như vậy, giờ ta đang bị nhai nuốt bởi *sắc-thân* hiện tại. Nếu ta tìm khoái-lạc trong *sắc-thân* tương lai, thì trong tương lai ta cũng bị nhai nuốt bởi *sắc-thân* theo cách y hệt như giờ ta đang bị nhai nuốt bởi *sắc-thân* hiện tại.’ Sau khi đã suy xét như vậy, người đó trở nên bàng-quan (không quan tâm) đối với *sắc-thân* quá khứ, người đó không tìm khoái-lạc trong *sắc-thân* tương lai, và người đó đang tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với *sắc-thân* hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.

- “[Người đó suy xét như vậy:] ‘Giờ ta đang bị nhai nuốt bởi *cảm-giác* ... ‘Giờ ta đang bị nhai nuốt bởi *nhận-thức* ... ‘Giờ ta đang bị nhai nuốt bởi *những sự tạo-tác* ... ‘Giờ ta đang bị nhai nuốt bởi *thức*. Trong quá khứ ta cũng bị nhai nuốt bởi *cảm-giác* ... *thức* theo cách y như vậy, giờ ta đang bị nhai nuốt bởi *cảm-giác* ... *thức* hiện tại. Nếu ta tìm khoái-lạc trong *cảm-giác* ... *thức* tương lai, thì trong tương lai ta cũng bị nhai nuốt bởi *cảm-giác* ... *thức* theo cách y hệt như giờ ta đang bị nhai nuốt bởi *cảm-giác* ... *thức* hiện tại.’ Sau khi đã suy xét như vậy, người đó trở nên bàng-quan (không quan tâm) đến *cảm-giác* ... *thức* quá khứ, người đó không tìm khoái-lạc trong *cảm-giác* ... *thức* tương lai, và người đó đang tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với *cảm-giác* ... *thức* hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.

- “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, *sắc-thân* là vô thường hay thường hằng? ... *Cảm-giác* là vô thường hay thường hằng? ... *Nhận-thức* là vô thường hay thường hằng? ... *Những sự tạo-tác* là vô thường hay thường hằng? ... *Thức* là vô thường hay thường hằng?”¹¹⁵ – “Vô thường, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng để được coi là như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’] hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, mọi sắc-thân dù là loại gì ... mọi cảm-giác dù là loại gì ... mọi nhận-thức dù là loại gì ... mọi sự tạo-tác dù là loại gì ... mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần: tất cả sắc-thân ... tất cả thức nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

(i) “Này các Tỳ kheo, đây được gọi là một đệ tử thánh thiện là người (đang) phá-bỏ (vòng luân-hồi) chứ không tạo-dựng (nó); là người dẹp-bỏ chứ không chấp-thủ; là người giải-tán chứ không tích-đồng; là người dập-tắt chứ không mồi-lửa. (*chỉ bậc học-nhân*)¹¹⁶

- “Và người đó phá-bỏ chứ không tạo-dựng cái gì? Người đó phá bỏ sắc-thân chứ không tạo dựng nó. Người đó phá bỏ cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức chứ không tạo dựng nó.

- “Và người đó dẹp-bỏ chứ không chấp-thủ vào cái gì? Người đó dẹp bỏ sắc-thân chứ không chấp-thủ vào nó. Người đó dẹp bỏ cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức chứ không chấp-thủ vào nó.

- “Và người đó giải-tán chứ không tích-đồng cái gì? Người đó giải tán sắc-thân chứ không tích đồng nó. Người đó giải tán cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức chứ không tích đồng nó.

- “Và người đó dập-tắt chứ không mồi-lửa cái gì? Người đó dập tắt sắc-thân chứ không mồi lửa nó. Người đó dập tắt cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức chứ không mồi lửa nó.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với sắc-thân, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi đã trải nghiệm như vậy, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát thì có sự-biết: ‘Nó được giải thoát’. Người đó hiểu

rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.

(ii) “Này các Tỳ kheo, đây được gọi là một đệ tử thánh thiện là người không còn phá-bỏ hay tạo-dựng (vòng luân-hồi), mà người đó chỉ an trú sau khi đã phá-bỏ (nó); là người không còn dẹp-bỏ hay chấp-thủ, mà người đó chỉ an trú sau khi đã dẹp-bỏ; là người không còn giải-tán hay tích-đồng, mà người đó chỉ an trú sau khi đã giải-tán; là người không còn dập-tắt hay mồi-lửa, mà người đó chỉ an trú sau khi đã dập-tắt. (*chi bạc A-la-hán*)¹¹⁷

- “Và, này các Tỳ kheo, người đó không còn phá-bỏ hay tạo-dựng cái gì mà giờ chỉ an-trú sau khi đã phá-bỏ nó? Người đó không còn phá bỏ hay tạo dựng *sắc-thân* mà chỉ an-trú sau khi đã phá bỏ nó. Người đó không còn phá-bỏ hay tạo-dựng *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức* mà chỉ an-trú sau khi đã phá-bỏ nó.

- “Và, này các Tỳ kheo, người đó không còn dẹp-bỏ hay chấp-thủ cái gì mà giờ chỉ an-trú sau khi đã dẹp-bỏ nó? Người đó không còn dẹp bỏ hay chấp thủ *sắc-thân* mà chỉ an-trú sau khi đã dẹp bỏ nó. Người đó không còn dẹp bỏ hay chấp thủ *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức* mà chỉ an-trú sau khi đã dẹp bỏ nó.

- “Và, này các Tỳ kheo, người đó không còn giải-tán hay tích-đồng cái gì mà giờ được an-trú sau khi đã giải-tán nó? Người đó không còn giải tán hay tích đồng *sắc-thân* mà chỉ an-trú sau khi đã giải tán nó. Người đó không còn giải tán hay tích đồng *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức* mà chỉ an-trú sau khi đã giải tán nó.

- “Và, này các Tỳ kheo, người đó không còn dập-tắt hay mồi-lửa cho cái gì mà giờ chỉ an-trú sau khi đã dập-tắt nó? Người đó không còn dập tắt hay mồi lửa cho *sắc-thân* mà chỉ an-trú sau khi đã dập tắt nó. Người đó không còn dập tắt hay mồi lửa cho *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức* mà chỉ an-trú sau khi đã dập tắt nó.

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo được giải-thoát trong tâm như vậy, thì những thiên thần cùng với vị trời Indra, vua của các vị trời, và vị trời Brahmā, và vị trời Pajāpati cũng kính lễ từ xa (như vậy):

‘Xin kính lễ ngài, hỡi bậc thuần chủng!
Xin kính lễ ngài, hỡi bậc cao nhất giữa loài người!
Chúng con không tự mình trực-tiếp biết được
Ngài đã thiên tùy thuộc theo điều gì.’” ¹¹⁸

(SN 22:79)

80 (8) *Người Khất Thực* (xin ăn)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha.

Rồi đức Thế Tôn, sau thời gian đã giải tán (đuổi) các Tỳ kheo vì một lý do rõ ràng, ¹¹⁹ sáng hôm đó mặc y áo, và mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Kapilavatthu để khất thực, và trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn đi đến khu Rừng Lớn (Đại Lâm) để an trú ban ngày. Sau khi đi sâu vô khu Rừng Lớn đó, đức Thế Tôn ngồi xuống dưới gốc một cây *beluva* nhỏ để an trú qua ngày.

Lúc đó, trong khi đang ở một mình ở chỗ tách-ly, một sự suy xét (quán chiếu) đã khởi lên trong tâm đức Thế Tôn như vậy:

“Tăng Đoàn các Tỳ kheo đã bị ta giải tán (hở rày). (nhưng) Có những Tỳ kheo mới được thụ giới, mới xuất gia, mới đến với Giáo Pháp và Giới Luật này. Nếu họ không được gặp ta thì trong tâm ý của họ có thể xảy ra thay đổi hay biến đổi này nọ. (i) Giống như một con bò non khi không gặp được mẹ nó thì có thể xảy ra sự thay đổi hay biến đổi trong nó (như lạc đường, gặp nguy hiểm); cũng giống như vậy, có những Tỳ kheo mới được thụ giới, mới xuất gia, mới đến với Giáo Pháp và Giới Luật này. Nếu họ không được gặp ta thì trong tâm ý của họ có thể xảy ra thay đổi

hay biến đổi này nọ. (ii) Giống như những cây chồi non nếu không gặp nước thì có thể xảy ra sự thay đổi hay biến đổi trong chúng (như khô héo, chết đi); cũng giống như vậy, có những Tỳ kheo mới được thụ giới, mới xuất gia, mới đến với Giáo Pháp và Giới Luật này. Nếu họ không được gặp ta thì trong tâm ý của họ có thể xảy ra thay đổi hay biến đổi này nọ. Vậy giờ ta nên hộ giúp Tăng Đoàn các Tỳ kheo, như ta đã từng hộ giúp (độ) họ trước giờ.” ¹²⁰

Rồi vị Trời Sahampati, với tâm của mình sau khi biết được điều suy xét trong tâm của đức Thế Tôn, nhanh như một người khỏe mạnh đuổi phất cái tay đang co hay co cái tay đang duỗi, liền biến mất khỏi cõi trời, và hiện ra trước mặt đức Thế Tôn. Vị trời chinh xếp y trên một bên vai, chấp tay kính lễ đức Thế Tôn, và thưa với đức Thế Tôn:

“Đúng nên như vậy, thưa Thế Tôn! Thật đúng nên như vậy, thưa bậc Phúc Lành! Tăng Đoàn các Tỳ kheo đã bị đức Thế Tôn giải tán (hở rày). (nhưng) Có những Tỳ kheo mới được thụ giới ... *[như đoạn trên, gồm cả ví dụ]* ... Nếu họ không gặp được đức Thế Tôn có thể trong tâm ý họ xảy ra thay đổi hay biến đổi này nọ. Thưa Thế Tôn, mong đức Thế Tôn hãy vui lòng với Tăng Đoàn các Tỳ kheo! Mong Đức Thế Tôn hãy chào đón Tăng Đoàn trở lại! Đức Thế Tôn hãy hộ giúp Tăng Đoàn như đức Thế Tôn đã hộ giúp họ trước giờ.”

Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng. Rồi vị Trời Sahampati, sau khi hiểu được đức Thế Tôn đã đồng ý, kính lễ đức Thế Tôn, và giữ đức Thế Tôn hướng phải của mình, và biến mất ngay tại đó.

Rồi vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn trú ban ngày và đi về Tịnh Xá Nigrodha. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn và thực hiện một chiêu thức thần thông để các Tỳ kheo đi đến chỗ đức Thế Tôn, (họ) đi đến một mình và đi thành cặp, một cách rụt rè bẽn lễn (nhút nhát, xấu hổ). ¹²¹ Rồi các Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, họ đi một mình và đi thành cặp, một cách rụt rè bẽn lễn. Sau khi đã đến, họ kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với họ:

(i) “Này các Tỳ kheo, đây là hình thức kiếm sống hèn hạ nhất, đó là, việc đi xin ăn. Trong thế gian đây là một chữ mang tính sĩ nhục:¹²² ‘Đồ ăn mày; đồ vất vưởng lang thang tay cầm bát ăn xin!’ Và, nhưng mà, này các Tỳ kheo, những người họ tộc quyết định chọn cách sống đó là có lý do chính đáng. Họ chọn (cách sống khát thực) như vậy không phải do vua chúa bắt ép, không phải do phường trộm cướp bắt ép, cũng không phải do bị nợ nần, không phải do sợ hãi nên phải làm, cũng không phải làm vậy như một nghề kiếm sống. Nhưng họ làm vậy với ý nghĩ: ‘Mình đang chìm đắm trong sự sinh, già, chết; trong sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Mình đang chìm đắm trong sự khổ, đang bị đè áp bởi sự khổ. Mong rằng sẽ có ngày chấm dứt được toàn bộ đống khổ này!’.

(ii) Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy mà một người họ tộc đã xuất gia tu hành. Nhưng, này các Tỳ kheo, giờ người đó vẫn còn thêm khát, còn bị cháy bởi tham-muôn khoái-lạc giác quan (tham), với cái tâm đầy sự ác-ý (sân), với những ý định (tu duy) bị lụn bại bởi sự thù-ghét, với cái tâm lãng-xăng mời rói (thất niệm), thiếu sự rõ-biết (thiếu tỉnh giác), tâm không đạt-định (thất định), tâm trí phân tán, loĩ lỏng trong các căn cảm-nhận (giác quan). Giống như một khúc gỗ trong giàn thiêu xác đã bị cháy ở hai đầu và dính phân dơ ở khúc giữa: nó không thể được dùng như gỗ mộc ở trong làng hay trong rừng; cũng theo cách như vậy ta nói về loại người này là: người đó đã bỏ mất những sự hưởng lạc của đời sống tại gia nhưng cũng chẳng tu thành tới mục-tiêu của đời tu sĩ. (tức: uổng một đời tu!)

(ii) “Này các Tỳ kheo, có ba loại ý-nghĩ bất thiện: Ý nghĩ tham-dục, ý nghĩ ác-ý, ý nghĩ làm-hại. Và, này các Tỳ kheo, ở đâu ba loại ý-nghĩ bất thiện này chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư]? (Ở bên trong) một người thiên an trú với một cái tâm được khéo thiết lập trong ‘*bốn nền tảng chánh-niệm*’ (tứ niệm xứ), hoặc (ở bên trong) người thiên tu tập ‘*sự định-tâm vô dấu-hiệu*’ (vô-tướng định). Này các Tỳ kheo, bấy nhiêu cũng đủ lý do để tu tập ‘*sự định-tâm vô dấu-hiệu*’.¹²³ Này các Tỳ kheo, khi ‘*sự định-*

tâm vô dấu-hiệu được tu tập và tu dưỡng, điều đó dẫn tới kết quả và ích lợi lớn lao.

(iii) “Này các Tỳ kheo, có hai loại cách-nhìn (quan điểm): cách-nhìn (luôn) hiện-hữu (tu tưởng bất-diệt) và cách-nhìn (sẽ) không hiện-hữu (tu tưởng diệt-vong).¹²⁴ Trong đó, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy thì biết suy xét như vậy: ‘Có thứ gì trong thế gian ta có thể bám víu vào nó mà không bị chê trách (bị tội lỗi)?’ Người đó hiểu được như vậy: ‘Chẳng có thứ gì trong thế gian để ta bám víu vào nó mà không bị chê trách. Bởi vì nếu ta có bám víu thì ta chỉ có *sắc-thân* để bám víu vào, ta chỉ có *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức* để bám víu vào. (bám víu = chấp-thủ). Do có sự chấp-thủ đó của ta (thủ) là điều-kiện (duyên), nên có sự hiện-hữu (hữu); do có sự hiện-hữu là điều-kiện, nên có sự sinh-ra (sinh); do có sự sinh-ra là điều-kiện, nên có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra. Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.’¹²⁵

(iii) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, *sắc-thân* là vô thường hay thường hằng? ... *Cảm-giác* là vô thường hay thường hằng? ... *Nhận-thức* là vô thường hay thường hằng? ... *Những sự tạo-tác* là vô thường hay thường hằng? ... *Thức* là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng để được coi là như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’] hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”¹²⁶

(SN 22:80)

81 (9) Ở Pārileyya

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong khu Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita.

Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Kosambī để khát thực. Sau khi đức Thế Tôn đã đi khát thực trong thành Kosambī và trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn tự mình thu dọn chỗ ở, mang theo bình bát và cà sa, không báo cho người hầu cận (thị giả) của mình, không báo cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo, đức Thế Tôn lên đường ra đi một mình, không có ai đi cùng.¹²⁷

Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn bỏ đi, một Tỳ kheo nọ đã đến gặp Ngài Ānanda và nói với thầy ấy rằng:

“Này đạo hữu Ānanda, đức Thế Tôn đã tự mình thu dọn chỗ ở, mang theo bình bát và cà sa, không báo cho người hầu cận của mình, không báo cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo, đức Thế Tôn lên đường ra đi một mình, không có ai đi cùng.”

“Này đạo hữu, mỗi lần đức Thế Tôn làm như vậy là đức Thế Tôn muốn ở (an trú) một mình. Trong mỗi lần như vậy đức Thế Tôn không muốn có bất cứ ai đi theo.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi đi bộ từng chặng, cuối cùng đã tới vùng Pārileyyaka. Ở Pārileyyaka đức Thế Tôn đã trú dưới một gốc cây được gọi là cây sa-la điềm lành [bhadda].¹²⁸

Rồi một nhóm Tỳ kheo đã đến gặp thầy Ānanda, và chào hỏi qua lại với thầy.¹²⁹ Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên và nói với thầy Ānanda:

“Này đạo hữu Ānanda, đã lâu kể từ lúc chúng tôi nghe được một bài Giáo Pháp khi có mặt đức Thế Tôn (tức: bài Giáo Pháp do chính đức Thế Tôn nói ra). Chúng tôi muốn nghe một bài như vậy, này đạo hữu Ānanda.”

Rồi thầy Ānanda cùng với số Tỳ kheo đó đã đi đến gặp đức Thế Tôn ở Pārileyyaka, đang trú dưới gốc cây sa-la điềm lạnh. Sau khi đến, họ kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, đã khởi xướng, đã tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ đoàn Tỳ kheo đó bằng một bài Giáo Pháp. Bấy giờ, lúc đó một sự suy xét đã khởi sinh trong (tâm) của một Tỳ kheo như vậy:

“Theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để ‘sự lập tức tiêu diệt ô-nhiễm’ xảy ra?”¹³⁰

Đức Thế Tôn, sau khi đã bằng tâm mình chiếu thấy tâm của vị Tỳ kheo đó, đã nói với các Tỳ kheo đó như vậy:

“Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp này đã được ta chỉ dạy một cách phân-giải (phân biệt giảng giảng).¹³¹ *Bốn nền tảng chánh-niệm* (tứ niệm xứ) đã được ta chỉ dạy một cách phân-giải. *Bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn* (tứ chánh cần) ... *bốn cơ-sở (tạo ra) thần-thông* (tứ thần túc) ... *năm căn tâm linh* (ngũ căn) ... *năm năng-lực* (ngũ lực) ... *bảy chi giác-ngộ* (thất giác chi) ... *Con đường Tám phần Thánh thiện* (Bát Thánh Đạo) đã được ta chỉ dạy một cách phân-giải. Này các Tỳ kheo, đối với Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy một cách phân-giải như vậy, có một sự quán chiếu đã khởi lên trong tâm của một Tỳ kheo ở đây như vậy: ‘Theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để ‘sự lập tức tiêu diệt ô-nhiễm’ xảy ra?’

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để ‘sự lập tức tiêu diệt ô-nhiễm’ xảy ra? Ở đây, này các Tỳ kheo, người phạm chưa được chỉ dạy, không phải là người nhìn thấy (gặp được) những thánh nhân, và không thiện khéo và không được kỹ cương (rèn luyện, huấn luyện) trong Giáo Pháp của họ; không phải là người nhìn thấy những thượng nhân, và không thiện khéo và không được kỹ cương trong Giáo Pháp của họ; **(i) cứ coi sắc-thân là cái ‘ta’**. Sự nhìn-nhận đó là một sự tạo-tác (hành).¹³² Sự tạo-tác đó—cái gì là nguồn gốc của nó, cái gì là nguyên gốc của nó, từ cái gì nó được sinh ra và tạo ra? (trả lời) Khi người phạm chưa được chỉ dạy bị tiếp xúc với một cảm-giác

được sinh ra từ sự tiếp-xúc (còn) vô-minh, thì đục-vọng khởi sinh: từ đó sự tạo-tác được sinh ra.

“Như vậy đó, này các Tỳ kheo, sự tạo-tác đó (hành) là vô thường, có điều-kiện (hữu vi), là khởi-sinh tùy thuộc (duyên khởi); đục-vọng đó (ái) là vô thường, có điều-kiện, là khởi-sinh tùy thuộc; cảm-giác đó (thọ) là vô thường, có điều-kiện, là khởi-sinh tùy thuộc; sự tiếp-xúc (xúc) đó là vô thường, có điều-kiện, là khởi-sinh tùy thuộc; sự vô-minh đó (vô minh) là vô thường, có điều-kiện, là khởi-sinh tùy thuộc. Này các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì ‘sự lập tức tiêu diệt ô-nhiễm’ sẽ xảy ra.

(ii) “Người (phàm phu) đó có thể không coi sắc-thân là cái ‘ta’, nhưng người đó **cứ coi cái ‘ta’ sở hữu sắc-thân**. Sự nhìn-nhận đó là một sự tạo-tác ... [tiếp tục giống y lời đoạn trên, cho tới:] ... Này các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì ‘sự lập tức tiêu diệt ô-nhiễm’ sẽ xảy ra.

(iii) “Người (phàm phu) đó có thể không coi sắc-thân là cái ‘ta’ hay ‘ta’ sở hữu sắc-thân, nhưng người đó **cứ coi sắc-thân là ở trong cái ‘ta’**. Sự nhìn-nhận đó là một sự tạo-tác ... [tiếp tục giống y lời đoạn trên, cho tới:] ... Này các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì ‘sự lập tức tiêu diệt ô-nhiễm’ sẽ xảy ra.

(iv) “Người (phàm phu) đó có thể không coi sắc-thân là cái ‘ta’, hay ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hay sắc-thân là ở trong cái ‘ta’, nhưng người đó **cứ coi cái ‘ta’ là ở trong sắc-thân**. Sự nhìn-nhận đó là một sự tạo-tác ... [tiếp tục giống y lời đoạn trên, cho tới:] ... Này các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì ‘sự lập tức tiêu diệt ô-nhiễm’ sẽ xảy ra.

(v) “Người (phàm phu) đó có thể không coi sắc-thân là cái ‘ta’, hay ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hay sắc-thân là ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ là ở trong sắc-thân, nhưng người đó **cứ coi cảm-giác là cái ‘ta’** ... (ix) **nhận-thức là cái ‘ta’** ... (xiii) **những sự tạo-tác là cái ‘ta’** ... (xvii) **thức là cái ‘ta’** ... (xx) **cái ‘ta’ là ở trong thức**. [Mỗi uẩn đều lặp lại 04 trường hợp giống tương tự uẩn sắc-thân nói trên, tổng cộng là 20 trường hợp] ... Sự nhìn-nhận đó là một sự tạo-tác ... [tiếp tục giống y lời đoạn trên, cho tới:] ...

Này các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì ‘sự lập tức tiêu diệt ô-nhiễm’ sẽ xảy ra.

(xxi) “Người (phàm phu) đó có thể không coi sắc-thân là cái ‘ta’ ... hay cái ‘ta’ là ở trong thức (*giống như từ (i)—(v) ở trên*), nhưng người đó **nắm giữ một quan-điểm** (cách nhìn, kiến chấp) **như vậy**: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thể giới; sau khi qua đời, ta sẽ là—thường hằng, ổn định (chắc chắn), bất diệt, không bị thay đổi.’¹³³ Cái quan-điểm bất-diệt đó (thường kiến) là một sự tạo-tác ... [*tiếp tục giống y lời đoạn trên, cho tới:*] ... Này các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì ‘sự lập tức tiêu diệt ô-nhiễm’ sẽ xảy ra.

(xxii) “Người (phàm phu) đó có thể không coi sắc-thân là cái ‘ta’ ... cũng không nắm giữ quan-điểm bất-diệt như vậy (*giống như từ (i)—(vi) ở trên*), nhưng người đó **nắm giữ quan-điểm như vậy**: ‘Lẽ ra điều đó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra với ta (tức không nên là ‘của-ta’), [và giờ] điều đó sẽ không xảy ra; nó sẽ không xảy ra với ta’.¹³⁴ Quan-điểm diệt-vong đó (đoạn kiến) là một sự tạo-tác ... [*tiếp tục giống y lời đoạn trên, cho tới:*] ... Này các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì ‘sự lập tức tiêu diệt ô-nhiễm’ sẽ xảy ra.

(xxiii) “Người đó có thể không coi sắc-thân là cái ‘ta’ ... cũng không nắm giữ quan-điểm diệt-vong như vậy (*giống như từ (i)—(v) ở trên*), nhưng người đó cứ phân vân, nghi ngờ, không nhất định (không dứt khoát, thiếu tin tưởng) đối với Giáo Pháp. Sự phân vân, sự nghi ngờ, sự không nhất định đó đối với Giáo Pháp là một sự tạo-tác. Sự tạo-tác đó—cái gì là nguồn gốc của nó, cái gì là nguyên gốc của nó, từ cái gì nó được sinh ra và tạo ra? (trả lời) Khi người phàm chưa được chỉ dạy bị tiếp xúc với một cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc (còn) vô-minh, thì dục-vọng khởi sinh: từ đó sự tạo-tác được sinh ra.¹³⁵

“Như vậy đó, này các Tỳ kheo, sự tạo-tác đó (hành) là vô thường, có điều-kiện (hữu vi), là khởi-sinh tùy thuộc (duyên khởi); dục-vọng đó (ái) là vô thường, có điều-kiện, là khởi-sinh tùy thuộc; cảm-giác đó (thọ) là vô thường, có điều-kiện, là khởi-sinh tùy thuộc; sự tiếp-xúc (xúc) đó là vô

thường, có điều-kiện, là khởi-sinh tùy thuộc; sự vô-minh đó (vô minh) là vô thường, có điều-kiện, là khởi-sinh tùy thuộc. Nay các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì ‘sự lập tức tiêu diệt ô-nhiễm’ sẽ xảy ra.¹³⁶

(SN 22:81)

82 (10) Đêm Rằm

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Tịnh xá Đông Viên, trong ‘Lâu Đài của Mẹ của Migāra’, cùng với Tăng đoàn nhiều Tỳ kheo. Bấy giờ, lúc đó—là ngày rằm *Bố-tát* [*Uposatha*], vào đêm trăng tròn—đức Thế Tôn đang ngồi ngoài trời xung quanh là Tăng đoàn các Tỳ kheo.¹³⁷

[I]- Rồi có một Tỳ kheo đứng dậy khỏi chỗ ngồi, chỉnh xếp y trên một vai, chắp hai tay hướng về đức Thế Tôn kính lễ, và nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con muốn hỏi đức Thế Tôn về một điều, mong đức Thế Tôn ban sự trả lời cho câu hỏi của con.”

“Được rồi, này Tỳ kheo, hãy ngồi xuống chỗ ngồi của mình và hỏi điều thầy muốn hỏi.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, Tỳ kheo đó đáp lại. Rồi thầy đó ngồi xuống chỗ ngồi của mình và thưa với đức Thế Tôn:

(1) “Thưa Thế Tôn, những thứ này có phải là năm uẩn bị [tác động bởi sự] chấp-thủ (năm uẩn chấp thủ, năm thủ uẩn) hay không; đó là: uẩn sắc-thân (sắc uẩn) dính chấp-thủ, uẩn cảm-giác (thọ uẩn) dính chấp-thủ, uẩn nhận-thức (trưởng uẩn) dính chấp-thủ, uẩn những sự tạo-tác (hành uẩn) dính chấp-thủ, và uẩn thức (thức uẩn) dính chấp-thủ?”

“Này các Tỳ kheo, đây chính là năm uẩn dính chấp-thủ này; đó gồm: uẩn sắc-thân dính chấp-thủ ... uẩn thức dính chấp-thủ.”

“Thật tốt lành, thưa Thế Tôn”, sau khi nói vậy, vị Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn. Rồi vị đó hỏi đức Thế Tôn thêm một câu hỏi:

(2) “Nhưng, thưa Thế Tôn, năm uẩn dính chấp-thủ này có gốc rễ từ đâu?”

“Này Tỳ kheo, năm uẩn dính chấp-thủ này có gốc rễ từ dục.”¹³⁸

(3) “Thưa Thế Tôn, có phải sự chấp-thủ (thủ) là một với năm uẩn dính chấp-thủ (năm thủ uẩn) này, hay sự chấp-thủ là thứ khác với năm uẩn dính chấp-thủ?”

“Này Tỳ kheo, sự chấp-thủ đó không phải là một với năm uẩn dính chấp-thủ, cũng không phải là thứ khác với năm uẩn dính chấp-thủ. Chính dục và tham đối với năm uẩn dính chấp-thủ mới là sự chấp-thủ ở đó.”¹³⁹

(4) “Nhưng, thưa Thế Tôn, có thể có sự đa-dạng trong (nhiều loại) dục và tham đối với năm uẩn dính chấp-thủ này hay không?”

“Có thể có, này Tỳ kheo”, đức Thế Tôn nói. “Ở đây, này Tỳ kheo, có người nghĩ như vậy: ‘Ta mong có được sắc-thân (sắc) như vậy trong tương lai! Ta mong có được cảm-giác (thọ) như vậy trong tương lai! Ta mong có được nhận-thức (tưởng) như vậy trong tương lai! Ta mong có được những sự tạo-tác cố-ý (hành) như vậy trong tương lai! Ta mong có được thức (thức) như vậy trong tương lai!’ Như vậy đó, này Tỳ kheo, có khả năng có sự đa-dạng trong dục và tham đối với năm uẩn dính chấp-thủ.”

(5) “Thưa Thế Tôn, theo cách nào, sự chỉ danh (sự gọi tên) ‘uẩn’ được áp dụng cho các uẩn?”

“Này Tỳ kheo, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, nhược hay ưu, xa hay gần—đây là uẩn sắc-thân. Mọi cảm-giác dù là loại gì ... xa hay gần—đây là uẩn cảm-giác. Mọi nhận-thức dù là loại gì ... xa hay gần—đây là uẩn nhận-thức. Mọi sự tạo-tác dù là loại gì ... xa hay gần—đây là uẩn những sự tạo-

tác. Mọi thứ dù là loại gì ... xa hay gần—đây là uẩn thức. Chính theo cách này sự chỉ danh ‘uẩn’ được áp dụng cho các uẩn.”

(6) “Thưa Thế Tôn, cái gì là nhân và duyên (nguyên nhân và điều-kiện) cho sự thể hiện (sự mô tả) của uẩn sắc-thân?¹⁴⁰ Cái gì là nhân và duyên cho sự thể hiện của uẩn cảm-giác ... uẩn nhận-thức ... uẩn những sự tạo-tác ... uẩn thức?”

“Này Tỳ kheo, bốn yếu-tố lớn (đất, nước, khí, nhiệt) là nhân và duyên cho sự thể hiện của uẩn sắc-thân (tứ đại sinh sắc-uẩn). Sự tiếp-xúc là nhân và duyên cho sự thể hiện của uẩn cảm-giác (xúc sinh thọ uẩn). Sự tiếp-xúc là nhân và duyên cho sự thể hiện của uẩn nhận-thức (xúc sinh tưởng-uẩn). Sự tiếp-xúc là nhân và duyên cho sự thể hiện của uẩn những sự tạo-tác (xúc sinh hành-uẩn). Phần ‘tâm thần-vật chất’ (danh sắc) là nhân và duyên cho sự thể hiện của uẩn thức (danh-sắc sinh thức-uẩn).”

(7) “Thưa Thế Tôn, theo cách nào ‘quan-điểm có danh-tính’ (thân kiến) được hình thành?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, một người phàm chưa được chỉ dạy, không phải là người nhìn thấy (gặp được) những thánh nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương (rèn luyện, huấn luyện) trong Giáo Pháp của những thánh nhân; không phải là người nhìn thấy những thượng nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương trong Giáo Pháp của những thượng nhân; *cứ* coi sắc-thân là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc nghĩ sắc-thân ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong sắc-thân.

“Người đó *cứ* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Đó là cách quan-điểm có danh-tính (thân kiến) được hình thành.”

(8) “Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào ‘quan-điểm có danh-tính’ (thân kiến) không đi đến hình thành?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những thánh nhân, và thiện khéo và được kỷ cương trong Giáo

Pháp của những thánh nhân; là người nhìn thấy những thượng nhân, và thiện khéo và được kỹ cương trong Giáo Pháp của những thượng nhân; *không* coi sắc-thân là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc nghĩ sắc-thân ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong sắc-thân.

“Người đó *không* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Đó là cách ‘quan-điểm có danh-tính’ (thân kiến) *không* đi đến hình thành.”

(9) “Thưa Thế Tôn, cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, và cái gì là sự thoát-khỏi [trong trường hợp] đối với sắc-thân? Cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, và cái gì là sự thoát-khỏi [trong trường hợp] đối với cảm-giác ... đối với nhận-thức ... đối với những sự tạo-tác ... đối với thức?”

“Này Tỳ kheo, sự khoái sướng và vui thích (hỷ lạc) khởi sinh tùy thuộc vào sắc-thân—đây được gọi là sự thỏa-thích đối với sắc-thân. Mà sắc-thân là vô-thường, khổ, và bị biến đổi—đây là sự nguy-hại đối với sắc-thân. Sự loại bỏ và trừ bỏ dục và tham đối với sắc-thân—đây là sự thoát-khỏi đối với sắc-thân.

“Sự khoái sướng và vui thích (hỷ lạc) khởi sinh tùy thuộc vào cảm-giác ... tùy thuộc vào nhận-thức ... tùy thuộc vào những sự tạo-tác ... tùy thuộc vào thức—đây là sự thỏa-thích đối với thức. Mà thức là vô-thường, khổ, và bị biến đổi—đây là sự nguy-hại đối với thức. Sự loại bỏ và trừ bỏ dục và tham đối với thức—đây là sự thoát-khỏi đối với thức.

(10) “Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người nên biết, theo cách nào một người nên thấy, để mà, đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả những dấu-hiệu (hình tướng) bên ngoài, thì sự tạo-nên cái ‘ta’ (ngã kiến), sự tạo-nên cái ‘của-ta’ (ngã sở kiến), và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự tự-ta (tùy miên ngã mạn) không còn xảy ra ở bên trong?”

“Này Tỳ kheo, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, nhục hay ưu, xa hay gần—

một người nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].’

“Mọi cảm-giác dù là loại gì ... Mọi nhận-thức dù là loại gì ... Mọi sự tạo-tác dù là loại gì ... Mọi thức dù là loại gì ... một người nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].’ Chính khi một người biết và thấy như vậy thì đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả những dấu-hiệu bên ngoài, thì sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự tự-ta không còn xảy ra ở bên trong.

[II]- Lúc đó, trong tâm của một Tỳ kheo (khác) có ý nghĩ (sự suy xét) này đã khởi sinh: “Như vậy, coi như là, sắc-thân không phải là ngã (cái ‘ta’), cảm-giác không phải là ngã, nhận-thức không phải là ngã, những sự tạo-tác không phải là ngã, thức không phải là ngã. Vậy thì cái ngã nào sẽ bị tác động bởi những nghiệp được làm bởi thứ vô-ngã?”¹⁴¹

Rồi, đức Thế Tôn, bằng tâm mình biết được ý nghĩ trong tâm Tỳ kheo đó, nên đức Thế Tôn nói luôn với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có thể rằng một số người lầm lạc ở đây, u mê và vô minh, với cái tâm bị chi phối bởi dục-vọng, nghĩ rằng mình có thể qua mặt Giáo Lý của Vị Thầy, kiểu như vậy: ‘Như vậy, coi như là, sắc-thân không phải là ngã (cái ‘ta’), cảm-giác không phải là ngã, nhận-thức không phải là ngã, những sự tạo-tác không phải là ngã, thức không phải là ngã. Vậy thì cái ngã nào sẽ bị tác động bởi những nghiệp được làm bởi thứ vô-ngã?’. Bây giờ, này các Tỳ kheo, lâu nay các thầy đã được huấn luyện bởi ta thông qua ‘sự vấn-đáp’ với nhiều lần khác nhau, ở những nơi khác nhau, về những vấn đề giáo lý khác nhau.¹⁴² [*một ví dụ về phương pháp chỉ dạy thông qua vấn-đáp như sau đây:*])

- “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Sắc-thân là vô thường hay thường hằng?”—“Là vô thường, thưa Thế Tôn” ... Cảm-giác ... Nhận-

thức ... Những sự tạo-tác ... Thức là vô thường hay thường hằng?”— “Là vô thường, thưa Thế Tôn”—“Thứ gì vô thường là khô hay sưng?”—“Là khô, thưa Thế Tôn”—“Thứ gì vô thường, khô, và bị biến đổi thì có đúng để coi nó như vậy: ‘[Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’]’, hay không?”—“Không, thưa Thế Tôn”.

- “Vì vậy, sau khi đã nhìn thấy như vậy, một đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trở nên tỉnh-ngộ [không còn mê-thích] với sắc-thân, tỉnh-ngộ với cảm-giác, tỉnh-ngộ với nhận-thức, tỉnh-ngộ với những sự tạo-tác, tỉnh-ngộ với thức.

- “Sau khi đã tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ [tâm người đó] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát thì có sự-biết: ‘Nó được giải-thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”¹⁴³

Đây là mười câu hỏi,
Vị Tỳ kheo đã hỏi:
Hai câu về năm-uẩn;
Có phải (năm-uẩn) là một (với sự chấp-thủ),
Có khả năng có (nhiều loại, đa dạng);
Sự chỉ danh và nguyên nhân;
Hai câu về danh-tính;
[Mỗi câu về] sự thỏa-thích,
Và về [thân này] có-thức.

(SN 22:82)

NHÓM 4

NHÓM ‘CÁC TRƯỞNG LÃO’

(*Thera-vagga*)

83 (1) Ngài Ānanda

Ở Sāvattihī.

Lúc đó Ngài Ānanda đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”.

“Dạ, đạo hữu!”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Ānanda nói điều này:

“Này các đạo hữu, Ngài Punṇa Mantāniputta là rất hữu ích đối với chúng ta khi chúng ta mới được thụ giới.¹⁴⁴ Thầy ấy đã khởi xướng (giáo giới) cho chúng ta bằng sự khởi xướng sau đây:

“Này Ānanda, chính do sự chấp-thủ (thủ) nên có [quan niệm có] cái ‘ta’ (ngã kiến), không chấp-thủ thì không có. Và do chấp-thủ vào cái gì mà có [quan niệm] cái ‘ta’, không chấp-thủ thì không có?¹⁴⁵ Chính do chấp-thủ vào *sắc-thân* (sắc) nên có [quan niệm] cái ‘ta’, không chấp-thủ thì không có. Chính do chấp-thủ vào *cảm-giác* (thọ) ... *nhận-thức* (tưởng) ... *những sự tạo-tác* (hành) ... *thức* (thức) nên có [quan niệm] cái ‘ta’, không chấp-thủ thì không có.

“Này đạo hữu Ānanda, giả sử có một người nữ [hay nam]—trẻ trung và thích đồ trang sức, soi nhìn mặt mình trong gương hay trong một chậu nước sạch, trong, tinh khiết: cô ấy soi nhìn vào đó với sự chấp-thủ, không chấp-thủ thì không soi nhìn. Cũng giống như vậy, chính do sự chấp-thủ vào *sắc-thân* nên có [quan niệm] cái ‘ta’, không chấp-thủ thì không có. Do sự chấp-thủ vào *cảm-giác* ... *nhận-thức* ... *những sự tạo-tác* ... *thức* nên có [quan niệm] cái ‘ta’, không chấp-thủ thì không có.

- “Này đạo hữu Ānanda, thầy nghĩ sao, *sắc-thân* là thường hằng hay vô thường” ... *[tiếp tục tương tự phần hỏi-đáp này ở gần cuối kinh kể trước]*

...

- “Vì vậy, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’” (*giống đoạn kết đã được ghi đầy đủ ở kinh kể trước*)

“Này các đạo hữu, thầy Punṇa Mantāniputta là rất hữu ích cho chúng ta khi chúng ta mới được thụ giới. Thầy ấy đã khởi xướng cho chúng ta bằng sự khởi xướng đó. Và khi tôi nghe lời thuyết giảng Giáo Pháp của thầy ấy, tôi đã làm-nên sự đột-phá (= chứng ngộ) vào Giáo Pháp.” (= chúng quả Nhập-lưu)¹⁴⁶

(SN 22:83)

84 (2) Ngài Tissa

Ở Sāvattthī.

Bấy giờ, lúc đó có Ngài Tissa, người em họ phía cha của đức Thế Tôn (con của cô ruột Amitā; tức anh em cô cậu của Phật),¹⁴⁷ đã thông báo cho một số Tỳ kheo:

“Này các đạo hữu, thân của tôi cứ như đã bị dính thuốc độc, tôi trở nên mất phương hướng, các thứ (các pháp, mọi thứ, mọi sự) không còn rõ ràng đối với tôi.¹⁴⁸ Sự đờ-đẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụ miên) cứ ám muội tâm trí tôi. Tôi đang sống đời sống tâm linh không được viên mãn, và tôi có sự nghi-ngờ về những giáo lý.”

Rồi một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại chuyện đó cho đức Thế Tôn. Rồi đức Thế Tôn đã nói với một Tỳ kheo như vậy: “Này Tỳ kheo, hãy đến nhân danh ta nói với Tỳ kheo Tissa rằng Vị Thầy (Phật) cho gọi thầy ấy.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, vị Tỳ kheo đó đáp lại và thầy đó đi tới chỗ Ngài Tissa và nói: “Vị Thầy mới cho gọi thầy, này đạo hữu Tissa.”

“Được, này đạo hữu”, thầy Tissa đáp lại, và thầy đi đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói

với thầy ấy: “Có đúng thật không, này Tissa, rằng thầy mới báo cho các Tỷ kheo như vậy: ‘Này các đạo hữu, thân tôi dường như bị dính thuốc độc ... và tôi có sự nghi-ngờ về những giáo lý?’”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Này Tissa, thầy nghĩ sao, nếu người không hết tham đối với *sắc-thân*, không hết dục, luyện-ái, sự thèm-khát, sự đam-mê, và dục-vọng đối với nó, thì khi *sắc-thân* thay đổi và biến đổi sẽ khởi sinh trong tâm người đó sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, đúng vậy không?”

“Dạ đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

“Tốt, tốt, này Tissa! Này Tissa, đúng thật là vậy đối với một người không hết tham đối với *sắc-thân*. Rồi, nếu người ta không tránh bỏ tham đối với *cảm-giác* ... đối với *nhận-thức* ... đối với *những sự tạo-tác* ... đối với *thức*, không hết tham, luyện-ái, sự thèm-khát, sự đam-mê, và dục-vọng đối với nó, thì khi *cảm-giác* ... *thức* thay đổi và biến đổi sẽ khởi sinh trong tâm sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, đúng vậy không?”

“Dạ đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

“Tốt, tốt, này Tissa! Này Tissa, đúng thật là vậy đối với một người không hết tham đối với *cảm giác* ... *thức*. (nhưng) Nếu một người đã hết tham đối với *sắc-thân*, đã hết tham, luyện-ái, sự thèm-khát, sự đam-mê, và dục-vọng đối với nó, thì khi *sắc-thân* thay đổi và biến đổi có còn khởi sinh trong tâm sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, hay không?”

“Dạ không còn, thưa Thế Tôn.”

“Tốt, tốt, này Tissa! Này Tissa, đúng thật là vậy đối với một người đã hết tham đối với *sắc-thân*. (và) Nếu người ta đã hết tham đối với *cảm-giác* ... đối với *nhận-thức* ... đối với *những sự tạo-tác* ... đối với *thức*, hết tham, luyện-ái, sự thèm-khát, sự đam-mê, và dục-vọng đối với nó, thì khi

cảm-giác ... thức thay đổi và biến đổi có khởi sinh trong tâm sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, hay không?”

“Dạ không còn, thưa Thế Tôn.”

“Tốt, tốt, này Tissa! Này Tissa, đúng thật là vậy đối với một người đã hết tham đối với *cảm-giác ... thức*.

- “Này Tissa, thầy nghĩ sao, *sắc-thân* là thường hằng hay vô thường?”

- “Vô thường, thưa Thế Tôn”

- “Vì vậy: sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.

“Này Tissa, giả sử có hai người đàn ông: một người không thiện thạo về con-đường và một người thiện thạo về con-đường. Người không thiện thạo sẽ hỏi người thiện thạo một câu hỏi về con-đường, và người thiện thạo sẽ nói: ‘Này, thiện hữu, đây là con-đường. Cứ bước đi một chút, bạn sẽ thấy một ngã-ba trên đường. Tránh bỏ đường rẽ trái và chọn đường rẽ phải. Đi thêm chút nữa, bạn sẽ thấy một đám cây-cối dày-đặc. Đi thêm chút nữa, bạn sẽ thấy một đầm-lầy lớn. Đi thêm chút nữa, bạn sẽ thấy một vách-núi chặn-đứng. Đi thêm chút nữa, bạn sẽ thấy một vùng bình-nguyên tuyệt-vời.’

“Này Tissa, ta mới nói ra ví dụ này để chuyển tải một ý nghĩa. Đây là ý nghĩa của nó: ‘Người không thiện thạo trong con-đường (đạo)’: là ví cho người phàm chưa được chỉ dạy. ‘Người thiện thạo trong con-đường’: là ví cho Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. ‘Ngã-ba đường’: là ví cho sự (chướng ngại) nghi-ngờ. ‘Đường rẽ-trái’: là ví cho con-đường tám phần sai lạc (bát tà đạo), đó gồm: tà-kiến ... tà-định. ‘Đường rẽ-phải’: là ví cho con-đường tám phần thánh thiện (Bát Thánh Đạo), đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định. ‘Đám cây-cối dày-đặc’: là ví cho sự vô-minh. ‘Đầm-lầy lớn’: là ví cho những khoái-lạc giác quan (dục lạc, sự sa lầy). ‘Vách-núi chặn-đứng’: là ví cho sự bế tắc [tuyệt vọng] do tâm sân giận. ‘Vùng bình-nguyên tuyệt-vời’: là ví cho Niết-bàn.

“Giờ hãy vui lên, này Tissa! Hãy hoan hỷ, này Tissa! Có ta ở đây là để khởi xướng (giáo huấn), ta ở đây là để hộ giúp, ta ở đây là để chỉ dạy!”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Thầy Tissa hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.¹⁴⁹

(SN 22:84)

85 (3) Ngài Yamaka

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất đang sống tại Sāvathī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, lúc đó có một quan-điểm độc hại (nguy hại, tai hại, tệ hại, tà kiến) như sau đã khởi sinh trong tâm của một Tỳ kheo tên là Yamaka: “Theo như tôi hiểu Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn thì: một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt thì (‘bản thân mình’) cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện-hữu sau khi chết.”¹⁵⁰

Một số Tỳ kheo nghe được quan-điểm độc hại như vậy đã khởi sinh trong tâm Tỳ kheo Yamaka. Nên sau đó họ đến gặp Ngài Yamaka và chào hỏi thầy ấy. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, sau đó họ ngồi xuống một bên và nói với thầy ấy:

“Này đạo hữu Yamaka, có đúng thật có một quan-điểm độc hại như vậy đã khởi sinh trong tâm của thầy: ‘Theo như tôi hiểu Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn thì: một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt thì cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện-hữu sau khi chết.’?”

“Chính xác là vậy, này các đạo hữu. Theo chỗ tôi hiểu Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn thì: một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt thì cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện-hữu sau khi chết.”

“Này đạo hữu Yamaka, xin đừng nói như vậy. Đừng nói thay lời của đức Thế Tôn một cách sai lạc như vậy. Không tốt lành nếu nói thay lời

của đức Thế Tôn một cách sai lạc như vậy. Đức Thế Tôn không nói rằng: ‘Một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt thì cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện-hữu sau khi chết.’”

Nhưng, mặc dù đã được các Tỳ kheo khuyên can theo cách như vậy, thầy Yamaka vẫn cứng đầu nắm giữ cái quan-điểm độc hại đó, cố chấp nó, và cứ tuyên bố rằng: “Theo như tôi hiểu Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn thì: một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt thì cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện-hữu sau khi chết.”

Do các Tỳ kheo không thể nào gỡ bỏ được cái quan-điểm độc hại đó ra khỏi tâm trí thầy Yamaka, nên họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đến gặp thầy Xá-lợi-phất và kể lại toàn bộ chuyện đó cho thầy ấy nghe, và họ nói thêm rằng: “Sẽ tốt lành nếu Ngài Xá-lợi-phất đến gặp Tỳ kheo Yamaka vì sự bi-mẫn đối với thầy ấy.” Thầy Xá-lợi-phất đồng ý trong im lặng.

Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi chỗ ẩn cư. Thầy đến gặp thầy Yamaka và chào hỏi qua lại, sau đó thầy ngồi xuống một bên và nói với thầy Yamaka:

“Này đạo hữu Yamaka, có đúng thật có một quan-điểm độc hại như vậy đã khởi sinh trong tâm của thầy: ‘Theo như tôi hiểu Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn thì: một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt thì cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện-hữu sau khi chết.’?”

“Chính xác là vậy, này đạo hữu.

- “Này đạo hữu Yamaka, thầy nghĩ sao, sắc-thân là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa đạo hữu.” “Thức là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa đạo hữu.”

- “Vì vậy, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”¹⁵¹

(1) “Đạo hữu Yamaka, thầy nghĩ sao, thầy có coi *sắc-thân là Như Lai* hay không?” – “Không, đạo hữu” – “Thầy có coi *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức là Như Lai* hay không?” – “Không, đạo hữu.”

(2) “Đạo hữu Yamaka, thầy nghĩ sao, thầy có coi *Như Lai là ở trong sắc-thân* hay không?” – “Không, đạo hữu” – (3) “Thầy có coi *Như Lai là khác với sắc-thân* hay không?” – “Không, đạo hữu” – “Thầy có coi *Như Lai là ở trong cảm-giác* hay không? *Như Lai là khác với cảm-giác* hay không? *Như Lai là ở trong nhận-thức* hay không? *Như Lai là khác với nhận-thức* hay không? *Như Lai là ở trong những sự tạo-tác* hay không? *Như Lai là khác với những sự tạo-tác* hay không? *Như Lai là ở trong thức* hay không? *Như Lai là khác với thức* hay không?” – “Không, đạo hữu”.

(4) “Này đạo hữu Yamaka, thầy nghĩ sao, thầy có coi *sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác và thức [hợp lại với nhau = năm-uẩn]* là *Như Lai* hay không?” – “Không, đạo hữu”.

(5) “Này đạo hữu Yamaka, thầy nghĩ sao, thầy có coi *Như Lai là ‘người’ không có sắc-thân, không có cảm-giác, không có nhận-thức, không có những sự tạo-tác, và không có thức, hay không?*” – “Không, đạo hữu”.¹⁵²

“Nhưng, này đạo hữu Yamaka, trong khi *Như Lai* không được thầy coi là thực-có và có-thật ở đây ngay trong kiếp này¹⁵³ (và nếu thầy đã hiểu theo kiểu như vậy) thì đâu có hợp lý khi thầy lại tuyên bố: ‘Theo như tôi hiểu Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn thì: một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã tiêu diệt thì cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện-hữu sau khi chết.’?”

“Thưa đạo hữu Xá-lợi-phát, trước giờ tôi ngu dại, tôi đã chấp thủ cái quan-điểm độc hại đó; nhưng giờ sau khi đã nghe lời dạy Giáo Pháp này của Thầy Xá-lợi-phát, tôi mới dẹp bỏ được cái quan-điểm độc hại đó, và tôi đã làm-nên sự đột-phá vào Giáo Pháp.” (tức chứng quả Nhập-lưu)¹⁵⁴

(6) “Này đạo hữu Yamaka, nếu người ta hỏi thầy như vậy: ‘Này bạn Yamaka, khi một Tỳ kheo là một A-la-hán, người đã tiêu diệt mọi ô-

nhiệm, thì điều gì sẽ xảy ra với người đó khi thân tan rã, sau khi chết?’— khi được hỏi như vậy thì thầy sẽ trả lời ra sao?”

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, nếu họ hỏi tôi điều này, tôi sẽ trả lời họ như vậy: ‘Này các bạn, *sắc-thân* là vô thường; thứ gì vô thường là khổ; thứ khổ đã chấm dứt và phai biến. *Cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức* là vô thường; thứ gì vô thường là khổ; thứ khổ đã chấm dứt và phai biến.’ Khi được hỏi như vậy, này đạo hữu, tôi sẽ trả lời theo cách như vậy.”¹⁵⁵

(7) “Tốt, tốt, đạo hữu Yamaka! Bây giờ, này đạo hữu Yamaka, ta sẽ làm một ví dụ cho thầy để chuyển tải ý nghĩa như vậy một cách rõ ràng hơn. Này đạo hữu Yamaka, giả sử có một gia chủ [hay con trai của ông ta] là một người giàu có, có nhiều cửa cải và tài sản, được bảo vệ bởi một cận vệ. Rồi, có người xuất hiện muốn phá hoại ông ta, hãm hại ông ta, làm hại ông ta, lấy mạng ông ta. Kẻ đó có thể nghĩ: ‘Ông gia chủ này là một người giàu có, có nhiều cửa cải và tài sản, được bảo vệ bởi một cận vệ. Không dễ gì lấy mạng ông ta ngay bằng vũ lực. Vậy ta phải tiếp cận (thân cận) với ông ta và lấy mạng ông ta.’

“Rồi người đó đến gặp ông gia chủ, và nói: ‘Tôi muốn phục vụ cho ngài.’ Rồi ông gia chủ chọn người đó làm một người hầu cận. Người đó phục vụ ông chủ, thức dậy trước chủ, ngủ nghỉ sau chủ, làm mọi điều chủ muốn, hành vi dễ mến, lời nói thân mến. Ông gia chủ tin coi người đó như bạn hữu,¹⁵⁶ như bạn chí thân, và đặt niềm tin tưởng vào người đó. Nhưng, tới lúc người đó biết chắc ông gia chủ đã đặt niềm tin tưởng vào mình nên sau đó đã tìm cơ hội khi ông chủ ở một mình, người đó đã dùng dao bén lấy mạng ông chủ.

“Thầy nghĩ sao, này đạo hữu Yamaka, khi người đó đã đến gặp ông gia chủ và nói: ‘Tôi muốn phục vụ ngài’, có phải hẳn đã là ‘kẻ sát nhân’ cho dù lúc đó ông chủ không nhận ra hẳn là ‘kẻ sát nhân của mình’? Và trong khi người đó đang phục vụ ông chủ, thức dậy trước chủ, ngủ nghỉ sau chủ, làm mọi điều chủ muốn, hành vi dễ mến, lời nói thân mến, có phải hẳn đã là ‘kẻ sát nhân’ cho dù lúc đó ông chủ không nhận ra hẳn là

‘kẻ sát nhân của mình’? Và tới khi kẻ đó tấn công ông chủ khi ông đang ở một mình và dùng dao bén lấy mạng ông chủ, có phải hẳn cũng đã là ‘kẻ sát nhân’ cho dù lúc đó ông chủ không nhận ra hẳn là ‘kẻ sát nhân của mình’?

“Đúng là vậy, này đạo hữu”.

“Cũng giống như vậy, này đạo hữu Yamaka,¹⁵⁷ người phạm chưa được chỉ dạy (được ví như ‘ông gia chủ’ trong ví dụ trên), không phải là người nhìn thấy những thánh nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương (rèn luyện, huấn luyện) trong Giáo Pháp của họ; không phải là người nhìn thấy những thượng nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương trong Giáo Pháp của họ:

(I) a- *cứ* coi sắc-thân là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc nghĩ sắc-thân là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong sắc-thân. (tức: không nhận ra mà nhận lầm năm-uẩn, ví như ông gia chủ [hay con trai ông] không nhận ra mà nhận lầm ‘kẻ sát hại mình’ là người thân của mình).

“Người đó *cứ* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức.

b- “Người đó không hiểu được sắc-thân (mang bản chất) **vô thường** là ‘sắc-thân vô thường’ ... cảm-giác vô thường là ‘cảm-giác vô thường’ ... nhận-thức vô thường là ‘nhận-thức vô thường’ ... những sự tạo-tác vô thường là ‘những sự tạo-tác vô thường’ ... thức vô thường là ‘thức vô thường’, đúng như nó thực là.¹⁵⁸

c- “Người đó không hiểu được sắc-thân (mang bản chất) **khổ** là ‘sắc-thân khổ’ ... cảm-giác khổ là ‘cảm-giác khổ’ ... nhận-thức khổ là ‘nhận-thức khổ’ ... những sự tạo-tác khổ là ‘những sự tạo-tác khổ’ ... thức khổ là ‘thức khổ’, đúng như nó thực là.

d- “Người đó không hiểu được sắc-thân (mang bản chất) **vô ngã** là ‘sắc-thân vô ngã’ ... cảm-giác vô ngã là ‘cảm-giác vô ngã’ ... nhận-thức

vô ngã là ‘nhận-thức vô ngã’ ... những sự tạo-tác vô ngã là ‘những sự tạo-tác vô ngã’ ... thức vô ngã là ‘thức vô ngã’, đúng như nó thực là.

e- “Người đó *không* hiểu được sắc-thân là **có điều-kiện** (mang bản chất hữu-vi) là ‘sắc-thân có điều-kiện’ ... cảm-giác có điều-kiện là ‘cảm-giác có điều-kiện’ ... nhận-thức có điều-kiện là ‘nhận-thức có điều-kiện’ ... những sự tạo-tác có điều-kiện là ‘những sự tạo-tác có điều-kiện’ ... thức có điều-kiện là ‘thức có điều-kiện’, đúng như nó thực là.

f- “Người đó *không* hiểu được sắc-thân (mang bản chất) **sát hại** là ‘sắc-thân sát hại ... cảm-giác sát hại là ‘cảm-giác sát hại’ ... nhận-thức sát hại là ‘nhận-thức sát hại’ ... những sự tạo-tác sát hại là ‘những sự tạo-tác sát hại’ ... thức sát hại là ‘thức sát hại’, đúng như nó thực là. (‘năm uẩn’ được ví như ‘kẻ sát hại’ trong ví dụ trên).

g- “Người đó bị dính líu với sắc-thân, chấp-thủ vào nó, và nương dựa vào nó như ‘bản-ngã của ta’.¹⁵⁹ Người đó bị dính líu với cảm-giác ... với nhận-thức ... với những sự tạo-tác ... với thức, chấp-thủ vào nó, và nương dựa vào nó như ‘bản-ngã của ta’. Chính năm-uẩn dính chấp-thủ này dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu cho người đó, bởi người đó bị dính líu với chúng và chấp-thủ vào chúng.

(II) a- “Nhưng, (**ngược lại**), này đạo hữu, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những thánh nhân ... thì *không* coi sắc-thân là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc nghĩ sắc-thân là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong sắc-thân.

“Người đó cũng *không* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức.

b- “Người đó *hiểu* được sắc-thân (mang bản chất) **vô thường** là ‘sắc-thân vô thường’ ... cảm-giác vô thường là ‘cảm-giác vô thường’ ... nhận-thức vô thường là ‘nhận-thức vô thường’ ... những sự tạo-tác vô thường là ‘những sự tạo-tác vô thường’ ... thức vô thường là ‘thức vô thường’, đúng như nó thực là.

c- “Người đó *hiểu được* sắc-thân **khổ** là ‘sắc-thân khổ ... cảm-giác khổ là ‘cảm-giác khổ’ ... nhận-thức khổ là ‘nhận-thức khổ’ ... những sự tạo-tác khổ là ‘những sự tạo-tác khổ’ ... thức khổ là ‘thức khổ’, đúng như nó thực là.

d- “Người đó *hiểu được* sắc-thân **vô ngã** là ‘sắc-thân vô ngã ... cảm-giác vô ngã là ‘cảm-giác vô ngã’ ... nhận-thức vô ngã là ‘nhận-thức vô ngã’ ... những sự tạo-tác vô ngã là ‘những sự tạo-tác vô ngã’ ... thức vô ngã là ‘thức vô ngã’, đúng như nó thực là.

e- “Người đó *hiểu được* sắc-thân là **có điều-kiện** (hữu-vi) là ‘sắc-thân có điều-kiện ... cảm-giác có điều-kiện là ‘cảm-giác có điều-kiện’ ... nhận-thức có điều-kiện là ‘nhận-thức có điều-kiện’ ... những sự tạo-tác có điều-kiện là ‘những sự tạo-tác có điều-kiện’ ... thức có điều-kiện là ‘thức có điều-kiện’, đúng như nó thực là.

f- “Người đó *hiểu được* sắc-thân **sát hại** là ‘sắc-thân sát hại’ ... cảm-giác sát hại là ‘cảm-giác sát hại’ ... nhận-thức sát hại là ‘nhận-thức sát hại’ ... những sự tạo-tác sát hại là ‘những sự tạo-tác sát hại’ ... thức sát hại là ‘thức sát hại’, đúng như nó thực là. (‘năm uẩn’ được ví như ‘kẻ sát hại’ trong ví dụ trên).

g- “Người đó *không* bị dính líu với sắc-thân, khôngchấp-thủ vào nó, không nương dựa vào nó như ‘bản-ngã của ta’. Người đó không bị dính líu với cảm-giác ... với nhận-thức ... với những sự tạo-tác ... với thức, khôngchấp-thủ vào nó, không nương dựa vào nó như ‘bản-ngã của ta’. Chính năm-uẩn dính chấp-thủ này *không* dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu cho người đó, do người đó *không* dính líu với chúng và *không*chấp-thủ vào chúng.

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, quả thật là các quý thầy ở đây có được các sư huynh đầy bi mẫn và nhân từ trong đời sống tâm linh để khuyên răn và chỉ dẫn cho họ. Và như tôi giờ đã được nghe ‘sự chỉ dạy Giáo Pháp’ này của Ngài Xá-lợi-phất, tâm tôi được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không chấp-thủ (thủ diệt).”

Trên đây là lời thầy Xá-lợi-phất đã nói. Thầy Yamaka hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của thầy Xá-lợi-phất.¹⁶⁰

(SN 22:85)

86 (4) Ngài Anurādha

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm) trong Sân Đường Mái Nhọn.¹⁶¹ Bấy giờ, lúc đó có Ngài Anurādha (A-nu-rà-đa, A-nậu-là-đa) đang trú trong một chòi trong rừng cách không xa chỗ đức Thế Tôn. Rồi một số du sĩ giáo phái khác đến gặp thầy Anurādha, và chào hỏi với thầy. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên và nói với thầy ấy:

“Này các bạn Anurādha, khi một Như Lai đang mô tả một Như Lai—loại người cao nhất, bậc tối thượng, bậc chứng ngộ sự chứng ngộ tối thượng—¹⁶² thì Như Lai có mô tả một Như Lai *theo* bốn trường hợp sau đây hay không: ‘Như Lai còn hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Như Lai không còn hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Như Lai không còn hiện hữu cũng không phải không còn hiện hữu sau khi chết’?”

Sau khi điều này được nói ra, thầy Anurādha đã nói với các du sĩ đó như vậy: ‘Này các bạn, khi một Như Lai đang mô tả một Như Lai—loại người cao nhất, bậc tối thượng, bậc chứng ngộ sự chứng ngộ tối thượng—thì Như Lai mô tả một Như Lai *khác với* bốn trường hợp này: ‘Như Lai còn hiện hữu sau khi chết’ ... ‘Như Lai không còn hiện hữu cũng không phải không còn hiện hữu sau khi chết’.”¹⁶³

Sau khi điều này được nói ra, các du sĩ đã nói với thầy Anurādha rằng: ‘Vị Tỳ kheo này chắc mới được thụ giới, chưa xuất gia lâu; hoặc nếu vị này có là một trưởng lão lâu năm thì chắc ông chỉ là một người ngu đần thiếu năng.’”

Rồi những du sĩ giáo phái khác đó, sau khi đã lăng mạ thầy Anurādha bằng những từ ngữ như “mới được thụ giới” và “ngu đần”, đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và bỏ đi.

Rồi, không lâu sau khi những du sĩ đó bỏ đi, ý nghĩ này đã xảy đến với thầy Anurādha: “Nếu những du sĩ khác giáo phái đó mà hỏi ta thêm nữa, thì ta sẽ trả lời theo cách nào để nói đúng điều đã được đức Thế Tôn nói ra và không diễn dịch sai lời của đức Thế Tôn bằng điều gì trái với thực tế? Và theo cách nào ta giảng giải cho đúng theo Giáo Pháp, và để sau đó không tạo cơ sở có lý nào để bị (họ) phê bình?”

Rồi, thầy Anurādha đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại với đức Thế Tôn chuyện đã xảy ra với các du sĩ, và hỏi rằng: “Nếu những du sĩ khác giáo phái đó mà hỏi con thêm nữa, thì con sẽ trả lời theo cách nào ... để sau đó không tạo cơ sở có lý nào để bị (họ) phê bình?”

(1) “Này Anurādha, thầy nghĩ sao, thầy có coi *sắc-thân là Như Lai* hay không?” – “Dạ không, thưa Thế Tôn” – “Thầy có coi *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức là Như Lai* hay không?” – “Dạ không, thưa Thế Tôn.”

(2) “Này Anurādha, thầy nghĩ sao, thầy có coi *Như Lai là ở trong sắc-thân* hay không?” – “Dạ không, thưa Thế Tôn” – (3) “Thầy có coi *Như Lai là khác với sắc-thân* hay không?” – “Dạ không, thưa Thế Tôn” – “Thầy có coi *Như Lai là ở trong cảm-giác* hay không? *Như Lai là khác với cảm-giác* hay không? *Như Lai là ở trong nhận-thức* hay không? *Như Lai là khác với nhận-thức* hay không? *Như Lai là ở trong những sự tạo-tác* hay không? *Như Lai là khác với những sự tạo-tác* hay không? *Như Lai là ở trong thức* hay không? *Như Lai là khác với thức* hay không?” – “Dạ không, thưa Thế Tôn”.

(4) “Này Anurādha, thầy nghĩ sao, thầy có coi *sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác và thức [kết hợp nhau = năm-uẩn]* là *Như Lai* hay không?” – “Dạ không, thưa Thế Tôn”.

(5) “Này Anurādha, thầy nghĩ sao, thầy có coi Như Lai là ‘người’ không có sắc-thân, không có cảm-giác, không có nhận-thức, không có những sự tạo-tác, và không có thức hay không?” – “Dạ không, thưa Thế Tôn”.

“Nhưng, này Anurādha, trong khi Như Lai không được thầy coi là thực-có và có-thật ở đây ngay trong kiếp này, (và nếu thầy đã hiểu theo kiểu như vậy) thì đâu có hợp lý khi thầy lại tuyên bố rằng: ‘Này các bạn, khi một Như Lai đang mô tả một Như Lai—loại người cao nhất, bậc tối thượng, bậc chứng ngộ sự chứng ngộ tối thượng—thì Như Lai có mô tả về Như Lai khác với bốn trường hợp này: ‘Như Lai còn hiện hữu sau khi chết’ ... ‘Như Lai không còn hiện hữu cũng không phải không còn hiện hữu sau khi chết’?”

“Dạ không (hợp lý), thưa Thế Tôn”.

“Tốt, tốt, này Anurādha! Này Anurādha, trước đây và bây giờ cũng vậy, ta chỉ tuyên thuyết (chỉ dạy, cho thấy) sự khổ và sự chấm-dứt khổ.”¹⁶⁴

(SN 22:86)

87 (5) Ngài Vakkali

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Bây giờ, lúc đó có Ngài Vakkali đang trú trong chái kho của một lò gốm; thầy ấy bị bệnh, đau đốn, bệnh nặng gần chết.¹⁶⁵ Rồi thầy Vakkali đã nói với những người chăm sóc mình:

“Này các đạo hữu, hãy nhân danh ta đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân đức Thế Tôn và thưa: ‘Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo Vakkali đang bị bệnh, đau đốn, bệnh nặng gần chết; thầy ấy chuyển lời xin kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân Đức Thế Tôn.’ Rồi thưa: ‘Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn đến gặp (thăm) thầy Vakkali vì lòng bi-mẫn.’”

“Được, này đạo hữu”, những Tỳ kheo đó đáp lại, và họ đi gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và chuyển lại lời của thầy Vakkali. Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng.

Rồi, đức Thế Tôn mặc y áo, và mang theo bình bát và cà sa, đi gặp thầy Vakkali. Thầy Vakkali nhìn thấy đức Thế Tôn đi tới từ xa và cử động thân mình trên giường bệnh. Đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: “Đủ rồi, này Vakkali, thầy đừng cử động trên giường nữa.¹⁶⁶ Có sẵn mấy chỗ ngồi ở đây, ta sẽ ngồi xuống đây.”

Rồi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn, và nói với thầy Vakkali:

- “Ta hy vọng thầy đang chịu đựng tốt, này Vakkali, ta hy vọng thầy đang đỡ hơn (tốt hơn, khỏe lại). Ta hy vọng những cảm-giác đau đớn của thầy đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, không phải sự gia tăng, đang được nhận thấy.”

“Thưa Thế Tôn, con đang không chịu đựng nổi, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đô đang gia tăng trong con, không phải đang lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang được nhận thấy.”

- “Này Vakkali, ta hy vọng thầy không bị bận tâm bởi sự ân hận và hối tiếc nào.”

“Thưa Thế Tôn, thực đúng là, con có khá nhiều sự ân hận và hối tiếc.”

- “Này Vakkali, ta hy vọng thầy không có gì để tự trách mình về mặt giới-hạnh.”

“Thưa Thế Tôn, con không có gì để tự trách bản thân về mặt giới-hạnh.”

(-) “Này Vakkali, nếu thầy không có gì để tự trách bản thân về mặt giới-hạnh, vậy thì tại sao thầy lại bị bận tâm với sự ân hận và hối tiếc?”

“Thưa Thế Tôn, bởi từ lâu con đã muốn đến gặp đức Thế Tôn, nhưng con không đủ khỏe mạnh để làm được việc đó.”

- “Đủ rồi, này Vakkali! Tại sao thầy lại muốn nhìn thấy cái thân ô uế này làm gì? *Ai nhìn thấy Giáo Pháp là nhìn thấy ta; ai nhìn thấy ta (năm uẩn này) là nhìn thấy Giáo Pháp.*¹⁶⁷ Bởi vì, này Vakkali, khi nhìn thấy Giáo Pháp là nhìn thấy ta; và khi nhìn thấy ta là nhìn thấy Giáo Pháp.

- “Này Vakkali, thầy nghĩ sao, *sắc-thân* là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” ...

- “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “*Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa*’.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi đã ban lời giáo huấn cho thầy Vakkali, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và quay về Đỉnh Núi Kền Kền.

Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn ra về, thầy Vakkali đã nói với những người chăm sóc mình như vậy:

“Này các đạo hữu, hãy khiêng tôi trên tấm giường này và đưa tôi tới chỗ (được gọi tên là) Đá Đen, trên Sườn Núi Isigili.¹⁶⁸ Làm sao người như tôi có thể ưa nằm chết giữa khu nhà cửa đông đúc như vậy?”

“Được, đạo hữu”, những Tỳ kheo đó đáp lại, và sau khi họ khiêng thầy Vakkali trên tấm giường đó, họ đã đưa thầy ấy tới chỗ Đá Đen, trên Sườn Núi Isigili.

Đức Thế Tôn trải qua phần còn lại của ngày và đêm hôm đó trên Đỉnh Núi Kền Kền. Rồi, khi đêm đã qua khuya, có hai thiên thần với sắc đẹp huy hoàng, chiếu sáng cả khu Núi Kền Kền ... Sau khi đứng qua một bên, một thiên thần đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo Vakkali đang ý định giải-phóng (mình).”¹⁶⁹
Thiên thần thứ hai thì nói:

“Chắc là vậy rồi, thưa Thế Tôn, thầy ấy sẽ được giải-thoát như một bậc được giải-thoát một cách thiện khéo.”¹⁷⁰

Đây là điều hai thiên thần đó đã nói. Sau khi nói xong, họ kính lễ đức Thế Tôn, và giữ hướng đức Thế Tôn phía bên phải, họ biến mất tại đó. Rồi khi đêm đã qua, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, hãy đến gặp Tỳ kheo Vakkali và nói với thầy ấy: ‘Này đạo hữu Vakkali, hãy lắng nghe lời của đức Thế Tôn và hai thiên thần. Này đạo hữu, tối qua, khi đêm đã qua khuya, có hai thiên thần với sắc đẹp huy hoàng đã đến gặp đức Thế Tôn. Một thiên thần đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo Vakkali đang ý định giải-phóng”. Thiên thần kia thì thưa: “Chắc là vậy rồi, thưa Thế Tôn, thầy ấy sẽ được giải-thoát như một bậc được giải-thoát một cách thiện khéo”. Và, này Vakkali, đức Thế Tôn đã (chuyên lời) nói với thầy rằng: “Đừng sợ hãi, này Vakkali, đừng sợ hãi gì! Cái chết của thầy không phải là một cái chết tồi tệ. Sự qua đời của thầy không phải là một sự tồi tệ.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đó đáp lại, và họ đi gặp thầy Vakkali, và nói lại với thầy ấy: “Này đạo hữu Vakkali, hãy lắng nghe lời nói của đức Thế Tôn và hai thiên thần ...”

Rồi, (ngay khi đó) thầy Vakkali đã nói với những người chăm sóc mình: “Này các đạo hữu, hãy khiêng tôi xuống khỏi giường. Làm sao một người như tôi có thể nghĩ mình lắng nghe lời dạy của đức Thế Tôn khi mình đang ở trên [giường, chỗ] cao như vậy.”

“Được, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại, và họ khiêng thầy xuống khỏi giường.

“Này đạo hữu Vakkali, tối qua có hai thiên thần với sắc đẹp huy hoàng đã đến gặp đức Thế Tôn. Một thiên thần đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo Vakkali đang ý định giải-phóng”. Thiên thần kia thì thưa: “Chắc là vậy rồi, thưa Thế Tôn, thầy ấy sẽ được giải-thoát như một bậc được giải-thoát một cách thiện khéo”. Và đức Thế Tôn thì (chuyên lời) nói với thầy rằng: “Đừng sợ hãi, này Vakkali, đừng sợ hãi gì! Cái chết của thầy không phải là một cái chết tồi tệ. Sự qua đời của thầy không phải là sự tồi tệ.”

“Được rồi, này các đạo hữu, hãy nhân danh tôi đến cúi đầu xuống chân của đức Thế Tôn để kính lễ, và thưa: ‘Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo Vakkali bị bệnh, đau đớn, bệnh nặng gần chết; thầy ấy kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân của Đức Thế Tôn.’ Rồi (chuyển lời) thưa rằng: ‘*Sắc-thân là vô thường*’: con không còn lờ-mờ về điều đó, thưa Thế Tôn; con không còn nghi-ngờ về điều: ‘*mọi thứ vô thường đều là khổ*’. Con không còn nghi-ngờ rằng: ‘*đôi với ‘thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi*’, con không còn dục, tham, và luyến-ái (đối với nó). ‘*Cảm-giác là vô thường ... ‘Nhận-thức là vô thường ... ‘Những sự tạo-tác là vô thường ... ‘Thức là vô thường*’: con không còn lờ-mờ về điều đó, thưa Thế Tôn; con không còn nghi-ngờ về điều: ‘*mọi thứ vô thường đều là khổ*’. Con không còn nghi-ngờ rằng: ‘*đôi với ‘thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi*’, con đã không còn dục, tham, và luyến ái (đối với nó)’.”

“Được, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại, và họ ra về. Rồi, không lâu sau khi họ ra về, thầy Vakkali đã dùng dao. (tức: tự kết liễu thân bệnh đau đớn của mình)¹⁷¹

Rồi các Tỳ kheo đã về đến gặp đức Thế Tôn ... và chuyển lại lời của thầy Vikkali. Đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, chúng ta hãy đến chỗ Đá Đen, trên Sườn Núi Isigili, nơi có người họ tộc Vakkali vừa mới dùng dao.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Rồi đức Thế Tôn, cùng với một số Tỳ kheo, đã đi đến chỗ Đá Đen, trên Sườn Núi Isigili. Từ xa đức Thế Tôn đã nhìn thấy thầy Vakkali đang nằm trên giường với vai quắp lại. Bấy giờ, lúc đó có một làn khói nhẹ, một cuộn khí đen, đang phóng vọt về phía đông, rồi phía tây, phía bắc, phía nam, vọt lên, vọt xuống, và rồi vọt khắp hướng xen giữa các hướng. Đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, các thầy có nhìn thấy một làn khói nhẹ, một cuộn khí đen, đang vọt về phía đông, rồi phía tây, phía bắc, phía nam, vọt lên, vọt xuống, và rồi vọt khắp hướng xen giữa các hướng?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn”

“Này các Tỳ kheo, đó là Ma Vương Ác Ma đang tìm kiếm thức của người họ tộc Vakkali, (hắn) đang thắc mắc: ‘Thức của người họ tộc Vakkali đã được lập-thành ở đâu?’. Tuy nhiên, này các Tỳ kheo, với thức không được lập-thành (để còn tái sinh), người họ tộc Vakkali đã chứng Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn).”

(SN 22:87)

88 (6) Ngài Assaji

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Bấy giờ, lúc đó có Ngài Assaji đang trú tại Khu Vườn (của Ngài) Ca-Điếp (Kassapa), thầy ấy bị bệnh, đau đớn, bệnh nặng gần chết ... *[tiếp tục lời kinh giống hết như bài kinh 22:87 kể trên, cho đến:]*

(—) “Này Assaji, nếu thầy không có gì để tự trách bản thân mình về mặt giới-hạnh, vậy tại sao thầy bị bận tâm với sự ân hận và hối tiếc?”

“Thưa Thế Tôn, trước đây khi con bị bệnh con liên tục làm lảng lộn thân hành [những sự tạo-tác của thân], nhưng [bây giờ] con không đạt định được.¹⁷² Khi con không đạt định được, điều này xảy đến với con: ‘Ta sẽ (cố) không bị rút ra!’” (để khỏi bị rút khỏi định)

(1) “Này Assaji, những tu sĩ và bà-la-môn nào coi (đề cao) sự định-tâm là cốt lõi, và đồng hóa sự định-tâm với đời sống sa-môn, thì khi không đạt định được họ cứ lo nghĩ: ‘Chúng ta sẽ cố không bị rút ra!’¹⁷³

(2) “Này Assaji, thầy nghĩ sao, sắc-thân là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” ...

- “Vì vậy, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.¹⁷⁴

(3) “Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’; người đó hiểu: ‘Không nắm giữ (đính theo) nó’; người đó hiểu: ‘Không ưa thích nó’. Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác khổ (khổ thọ), người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’; người đó hiểu: ‘Không nắm giữ nó’; người đó hiểu: ‘Không ưa thích nó’. Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính (vô ký thọ), người đó hiểu: ‘Không nắm giữ nó’; người đó hiểu: ‘Không ưa thích nó’.

(4) “Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó cảm nhận nó tách-ly (cảm nhận nó là nó, không dính líu gì mình); nếu người đó cảm nhận một cảm-giác khổ, người đó cảm nhận nó tách-ly; nếu người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính, người đó cảm nhận nó tách-ly.

(5) “Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu (kết thúc) cùng với thân, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân.’ Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng mạng-sống, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng-sống.’ Người đó hiểu: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự cạn dứt mạng-sống, tất cả (mọi thứ) đều được cảm nhận (nhưng) không còn được thích thú, sẽ nguội tắt ngay tại đây.’

- “Này Assaji, giống như một ngọn đèn dầu cháy tùy thuộc vào dầu và tim, và khi dầu cạn tim hết, nếu nó không được tiếp liệu thêm nữa, nó sẽ tắt ngấm do không còn nhiên liệu. Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân ... đang kết liễu cùng với mạng-sống ... Người đó hiểu: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự cạn dứt của mạng-sống, tất cả đều được cảm nhận, (nhưng) không còn được thích thú, sẽ trở nên nguội tắt ngay tại đây.’”

(SN 22:88)

89 (7) Ngài Khemaka

Trong một lần có một số Tỳ kheo trưởng lão đang sống ở Kosambī, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita. Bấy giờ, lúc đó có

Ngài Khemaka đang sống trong Vườn Cây Táo Ta, đang bị bệnh, đau đớn, bệnh nặng gần chết.

Rồi, vào buổi chiều, những Tỳ kheo trưởng lão đó ra khỏi chỗ ẩn cư, và nói với Ngài Dāsaka như vậy:

(1) “Này đạo hữu Dāsaka, hãy đi gặp Tỳ kheo Khemaka và nói với thầy ấy: ‘Này đạo hữu Khemaka, các trưởng lão nói với thầy rằng: Này đạo hữu, chúng tôi hy vọng thầy đang chịu đựng tốt, chúng tôi hy vọng thầy đang đỡ hơn (tốt hơn, khỏe lại). Chúng tôi hy vọng những cảm-giác đau đớn của thầy đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, không phải sự gia tăng, đang được thấy rõ.’”

“Được, các đạo hữu”, thầy Dāsaka đáp lại, và thầy đi gặp thầy Khemaka và chuyển lại lời nhắn. [Thầy Khemaka trả lời:]

- “Này các đạo hữu, tôi đang không chịu đựng nổi, tôi đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đô đang gia tăng trong tôi, không phải đang lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang được nhận thấy.”

Rồi thầy Dāsaka trở về gặp các Tỳ kheo trưởng lão và báo lại điều thầy Khemaka đã trả lời. Họ lại nói với thầy Dāsaka:

(2) “Này đạo hữu Dāsaka, hãy đi gặp Tỳ kheo Khemaka và nói với thầy ấy: ‘Này đạo hữu Khemaka, các trưởng lão nói với thầy rằng: Này đạo hữu, năm uẩn dính chấp-thủ, đã từng được đức Thế Tôn chỉ dạy; đó là: uẩn sắc-thân bị dính chấp, uẩn cảm-giác bị dính chấp, uẩn nhận-thức bị dính chấp, uẩn những sự tạo-tác bị dính chấp, uẩn thức bị dính chấp. Trong năm uẩn dính chấp-thủ đó, thầy Khemaka có coi (nhìn nhận) cái nào là cái ‘ta’, hoặc nghĩ nó thuộc cái ‘ta’ hay không?’”

“Được, các đạo hữu”, thầy Dāsaka đáp lại, và thầy lại đi gặp thầy Khemaka và chuyển lại lời nhắn. [Thầy Khemaka trả lời:]

- “Năm uẩn dính chấp-thủ đã được dạy bởi đức Thế Tôn; đó là: uẩn sắc-thân dính chấp-thủ ... uẩn thức bị dính chấp. Trong năm uẩn dính chấp-thủ đó, tôi không coi cái nào là cái ‘ta’ hay thuộc cái ‘ta’ nào cả.”

Rồi thầy Dāsaka trở về gặp các Tỳ kheo trưởng lão và báo lại điều thầy Khemaka đã trả lời. Họ lại nói với thầy Dāsaka:

(3) “Này đạo hữu Dāsaka, hãy đi gặp Tỳ kheo Khemaka và nói với thầy ấy: ‘Này đạo hữu Khemaka, các trưởng lão nói với thầy rằng: Này đạo hữu, năm uẩn dính chấp-thủ đã được nói bởi đức Thế Tôn; đó là: uẩn sắc-thân dính chấp-thủ ... uẩn thức bị dính chấp. Nếu thầy Khemaka không coi cái nào trong số năm uẩn dính chấp-thủ đó là cái ‘ta’ hay thuộc cái ‘ta’, vậy thì thầy là đã một A-la-hán, người đã diệt sạch mọi ô-nhiễm.’”

“Được, các đạo hữu”, thầy Dāsaka đáp lại, và thầy lại đi gặp thầy Khemaka và chuyển lại lời nhắn. [Thầy Khemaka trả lời:]

- “Năm uẩn dính chấp-thủ đã được dạy bởi đức Thế Tôn; đó là: uẩn sắc-thân dính chấp-thủ ... uẩn thức bị dính chấp. Tôi không coi cái nào trong năm uẩn dính chấp-thủ đó là cái ‘ta’ hay thuộc cái ‘ta’, nhưng tôi không phải là một A-la-hán, người đã diệt sạch mọi ô-nhiễm. Này các đạo hữu, [cái quan niệm] cái ‘ta-là’ [*ngã mạn*] vẫn chưa biến mất trong tôi trong mối liên hệ với năm uẩn dính chấp-thủ này, nhưng tôi không coi [bất kỳ uẩn nào] là ‘Đây là ta.’” *ngã mạn*

(4) “Này đạo hữu Dāsaka, hãy đi gặp Tỳ kheo Khemaka và nói với thầy ấy: ‘Này đạo hữu Khemaka, các trưởng lão nói với thầy rằng: Này đạo hữu Khemaka, khi thầy nói về cái ‘ta’ như vậy— thì đó là cái-gì mà thầy nói về nó là cái ‘ta’? Có phải ý thầy nói về sắc-thân là cái ‘ta’ hay ý thầy nói về một cái ‘ta’ khác với sắc-thân? Có phải ý thầy nói cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức là cái ‘ta’ hay ý thầy nói về một cái ‘ta’ khác với thức? Này đạo hữu Khemaka, khi thầy nói về một cái ‘ta’ như vậy, cái gì là cái mà thầy nói là cái ‘ta’? ¹⁷⁵

Rồi thầy Dāsaka trở về gặp các Tỷ kheo trưởng lão và báo lại điều thầy Khemaka đã trả lời. Họ lại nói với thầy Dāsaka:

“Được, các đạo hữu”, thầy Dāsaka đáp lại, và thầy lại đi gặp thầy Khemaka và chuyển lại lời nhắn. [Thầy Khemaka trả lời:]

- “Đủ rồi, này đạo hữu Dāsaka! Tại sao cứ phải chạy đi chạy về như vậy? Hãy gọi người chăm sóc (hầu cận) của ta đến đây, này đạo hữu. Ta sẽ tự thân đi đến gặp các Tỷ kheo trưởng lão đó.”

Rồi thầy Khemaka, nương dựa vào (sự diu dắt của) người chăm sóc của mình, đã đến gặp các Tỷ kheo trưởng lão đó, và chào hỏi qua lại với họ, và ngồi xuống một bên. Rồi các Tỷ kheo trưởng lão nói với thầy ấy: “Này đạo hữu Khemaka, khi thầy nói về cái ‘ta’ như vậy cái gì là cái mà thầy nói là cái ‘ta’?”

- “Này các đạo hữu, tôi không nói sắc-thân là cái ‘ta’, tôi cũng không nói cái ‘ta’ là khác với sắc-thân. Tôi không nói cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức là cái ‘ta’, tôi cũng không nói cái ‘ta’ là khác với cảm-giác ... thức. Này các đạo hữu cái [ý niệm] ‘ta-là’ [*ngã mạn*] vẫn chưa biến mất trong tôi trong mối liên hệ với năm-uẩn dính chấp-thủ này, nhưng tôi vẫn không coi [bất kỳ uẩn nào] là ‘Đây là ta’.”

- “Này các đạo hữu, ví dụ có mùi hương của hoa sen xanh, sen đỏ hay sen trắng. Liệu có ai nói đúng mà nói rằng: ‘Mùi hương thuộc cánh hoa’, hay ‘Mùi hương thuộc cuống hoa’,¹⁷⁶ hay ‘Mùi hương thuộc nhụy hoa’?”

“Không thuộc cái nào cả, này đạo hữu”.

- “Này các đạo hữu, vậy nếu ai trả lời đúng là trả lời theo cách nào?”

“Này đạo hữu, nếu trả lời đúng thì người đó nên trả lời rằng: ‘Mùi hương thuộc bông hoa.’”

- “Cũng giống như vậy, này các đạo hữu, tôi không nói sắc-thân là cái ‘ta’, tôi cũng không nói cái ‘ta’ là khác với sắc-thân. Tôi không nói cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức là cái ‘ta’, tôi cũng không nói cái ‘ta’ là khác với thức. Này các đạo hữu, mặc dù cái [ý niệm] ‘ta-là’

[ngã mạn] vẫn chưa biến mất trong tôi trong mối liên hệ với năm-uẩn dính chấp-thủ này, nhưng tôi vẫn không coi [bất kỳ uẩn nào] là ‘Đây là ta’.

- “Này các đạo hữu, ngay cả khi một thánh đệ tử đã dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), nhưng, trong mối liên hệ với năm-uẩn dính chấp-thủ này, vẫn còn trong người đó một chút tàn dư hơi hướng của cái ‘ta-là’, một chút dục của ‘ta-là’, một chút khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) của ‘ta-là’ chưa được bứng sạch. Nhiều lúc sau đó người đó an trú quán sát (thiền quán) về sự lên và xuống (sinh và diệt) trong năm-uẩn dính chấp-thủ, như vậy: ‘Này là sắc-thân, này là sự khởi-sinh của nó, này là sự biến-diệt của nó; này là cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức, này là sự khởi-sinh của nó, này là sự biến-diệt của nó.’ Khi người đó an trú quán sát như vậy về sự lên và xuống của năm-uẩn dính chấp-thủ, thì một chút tàn dư hơi hướng của cái ‘ta-là’, một chút dục của ‘ta-là’, một chút khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) của ‘ta-là’—sẽ được bứng sạch.

- “Này các đạo hữu, ví dụ một tấm vải bị dính đất và dơ, và người chủ đưa cho người giặt đồ. Người giặt đồ sẽ vò nó bằng muối tẩy, bằng thuốc giặt, hoặc bằng phân bò, và sau đó xô sạch nó trong nước sạch. Cho dù tấm vải đó đã được tinh tẩy và sạch sẽ, nhưng, nó vẫn còn lại chút tàn dư hơi hướng của mùi muối tẩy, thuốc giặt, hoặc phân bò vẫn chưa hoàn toàn biến mất. Rồi người thợ giặt mang giao tấm vải cho người chủ. Rồi người chủ mang cát vào một học tử đầy mùi thơm (chẳng hạn: có để hương thơm, nước hoa, long não...), thì chút tàn dư của mùi muối tẩy, thuốc giặt, hoặc phân bò trước đó chưa biến mất—rồi sẽ biến mất hoàn toàn.¹⁷⁷

- “Cũng giống như vậy, này các đạo hữu, ngay cả khi một thánh đệ tử đã dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), nhưng, trong mối liên hệ với năm-uẩn dính chấp-thủ này, vẫn còn trong người đó một chút tàn dư hơi hướng của cái ‘ta-là’, một chút dục của ‘ta-là’, một chút khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) của ‘ta-là’ chưa được bứng sạch ... Khi người đó an trú quán sát như vậy về sự lên và xuống của năm-uẩn dính chấp-thủ, thì một chút tàn dư hơi hướng của cái ‘ta-là’, một chút dục của

‘ta-là’, một chút khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) của ‘ta-là’—sẽ được bừng sạch.

Khi lời này được nói ra, các Tỷ kheo trưởng lão đã nói với thầy Khemaka:

“Chúng tôi không (có ý) hỏi những câu hỏi để làm phiền Thầy Khemaka, mà (thực lòng) chúng tôi nghĩ rằng Thầy Khemaka có khả năng giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm rõ giáo lý của đức Thế Tôn một cách chi tiết. Và (thực vậy) Thầy Khemaka đã giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm rõ giáo lý.”

Trên đây là điều mà Ngài Khemaka đã nói. Các Tỷ kheo hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của Ngài Khemaka. Và trong khi bài thuyết giảng đang được nói ra như vậy, tâm của sáu mươi vị Tỷ kheo trưởng lão đó đã được giải-thoát nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt).

(SN 22:89)

90 (8) Ngài Channa

Trong một lần có một số Tỷ kheo đang sống ở xứ Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở vùng Isipatana (Isipatana có nghĩa là: nơi những thiên thần hạ giới). Rồi, vào buổi chiều, Ngài Channa ra khỏi chỗ ẩn cư, và mang theo chìa khóa của mình, đến từng chỗ trú của các Tỷ kheo và nói với họ như vậy:

“Các bậc trưởng lão hãy khởi xướng cho tôi, các bậc trưởng lão hãy chỉ dạy cho tôi, các bậc trưởng lão hãy nói Giáo Pháp cho tôi theo một cách để tôi có thể nhìn thấy Giáo Pháp.”¹⁷⁸

Sau khi điều này được nói ra, các Tỷ kheo trưởng lão đã nói với thầy Channa:

“Này đạo hữu Channa, sắc-thân là vô thường, cảm-giác là vô thường, nhận-thức là vô thường, những sự tạo-tác là vô thường, thức là vô thường.

Sắc-thân là vô ngã, cảm-giác là vô ngã, nhận-thức là vô ngã, những sự tạo-tác là vô ngã, thức là vô ngã. Tất cả mọi sự tạo-tác (mọi hành) đều là vô thường; tất cả mọi hiện-tượng (mọi pháp) đều là vô ngã.”¹⁷⁹

Rồi ý nghĩ này xảy đến với thầy Channa: “Ta cũng nghĩ theo cách này: ‘Sắc-thân là vô thường ... thức là vô thường. Sắc-thân là vô ngã ... thức là vô ngã. Tất cả mọi sự tạo-tác đều là vô thường. Tất cả mọi hiện-tượng đều là vô ngã.’ Nhưng tâm của ta không phát huy tới sự làm lắng-lặn tất cả mọi sự tạo-tác (hành), sự từ-bỏ tất cả mọi sự thu- nạp (sanh y), sự tiêu-diệt dục-vọng (ái), sự chán-bỏ, sự chám-dứt, Niết-bàn; nó cũng không có được niềm tin, không an bài, và không nhất quyết theo hướng đó. Thay vì vậy, (hễ khi có) sự kích-động (do lo sợ này nọ ...) và sự chấp-thủ (những quan-điểm này nọ...) khởi sinh và (thì) tâm quay lưng lại, nghĩ ngợi rằng: ‘Nhưng ai là cái ‘ta’ (ngã) của ta?’¹⁸⁰ Nhưng vấn đề như vậy thì không xảy ra đối với người nhìn-thấy Giáo Pháp. Vậy ai có thể chỉ dạy cho ta Giáo Pháp theo cách để ta có thể nhìn-thấy Giáo Pháp?”

Rồi ý nghĩ này xảy đến với thầy Channa: “Ngài Ānanda này đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá Ghosita, và thầy ấy đã được khen bởi đức Thế Tôn và được kính trọng bởi những đạo hữu huynh đệ của mình trong đời sống tâm linh. Thầy Ānanda có khả năng chỉ dạy Giáo Pháp cho ta theo cách để ta có thể nhìn-thấy Giáo Pháp. Bởi ta đã có nhiều sự tin-tưởng vào thầy Ānanda, vậy ta nên đi gặp thầy ấy.”

Rồi thầy Channa thu dọn chỗ ở, mang bình bát và cà sa và đi đến Tịnh Xá Ghosita ở Kosambī, ở đó thầy ấy đã gặp thầy Ānanda, và chào hỏi qua lại với thầy Ānanda. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và kể cho thầy Ānanda về mọi chuyện đã xảy ra với mình, và nói thêm: “Mong thầy Ānanda khởi xướng (giáo huấn) cho tôi, nhờ thầy chỉ dạy tôi, nhờ thầy nói cho tôi Giáo Pháp theo cách để tôi có thể nhìn-thấy Giáo Pháp.”

- “Cho đến nước này (tình trạng này) tôi vẫn rất vui lòng với thầy Channa. Có lẽ thầy Channa đã khai mở bản thân mình và đã phá vỡ sự cần-cỗi (sự hoang-dại, sự không tiến bộ) của mình.¹⁸¹ Đây đạo hữu

Channa, hãy để tai lắng nghe nghe, thầy có khả năng hiểu được Giáo Pháp đó mà.”

Rồi ngay lập tức một niềm khoan-khoái cao độ và sự hoan-hỷ đã khởi sinh trong tâm thầy Channa khi thầy ấy nghĩ rằng: “Hình như mình cũng có khả năng hiểu được Giáo Pháp.”

[Rồi thầy Ānanda nói:] “Khi có mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe điều này, này đạo hữu Channa; khi có mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe nhận được lời giáo huấn mà đức Thế Tôn đã nói cho Tỳ kheo Kaccānagotta như vậy.¹⁸²

(1) “Này Kaccāna, hầu hết trong thế gian này (trừ các thánh nhân) đều phụ thuộc vào hai mặt quan-điểm ... [*tiếp tục toàn bộ lời bài kinh SN 12:15 (Quyển 2) được thầy Ānanda đọc lại*] Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

“Này đạo hữu Ānanda, quả thật là các quý thầy ở đây có được các sư huynh đầy bi mẫn và nhân từ trong đời sống tâm linh để khuyên răn và chỉ dẫn cho họ. Và như tôi giờ đã được nghe ‘sự chỉ dạy Giáo Pháp’ này của Ngài Ānanda, tôi đã làm-nên sự đột-phá (chứng ngộ) vào Giáo Pháp.” (tức chứng quả Nhập-lưu)

(SN 22:90)

91 (9) Ngài Rāhula (I)

Ở Sāvattihī.¹⁸³

Lúc đó Ngài Rāhula đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, làm sao một người biết, làm sao một người thấy để cho: đối với thân có-thức này (tức: thân có-thức của mình) và đối với tất cả những hình-tướng ở bên ngoài (tức: thân có-thức của chúng sinh khác ...), thì cái sự tạo-nên (đặt nên, chấp có) cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’,

và cái khuynh-hướng tiềm ẩn của (tạo ra) sự ‘tự-ta’ (tùy miền ngã mạn) *không còn xảy ra ở bên-trong (tâm) nữa?*”

“Này Rāhula, mọi sắc-thân (sắc) dù là loại gì: thuộc quá khứ, tương lai hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, thấp nhược hay cao siêu, xa hay gần—một người nhìn thấy tất cả mọi thể sắc-thân, đúng như chúng thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã’ của ta.’

“Mọi loại cảm-giác (thọ) ... Mọi loại nhận-thức (tưởng) ... Mọi loại sự tạo-tác (hành) ... Mọi loại thức (thức) dù là loại gì: thuộc quá khứ, hay tương lai hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, thấp nhược hay cao siêu, xa hay gần— một người nhìn thấy mọi cảm-giác ... thức, đúng như chúng thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là cái ‘bản ngã’ của ta.’

“Khi một người biết và thấy như vậy, này Rāhula, thì: đối với thân có-thức này và đối với tất cả những hình-tướng bên ngoài, cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm ẩn của (tạo ra) sự tự-ta *không còn xảy ra ở bên-trong (tâm) nữa*”

(SN 22:91)

92 (10) Ngài Rāhula (2)

Ở Sāvattihī.

Lúc đó Ngài Rāhula đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để mà, đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả mọi dấu-hiệu (hình tướng) bên ngoài, tâm *khử sạch* cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), đã vượt trên sự phân-biệt đối đãi, và được bình-an và được giải-thoát một cách thiện khéo?”

“Này Rāhula, mọi *sắc-thân* dù là loại gì, thuộc quá khứ, hay tương lai hay hiện tại, thô tế hay vi tế, thấp nhược hay cao siêu, xa hay gần— một người nhìn thấy tất cả *sắc-thân* đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Mọi *cảm-giác* ... Mọi *nhận-thức* ... Mọi *sự tạo-tác* ... Mọi *thức* dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một người nhìn thấy tất cả *cảm-giác* ... tất cả *thức* đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’], thì tâm được giải thoát nhờ sự không chấp-thủ.

“Này Rāhula, khi một người biết và thấy như vậy, thì đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả mọi dấu-hiệu bên ngoài: tâm *khử sạch* cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và sự tự-ta, (nó) đã vượt trên sự phân-biệt đối đãi, và được bình-an và được giải-thoát một cách khéo léo.”

(SN 22:92)

NHÓM 5

NHÓM ‘HOA’

(*Puppha-vagga*)

93 (1) Dòng Sông

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ một dòng sông chảy xuống từ trên núi, chảy xa với một dòng chảy xiết. Nếu hai bên bờ sông có cỏ *kāsa* hay cỏ *kusa* mọc, chúng cũng mọc nhô ra từ bờ; nếu có những cây bấc, lau sậy, hay cây cối khác mọc, chúng cũng mọc nhô ra từ bờ. Nếu một người đang bị cuốn trôi bởi dòng chảy đó cố (chụp, bám) nắm lấy cỏ *kāsa*, thì cỏ sẽ bị đứt gãy và do vậy người đó sẽ gặp phải tai nạn và thảm họa; nếu người đó nắm lấy những cây bấc, lau sậy, hay cây cối khác, thì chúng cũng bị đứt gãy và do vậy người đó sẽ gặp phải tai nạn và thảm họa;

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, người phàm chưa được chỉ dạy ... *cứ* coi sắc-thân (sắc) là cái ‘ta’, hoặc nghĩ cái ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc sắc-thân là ở trong cái ‘ta’, hoặc ‘ta’ ở trong sắc-thân. Rồi sắc-thân đó tan rã và do vậy người đó gặp phải tai nạn và thảm họa.

“Người đó *cứ* coi cảm-giác (thọ) là cái ‘ta’ ... nhận-thức (tưởng) là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác (hành) là cái ‘ta’ ... thức (thức) là cái ‘ta’, hoặc nghĩ cái ‘ta’ sở hữu thức, hoặc thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc ‘ta’ ở trong thức. Rồi thức đó tan rã và do vậy người đó gặp phải tai nạn và thảm họa.

- “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” ...

- “Vì vậy, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’”.

(SN 22:93)

94 (2) Hoa

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta không tranh chấp với thế gian [= thế giới chúng sinh]; mà ngược lại, thế gian tranh chấp với ta. Một người chủ trương theo Giáo Pháp thì không tranh chấp với bất cứ ai trong thế gian này. Những gì trong thế gian người có trí đồng ý là không-có (không tồn tại, không phải, không đúng, không thực), ta cũng nói đó là không-có. Và những gì người có trí đồng ý là có, ta cũng nói đó là có.”¹⁸⁴

[1] “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là thứ người có trí đồng ý là không-có, và ta cũng nói đó là không-có? ‘*Sắc-thân* là thường hằng, bất diệt, không bị thay đổi’: điều này người có trí đã đồng ý là không-có, và ta cũng nói đó không-có. ‘*Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác ... Thức* là thường hằng, bất diệt, không bị thay đổi’: điều này người có trí đã đồng ý là không-có và ta cũng nói đó là không-có.

“Này các Tỳ kheo, đó là điều những người có trí trong thế gian đồng ý là không-có, ta cũng nói đó là không-có.

[2] Và, này các Tỳ kheo, cái gì là thứ người có trí đồng ý là có, và ta cũng nói đó là có (có xảy ra, phải, đúng, thực)? ‘*Sắc-thân* là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi’: điều này người có trí đã đồng ý là có, và ta cũng nói đó là có. ‘*Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác ... Thức* là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi’: điều này người có trí đã đồng ý là có, và ta cũng nói đó là có.

“Này các Tỳ kheo, đó là điều những người có trí trong thế gian đồng ý là có, ta cũng nói đó là có.

[3] “Này các Tỳ kheo, có một hiện-tượng thế giới (pháp thế gian) trong thế giới mà Như Lai đã giác ngộ và chứng ngộ. Sau khi đã làm được như vậy, Như Lai đi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên bố nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, làm rõ nó.”¹⁸⁵

“Và cái gì là hiện-tượng thế giới trong thế giới mà Như Lai đã giác ngộ và chứng ngộ? Đây các Tỳ kheo, *sắc-thân* là một hiện-tượng thế giới trong thế giới mà Như Lai đã giác ngộ và chứng ngộ. Sau khi đã làm được như vậy, Như Lai đi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên bố nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, làm rõ nó. Trong khi nó đang được Như Lai giảng giải ... làm rõ như vậy, nếu có ai không biết được và không thấy được thì ta đâu biết làm gì hơn đối với những người phàm phu ngu dại đó, mù quáng và không thấy gì, là những người không biết và không thấy?

“*Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác ... Thức* là một hiện-tượng thế giới trong thế giới mà Như Lai đã giác ngộ và chứng ngộ. Sau khi đã làm được như vậy, Như Lai đi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên bố nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, làm rõ nó. Trong khi nó đang được Như Lai giảng giải ... làm rõ như vậy, nếu có ai không biết được và không thấy được thì ta đâu biết làm gì hơn đối với những người phàm phu ngu dại đó, mù quáng và không thấy gì, là những người không biết và không thấy?

“Đây các Tỳ kheo, giống như một bông sen xanh, sen đỏ hay sen trắng được sinh ra trong nước và lớn lên trong nước, nhưng sau khi vượt khỏi mặt nước, nó không còn bị dính nhiễm bởi nước (bùn, dơ, ô nhiễm); cũng giống như vậy, Như Lai đã được sinh ra trong thế gian [tức: thế giới địa lý, địa cầu này, trần gian này] và lớn lên trong thế gian, nhưng sau khi đã vượt trên thế gian, Như Lai sống không còn bị dính-nhiễm bởi thế-gian [tức: bởi thế giới của những sự tạo-tác]”¹⁸⁶

(SN 22:94)

95 (3) *Bọt Nước ...*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Ayojjhā, bên bờ sông Hằng. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:¹⁸⁷

(1) “Đây các Tỳ kheo, ví dụ sông Hằng này đang chảy mang theo một đống bọt-nước. Một người có mắt sáng có thể kiểm tra đống bọt-nước, suy

xét nó, và điều tra kỹ càng nó, và người đó có thể thấy rằng đồng *bọt-nước* đó chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất (chắc chắn) nào bên trong đồng bọt-nước đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mọi *sắc-thân* dù là loại gì, là quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần—một Tỳ kheo kiểm tra sắc-thân, suy xét nó, và điều tra kỹ càng nó, và người đó có thể thấy rằng sắc-thân chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất nào bên trong sắc-thân đó đâu?¹⁸⁸

(2) “Này các Tỳ kheo, ví dụ lúc mùa thu, khi trời đang mưa và những giọt mưa lớn đang rơi xuống, một bong-bóng nước nổi lên và vỡ tan trên mặt nước. Một người có mắt sáng có thể kiểm tra một bong-bong nước, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng *bong-bóng* nước chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất nào bên trong bong-bóng nước đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mọi *cảm-giác* dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần—một Tỳ kheo kiểm tra cảm-giác, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng cảm-giác chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất nào chắc chắn bên trong cảm-giác đó đâu?¹⁸⁹

(3) “Này các Tỳ kheo, ví dụ lúc cuối tháng mùa nóng, vào lúc trưa nắng gắt, một ảo-ảnh lung linh xuất hiện (đằng xa, trên mặt đường...). Một người có mắt sáng có thể kiểm tra ảo-ảnh, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng *ảo-ảnh* chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất nào bên trong ảo-ảnh đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mọi *nhận-thức* dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một Tỳ kheo kiểm tra nhận-thức, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng nhận-thức chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất nào bên trong nhận-thức đó đâu?¹⁹⁰

(4) “Này các Tỳ kheo, ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm kiếm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, người đó lấy một rìu bén và đi vô rừng. Người đó nhìn thấy một cây chuối lớn, thẳng, tươi, không có cùi buồng chuối.¹⁹¹ Người đó đốn gốc hạ cây xuống, chặt bỏ phần lá, và lột bẹ chuối. Khi người đó lột bẹ chuối, người đó không tìm thấy thậm chí một chút phần gỗ mềm, nói chi tới phần gỗ lõi. Một người có mắt sáng có thể kiểm tra thân-cây-chuối, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng *thân-cây-chuối* chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất nào bên trong thân cây chuối đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mọi *sự tạo-tác* dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một Tỳ kheo kiểm tra những sự tạo-tác, suy xét chúng, và điều tra kỹ càng về chúng, và người đó có thể thấy rằng những sự tạo-tác chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất nào bên trong những sự tạo-tác đó đâu?¹⁹²

(5) “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một nhà ảo thuật [hay người thợ pho của ông] có thể biểu diễn một trò ảo-thuật ở một ngã tư đường. Một người có mắt sáng có thể kiểm tra trò ảo-thuật, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng *màn ảo-thuật* chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất nào bên trong màn ảo-thuật đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mọi *thức* dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một Tỳ kheo kiểm tra thức, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng thức chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất nào bên trong thức đó đâu?¹⁹³

“Này các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với *sắc-thân*, sự ghê-sợ đối với *cảm-giác*, sự ghê-sợ đối với *nhận-thức*, sự ghê-sợ đối với *những sự tạo-tác*, sự ghê-sợ đối với *thức*. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi

tâm được giải thoát, có sự-biết: ‘Nó được giải thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy, đã nói thêm như vậy:

“*Sắc-thân* (sắc) chỉ như *đống bọt-nước*,
Cảm-giác (thọ) chỉ như *bong-bóng nước*;
Nhận-thức (tưởng) chỉ như *ảo-ảnh*,
Những sự tạo-tác (hành) chỉ như *thân-cây-chuối*,
Và *thức* (thức) chỉ như *màn ảo-thuật*,
Bậc Hậu Duệ của Thái Dương (tức Phật)
Đã thuyết giảng như vậy.

“Tuy vậy, người nên suy-xét nó,
Và điều-tra nó kỹ càng,
Khi nhìn nó kỹ càng sẽ thấy:
Nó hiện như vậy, nhưng trống-rỗng trống-không.

“Khi nói về thân này,
Bậc Trí Rộng (tức Phật) đã dạy,
Nếu dẹp-bỏ được ba điều,
Sẽ thấy sắc-thân chỉ là đồ bỏ đi.

“Khi sức sống, nhiệt, và thức
Rời bỏ thân thể này,
Nó chỉ còn như đồ bỏ đi:
Chỉ làm được thức ăn cho loài khác,
Đâu còn sự cố-ý (tư) nào ở đó. ¹⁹⁴

“Sự liên-tục này chỉ là vậy,
Là sự ảo-tưởng này, là kẻ lừa bịp những người ngu dại.
Nó được dạy là một kẻ sát hại;
Chứ đâu tìm thấy có thực-chất gì trong đó. ¹⁹⁵

“Một Tỳ kheo với sự nỗ-lực được phát khởi

Nên (thiền tập) quán-xét về năm-uẩn như vậy,
Dù là ngày hay đêm,¹⁹⁶
Luôn rõ-biết, luôn có chánh-niệm như vậy.
“Vị đó nên phá bỏ mọi công-cùm (kiết sử)
Và tạo nên một chỗ nương-tựa cho chính mình;
Sống (tu liên tục cho kịp) như lửa đang cháy trên đầu,
Tâm nguyện đạt tới đến trạng thái bất-diệt (Niết-bàn).”

(SN 22:95)

96 (4) Phân Bò

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp ... Sau khi ngồi xuống một bên, vị Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có thứ *sắc-thân* nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và nó sẽ trụ mãi (giữ nguyên) như sự bất diệt, hay không? Thưa Thế Tôn, có thứ *cảm-giác* ... *nhận-thức* ... *những sự tạo-tác* ... *thức* nào là thường hằng, bất diệt, không bị thay đổi, và nó sẽ trụ mãi như sự bất diệt, hay không?”

“Này Tỳ kheo, không có *sắc-thân* nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và trụ mãi như sự bất diệt. Không có *cảm-giác* ... *nhận-thức* ... *những sự tạo-tác* ... *thức* nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và trụ mãi như sự bất diệt.”

Rồi đức Thế Tôn nhặt lên một chút xiu phân bò trong tay và nói với Tỳ kheo đó:

“Này Tỳ kheo, thậm chí không được có chút hữu thể [thể hiện hữu, vật thể] nào cỡ vậy là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và trụ nguyên như sự bất diệt. Nếu có chút hữu thể nào cỡ vậy là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, thì “sự sống của đời-sống tâm linh [đời sống tu hành, phạm hạnh] để diệt-khổ” đâu được nhận thấy (tức

đâu ích gì, đâu có nghĩa lý gì để tu).¹⁹⁷ Nhưng bởi vì không có được thậm chí chút xíu hữu thể nào cỡ vậy là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, cho nên “sự sống của đời-sống tâm linh để diệt-khổ” mới được nhận thấy.

“Này Tỳ kheo, trong quá khứ ta đã từng là một vị vua giai cấp chiến-sĩ [khattiya] được phong vương.¹⁹⁸ Ta có 84.000 đô thành, kinh thành chính là kinh đô Kusāvati. Ta có 84.000 cung điện, cung điện chính là cung điện [có tên] Giáo Pháp [Dhamma]. Ta có 84.000 sảnh đường có mái nhọn, sảnh đường chính [có tên] là sảnh đường Đại Tràng (nghĩa: hàng, dãy, đoàn lớn; *Mahā-vyuuha*). Ta có 84.000 ghế dài làm bằng ngà voi, bằng gỗ lõi, bằng vàng và bạc, được phủ bằng tấm trải bằng len dày, bằng tấm trải được thêu những bông hoa, bằng tấm trải làm bằng da sơn dương, có dù che màu đỏ ở trên và hai gối màu đỏ ở hai đầu.

“Ta có 84.000 voi đực với những đồ trang trí bằng vàng và cờ xí bằng vàng, mình được bọc màn lưới sợi bằng vàng, đứng đầu là voi đực hoàng gia [có tên là] Bồ-tát [Uposatha].¹⁹⁹ Ta có 84.000 ngựa chiến với những đồ trang trí bằng vàng và cờ xí bằng vàng, mình được bọc màn lưới sợi bằng vàng, đứng đầu là ngựa chiến hoàng gia [có tên] Valāhaka. Ta có 84.000 cỗ xe với những đồ trang trí bằng vàng và cờ xí bằng vàng, mình được bọc màn lưới sợi bằng vàng, dẫn đầu là xe ngựa [có tên] Vejayanta.

“Ta có 84.000 châu báu, đứng đầu là đá bảo-báu. Ta có 84.000 phụ nữ, đứng đầu là Hoàng hậu Subhaddā. Ta có 84.000 quan thần thuộc giai cấp chiến-sĩ, đứng đầu là tướng-quân báu. Ta có 84.000 con bò với dây thừng cột chúng làm bằng sợi đay mịn và những thùng đựng sữa làm bằng đồng thau. Ta có 84.000 thứ [*koṭi*] quần áo được làm từ vải đay mịn, lụa mịn, len mịn, bông vải mịn. Ta có 84.000 đĩa đựng thức ăn được dọn ra cho bữa ăn sáng và bữa ăn chiều.

“Này Tỳ kheo, trong 84.000 kinh thành đó,²⁰⁰ chỉ có một kinh thành ta ở vào thời đó: kinh đô Kusāvati. Trong 84.000 cung điện đó, chỉ có một cung điện ta ở vào thời đó: cung điện [có tên] Giáo Pháp [Dhamma]. Trong 84.000 sảnh đường có mái nhọn đó, chỉ có một sảnh đường ta ở vào

thời đó: sảnh đường [có tên] Đại Tràng. Trong 84.000 ghé dài đó, chỉ có một ghé dài ta dùng vào thời đó, ghé được làm từ ngà voi, hay gỗ lõi, hay vàng, hay bạc.

“Trong 84.000 con voi đó, chỉ có một con voi ta cỡi đi vào thời đó, đó là voi đực hoàng gia [có tên] Bồ-tát [Uposatha]. Trong 84.000 ngựa chiến đó, chỉ có một ngựa chiến ta cỡi đi vào thời đó, đó là ngựa chiến hoàng gia [có tên] Valāhaka. Trong 84.000 cỗ xe đó, chỉ có một cỗ xe ta đi vào thời đó, đó là cỗ xe [có tên] Vejayanta.

“Trong 84.000 phụ nữ đó, chỉ có một người phụ nữ hầu cận ta vào thời đó, đó là một hầu nữ thuộc giai cấp chiến-sĩ hoặc hầu nữ thuộc lưỡng giai cấp [velāmika].²⁰¹ Trong 84.000 thứ [koṭi] quần áo, chỉ có một bộ quần-áo ta mặc vào thời đó, đó là bộ được làm từ vải đay mịn, hoặc lụa mịn, hoặc len mịn, hoặc bông vải mịn. Trong 84.000 đĩa đựng thức ăn, chỉ có một đĩa ta ăn trong đó chủ yếu là cơm và một món cà ri thích hợp.

“Vậy đó, này Tỳ kheo, (những) tất cả những sự tạo-tác đó đều đã phai biến, chấm dứt, và thay đổi. Những sự tạo-tác thật là vô thường, thật là không chắc chắn, thật là không đáng dựa vào. Này Tỳ kheo, điều đó là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác, quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ (để nỗ lực tu hành) để giải-thoát khỏi chúng.”

(SN 22:96)

97 (5) Móng Tay

Ở Sāvattihī.

Sau khi ngồi xuống một bên, vị Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có thứ sắc-thân nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và trụ mãi như sự bất diệt? Thưa Thế Tôn, có thứ cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức nào là thường hằng, bất diệt, không bị thay đổi, và trụ mãi như sự bất diệt?”

“Này Tỳ kheo, không có thứ sắc-thân nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và trụ mãi như sự bất diệt. Không có cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và trụ mãi như sự bất diệt.”

Rồi đức Thế Tôn khươi ra một chút xíu đất trong móng tay và nói với Tỳ kheo đó:

“Này Tỳ kheo, thậm chí không được có chút hữu thể [thể hiện hữu, vật thể] nào cỡ vậy là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và trụ nguyên như sự bất diệt. Nếu có chút hữu thể nào cỡ vậy là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, thì “sự sống của đời-sống tâm linh [đời sống tu hành, phạm hạnh] để diệt-khổ” đâu được nhận thấy (tức đâu ích gì, đâu có nghĩa lý gì để tu). Nhưng bởi vì không có được thậm chí chút xíu hữu thể nào cỡ vậy là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, cho nên “sự sống của đời-sống tâm linh để diệt-khổ” mới được nhận thấy.

“Thậm chí không có được chút cảm-giác nào ... nhận-thức nào ... những sự tạo-tác nào ... thức nào như vậy là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và trụ nguyên như sự bất diệt. Nếu có chút hữu thể nào cỡ như vậy là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, thì “sự sống của đời-sống tâm linh để hoàn toàn diệt-khổ” đâu được nhận thấy. Nhưng bởi vì không có được thậm chí chút xíu hữu thể nào cỡ này là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, cho nên “sự sống của đời-sống tâm linh để hoàn toàn diệt-khổ” mới được nhận thấy.

- “Này Tỳ kheo, thầy nghĩ sao, sắc-thân là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” ...

- “Vì vậy, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 22:97)

98 (6) Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản)

Ở Sāvattthī.

Sau khi ngồi xuống một bên, vị Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có thứ sắc-thân, cảm-giác nào, nhận-thức nào, những sự tạo-tác nào, hay thức nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và trụ mãi như sự bất diệt, hay không?”

“Này Tỳ kheo, không có sắc-thân nào, không có cảm-giác nào, không có nhận-thức nào, không có những sự tạo-tác nào, và không có thức nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và trụ mãi như sự bất diệt cả.”

(SN 22:98)

99 (7) Dây Xích (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi là không có điểm khởi đầu có thể nhận thấy được (vô thủy). Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được.²⁰²

- “Này các Tỳ kheo, rồi sẽ tới một thời đại dương cạn khô và nước bốc hơi hết, và đại dương không còn nữa;²⁰³ nhưng, ta nói, (cho dù có chấm dứt đại dương kia) vẫn không chấm dứt nỗi sự khổ đau của những chúng sinh còn lang thang và trôi giạt (trong vòng luân-hồi) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng.

- “Này các Tỳ kheo, rồi sẽ tới một thời núi Sineru (Tu-di), vua của các ngọn núi, bốc cháy và rụi tàn, núi không còn nữa; nhưng, ta nói, (cho dù có chấm dứt núi vua kia) vẫn không chấm dứt nỗi sự khổ đau của những chúng sinh còn lang thang và trôi giạt (trong vòng luân-hồi) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng.

- “Này các Tỳ kheo, rồi sẽ tới thời đại địa cầu này bốc cháy và rụi tàn, và trái đất không còn nữa; nhưng, ta nói, (cho dù chấm dứt trái đất này) vẫn không chấm dứt nỗi sự khổ đau của những chúng sinh còn lang thang và trôi giạt (trong vòng luân-hồi) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng.

“Này các Tỳ kheo, ví như một con chó bị xích bằng một sợi dây cột chặt vào một cây trụ hay cột nhà. Cũng giống như vậy, người phàm chưa được chỉ dạy *cứ* coi *sắc-thân* là ‘ta’ ... *cảm-giác* là ‘ta’ ... *nhận-thức* là ‘ta’ ... *những sự tạo-tác* là ‘ta’ ... *thức* là ‘ta’ ... Người đó cứ chạy vòng quanh sắc-thân, chạy vòng quanh cảm-giác, chạy vòng quanh nhận-thức, chạy vòng quanh những sự tạo-tác, vòng quanh thức.²⁰⁴ Khi người đó cứ chạy vòng quanh chúng, người đó không giải thoát khỏi sắc-thân, không giải thoát khỏi cảm-giác, không giải thoát khỏi nhận-thức, không giải thoát khỏi những sự tạo-tác, không giải thoát khỏi thức. Người đó không giải thoát khỏi sự sinh, già, chết; không giải thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; không giải thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.”

(SN 22:99)

100 (8) Dây Xích (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi là không có điểm khởi đầu có thể nhận thấy được (vô thủy). Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được.

“Này các Tỳ kheo, ví như một con chó bị xích bằng một sợi dây cột chặt vào một cây trụ hay cột nhà. Nếu nó đi, nó cũng đi quanh quần bên trụ hay cột đó. Nếu nó đứng, nó cũng đứng quanh quần bên trụ hay cột đó. Nếu nó ngồi, nó ngồi quanh quần bên trụ hay cột đó. Nếu nó nằm, nó nằm cũng quanh quần bên trụ hay cột đó.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, người phàm chưa được chỉ dạy *cir* coi sắc-thân như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’]. Người đó *cir* coi cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’]. Nếu đi, người đó đi quanh quẩn bên năm-uẩn dính chấp-thủ. Nếu đứng, người đó đứng quanh quẩn bên năm-uẩn dính chấp-thủ. Nếu ngồi, người đó ngồi quanh quẩn bên năm-uẩn dính chấp-thủ. Nếu nằm, người đó nằm quanh quẩn bên năm-uẩn dính chấp-thủ.

“Vì vậy, này các Tỳ kheo, người tu nên quán chiếu (suy xét, quán niệm) trong tâm mình như vậy: ‘Đã từ lâu tâm này đã bị ô-nhiễm bởi tham, sân, si’. Bởi có những ô-nhiễm của tâm nên chúng sinh bị ô-nhiễm; với sự làm trong sạch cái tâm thì chúng sinh được thanh-lọc.

“Này các Tỳ kheo, các thầy có thấy một bức họa được gọi là ‘Sự Trả Giá’ hay không?” (nghĩa như: trả nghiệp, giá phải trả)²⁰⁵

“Có, thưa Thế Tôn”

“Ngay cả bức họa có tên ‘Sự Trả Giá’ đó được thiết kế trong sự đa dạng của nó bởi cái tâm, nhưng cái tâm còn đa dạng khác biệt nhiều hơn cả bức tranh được gọi là ‘Sự Trả Giá’ đó”.²⁰⁶

“Vì vậy, này các Tỳ kheo, người tu nên quán chiếu trong tâm mình như vậy: ‘Đã từ lâu tâm này đã bị ô-nhiễm bởi tham, sân, si’. Bởi có những sự ô-nhiễm của tâm nên chúng sinh bị ô-nhiễm; với sự làm trong sạch cái tâm thì chúng sinh được thanh-lọc.

“Này các Tỳ kheo, ta không thấy có trật tự hệ chúng sinh nào mà đa dạng khác biệt như hệ chúng sinh trong cõi súc sinh. Ngay cả những chúng sinh trong cõi súc sinh đó đã được phân biệt đa dạng bởi cái tâm,²⁰⁷ nhưng cái tâm còn đa dạng khác biệt nhiều hơn cả (số) chúng sinh trong cõi súc sinh.

“Vì vậy, này các Tỳ kheo, người tu nên quán trong tâm mình như vậy: ‘Đã từ lâu tâm này đã bị ô-nhiễm bởi tham, sân, si’. Bởi có những ô-

nhiễm của tâm nên chúng sinh bị ô-nhiễm; với sự làm trong sạch cái tâm thì chúng sinh được thanh-lọc.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ một nghệ sĩ hay họa sĩ, dùng nước màu hoặc màu sơn cánh kiến hoặc màu nghệ vàng hoặc màu chàm hoặc màu đỏ thắm, để vẽ thành hình một người nam hay nữ trên mặt ván gỗ hay trên tường hay trên nền vải bạt.²⁰⁸ Cũng giống như vậy, khi một người phạm chưa được chỉ dạy tạo-tác ra thứ gì thì đó chỉ là *sắc-thân* mà người đó tạo ra; chỉ là *cảm-giác* mà người đó tạo ra; chỉ là *nhận-thức* mà người đó tạo ra; chỉ là *những sự tạo-tác* mà người đó tạo ra; chỉ là *thức* mà người đó tạo ra.

- “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” ...

- “Vì vậy, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 22:100)

101 (9) *Cán Rìu* (hay *Con Thuyền*)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận) là cho người biết và thấy, không phải cho người không biết và không thấy. Cho người biết cái gì, cho người thấy cái gì, để sự tiêu diệt ô-nhiễm có xảy ra? (Đó là biết:) ‘Này là sắc-thân (sắc), này là sự khởi sinh của sắc-thân, này là sự biến diệt của sắc-thân; này là cảm-giác (thọ) ... này là nhận-thức (tuồng) ... này là những sự tạo-tác (hành) ... này là thức (thức), này là sự khởi sinh của thức, này là sự biến diệt của thức’: đó là cho người biết như vậy, cho người thấy (sự sinh-diệt của năm uẩn) như vậy để sự tiêu diệt ô-nhiễm xảy ra.²⁰⁹

(I) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống *không tận tụy hết mình* cho sự tu-tập, thì cho dù người đó có phát thành ước nguyện: ‘Cầu cho tâm ta ‘được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt)!’ thì tâm người đó cũng đâu có ‘được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn chấp-thủ’. Vì lý do gì? Vì người đó thiếu sự tu-tập. Thiếu sự tu-tập về cái gì? (1) Về bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ), (2) bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn (tứ chánh cần), (3) bốn cơ-sở (tạo nên) thần thông (tứ thần túc), (4) năm căn tâm linh (ngũ căn), (5) năm năng-lực (ngũ lực), (6) bảy chi giác-ngộ (thất giác chi), và (7) con-đường tám phần thánh thiện (Bát thánh đạo). [= 37 phần tu]²¹⁰

- “Ví dụ có con gà mái có tám, mười, hay mười hai trứng mà *không* ấp, ủ và nuôi dưỡng trứng đúng cách. Thì cho dù nó có phát khởi ‘ước nguyện’ trong đầu như vậy: ‘Ôi, cầu cho những đứa gà con có thể dùng móng chân chọt lung vỡ trứng, dùng mỏ mổ ra và nở ra an toàn!’ thì những con gà con cũng đâu có khả năng dùng móng chân chọt lung vỡ trứng, dùng mỏ mổ ra và nở ra an toàn. Vì lý do gì? Vì con gà mái đó có tám, mười, hay mười hai trứng *không* ấp, ủ và nuôi dưỡng trứng đúng cách.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống *không tận tụy hết mình* cho sự tu-tập, thì cho dù người đó có phát thành ước nguyện: ‘Cầu cho tâm ta ‘được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn chấp-thủ!’ thì tâm người đó cũng đâu ‘được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn chấp-thủ’. Vì lý do gì? Vì người đó thiếu sự tu-tập. Thiếu sự tu-tập về cái gì? (1) Về bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ) ... (7) con-đường tám phần thánh thiện (Bát thánh đạo).

(II) “Này các Tỳ kheo, (ngược lại) khi một Tỳ kheo sống *tận tụy hết mình* cho sự tu-tập, thì cho dù người đó không ước nguyện: ‘Cầu cho tâm ta ‘được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn chấp-thủ!’ thì tâm người đó cũng ‘được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn chấp-thủ’. Vì lý do gì? Vì người đó có sự tu-tập. Có sự tu-tập về cái

gì? (1) Về bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ) ... (7) con-đường tám phần thánh thiện (Bát thánh đạo).

- “Ví dụ có con gà mái có tám, mười, hay mười hai trứng mà *có* ấp, ủ và nuôi dưỡng trứng đúng cách. Cho dù nó không phát khởi ‘ý nguyện’ trong đầu như vậy: ‘Ôi, cầu cho những đứa gà con có thể dùng móng chân chọt lung vỏ trứng, dùng mỏ mổ ra và nở ra an toàn!’ thì những con gà con cũng có khả năng dùng móng chân chọt lung vỏ trứng, dùng mỏ mổ ra và nở ra an toàn. Vì lý do gì? Vì con gà mái đó có tám, mười, hay mười hai trứng *có* ấp, ủ và nuôi dưỡng trứng đúng cách.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo,²¹¹ khi một Tỳ kheo sống *tận tụy* hết mình cho sự tu-tập, thì cho dù người đó không có ước nguyện: ‘Cầu cho tâm ta ‘được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn chấp-thủ!’ thì tâm người đó cũng ‘được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn chấp-thủ’. Vì lý do gì? Vì người đó có sự tu-tập. Có sự tu-tập về cái gì? (1) Về bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ) ... (7) con-đường tám phần thánh thiện (Bát thánh đạo).

(III) “Này các Tỳ kheo, khi một người thợ mộc²¹² [hay người phụ việc của ông ta] nhìn vào cán rìu, người đó nhìn thấy những dấu mòn vì những ngón tay và ngón tay cái, nhưng người đó không biết rằng: ‘Bữa nay cán rìu đã mòn đi một chút, hôm qua cũng vậy, hôm trước cũng vậy’ (mỗi ngày mòn đi một chút). Nhưng đến khi nó mòn-rõ đi thì sự-biết mới xảy ra trong tâm người đó rằng cán búa đã mòn-đi nhiều.

“Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo sống *tận tụy* hết mình cho sự tu-tập, thì cho dù người đó (mỗi ngày) không biết rằng: ‘Bữa nay ô-nhiễm của ta đã bớt [mòn] đi một chút, hôm qua cũng vậy, hôm trước cũng vậy’, nhưng khi chúng đã bớt-rõ nhiều thì sự-biết mới xảy ra trong tâm người đó rằng những ô-nhiễm đã bớt-đi nhiều.

- “Ví dụ có một con thuyền đi biển có những trang thiết bị (cột buồm, các loại dây căng buồm ...) đã bị mòn hao trong nước biển qua sáu tháng. Rồi nó được kéo lên bờ khô trong mùa lạnh và những trang thiết bị đó lại

bị tàn công thêm bởi gió và nắng. Rồi tới khi bị ngập ứ đọng vì mưa rào, những trang thiết bị đó càng dễ dàng bị tàn mục và gãy rớt.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống *tận tụy* hết mình cho sự tu-tập, thì (dần dần) những công-cụ trôi buộc (kiết sử) của người đó cũng dễ dàng tàn rụi và gãy rớt.”²¹³

(SN 22:101)

102 (10) Nhận Thức Về Sự Vô-Thường

Ở Sāvattthī.

[1] a- “Này các Tỳ kheo, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn giác quan (dục tham), nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn được hiện-hữu (hữu tham), nó sẽ loại bỏ tất cả sự vô-minh (vô minh), nó sẽ bừng sạch tất cả sự ‘tự-ta’ (ngã mạn).”²¹⁴

b- “Này các Tỳ kheo, giống như vào mùa thu người cày ruộng cày xới bằng một lưỡi cày cắt đứt tất cả gốc của rạ khi cày; cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn giác quan (dục tham) ...

c- “Này các Tỳ kheo, cũng giống như một người chặt phát cây cối chặt hạ một cây, túm ngọn của nó, quật nó xuống và quật ra và chống gốc lên quơ tới quơ lui (cho rễ sạch đất và chết tiệt); cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn giác quan (dục tham) ...

d- “Này các Tỳ kheo, giống như cuống của một chùm xoài đã bị cắt đứt, thì tất cả trái xoài dính vào cuống đó sẽ một-phát rớt hết; cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn giác quan (dục tham) ...

e- “Này các Tỳ kheo, giống như những thanh xà dọc của một căn nhà có mái nhọn đều dẫn lên đỉnh chóp và hội tụ tại đỉnh chóp; tất cả sẽ bị dỡ bung một-phát khi cái đỉnh chóp bị gỡ đi; cũng giống như vậy, khi ‘nhận-

thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn giác quan (dục tham) ... ²¹⁵

f- “Này các Tỳ kheo, giống như trong số những rễ cây có hương thơm, thì rễ cây ô-rít đen được cho là thơm đứng đầu; cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn giác quan (dục tham) ...

g- “Này các Tỳ kheo, cũng giống như trong số những gỗ lõi có hương thơm, thì gỗ chiên-đàn đỏ được cho là thơm đứng đầu; cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn giác quan (dục tham) ...

h- “Này các Tỳ kheo, cũng giống như trong số những bông hoa có hương thơm, thì hoa lài được cho là thơm đứng đầu; cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn giác quan (dục tham) ...

k- “Này các Tỳ kheo, cũng giống như tất cả những hoàng tử nhỏ đều là hạng chư thân của vị vua quay chuyên bánh xe (giáo pháp), thì vị vua quay chuyên bánh xe là người đứng đầu của họ; cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn giác quan (dục tham) ...

l- “Này các Tỳ kheo, cũng giống như sự chiếu sáng của tất cả các vì sao (cộng lại) cũng không bằng 1/16 sự chiếu sáng của mặt trăng, nên sự chiếu sáng của mặt trăng (như: đối với mắt người đứng nhìn từ trái đất vào ban đêm) được cho là đứng đầu trong số đó; cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn giác quan (dục tham) ...

m- “Này các Tỳ kheo, cũng giống như vào mùa thu, khi trời quang và mây tạnh, mặt trời mọc lên xua tan tất cả màn đêm khỏi không gian khi nó phát sáng, tỏa sáng, và chiếu sáng; cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn giác quan (dục tham), nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn được hiện-hữu (hữu

tham), nó sẽ loại bỏ tất cả sự vô-minh (vô minh), nó sẽ bừng sạch tất cả sự ‘tự-ta’ (ngã mạn).

[2] - “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào thì ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng để nó (có thể) loại bỏ tất cả tham-muốn giác quan (dục tham), nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn được hiện-hữu (hữu tham), nó sẽ loại bỏ tất cả sự vô-minh (vô minh), nó sẽ bừng sạch tất cả sự ‘tự-ta’ (ngã mạn)? (Đó là:) ‘Này là *sắc-thân* (sắc), này là sự khởi sinh của sắc-thân, này là sự biến diệt của sắc-thân; này là *cảm-giác* (thọ) ... này là *nhận-thức* (tưởng) ... này là *những sự tạo-tác* (hành) ... này là *thức* (thức), này là sự khởi sinh của thức, này là sự biến diệt của thức’: đó là cách mà ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng để nó (có thể) loại bỏ tất cả tham-muốn giác quan (dục tham), nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn được hiện-hữu (hữu tham), nó sẽ loại bỏ tất cả sự vô-minh (vô minh), nó sẽ bừng sạch tất cả sự ‘tự-ta’ (ngã mạn).”

(SN 22:102)

PHẦN III

‘NĂM MƯƠI KINH CUỐI’

NHÓM 1

NHÓM ‘CÁC PHẦN’

(*Anta-vagga*)

103 (1) *Các Phần*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn phần này.²¹⁶ Bốn đó là gì? Phần danh-tính, phần nguồn-gốc danh-tính, phần sự chấm-dứt danh-tính, phần con-đường dẫn tới sự chấm-dứt danh-tính.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phần *danh-tính*? Nên nói: đó là năm-uẩn dính chấp-thủ (năm thủ uẩn). Uẩn *sắc-thân* dính chấp-thủ, uẩn *cảm-giác* dính chấp-thủ, uẩn *nhận-thức* dính chấp-thủ, uẩn *những sự tạo-tác* dính chấp-thủ, uẩn *thức* dính chấp-thủ. Đây được gọi là phần danh-tính.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phần *nguồn-gốc danh-tính*? Chính là dục-vọng (ái) này dẫn tới tái hiện-hữu (tái hữu), có đi kèm bởi sự khoái-thích và tham-dục, tìm kiếm khoái-lạc chỗ này chỗ nọ; đó là dục-vọng khoái-lạc giác quan (dục ái), dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái), dục-vọng vì/không muốn hiện-hữu (phi hữu ái). Đây được gọi là phần nguồn-gốc danh-tính.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phần *sự chấm-dứt danh-tính*? Đó là sự phai biến sạch sẽ [không còn tàn dư] và sự chấm-dứt của dục-vọng đó, sự dẹp bỏ và sự từ bỏ nó, sự tự do khỏi nó, sự không phụ thuộc vào nó. Đây được gọi là phần sự chấm-dứt danh-tính.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phần *con-đường dẫn tới sự chấm-dứt danh-tính*? Đó là con-đường tám phần tu thánh thiện (bát thánh đạo), đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định. Đây được gọi là phần *con-đường dẫn tới sự chấm-dứt danh-tính*.”

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn phần.”

(SN 22:103)

104 (2) *Khô*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về sự khô, nguồn-gốc khô, sự chấm-dứt khô, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khô.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là khô? Nên nói: đó là năm-uẩn dính chấp-thủ. Năm đó là gì? Uẩn sắc-thân dính chấp-thủ ... [*như kinh kể trên*] ... Đây được gọi là sự khô.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nguồn-gốc khô? Chính là dục-vọng (ái) này dẫn tới tái hiện-hữu (tái hữu) ... Đây được gọi là nguồn-gốc khô.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự chấm-dứt khô. Đó là sự phai biến sạch sẽ [*không còn tàn dư*] và sự chấm-dứt của dục-vọng đó ... Đây được gọi là sự chấm-dứt khô.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khô? Đó là con-đường tám phần tu thánh thiện (bát thánh đạo), đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định. Đây được gọi là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khô.”

(SN 22:104)

105 (3) *Danh Tính*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về danh-tính, nguồn-gốc của danh-tính, sự chấm-dứt danh-tính, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt danh-tính.”

[*Phần còn lại giống kinh kể trên, chỉ thay chữ ‘khô’ bằng ‘danh-tính’.*]

(SN 22:105)

106 (4) Nên Được Hoàn-Toàn Hiểu

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những điều nên được hoàn-toàn hiểu, sự hoàn-toàn hiểu, và người đã hoàn-toàn hiểu.²¹⁷ Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều nên được hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ)? Này các Tỳ kheo, *sắc-thân* là thứ nên được hoàn-toàn hiểu. *Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác ... Thức* là thứ nên được hoàn-toàn hiểu. Đây được gọi là những điều nên được hoàn-toàn hiểu.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự hoàn-toàn hiểu? Đó là sự tiêu diệt *tham*, sự tiêu diệt *sân*, sự tiêu diệt *si*: đây được gọi là sự hoàn-toàn hiểu.²¹⁸

“Và, này các Tỳ kheo, ai là người đã hoàn-toàn hiểu? Nên nói rằng: đó là bậc A-la-hán, bậc được gọi bằng danh từ đó và tên họ tộc của mình. Đây được gọi là người đã hoàn-toàn hiểu.” (tức: được xưng A-la-hán trước tên họ, ví dụ: A-la-hán Xá-lợi-phát ...)

(SN 22:106)

107 (5) Những Tu Sĩ (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có năm uẩn dính chấp-thủ này. Năm đó là gì? Uẩn sắc-thân dính chấp-thủ ... uẩn thức dính chấp-thủ.

- “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ [sa-môn] và bà-la-môn nào không hiểu được (chưa ngộ) đúng thực như chúng là sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm-uẩn dính chấp-thủ này: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-

môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do không tự mình chứng ngộ điều đó bằng sự-biết trực tiếp, cho nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu-sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.

- “Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được (ngộ) những đúng như chúng thực là: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ điều đó bằng sự-biết trực tiếp, cho nên ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ và mục-tiêu của bà-la-môn.”

(SN 22:107)

108 (6) *Những Tu Sĩ (2)*

Ở Sāvattthī.²¹⁹

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được đúng thực như chúng là nguồn-gốc, sự biến-diệt, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm-uẩn dính chấp-thủ này: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn ...

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những đúng như chúng thực là: thì những người đó ... ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ và mục-tiêu của bà-la-môn.”

(SN 22:108)

109 (7) *Nhập-Lưu*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có năm uẩn dính chấp-thủ này. Năm đó là gì? Uẩn sắc-thân dính chấp-thủ ... uẩn thức bị dính-schấp.

“Này các Tỳ kheo, khi *một người thánh đệ tử* hiểu được đúng thực như chúng là nguồn-gốc và sự biến-diệt, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm-uẩn dính chấp-thủ này, thì người đó được gọi là một bậc Nhập-lưu (Dự Lưu, Tu-đà-hoàn), không còn ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích-đến của mình.”

(SN 22:109)

110 (8) A-la-hán

... “Này các Tỳ kheo, sau khi đã hiểu được đúng như chúng thực là nguồn-gốc và sự biến-diệt, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm-uẩn dính chấp-thủ này, *một Tỳ kheo* được giải-thoát nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt), thì người đó được gọi là một Tỳ kheo là một A-la-hán, người đã tiêu diệt ô-nhiễm, người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã hoàn toàn tiêu diệt các gông-cùm trói buộc sự hiện-hữu, người đã hoàn toàn giải-thoát nhờ (thông qua) trí-biết cuối cùng.”²²⁰

(SN 22:110)

111 (9) Dẹp Bỏ Dục (1)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, bất cứ dục nào đối với sắc-thân, bất cứ tham nào, khoái-lạc nào, dục-vọng nào (đối với sắc-thân)— hãy dẹp bỏ nó. Làm như vậy thì sắc-thân sẽ được dẹp bỏ, bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết cây cọ, bị xóa sổ để nó không còn khởi sinh lại trong tương lai. Cũng làm như vậy đối với [trong trường hợp] cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác, và thức.”

(SN 22:111)

112 (10) Dẹp Bỏ Dục (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, bất cứ dục nào đối với sắc-thân, bất cứ tham nào, khoái-lạc nào, dục-vọng nào, sự dính-líu và sự chấp-thủ (thủ) nào, những quan-điểm thuộc tâm ý nào, những sự cố-chấp nào, những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) nào (đối với sắc-thân)— hãy dẹp bỏ chúng. Làm như vậy thì sắc-thân sẽ được dẹp bỏ, bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết cây cọ, bị xóa sổ để nó không còn khởi sinh lại trong tương lai. Cũng làm như vậy đối với [trong tương hợp] cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác, và thức.”

(SN 22:112)

NHÓM 2

NHÓM ‘NGƯỜI THUYẾT PHÁP’

(*Dhammakathika-vagga*)

113 (1) Vô Minh

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘vô-minh, vô-minh’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là vô-minh, và theo cách nào người ta bị chìm đắm trong vô-minh?”

“Này Tỳ kheo, ở đây, người phàm chưa được chỉ dạy không hiểu được *sắc-thân*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó. Người đó không hiểu được *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó. Đây được gọi là sự vô-minh, và theo cách như vậy là người ta bị chìm đắm trong vô-minh.”

(SN 22:113)

114 (2) Trí Biết Đích Thực (minh)

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có một Tỳ kheo ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘trí-biết đích thực, trí-biết đích thực’ [minh, chân trí]. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là trí-biết đích thực, và theo cách nào một người đạt tới trí-biết đích thực?”

“Này Tỳ kheo, ở đây, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy hiểu được *sắc-thân*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự

chấm-dứt nó. Người đó hiểu được *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó. Đây được gọi là trí-biết đích thực, và theo cách như vậy là người đã đạt tới trí-biết đích thực.”

(SN 22:114)

115 (3) Người Thuyết Pháp (1)

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có một Tỳ kheo ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘người thuyết Pháp, người thuyết Pháp’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào thì một người là người thuyết Pháp?”²²¹

“Này Tỳ kheo, (i) nếu ai chỉ dạy Giáo Pháp vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *sắc-thân*, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một người thuyết Pháp. (ii) Nếu ai đang tu tập vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *sắc-thân*, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập đúng theo Giáo Pháp. (iii) Nếu, thông qua sự ghê-sợ đối với *sắc-thân*, thông qua sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, người tu được giải-thoát nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt), thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.

“Này các Tỳ kheo, (i) nếu ai chỉ dạy Giáo Pháp với mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức*, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một người thuyết Pháp. (ii) Nếu ai đang tu tập vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *cảm-giác ... thức*, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập đúng theo Giáo Pháp. (iii) Nếu, thông qua sự ghê-sợ đối với *cảm-giác ... thức*, thông qua sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, người tu được giải-thoát nhờ sự

không còn chấp-thủ, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.

(SN 22:115)

116 (4) Người Thuyết Pháp (2)

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có một Tỳ kheo ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘người thuyết Pháp, người thuyết Pháp’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào thì một người là người thuyết Pháp? Theo cách nào là một người đang tu tập đúng theo Giáo Pháp? Theo cách nào là một người đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này?”

[*Phân còn lại như kinh kể trên.*]

(SN 22:116)

117 (5) Sự Ràng Buộc

Ở Sāvattihī.

(i) “Ở đây, này các Tỳ kheo, người phạm chưa được chỉ dạy ... *cứ* coi *sắc-thân* là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu *sắc-thân*, hoặc *sắc-thân* là ở trong cái ‘ta’, hoặc ‘ta’ ở trong *sắc-thân*. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là người phạm chưa được chỉ dạy là người bị trói buộc bởi sự ràng-buộc vào *sắc-thân*, người bị trói buộc bởi sự ràng-buộc bên trong và bên ngoài, người không nhìn thấy bờ gần và bờ xa (thử ngạn và bị ngạn), là người già-đi trong sự ràng-buộc,²²² người chết-đi trong sự ràng-buộc, người ở trong sự ràng-buộc cứ đi từ cảnh giới này qua cảnh giới khác (tức luôn bị tái sinh trong luân-hồi).

“Người đó *cứ* coi *cảm-giác* ... *nhận-thức* ... *những sự tạo-tác* ... *thức* là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu *thức*, hoặc *thức* ở trong cái ‘ta’, hoặc ‘ta’ ở trong *thức*. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là người phạm chưa được chỉ

dạy là người bị trói buộc bởi sự ràng-buộc vào thức ... người ở trong sự ràng-buộc cứ đi từ cảnh giới này qua cảnh giới khác.

(ii) “Nhưng, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy *không* coi sắc-thân là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc sắc-thân là ở trong cái ‘ta’, hoặc ‘ta’ ở trong sắc-thân. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là người thánh đệ tử đã được chỉ dạy là người không bị trói buộc bởi sự ràng-buộc vào sắc-thân, người không bị trói buộc bởi sự ràng-buộc bên trong và bên ngoài, người nhìn thấy bờ gần và bờ xa, là người được giải-thoát khỏi sự khổ đau, ta nói vậy.

“Người đó *không* coi cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc thức ở trong cái ‘ta’, hoặc ‘ta’ ở trong thức. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là người thánh đệ tử đã được chỉ dạy là người không bị trói buộc bởi sự ràng-buộc vào thức ... là người được giải-thoát khỏi sự khổ đau, ta nói vậy.”

(SN 22:117)

118 (6) *Chát Ván (I)*²²³

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, các thầy có coi *sắc-thân* như vậy không: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’]?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”

“Tốt, các Tỳ kheo! *Sắc-thân* nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Các thầy có coi *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức* như vậy không: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’]?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”

“Tốt, các Tỳ kheo! Cảm-giác ... Thức nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:118)

119 (7) *Chât Ván* (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, các thầy có coi *sắc-thân* như vậy không: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’]?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn”

“Tốt, các Tỳ kheo! *Sắc-thân* nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Các thầy có coi *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức* như vậy không: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Dạ có, thưa Thế Tôn”

“Tốt, các Tỳ kheo! Cảm-giác ... Thức nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:119)

120 (8) Những Thứ Gông Cùm

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những thứ gông cùm (trói buộc), và sự gông-cùm. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thứ gông cùm, và cái gì là sự gông-cùm? Này các Tỳ kheo, sắc-thân là một thứ gông cùm; dục và tham đối với nó chính là sự gông-cùm ở đó. Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác ... Thức là một thứ gông cùm; dục và tham đối với nó chính là sự gông-cùm ở đó.

“Những (năm) thứ này được gọi là những thứ gông cùm, và đây chính là sự gông-cùm.”

(SN 22:120)

121 (9) Những Thứ Có thể Dính Chấp-thủ Vào Đó

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những thứ (mình) có thể dính chấp-thủ (vào chúng), và sự chấp-thủ. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thứ (mình) có thể dính chấp-thủ (vào chúng), và cái gì là sự chấp-thủ? Này các Tỳ kheo, sắc-thân là thứ mình có thể dính chấp-thủ (vào nó); dục và tham đối với nó chính là sự chấp-thủ ở đó. Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác ... Thức là thứ mình có thể dính chấp-thủ (vào nó); dục và tham đối với nó chính là sự chấp-thủ ở đó.

“Những (năm) thứ này được gọi là những thứ (mình) có thể bị dính chấp, và đây chính là sự chấp-thủ.”

(SN 22:121)

122 (10) Có Giới Hạnh

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Đại Câu-hi-la (Mahākotṭhita) đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai tại Isipatana (Isipatana có nghĩa là: nơi những thiên thần hạ giới). Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Đại Câu-hi-la ra khỏi chỗ ẩn cư, đến gặp thầy Xá-lợi-phất, chào hỏi qua lại, và nói:

(1) “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là những thứ mà *một Tỳ kheo đức hạnh* [có giới-hạnh] nên chú-tâm một cách kỹ càng (như lý tác ý)?”

- “Này đạo hữu Câu-hi-la, một Tỳ kheo đức hạnh nên chú-tâm một cách kỹ càng tới năm uẩn dính chấp-thủ là *vô thường, là khổ, như căn bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, là sự thống khổ, là tai họa, như người dựng kẻ lạ, là đang tan rã, là trống không, là vô ngã* (không phải là ngã).²²⁴ Năm đó là gì? Uẩn *sắc-thân* dính chấp-thủ, uẩn *cảm-giác* dính chấp-thủ, uẩn *nhận-thức* dính chấp-thủ, uẩn *những sự tạo-tác* dính chấp-thủ, uẩn *thức* dính chấp-thủ. Một Tỳ kheo đức hạnh nên chú-tâm một cách kỹ càng vào năm uẩn dính chấp-thủ này là *vô thường ... là trống không, là vô ngã*. Này đạo hữu, khi một Tỳ kheo đức hạnh chú-tâm một cách kỹ càng như vậy vào năm uẩn dính chấp-thủ này, thì có khả năng người đó chứng ngộ được thánh quả Nhập-lưu.”

(2) “Nhưng, đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là những thứ mà *một Tỳ kheo là bậc thánh Nhập-lưu* nên chú-tâm một cách kỹ càng?”

- “Này đạo hữu Câu-hi-la, một Tỳ kheo là bậc thánh Nhập-lưu ... *[cũng làm như vậy]* ... Này đạo hữu, khi một Tỳ kheo là bậc thánh Nhập-lưu chú-tâm một cách kỹ càng như vậy vào năm uẩn dính chấp-thủ này, thì có khả năng rằng người đó chứng ngộ được thánh quả Nhất-lai.”

(3) “Nhưng, đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là những thứ mà *một Tỳ kheo là bậc thánh Nhất-lai* nên chú-tâm một cách kỹ càng?”

- “Này đạo hữu Câu-hi-la, một Tỳ kheo là bậc thánh Nhất-lai ... [*cũng làm như vậy*] ... Này đạo hữu, khi một Tỳ kheo là bậc thánh Nhất-lai chú-tâm một cách kỹ càng như vậy vào năm uẩn dính chấp-thủ này, thì có khả năng rằng người đó chứng ngộ được thánh quả Bất-lai.”

(4) “Nhưng, đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là những thứ mà *một Tỳ kheo là bậc thánh Bất-lai* nên chú-tâm một cách kỹ càng?”

- “Này đạo hữu Câu-hi-la, một Tỳ kheo là bậc thánh Bất-lai ... [*cũng làm như vậy*] ... Này đạo hữu, khi một Tỳ kheo là bậc thánh Bất-lai chú-tâm một cách kỹ càng như vậy vào năm uẩn dính chấp-thủ này, thì có khả năng rằng người đó chứng ngộ được thánh quả A-la-hán.”

(5) “Nhưng, đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là những thứ mà *một Tỳ kheo là một bậc thánh A-la-hán* nên chú-tâm một cách kỹ càng?”

- “Này đạo hữu Câu-hi-la, một Tỳ kheo là bậc thánh A-la-hán ... [*cũng làm như vậy*] ... Này đạo hữu, đối với một bậc thánh A-la-hán thì không còn gì để làm thêm nữa và cũng không cần lặp lại những gì đã làm xong. Tuy nhiên, khi những thứ này được tu tập và tu dưỡng như vậy thì chúng sẽ dẫn tới một sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này, và dẫn tới sự chánh-niệm, và sự rõ-biết (tỉnh-giác).”²²⁵

(SN 22:122)

123 (11) Đã Được Chỉ Dạy

[*Giống kinh kể trên, chỉ khác là “một Tỳ kheo đức hạnh” được thay bằng “một Tỳ kheo đã được chỉ dạy”.*]

(SN 22:123)

124 (12) Kappa (1)

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có Ngài Kappa đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để mà, đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả những dấu-hiệu (hình tướng) bên ngoài, thì cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) tạo nên sự ‘tự-ta’ (ngã mạn) không còn xảy ra ở bên trong?”

[Phần còn lại giống hết kinh SN 22:71, chỉ khác là người nghe giờ là thầy Kappa.]

(SN 22:124)

125 (13) Kappa (2)

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có Ngài Kappa đến gặp ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để mà, đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả những dấu-hiệu (hình tướng) bên ngoài, tâm *khử sạch* cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) tạo nên sự ‘tự-ta’ (ngã mạn), (nó) đã vượt trên sự phân-biệt đối đãi, và được bình-an và được giải-thoát một cách khéo léo?”

[Phần còn lại giống hết kinh SN 22:72, chỉ khác là người nghe giờ là thầy Kappa.]

(SN 22:125)

NHÓM 3

NHÓM ‘VÔ MINH’

(*Avijjā-vagga*)

126 (1) Thuộc Tính Khởi Sinh (1)

Ở Sāvattihī.

(1) Lúc đó một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘vô-minh, vô-minh’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là vô-minh, và theo cách nào người ta bị chìm đắm trong vô-minh?”

- “Ở đây, này Tỳ kheo, người phàm chưa được chỉ dạy *không* hiểu được *sắc-thân* là thuộc tính (phải bị, tùy thuộc, phải có, tất hữu) khởi-sinh, đúng như nó thực là, như vậy: ‘Sắc-thân là thuộc tính khởi-sinh’ (hữu sinh). Người đó không hiểu được *sắc-thân* là thuộc tính biến-diệt, đúng như nó thực là, như vậy: ‘Sắc-thân là thuộc tính biến-diệt’ (hữu diệt). Người đó không hiểu được *sắc-thân* là thuộc tính khởi-sinh và biến-diệt, đúng như nó thực là, như vậy: ‘Sắc-thân là thuộc tính khởi-sinh và biến-diệt’ (hữu sinh hữu diệt, luôn sinh diệt).

“Người đó không hiểu được *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức* là thuộc tính khởi-sinh, đúng như nó thực là, như vậy: ‘Thức là thuộc tính khởi-sinh’ ... thức là thuộc tính biến-diệt ... thức là thuộc tính khởi-sinh và biến-diệt’.

- “Này Tỳ kheo, đây được gọi là sự vô-minh, và theo cách như vậy là một người bị chìm đắm trong vô-minh.”

(2) Sau khi điều này được nói ra, vị Tỳ kheo đó đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘trí-biết đích thực, trí-biết đích thực’ (minh, chân trí). Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là trí-biết đích thực, và theo cách nào một người đạt tới trí-biết đích thực?”

- “Ở đây, này Tỳ kheo, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy thì hiểu được *sắc-thân* là thuộc tính khởi-sinh, đúng như nó thực là, như vậy: ‘Sắc-thân là thuộc tính khởi-sinh’ (hữu sinh). Người đó hiểu được *sắc-thân* là thuộc tính biến-diệt, đúng như nó thực là, như vậy: ‘Sắc-thân là thuộc tính biến-diệt’ (hữu diệt). Người đó hiểu được *sắc-thân* là thuộc tính khởi-sinh và biến-diệt, đúng như nó thực là, như vậy: ‘Sắc-thân là thuộc tính khởi-sinh và biến-diệt’ (hữu sinh hữu diệt, luôn sinh diệt).

“Người đó hiểu được *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức* là thuộc tính khởi-sinh, đúng như nó thực là, như vậy: ‘Thức là thuộc tính khởi-sinh’ ... thức là thuộc tính biến-diệt ... thức là thuộc tính khởi-sinh và biến-diệt’.

- “Này Tỳ kheo, đây được gọi là trí-biết đích thực (minh), và theo cách như vậy là một người đạt tới trí-biết đích thực.”

(SN 22:126)

127 (2) Thuộc Tính Khởi Sinh (2)

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Đại Câu-hi-la (Mahākotṭhita) đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai tại Isipatana (Isipatana có nghĩa là: nơi những thiên thần hạ giới). Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Đại Câu-hi-la ra khỏi chỗ ẩn cư, đến gặp thầy Xá-lợi-phất ... và nói: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘vô-minh, vô-minh’. Giờ, này đạo hữu, cái gì là vô-minh, và theo cách nào người ta bị chìm đắm trong vô-minh?”

[*Phần còn lại giống hết nội dung đoạn (1) của kinh 22:126 kể trên.*]

(SN 22:127)

128 (3) Thuộc Tính Khởi Sinh (3)

Ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai tại Isipatana (Isipatana có nghĩa là: nơi những thiên thần hạ giới). Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Đại Câu-hi-la đã nói với thầy Xá-lợi-phất: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘trí-biết đích thực, trí-biết đích thực’ (minh, chân trí). Giờ, này đạo hữu, cái gì là trí-biết đích thực, và theo cách nào một người đạt tới trí-biết đích thực?”

[Phần còn lại giống hệt nội dung đoạn (2) của kinh 22:126 kể trên.]

(SN 22:128)

129 (4) Sự Thỏa Thích ... (1)

Ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai tại Isipatana (Isipatana có nghĩa là: nơi những thiên thần hạ giới). Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Đại Câu-hi-la đã nói với thầy Xá-lợi-phất: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘vô-minh, vô-minh’. Giờ, này đạo hữu, cái gì là vô-minh, và theo cách nào người ta bị chìm đắm trong vô-minh?”

- “Ở đây, này đạo hữu, người phàm chưa được chỉ dạy *không* hiểu được, đúng như nó thực là, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác, và thức. Này đạo hữu, đây được gọi là sự vô-minh, và theo cách như vậy là một người bị chìm đắm trong vô-minh.”

(SN 22:129)

130 (5) Sự Thỏa Thích ... (2)

Ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai tại Isipatana (Isipatana có nghĩa là: nơi những thiên thần hạ giới). Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Đại Câu-hi-la đã nói với thầy Xá-lợi-phất: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘trí-biết đích thực, trí-biết đích thực’ (minh, chân trí).

Giờ, này đạo hữu, cái gì là trí-biết đích thực, và theo cách nào một người đạt tới trí-biết đích thực?”

- “Ồ đây, này đạo hữu, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy *thì* hiểu được, đúng như nó thực là, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác, và thức. Này đạo hữu, đây được gọi là trí-biết đích thực (minh), và theo cách như vậy là một người đạt tới trí-biết đích thực.”

(SN 22:130)

131 (6) Nguồn Gốc ... (1)

Ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ... “Này đạo hữu Xá-lợi-phát, thường nghe nói ‘vô-minh, vô-minh’, và theo cách nào người ta bị chìm đắm trong vô-minh?”

- “Ồ đây, này đạo hữu, người phàm chưa được chỉ dạy *không* hiểu được, đúng như nó thực là, nguồn-gốc và sự biến-qua, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác, và thức. Này đạo hữu, đây được gọi là sự vô-minh, và theo cách như vậy là một người bị chìm đắm trong vô-minh.”

(SN 22:131)

132 (7) Nguồn Gốc ... (2)

Ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ... “Này đạo hữu Xá-lợi-phát, thường nghe nói ‘trí-biết đích thực, trí-biết đích thực’ (minh, chân trí), và theo cách nào một người đạt tới trí-biết đích thực?”

- “Ồ đây, này đạo hữu, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy *thì* hiểu được, đúng như nó thực là, nguồn-gốc và sự biến-qua, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] cảm-giác, nhận-

thức, những sự tạo-tác, và thức. Nay đạo hữu, đây được gọi là trí-biết đích thực (minh), và theo cách như vậy là một người đạt tới trí-biết đích thực.”

(SN 22:132)

133 (8) Ngài Câu-hi-la (Koṭṭhita) (1)

[Kinh này = kinh 22:129 và 22:130 kể trên cộng lại, chỉ khác là bây giờ thầy Xá-lợi-phất hỏi và thầy Đại Câu-hi-la trả lời.]

(SN 22:133)

134 (9) Ngài Câu-hi-la (Koṭṭhita) (2)

[Kinh này = kinh 22:131 và 22:132 kể trên cộng lại, chỉ khác là bây giờ thầy Xá-lợi-phất hỏi và thầy Đại Câu-hi-la trả lời.]

(SN 22:134)

135 (10) Ngài Câu-hi-la (Koṭṭhita) (3)

[*Tình huống cũng giống kinh trên*]. Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Xá-lợi-phất nói với thầy Đại Câu-hi-la: “Nay đạo hữu Câu-hi-la, thường nghe nói ‘vô-minh, vô-minh’. Giờ, nay đạo hữu, cái gì là vô-minh, và theo cách nào người ta bị chìm đắm trong vô-minh?”

- “Ồ đây, nay đạo hữu, người phàm chưa được chỉ dạy *không* hiểu được, đúng như nó thực là, *sắc-thân*, sự khởi-sinh của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó. Người đó không hiểu được, đúng như nó thực là, *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức*, sự khởi-sinh của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó. Nay đạo hữu, đây được gọi là sự vô-minh, và theo cách như vậy là một người bị chìm đắm trong vô-minh.”

Sau khi điều này được nói ra, thầy Xá-lợi-phất đã nói với thầy Đại Câu-hi-la: “Này đạo hữu Câu-hi-la, thường nghe nói ‘trí-biết đích thực, trí-biết đích thực’ (minh, chân trí). Giờ, này đạo hữu, cái gì là trí-biết đích thực, và theo cách nào một người đạt tới trí-biết đích thực?”

- “Ồ đây, này đạo hữu, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy *thì* hiểu được, đúng như nó thực là, *sắc-thân*, sự khởi-sinh của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó. Người đó hiểu được, đúng như nó thực là, *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức*, sự khởi-sinh của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó. Này đạo hữu, đây được gọi là trí-biết đích thực (minh), và theo cách như vậy là một người đạt tới trí-biết đích thực.”

(SN 22:135)

NHÓM 4

NHÓM ‘THAN CHÁY ĐỎ’

(*Kukkula-vagga*)

136 (1) *Than Cháy Đỏ*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sắc-thân là than cháy đỏ,²²⁶ cảm-giác là than cháy đỏ, nhận-thức là than cháy đỏ, những sự tạo-tác là than cháy đỏ, thức là than cháy đỏ. Này các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với sắc-thân ... sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:136)

137 (2) *Vô-Thường (1)*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ *dục* đối với bất cứ thứ gì là vô-thường. Và thứ gì là vô thường? Sắc-thân là vô thường; các thầy nên dẹp bỏ *dục* đối với nó. Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác ... Thức là vô thường; các thầy nên dẹp bỏ *dục* đối với nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ *dục* đối với bất cứ thứ gì là vô thường.”

(SN 22:137)

138 (3) *Vô-Thường (2)*

... “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ *tham* đối với bất cứ thứ gì là vô thường ...

[*Phần còn lại giống kinh 22:137 kể trên, thay “dục” bằng “tham”.*]

(SN 22:138)

139 (4) Vô-Thường (3)

... “Này các Tỷ kheo, các thầy nên dẹp bỏ *dục* và *tham* đối với bất cứ thứ gì là vô thường ...

[*Phần còn lại giống kinh 22:137, thay “dục” được thay bằng “dục và tham”.*]

(SN 22:139)

140 (5) Khổ (1)

... “Này các Tỷ kheo, các thầy nên dẹp bỏ *dục* đối với bất cứ thứ gì là khổ ... (*lời tương tự kinh 22:137 ở trên*) ...

(SN 22:140)

141 (6) Khổ (2)

... “Này các Tỷ kheo, các thầy nên dẹp bỏ *tham* đối với bất cứ thứ gì là khổ ... (*lời tương tự kinh 22:138 ở trên*) ...

(SN 22:141)

142 (7) Khổ (3)

... “Này các Tỷ kheo, các thầy nên dẹp bỏ *dục* và *tham* đối với bất cứ thứ gì là khổ ... (*lời tương tự kinh 22:138 ở trên*) ...

(SN 22:142)

143 (8) Vô-Ngã (1)

... “Này các Tỷ kheo, các thầy nên dẹp bỏ *dục* đối với bất cứ thứ gì là vô ngã ... (*lời tương tự kinh 22:137 ở trên*) ...

(SN 22:143)

144 (9) Vô-Ngã (2)

... “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ *tham* đối với bất cứ thứ gì là vô ngã ... (lời tương tự kinh 22:138 ở trên) ...

(SN 22:144)

145 (10) Vô-Ngã (3)

... “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ *dục* và *tham* đối với bất cứ thứ gì là vô ngã ... (lời tương tự kinh 22:138 ở trên) ...

(SN 22:145)

146 (11) Thâm Nhuận Trong Sự Ghê-Sợ

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, đối với một người họ tộc đã xuất gia vì niềm-tin, thì điều này là đúng theo Giáo Pháp: người đó nên sống thâm nhuận (miên man, miên mật) trong *sự ghê-sợ đối với sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác, và thức*.²²⁷ Người đó sống thâm nhuận trong sự ghê-sợ đối với sắc-thân ... đối với thức, hoàn toàn hiểu được sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác, và thức. Người hoàn toàn hiểu được sắc-thân ... thức thì được tự do khỏi sắc-thân ... thức. Người đó thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; người đó thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy.”

(SN 22:146)

147 (12) Quán Sát Sự Vô-Thường²²⁸

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, đối với một người họ tộc đã xuất gia vì niềm-tin, thì đây là điều đúng theo Giáo Pháp: người đó an trú quán sát (quán xét, quán niệm, thiền quán) *sự vô-thường trong sắc-thân ... thức ... [Tiếp tục như lời kinh kể trên, ngoại trừ “sống thâm nhuận trong sự ghê-sợ đối với ...” được thay bằng “an trú quán sát sự vô-thường trong ...”]* ... người đó thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy.”

(SN 22:147)

148 (13) Quán Sát Sự Khổ

... “người đó an trú quán sát *sự khổ trong sắc-thân ... thức ... [Tiếp tục như lời kinh kể trên, ngoại trừ “sự vô thường trong ...” được thay bằng “sự khổ trong ...”]* ... người đó thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy.”

(SN 22:148)

149 (14) Quán Sát Sự Vô-Ngã

... “người đó an trú quán sát *sự vô-ngã trong sắc-thân ... thức ... [Tiếp tục như lời kinh kể trên, ngoại trừ “sự khổ trong...” được thay bằng “sự vô ngã trong...”]* ... người đó thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy.”

(SN 22:149)

NHÓM 5

NHÓM ‘CÁCH NHÌN’

(*Diṭṭhi-vagga*)

150 (1) Ở Bên Trong

Ở Sāvattthī.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt), do chấp-thủ (thủ) vào cái gì, nên có sự sững và sự khổ khởi sinh ở bên trong?”²²⁹

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, được nhờ dựa vào đức Thế Tôn. Thật tốt lành nếu Thế Tôn giảng giải cho chúng con ý nghĩa của điều đó. Sau khi nghe từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

- “Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân, do chấp-thủ vào sắc-thân, nên có sự sững và sự khổ khởi sinh ở bên trong. Khi có cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức, do chấp-thủ vào thức, nên có sự sững và sự khổ khởi sinh ở bên trong.

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn”

- “Thứ gì vô thường là khổ hay sững?”

“Khổ, thưa Thế Tôn”

- “Nhưng nếu không chấp-thủ vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì sự sững và sự khổ có khởi sinh ở bên trong, hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”

- “Cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức là thường hằng hay vô thường? ... Nhưng nếu không chấp-thủ vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì sự sững và sự khổ có khởi sinh ở bên trong, hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”

- “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:150)

151 (2) Đây Là “Của-Ta”

Ở Sāvattthī.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, và do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì,²³⁰ nên người ta coi các thứ là như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’]?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

- “Khi có sắc-thân, do chấp-thủ vào sắc-thân, do cố chấp vào sắc-thân, nên người ta *cứ* coi các thứ là như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’]. Khi có cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức, do chấp-thủ vào thức, do cố chấp vào thức, nên người ta *cứ* coi các thứ là như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’].

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân ... thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn” ...

- “Nhưng nếu không chấp-thủ vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì người ta có thể coi thứ gì là như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’] hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”

- “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:151)

152 (3) Cái ‘Ta’

Ở Sāvattthī.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thế giới; sau khi qua đời, ta sẽ là—thường hằng, ổn định (chắc chắn), bất diệt, không bị thay đổi?’”²³¹

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

- “Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân, do chấp-thủ vào sắc-thân, do cố chấp vào sắc-thân, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thế giới; sau khi qua đời, ta sẽ là—thường hằng, ổn định, bất diệt, không bị thay đổi’. Khi có ... do chấp-thủ vào ... do cố chấp vào cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thế giới; sau khi qua đời, ta sẽ là—thường hằng, ổn định, bất diệt, không bị thay đổi’.

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân ... thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn” ...

- “Nhưng nếu không chấp-thủ vào thứ là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì cách-nhìn như vậy có thể khởi sinh, hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”

- “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:152)

153 (4) Nếu Điều Đó Không Là Vậ Đối Với Ta

Ở Sāvattthī.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Lẽ ra điều đó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra với ta (tức không nên là ‘của-ta’), [và giờ] điều đó sẽ không xảy ra; nó sẽ không xảy ra với ta.’”²³²

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

- “Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân, do chấp-thủ vào sắc-thân, do cố chấp vào sắc-thân, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Lẽ ra điều đó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra với ta (tức không nên là ‘của-ta’), [và giờ] điều đó sẽ không xảy ra; nó sẽ không xảy ra với ta.’ Khi có ... do chấp-thủ vào ... do cố chấp vào cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Lẽ ra điều đó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra với ta (tức không nên là ‘của-ta’), [và giờ] điều đó sẽ không xảy ra; nó sẽ không xảy ra với ta.’

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân ... thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn” ...

- “Nhưng nếu không chấp-thủ vào thứ là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì cách-nhìn như vậy có thể khởi sinh, hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”

- “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:153)

154 (5) Cách Nhìn Sai Lạc (tà kiến)

Ở Sāvattḥī.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn sai lạc (tà kiến)?”²³³

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

- “Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân, do chấp-thủ vào sắc-thân, do cố chấp vào sắc-thân, nên khởi sinh cách-nhìn sai lạc. Khi có cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn sai lạc.

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân ... thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn” ...

- “Nhưng nếu không chấp-thủ vào thứ là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì cách-nhìn (sai lạc) như vậy có thể khởi sinh, hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”

- “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:154)

155 (6) Cách Nhìn Có Danh Tính (thân kiến)

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn có danh-tính (thân kiến)?”²³⁴

[*Tiếp tục giống kinh 22:154 kể trên, ngoại trừ “cách-nhìn sai lạc” được thay bằng “cách-nhìn có danh tính”.*]

(SN 22:155)

156 (7) Cách Nhìn Có Cái ‘Ta’ (ngã kiến)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn có cái ‘ta’ (ngã kiến)?”²³⁵

[*Tiếp tục giống kinh 22:154, ngoại trừ “cách-nhìn có danh-tính” được thay bằng “cách-nhìn có cái ‘ta’”.*]

(SN 22:156)

157 (8) Sự Cố Chấp (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh những công-cùm, những cố-chấp, và những xiềng-xích trói buộc?”²³⁶

[*Tiếp tục giống kinh 22:154, ngoại trừ “cách-nhìn cái ‘ta’” được thay bằng “những công-cùm, những cố-chấp, và những xiềng-xích trói buộc”.*]

(SN 22:157)

158 (9) Sự Cố Chấp (2)

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh những công-cùm, những cố-chấp, và những xiềng-xích trói buộc, và sự nắm-giữ?”

[*Giống kinh kể trên, chỉ thêm chữ “sự nắm-giữ”.*]

(SN 22:158)

159 (10) Ānanda

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ đức Thế Tôn,

con sẽ trú ở một mình (độc trú), thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.”²³⁷

- “Này Ānanda, thầy nghĩ sao, sắc-thân là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là sướng hay khổ?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’] hay không? – “Dạ không, thưa Thế Tôn”.

“Cảm-giác là thường hằng hay vô thường?” ... Nhận-thức là thường hằng hay vô thường?” ... Những sự tạo-tác là thường hằng hay vô thường?” ... Thức là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là sướng hay khổ?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’] hay không? – “Dạ không, thưa Thế Tôn”.

- “Do vậy, này Ānanda, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại ...

- “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:159)

Chương 23

Liên Kết RĀDHA

(23 *Rādha-samyutta*)

(23 *Tương ưng Rādha*)

NHÓM 1

NHÓM ‘MA VƯƠNG’ THỨ NHẤT

(*Paṭhama-Māra-vagga*)

1 (I) Ma Vương

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có Ngài Rādhā đến gặp đức Thế Tôn,²³⁸ kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa đức Thế Tôn, thường nghe nói ‘Ma Vương, Ma Vương’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có Ma Vương?”²³⁹

- “Này Rādhā, khi có *sắc-thân* là có Ma Vương, hay có kẻ giết, hay kẻ bị giết.²⁴⁰ Do vậy, này Rādhā, hãy nhìn *sắc-thân* là Ma Vương, nhìn nó như kẻ giết, nhìn nó như kẻ bị giết. Hãy nhìn nó như căn bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sự thống khổ, như nỗi thống khổ thực sự. Ai nhìn thấy như vậy là nhìn thấy một cách đúng đắn.

“Này Rādhā, khi có *cảm-giác* ... Khi có *nhận-thức* ... Khi có những *sự tạo-tác* ... Khi có *thức*, là có Ma Vương, hay có kẻ giết, hay kẻ bị giết. Do vậy, này Rādhā, hãy nhìn *cảm-giác* ... *thức* là Ma Vương, nhìn nó như kẻ giết, nhìn nó như kẻ bị giết. Hãy nhìn nó như căn bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sự thống khổ, như nỗi thống khổ thực sự. Ai nhìn thấy như vậy là nhìn thấy một cách đúng đắn.”

“Thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích của sự nhìn-thấy một cách đúng đắn đó?

- “Mục đích của sự nhìn-thấy một cách đúng đắn là (để dẫn tới) sự ghê-sợ.”

“Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích của sự ghê-sợ?”

- “Mục đích của sự ghê-sợ là (để dẫn tới) sự chán-bỏ.”

“Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích của sự chán-bỏ?”

- “Mục đích của sự chán-bỏ là (để dẫn tới) sự giải-thoát.”

“Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích của sự giải-thoát?”

- “Mục đích của sự giải-thoát là (để dẫn tới) Niết-bàn.”²⁴¹

“Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích của Niết-bàn?”

- “Này Rādha, thầy đã đi [đầy] quá xa giới hạn của sự hỏi. Thầy đã không nắm được giới hạn của sự hỏi.²⁴² Bởi vì, này Rādha, đời sống tâm linh được sống với Niết-bàn là nền-tảng của nó, Niết-bàn là đích-đến của nó, Niết-bàn là mục-tiêu cuối cùng của nó.”

(SN 23:01)

2 (2) Một Chúng Sinh

Ở Sāvattihī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘một chúng sinh, một chúng sinh’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người được gọi là một chúng sinh?”

- “Này Rādha, người bị dính kẹt, bị mắc kẹt, trong dục, tham, khoái-lạc, và dục-vọng đối với *sắc-thân*; do vậy người đó được gọi là một chúng sinh.²⁴³ Người bị dính kẹt, bị mắc kẹt, trong dục, tham, khoái-lạc, và dục-vọng đối với *cảm-giác* ... đối với *nhận-thức* ... đối với *những sự tạo-tác* ... đối với *thức*; do vậy người đó được gọi là một chúng sinh.

- “Này Rādha, ví dụ có mấy đứa con trai [hay con gái] đang chơi đùa với lâu đài cát. Chừng nào chúng chưa dẹp bỏ dục, tham, cảm-tình (luyến ái), sự thèm-khát, sự đam-mê, và dục-vọng đối với những lâu đài cát, thì chúng vẫn còn yêu thích chúng, còn chơi với chúng, còn trân quý,²⁴⁴ và đối xử với chúng như là của-mình [theo một cách sở hữu]. Nhưng tới khi chúng đã hết [không còn] dục, tham, cảm-tình, sự thèm-khát, sự đam-mê, và dục-vọng đối với những lâu đài cát, thì chúng sẽ phá tan chúng bằng

tay và chân, phá hủy chúng, phá vỡ chúng, và dẹp bỏ chúng ra khỏi trò chơi.

“Cũng giống như vậy, này Rādha, hãy phá tan sắc-thân, phá hủy nó, phá vỡ nó, dẹp bỏ nó ra khỏi cuộc chơi; hãy tu tập để dẫn tới sự tiêu diệt dục-vọng (ái diệt). Hãy phá tan cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức, phá hủy nó, phá vỡ nó, dẹp bỏ nó ra khỏi cuộc chơi; hãy tu tập để dẫn tới sự tiêu diệt dục-vọng. Bởi vì, này Rādha, sự tiêu diệt dục-vọng (ái diệt) là Niết-bàn.”

(SN 23:02)

3 (3) Đường Dẫn Tới Sự Hiện-Hữu

Ở Sāvattthī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘đường dẫn tới sự hiện-hữu, đường dẫn tới sự hiện-hữu’ (tức: nhân của luân-hồi).²⁴⁵ Thưa Thế Tôn, cái gì là đường dẫn tới sự hiện-hữu, và cái gì là sự chấm-dứt đường dẫn tới sự hiện-hữu?”

- “Này Rādha, dục, tham, khoái-lạc, dục-vọng, sự dính-líu và chấp-thủ, những quan-điểm này nọ (tà kiến) của tâm ý, những cố-chấp, và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) đối với *sắc-thân*:²⁴⁶ đây được gọi là đường dẫn tới sự hiện-hữu. Sự chấm-dứt những thứ đó là sự chấm-dứt đường dẫn tới sự hiện-hữu.

“Dục, tham, khoái-lạc, dục-vọng, sự dính-líu và chấp-thủ, những quan-điểm này nọ của tâm ý, những cố-chấp, và những khuynh-hướng tiềm ẩn đối với *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức*: đây được gọi là đường dẫn tới sự hiện-hữu. Sự chấm-dứt những thứ đó là sự chấm-dứt đường dẫn tới sự hiện-hữu.

(SN 23:03)

4 (4) Nên Được Hoàn-Toàn Hiểu

5 (5) Những Tu Sĩ (Sa-môn) (1)

6 (6) Những Tu Sĩ (Sa-môn) (2)

7 (7) Nhập-Lưu

8 (8) A-la-hán

9 (9) Đẹp Bỏ Dục (1)

10 (10) Đẹp Bỏ Dục (2)

[07 bài kinh này là giống hết 07 kinh **SN 22:106—112** trong chương 22, chỉ khác là người nghe bây giờ là thầy Rādha.]

(SN 23:04—23:10)

NHÓM 2

NHÓM ‘MA-VƯƠNG’ THỨ HAI

(*Dutiya-Māra-vagga*)

11 (1) *Ma Vương*

Ở Sāvattihī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘Ma Vương, Ma Vương’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là Ma Vương?”

“Này Rādha, *sắc-thân* là Ma Vương. *Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác ... Thức* là Ma Vương.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:11)

12 (2) *Phải Bị Ma Vương*

Ở Sāvattihī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘phải bị Ma Vương, phải bị Ma Vương’ (tức: có thuộc tính chết, bị chết).²⁴⁷ Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì phải bị Ma Vương?”

“Này Rādha, *sắc-thân* là phải bị Ma Vương. *Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác ... Thức* là phải bị Ma Vương.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:12)

13 (3) Vô Thường

Ở Sāvattthī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘vô thường, vô thường’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là vô thường?”

“Này Rādha, *sắc-thân* là vô thường ... *Cảm-giác* ... *Nhận-thức* ... *Những sự tạo-tác* ... *Thức* là vô thường.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:13)

14 (4) Thuộc Bản Chất Vô Thường

Ở Sāvattthī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘thuộc bản chất vô thường, thuộc bản chất vô thường’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là thuộc bản chất vô thường?”

“Này Rādha, *sắc-thân* là thuộc bản chất vô thường ... *Cảm-giác* ... *Nhận-thức* ... *Những sự tạo-tác* ... *Thức* là thuộc bản chất vô thường.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:14)

15 (5) *Khổ*

Ở Sāvattthī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘khổ, khổ’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là khổ?”

“Này Rādha, *sắc-thân* là khổ ... *Cảm-giác* ... *Nhận-thức* ... *Những sự tạo-tác* ... *Thức* là khổ.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:15)

16 (6) *Thuộc Bản Chất Khổ*

Ở Sāvattthī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘thuộc bản chất khổ, thuộc bản chất khổ’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là thuộc bản chất khổ?”

“Này Rādha, *sắc-thân* là thuộc bản chất khổ ... *Cảm-giác* ... *Nhận-thức* ... *Những sự tạo-tác* ... *Thức* là thuộc bản chất khổ.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:16)

17 (7) *Vô Ngã*

Ở Sāvattthī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘vô ngã, vô ngã’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là vô ngã?”

“Này Rādha, *sắc-thân* là vô ngã ... *Cảm-giác* ... *Nhận-thức* ... *Những sự tạo-tác* ... *Thức* là vô ngã.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:17)

18 (8) Thuộc Bản Chất Vô-Ngã

Ở Sāvattthī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘thuộc bản chất vô ngã, thuộc bản chất vô ngã’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là thuộc bản chất vô ngã?”

“Này Rādha, *sắc-thân* là thuộc bản chất vô ngã ... *Cảm-giác* ... *Nhận-thức* ... *Những sự tạo-tác* ... *Thức* là thuộc bản chất vô ngã.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:18)

19 (9) Phải Bị Hoại Diệt

Ở Sāvattthī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘phải bị hoại diệt, phải bị hoại diệt’ (tức: thuộc tính sẽ hoại diệt; hữu diệt). Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là phải bị hoại diệt?”

“Này Rādha, *sắc-thân* là phải bị hoại diệt ... *Cảm-giác* ... *Nhận-thức* ... *Những sự tạo-tác* ... *Thức* là sẽ bị hoại diệt.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:19)

20 (10) Phải Bị Biến Mất

Ở Sāvattthī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘phải bị biến mất, phải bị biến mất’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là phải bị biến mất?”

“Này Rādha, *sắc-thân* là sẽ bị biến mất ... *Cảm-giác* ... *Nhận-thức* ... *Những sự tạo-tác* ... *Thức* là sẽ bị biến mất.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:20)

21 (11) Phải Bị Khởi Sinh

Ở Sāvattthī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘phải bị khởi sinh, phải bị khởi sinh’ (tức: thuộc tính có/sẽ khởi sinh; hữu sinh). Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là phải bị khởi sinh?”

“Này Rādha, *sắc-thân* là phải bị khởi sinh ... *Cảm-giác* ... *Nhận-thức* ... *Những sự tạo-tác* ... *Thức* là sẽ có khởi sinh.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:21)

22 (12) Phải Bị Chấm Dứt

Ở Sāvattihī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘phải bị chấm dứt, phải bị chấm dứt’ (tức: thuộc tính chấm dứt, có diệt; hữu diệt). Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là phải bị chấm dứt?”

“Này Rādha, *sắc-thân* là phải bị chấm dứt ... *Cảm-giác* ... *Nhận-thức* ... *Những sự tạo-tác* ... *Thức* là phải bị chấm dứt.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:22)

NHÓM 3

NHÓM ‘THỈNH CẦU’

(*Āyācana-vagga*)

23 (1) *Ma Vương*

Ở Sāvattthī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp cho con một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ đức Thế Tôn, con sẽ ở một mình (độc trú), thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Rādha, thầy nên dẹp bỏ dục, thầy nên dẹp bỏ tham, thầy nên dẹp bỏ dục và tham đối với bất cứ thứ gì là Ma Vương (tức: phải bị chết, thuộc tính bị chết). Và, này Rādha, cái gì là Ma Vương? *Sắc-thân* là Ma Vương. *Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác ... Thức* là Ma Vương.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:23)

24 (2) *Phải Bị Ma Vương*

25 (3) *Vô Thường*

26 (4) *Thuộc Bản Chất Vô Thường*

27 (5) *Khổ*

28 (6) *Thuộc Bản Chất Khổ*

29 (7) *Vô Ngã*

30 (8) Thuộc Bản Chất Vô Ngã

31 (9) Phải Bị Hoại Diệt

32 (10) Phải Bị Biến Mất

33 (11) Phải Bị Khởi Sinh

34 (12) Phải Bị Chấm Dứt

[11 kinh này có lời giống hệt đầu **23:23** kể trên, ngoại trừ chữ “là Ma Vương” sẽ được lần lượt thay bởi 11 tính từ: “phải bị Ma Vương” ... “phải bị chấm dứt”, như sau:]

Ở Sāvattthī.

“ ... nhiệt thành, và kiên định.” ...

“Này Rādha, thầy nên dẹp bỏ dục, thầy nên dẹp bỏ tham, thầy nên dẹp bỏ dục và tham đối với bất cứ thứ gì *phải bị Ma Vương* ... bất cứ thứ gì là *vô thường* ... *thuộc bản chất vô thường* ... *khổ* ... *thuộc bản chất khổ* ... *vô ngã* ... *thuộc bản chất vô ngã* ... *phải bị hoại diệt* ... *phải bị biến mất* ... *phải bị khởi sinh* ... *phải bị chấm dứt*. Và, này Rādha, cái gì là phải bị chấm dứt. Sắc-thân là phải bị chấm dứt. *Cảm-giác* ... *Nhận-thức* ... *Những sự tạo-tác* ... *Thức* là phải bị chấm dứt.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:24—23:34)

NHÓM 4
NHÓM ‘NGỒI BÊN CẠNH’
(*Upanisinna-vagga*)

35 (1) Ma Vương

Ở Sāvattthī.

Đức Thế Tôn đã nói với Ngài Rādha khi thầy ấy đang ngồi bên cạnh:

“Này Rādha, thầy nên dẹp bỏ dục, thầy nên dẹp bỏ tham, thầy nên dẹp bỏ dục và tham đối với bất cứ thứ gì là Ma Vương. Và, này Rādha, cái gì là Ma Vương?” ... [*tiếp tục như y hệt như kinh SN 23:23 ở trên.*]

(SN 23:35)

36 (2) Phải Bị Ma Vương

37 (3) Vô Thường

38 (4) Thuộc Bản Chất Vô Thường

39 (5) Khổ

40 (6) Thuộc Bản Chất Khổ

41 (7) Vô Ngã

42 (8) Thuộc Bản Chất Vô Ngã

43 (9) Phải Bị Hoại Diệt

44 (10) Phải Bị Biến Mất

45 (11) Phải Bị Khởi Sinh

46 (12) Phải Bị Chấm Dứt

[11 bài kinh này có lời giống hệt 11 bài kinh (SN 23:24–23:34) ở trên; chỉ khác ở chỗ trong 11 bài kinh này, câu mở đầu đều giống bài kinh dẫn đầu

*là kinh SN 23:35: “Ở Sāvattihī. Đức Thế Tôn đã nói với Ngài Rādha khi thấy
ấy đang ngồi bên cạnh.”]*

(SN 23-36—23:46)

Chương 24

Liên Kết CÁCH-NHÌN

(24 *Diṭṭhi-samyutta*)

(24 *Tương ung Kiến*)

NHÓM 1

NHÓM ‘NHẬP-LUÛ’

(*Sotāpatti-vagga*)

1 (I) Gió ...

Ở Sāvattthī.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt), do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, trái tự nhiên; tà-kiến) như vậy: ‘Gió không thổi, sông không chảy, phụ nữ không sinh đẻ, mặt trăng và mặt trời không mọc và lặn mà chỉ đứng-yên như cột nhà?’” (như bất động, bất biến)²⁴⁸

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

- “Này các Tỳ kheo, khi có *sắc-thân*, do chấp-thủ vào sắc-thân, do cố chấp vào sắc-thân, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cột nhà.’ Khi có *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức*, do chấp-thủ vào cảm-giác ... thức, do cố chấp vào cảm-giác ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cột nhà.’

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân là thường hằng hay vô thường ... Thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn” ...

- “Nhưng nếu không chấp-thủ vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu có khởi sinh cách-nhìn như vậy, hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”.

- “Thứ được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm nhận; được nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được bao quát bởi cái tâm: là thường hằng hay vô thường?”²⁴⁹

“Vô thường, thưa Thế Tôn”.

- “Thứ gì vô thường là sướng hay khổ?”

“Khổ, thưa Thế Tôn”.

- “Nhưng nếu không chấp-thủ vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu có khởi sinh cách-nhìn như vậy, hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”.

- “Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử đã dẹp bỏ sự lờ-mờ (sự không biết chắc) trong sáu trường hợp này,²⁵⁰ và, hơn nữa, khi người đó đã dẹp bỏ sự lờ-mờ về sự khổ, nguồn-gốc khổ, sự chấm-dứt khổ, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ, thì người đó được gọi là một người thánh đệ tử là bậc Nhập-lưu, không còn bị ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:01)

2 (2) Đây Là ‘Của-Ta’

Ở Sāvattihī.

- “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’]?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

- “Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân, do chấp-thủ vào sắc-thân, do cố chấp vào sắc-thân, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’]. Khi có cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức, do chấp-thủ vào thức, do cố chấp vào thức, nên khởi

sinh cách-nhìn như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’].

- “Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử đã dẹp bỏ sự lờ-mờ trong sáu trường hợp này ... thì người đó được gọi là một người thánh đệ tử là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:02)

3 (3) *Đây Là Cái ‘Ta’* (ngã)

Ở Sāvattihī.

- “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thể giới; sau khi qua đời, ta sẽ là—thường hằng, ổn định (chắc chắn), bất diệt, không bị thay đổi.’”²⁵¹

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

- “Này các Tỳ kheo, khi có *sắc-thân*, do chấp-thủ vào sắc-thân, do cố chấp vào sắc-thân, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thể giới; sau khi qua đời, ta sẽ là—thường hằng, ổn định, bất diệt, không bị thay đổi.’ Khi có *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức*, do chấp-thủ vào cảm-giác ... thức, do cố chấp vào cảm-giác ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thể giới; sau khi qua đời, ta sẽ là—thường hằng, ổn định, bất diệt, không bị thay đổi.’

- “Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử đã dẹp bỏ sự lờ-mờ trong sáu trường hợp này ... thì người đó được gọi là một người thánh đệ tử là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:03)

4 (4) *Lẽ Ra Điều Đó Đã Không Xảy Ra Với Ta*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Lẽ ra điều đó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra với ta (tức không nên là ‘của-ta’), [và giờ] điều đó sẽ không xảy ra; nó sẽ không xảy ra với ta.’”²⁵²

“Này các Tỳ kheo, khi có *sắc-thân*, do chấp-thủ vào sắc-thân, do cố chấp vào sắc-thân, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Lẽ ra điều đó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra với ta, [và giờ] điều đó sẽ không xảy ra; nó sẽ không xảy ra với ta.’ Khi có *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức*, do chấp-thủ vào cảm-giác ... thức, do cố chấp vào cảm-giác ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Lẽ ra điều đó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra đối với ta, [và giờ] điều đó sẽ không xảy ra; nó sẽ không xảy ra với ta.’

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử đã dẹp bỏ sự lờ-mờ trong sáu trường hợp này ... thì người đó được gọi là một người thánh đệ tử là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:04)

5 (5) Không Có

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy:²⁵³ (đối với họ) [‘Không thứ gì (cần nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không thứ gì được hiến tặng hay hy sinh; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có chúng sinh nào được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ

bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’ Cá-nhân này chỉ gồm có bốn yếu-tố lớn (tứ đại). Sau khi người đó chết, (yếu-tố) đất trở về và nhập lại với thể [thân]-đất; nước trở về và nhập lại với thể-nước; nhiệt (lửa) trở về và nhập lại với thể-nhiệt; khí (gió) trở về và nhập lại với thể-khí; các căn (thuộc phần tâm thần, để cảm nhận, nhận biết, ý định, ý thức...) thì được chuyển qua hư-không. [Bốn] người đàn ông khiêng cái giá quan tài với một người chết nằm trong đó là năm. Lờn tưng cúng chẳng bay tới đâu xa hơn nghĩa địa; chỉ còn lại xương trắng; lễ thiêu xác kết thúc bằng tro tàn. Bồ thí (cho đi) là triết lý của kẻ ngu. Khi có ai khẳng định triết lý là-có [sự cho đi, bồ thí, cúng dường ...] thì đó là lời sáo rỗng, giả dối. Kẻ ngu và người khôn gì rồi cũng đều bị cắt bỏ và diệt vong với thân tan rã; sau khi chết họ chẳng còn hiện-hữu.?’]?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

“Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân ... khi có cảm-giác ... có nhận-thức ... có những sự tạo-tác ... có thức, do chấp-thủ vào thức, do cố chấp vào thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: (đối với họ) [‘Không thứ gì (cần nên) được cho đi sau khi chết họ chẳng còn hiện-hữu.?’]”

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử đã dẹp bỏ sự lờ-mờ trong sáu trường hợp này ... thì người đó được gọi là một người thánh đệ tử là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 23:05)

6 (6) Hành Động (sự làm)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy:²⁵⁴ (đối với họ) [‘Khi một người hành động hoặc khiến (nói, xúi, bắt, tác động, gài) người khác hành

động; khi đánh đập hoặc khiến người khác đánh đập, khi hành hạ hoặc khiến người khác hành hạ; khi gây đau buồn hoặc khiến người khác gây đau buồn; khi áp bức hoặc khiến người khác áp bức; khi đe dọa hoặc khiến người khác đe dọa, khi sát-sinh, gian-cắp đột nhập nhà cửa, trộm cướp của cải, cướp giựt, chặn cướp ngoài đường, dụ dỗ vợ người khác, nói-dối nói láo—người làm vậy là không gây tội ác gì. Nếu, với một bánh xe có vành như lưỡi dao bén, một người làm chúng sinh trên trái đất này thành một đồng thịt, thành một núi thịt, cho dù làm vậy cũng không gây tội ác gì và không có ác quả gì. Nếu một người đi dọc bờ nam sông Hằng giết và tàn sát, đánh đập và khiến người khác đánh đập, hành hạ và khiến người khác hành hạ, cho dù làm vậy cũng không gây tội ác gì và không có ác quả gì. Nếu một người đi dọc bờ bắc sông Hằng bóp thối và khiến người khác bóp thối, cúng dường và khiến người khác cúng dường, cho dù làm vậy cũng không tạo phước đức gì và không có phước quả gì. Bằng sự bố-thí, bằng sự thuần-phục bản thân, bằng sự kiềm-chế, bằng sự nói lời sự-thật, cho dù làm vậy cũng không tạo phước đức gì và không có phước quả gì.’]?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ ...”

“Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân ... khi có cảm-giác ... có nhận-thức ... có những sự tạo-tác ... có thức, do chấp-thủ vào thức, do cố chấp vào thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: (đối với họ) [‘Khi một người hành động hay khiến người khác hành động ... cũng không tạo phước đức gì và không có phước quả gì.’]”

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử đã dẹp bỏ sự lờ-mờ trong sáu trường hợp này ... thì người đó được gọi là một người thánh đệ tử là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:06)

7 (7) Nhân

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy:²⁵⁵ (đối với họ) [‘Không có nhân [nguyên-nhân] hay duyên [điều-khện] cho sự ô-nhiễm (lậu hoặc) của chúng sinh; chúng sinh bị ô nhiễm không có (không do) nhân hay duyên. Không có nhân hay duyên cho sự thanh-lọc của chúng sinh; chúng sinh được thanh lọc không có nhân hay duyên. {Không có nghiệp do mình, không có nghiệp do người khác, không có nghiệp của con người}. Không có năng-lực, không có sự nỗ-lực, không có sức-mạnh của con người, không có sự cố-gắng của con người. Tất cả chúng sinh, tất cả mọi sinh vật, tất cả mọi tạo vật, tất cả mọi linh hồn đều không có sự tự-chủ, năng-lực và sự nỗ-lực; tất cả đều đã được đúc khuôn bởi định mệnh, bởi hoàn cảnh và bởi tự nhiên; họ trải nghiệm sướng và khổ trong sáu loại giai-cấp.’]?”²⁵⁶

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

“Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân ... khi có cảm-giác ... có nhận-thức ... có những sự tạo-tác ... có thức, do chấp-thủ vào thức, do cố chấp vào thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: (đối với họ) [‘Không có nhân hay duyên cho sự ô-nhiễm (lậu hoặc) của chúng sinh ... họ trải nghiệm sướng và khổ trong sáu loại giai-cấp.’]”

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử đã dẹp bỏ sự lờ-mờ trong sáu trường hợp này ... thì người đó được gọi là một người thánh đệ tử là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:07)

8 (8) Cách Nhìn Lớn (đại tà kiến)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vậy:²⁵⁷ (đối với họ) [‘Có

bảy thân này là không được làm ra, không được tạo ra, không được sáng tạo ra, không có đấng sáng tạo, là cản trở, đứng yên như những đỉnh núi, đứng yên như những cột đá. Chúng không chuyển động hay thay đổi hay cản trở lẫn nhau. Chẳng cái nào có khả năng gây ra sướng hay khổ hoặc sướng và khổ cho những thân khác. Bảy đó là gì? Đó là thân-đất, thân-nước, thân-nhiệt, thân-khí, sự sướng, sự khổ, và thứ bảy là linh-hồn. Bảy thân này là không được làm ra ... {Trong đó, không có người giết, không người tàn sát, không người nghe, không người nói, không người nhận biết, không người thân thiết.}²⁵⁸ Cho dù ai có cắt đầu người khác bằng kiếm bén cũng không thực sự là lấy mạng ai; đơn giản chỉ là lưỡi kiếm cắt qua không gian giữa bảy thân này mà thôi. Có 1.400.000 chủng loài chính trong hệ chúng sinh,²⁵⁹ và thêm 6.000, và 600; có 500 loại nghiệp, và thêm 05 loại nghiệp, và 03 loại nghiệp, và toàn nghiệp và bán nghiệp; có 62 đường lối, 62 tiểu kiếp, 6 giai cấp, 8 giai đoạn trong kiếp người, 4.900 loại khổ sĩ Ājīvaka,²⁶⁰ 49 loại du sĩ, 4.900 cõi (rộng, rấn) na-ga, 2.000 căn, 3.000 cảnh địa ngục, 36 cõi bụi trần, 07 cảnh xứ của chúng sinh có nhận thức, 7 cảnh xứ chúng sinh không có nhận thức, 07 cảnh xứ chúng sinh không có máu, 07 loại thiên thần, 07 loại con người, 07 loại quỷ thần, 07 loại hồ lớn, 07 loại có máu, thêm 700 loại có máu [khác], 07 vực núi, thêm 700 vực núi [khác], 7 loại mộng mơ, thêm 700 loại mộng mơ khác, 84 trăm ngàn đại kiếp trong (suốt thời gian) đó những kẻ ngu và người trí lang thang và trôi giạt qua hết, sau đó tất cả đều chấm dứt hết khổ đau. Không có chuyện kiêu như vậy: “Với giới-hạnh này hay thệ-nguyện này hay sự khổ-hạnh này hay đời sống tâm linh [bằng phạm hạnh, bằng đời sống tu hành] này, tôi sẽ làm chín muồi nghiệp chưa chín muồi hoặc xóa bỏ nghiệp đã chín muồi bằng sự trải-nghiệm nó một cách tái tục”—chuyện đó là không có! Sự sướng và khổ đã được định lượng; những giới-hạnh của vòng luân-hồi đã được ấn định; không có chuyện làm ngăn lại hay kéo dài thêm nó, không có chuyện tiến thêm hay lùi lại. Giống như một trái chỉ cuộn (như trái len) khi được quăng đi, thì nó chạy tháo bung chỉ ra; cũng giống như vậy, kẻ ngu và người trí, bằng cách tháo hết (vòng luân-hồi) thì sẽ (tới lúc) thoát khỏi sự sướng và khổ.’}²⁶¹ (nghĩa là: cho dù có tu hành

gì cũng không thể giải thoát sớm hơn khỏi vòng luân-hồi đã được định hạn; phải trải qua hết đó thì tự động được giải-thoát khỏi nó thôi)

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

“Này các Tỳ kheo, khi có thân (sắc), khi có cảm-giác (thọ) ... nhận-thức (tưởng) ... những sự tạo-tác (hành) ... thức (thức), do chấp-thủ vào thức, do cố chấp vào thức, nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vậy: (đối với họ) [‘Có bảy thân này là không được làm ra cũng giống như vậy, kẻ ngu và người trí, bằng cách tháo hết (vòng luân-hồi) thì sẽ (tới lúc) thoát khỏi sự sướng và khổ.’].”

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử đã dẹp bỏ sự lờ-mờ trong sáu trường hợp này ... thì người đó được gọi là một người thánh đệ tử là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:08)

► [10 kinh tiếp theo bên dưới (24:09—18) lần lượt nói về “những quan-điểm đã không được tuyên bố” (bởi Phật), và chúng được nói theo những góc-độ khác so với góc-độ trong các kinh thuộc Chương 33 và Chương 44.]

9 (9) Thế Giới Là Bất Diệt

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Thế giới là bất-diệt?’”²⁶²

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

“Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân, khi có cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức, do chấp-thủ vào thức, do cố chấp vào thức, nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vậy: ‘Thế giới là bất-diệt.’...”

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử đã dẹp bỏ sự lờ-mờ trong sáu trường hợp này ... thì người đó được gọi là một người thánh đệ tử là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:10)

10 (10) Thế Giới Là Không Bất Diệt

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Thế giới là không bất-diệt’?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ ...”

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:10)

11 (11) Thế Giới Là Hữu Hạn

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Thế giới là hữu-hạn’ (hữu biên)?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ ...”

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:11)

12 (12) Thế Giới Là Vô Hạn

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Thế giới là vô-hạn’ (vô biên)?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ ...”

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:12)

13 (13) Linh Hồn và Thể Xác Là Một

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Linh hồn và thể xác là một?’”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ ...”

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:13)

14 (14) Linh Hồn và Thể Xác Là Khác Nhau

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Linh hồn và thân thể là khác nhau?’”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ ...”

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:14)

15 (15) Như Lai Còn Hiện Hữu

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Như Lai còn hiện hữu sau khi chết?’”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ ...”

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:15)

16 (16) Như Lai Không Còn Hiện Hữu

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Như Lai không còn hiện hữu sau khi chết?’”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ ...”

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:16)

17 (17) Như Lai Vừa Hiện Hữu Vừa Không Hiện Hữu

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết?’”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ ...”

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:17)

18 (18) Như Lai Không Còn Hiện Hữu Cũng Không Phải Không Còn Hiện Hữu

Ở Sāvattihī.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Như Lai không còn hiện hữu cũng không phải không còn hiện hữu sau khi chết?’”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

- “Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân, do chấp-thủ vào sắc-thân, do cố chấp vào sắc-thân, nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vậy: ‘Như Lai không còn hiện hữu cũng không phải không còn hiện hữu sau khi chết.’ Khi có cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức, do chấp-thủ vào thức, do cố chấp vào thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Như Lai không còn hiện hữu cũng không phải không còn hiện hữu sau khi chết.’”

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân ... thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn” ...

- “Nhưng nếu không chấp-thủ vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì cách-nhìn đó có khởi sinh, hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”

- “Thứ được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm nhận; được nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được bao quát bởi cái tâm: là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn”.

- “Thứ gì vô thường là sướng hay khổ?”

“Khổ, thưa Thế Tôn”.

- “Nhưng nếu không chấp-thủ vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì có khởi sinh cách-nhìn như vậy hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”.

- “Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử đã dẹp bỏ sự lờ-mờ trong sáu trường hợp này, và, hơn nữa, khi người đó đã dẹp bỏ sự lờ-mờ về sự khổ, nguồn-gốc khổ, sự chấm-dứt khổ, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ, thì người đó được gọi là một người thánh đệ tử là bậc Nhập-lưu, không còn bị ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:18)

NHÓM 2

NHÓM ‘THUYẾT LẠI VÒNG HAI’ ²⁶³

(*Dutiya-Gamana-vagga*)

19 (1) Gió ...

Ở Sāvattḥī.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt), do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, trái tự nhiên; tà-kiến) như vậy: ‘Gió không thổi, sông không chảy, phụ nữ không sinh đẻ, mặt trăng và mặt trời không mọc và lặn mà chỉ đứng-yên như cột nhà?’” (tức: như bất động, bất biến)

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

- “Này các Tỳ kheo, khi có *sắc-thân*, do chấp-thủ vào sắc-thân, do cố chấp vào sắc-thân, nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cột nhà.’ Khi có *cảm-giác* ... *nhận-thức* ... *những sự tạo-tác* ... *thức*, do chấp-thủ vào cảm-giác ... thức, do cố chấp vào cảm-giác ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cột nhà.’”

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân ... thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn” ...

- (a) “Nhưng nếu không chấp-thủ vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu có khởi sinh cách-nhìn như vậy, hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”.

- “Như vậy, này các Tỳ kheo, khi có khổ, chính do chấp-thủ vào sự khổ, do cố chấp vào sự khổ (= năm-uẩn), ²⁶⁴ nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cột nhà.’”

(SN 24:19)

20 (2) Đây Là ‘Của Ta’ — cho tới kinh 36 (18)

[Những kinh này lần lượt nói về những cách-nhìn (tà kiến) giống như các kinh từ **24:02—24:18** ở trên; ngoại trừ “khuôn mẫu” các kinh trong **NHÓM** này là giống theo kinh dẫn đầu (**24:19**) kể trên.]

37 (19) Một Cái ‘Ta’ Gồm Có Sắc-Thân

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt) ... nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vậy: ‘Cái ‘ta’ (ngã) gồm có sắc-thân và không bị hư biến sau khi chết.’?”²⁶⁵ (tức không bị hư tổn, không bị biến đổi, không hư kém đi, vẫn như vậy)

(SN 24:37)

38 (20) Một Cái ‘Ta’ Là Vô Sắc

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có ... nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vậy: ‘Cái ‘ta’ là vô sắc [không có sắc-thân] và không bị hư biến sau khi chết?’”

(SN 24:38)

39 (21) Cái ‘Ta’ Vừa Có Sắc-Thân Vừa Vô Sắc

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có ... nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vậy: ‘Cái ‘ta’ vừa có sắc-thân vừa vô sắc và không bị hư biến sau khi chết?’”

(SN 24:39)

40 (22) Cái ‘Ta’ Không Có Sắc-Thân Cũng Không Phải Vô Sắc

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có ... nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vậy: ‘Cái ‘ta’ không có sắc-thân cũng không phải vô sắc và không bị hư biến sau khi chết?’”

(SN 24:40)

41 (23) Chỉ Toàn Sướng

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có ... nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vậy: ‘Cái ‘ta’ chỉ toàn sướng và không bị hư biến sau khi chết?’”

(SN 24:41)

42 (24) Chỉ Toàn Khổ

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có ... nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vậy: ‘Cái ‘ta’ chỉ toàn khổ, và không bị hư biến sau khi chết?’”

(SN 24:37)

43 (25) Có Khổ và Sướng

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có ... nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vậy: ‘Cái ‘ta’ có khổ và sướng, và không bị hư biến sau khi chết?’”

(SN 24:43)

44 (26) Không Sướng Không Khổ

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có ... nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vậy: ‘Cái ‘ta’ là không sướng không khổ và không bị hư biến sau khi chết?’”

(SN 24:44)

NHÓM 3

NHÓM ‘THUYẾT LẠI VÒNG BA’

(*Tatiya-Gamana-vagga*)

45 (1) Gió ...

Ở Sāvattthī.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt), do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, trái tự nhiên; tà-kiến) như vậy: ‘Gió không thổi, sông không chảy, phụ nữ không sinh đẻ, mặt trăng và mặt trời không mọc và lặn mà chỉ đứng-yên như cột nhà?’” (tức: như bất động, bất biến)

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

- “Này các Tỳ kheo, khi có *sắc-thân*, do chấp-thủ vào sắc-thân, do cố chấp vào sắc-thân, nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cột nhà.’ Khi có *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức*, do chấp-thủ vào cảm-giác ... thức, do cố chấp vào cảm-giác ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cột nhà.’”

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân ... thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn” ...

- “Nhưng nếu không chấp-thủ vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu có khởi sinh cách-nhìn như vậy, hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”.

- (b) “Như vậy, này các Tỳ kheo, thứ gì vô thường là khổ. Khi nó có (có mặt), chính do chấp-thủ vào nó, do cố chấp vào nó, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy:²⁶⁶ ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cột nhà.’”

(SN 24:45)

► [Lưu ý: Các kinh được thuyết lại trong **NHÓM 3** ('Thuyết Lại Vòng Ba') này chỉ tương ứng khác nhau với các kinh trong **NHÓM 2** ('Thuyết Lại Vòng Hai') ở chỗ đoạn cuối (**b**) này.]

46 (2) Đây Là “Của-Ta” — cho đến 70 (26) ...

[Như lưu ý trên: các kinh này lần lượt lặp lại những cách-nhìn (tà kiến) trong các bài kinh của **NHÓM 2** ('Thuyết Lại Vòng Hai'); chỉ khác ở chỗ kinh trong **NHÓM 3** này giống theo “khuôn mẫu” của kinh dẫn đầu (**24:45**) kể trên; tức chỉ khác nhau chỗ đoạn cuối (**b**) so với đoạn cuối (**a**) của **NHÓM 2**.]

NHÓM 4

NHÓM ‘THUYẾT LẠI VÒNG BÓN’

(*Catuttha-Gamana-vagga*)

71 (1) Gió ...

(1) “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt), do chấp-thủ vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, trái tự nhiên; tà-kiến) như vậy: ‘Gió không thổi, sông không chảy, phụ nữ không sinh đẻ, mặt trăng và mặt trời không mọc và lặn mà chỉ đứng-yên như cột nhà?’” (tức: như bất động, bất biến)

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

- “Này các Tỳ kheo, khi có *sắc-thân*, do chấp-thủ vào sắc-thân, do cố chấp vào sắc-thân, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cột nhà.’ Khi có *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức*, do chấp-thủ vào cảm-giác ... thức, do cố chấp vào cảm-giác ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cột nhà.’

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân ... thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn” ...

- “Nhưng nếu không chấp-thủ vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu có khởi sinh cách-nhìn như vậy, hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”.

- (c) “Như vậy, này các Tỳ kheo, mọi sắc-thân dù là loại gì ... Mọi cảm-giác dù là loại gì ... Mọi nhận-thức dù là loại gì ... Mọi sự tạo-tác dù là loại gì ... Mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên

trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, xấu hay tốt, xa hay gần— tất cả mọi sắc-thân ... thức nên được nhìn thấy đúng thực như nó là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

- (d) “Sau khi nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với sắc-thân, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự-biết: ‘Tâm được giải-thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiệ đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại sự hiện-hữu này nữa.’”

(SN 24:71)

► [Lưu ý: Các kinh trong **NHÓM 4** (‘Thuyết Lại Vòng Bốn’) cũng chỉ tương ứng khác nhau với các kinh trong **NHÓM 2 & 3** ở chỗ 02 đoạn cuối (c) và (d) mà thôi.]

72 (2) Đây là ‘Của-Ta’ — cho đến 96 (26) ...

[Lưu ý trên: các kinh này lần lượt lặp lại những cách-nhìn (tà kiến) trong các bài kinh của **NHÓM 2** (‘Thuyết Lại Vòng Hai’); chỉ khác ở chỗ lời kinh trong **NHÓM 4** này giống theo “khuôn-mẫu” của bài kinh dẫn đầu (24:71) kể trên; tức 02 đoạn cuối (c) và (d) khác so với đoạn cuối (a) ở **NHÓM 2** và đoạn cuối (b) **NHÓM 3** ở trên.]

Chương 25

Liên Kết NHẬP-VÀO

(25 Okkanti-samyutta)

(25 Tương ứng Nhập Vào)

1 **Mắt ...** (sáu căn)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, mắt là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác (đang khác đi, đang biến đổi). Tai ... Mũi ... Lưỡi ... Thân là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác.

(1) “Người đặt niềm-tin vào những giáo-lý này và nhất quyết về chúng như vậy thì được gọi là người tu theo niềm-tin (*người căn tín*), là người đã nhập-vào ‘đạo lộ (lộ trình) chân chính đã [được] định xong’, đã nhập-vào cảnh giới của các thượng nhân, đã vượt trên cảnh giới của những phàm phu. Người đó không còn có thể làm điều gì mà vì nhân đó phải bị tái sinh trong địa ngục, trong cõi súc sinh, hay trong trú xứ ma quỷ; người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. (tức: chắc chắn chứng ngộ quả khi còn sống hay ngay khi chết).”²⁶⁷

(2) “Người mà đã chấp nhận những giáo-lý này như vậy sau khi đã suy xét (cân nhắc, quán xét, suy nghiệm) chúng tới một mức độ đủ đầy bằng trí-tuệ thì được gọi là người tu theo Giáo Pháp (*người căn trí*),²⁶⁸ là người đã nhập-vào ‘đạo lộ đã [được] định [xong] của sự chân chính’, đã nhập-vào cảnh giới của các thượng nhân, đã vượt-trên cảnh giới của những phàm phu. Người đó không còn có thể làm điều gì mà vì nhân đó phải bị tái sinh trong địa ngục, trong cõi súc sinh, hay trong trú xứ ma quỷ; người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.

(3) “Người mà biết và thấy những giáo-lý này như vậy thì được gọi là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến cuối cùng của người đó.”²⁶⁹

(SN 25:01)

2 **Những Hình-Sắc ...** (sáu trần)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, những hình-sắc là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác (đang khác đi, đang biến đổi). Những âm-thanh ... Những mùi-hương ... Những mùi-vị ... Những đối-tượng chạm xúc ... Những hiện-tượng thuộc tâm là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác.

(1) “Người đặt niềm-tin vào những giáo-lý này và nhất quyết về chúng như vậy thì được gọi là người tu theo niềm-tin (*người căn tín*), là người đã nhập-vào ‘đạo lộ đã định của sự chân chính’ ... người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.

(2) “Người mà đã chấp nhận những giáo-lý này như vậy sau khi đã suy xét chúng tới một mức độ đủ đầy bằng trí-tuệ thì được gọi là người tu theo Giáo Pháp (*người căn trí*), là người đã nhập-vào ‘đạo lộ đã định của sự chân chính’ ... người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.

(3) “Người mà biết và thấy những giáo-lý này như vậy thì được gọi là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến cuối cùng của người đó.”

(SN 25:02)

3 Thức

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, thức-mắt là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Thức-tai ... Thức-mũi ... Thức-lưỡi ... Thức-thân ... Thức-tâm là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác

(3) “Người mà biết và thấy như vậy ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 25:03)

4 Sự Tiếp-Xúc (xúc)

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỳ kheo, sự tiếp-xúc mắt là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Tiếp-xúc tai ... Tiếp-xúc mũi ... Tiếp-xúc lưỡi ... Tiếp-xúc thân ... Tiếp-xúc tâm là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác”

(3) “Người mà biết và thấy như vậy ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 25:04)

5 Cảm-Giác (thọ)

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỳ kheo, cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mắt là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tai ... Cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mũi ... Cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc lưỡi ... Cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc thân ... Cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tâm là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác”

(3) “Người mà biết và thấy như vậy ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 25:05)

6 Nhận-Thức (tưởng)

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỳ kheo, nhận-thức về những hình-sắc là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Nhận-thức về những âm-thanh ... Nhận-thức về những mùi-hương ... Nhận-thức về những mùi-vị ... Nhận-thức

về những đối-tượng chạm-xúc là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác

(3) “Người mà biết và thấy như vậy ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 25:06)

7 *Sự Cố-Ý* (tư)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự cố-ý đối với những hình-sắc là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Sự cố-ý đối với những âm-thanh ... những mùi-hương ... những mùi-vị ... những đối-tượng chạm xúc ... những hiện-tượng thuộc tâm là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác (‘*tư*’ ở đây có lẽ đại diện ‘*hành*’, *sự tạo-tác*)

(3) “Người mà biết và thấy như vậy ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 25:07)

8 *Dục-Vọng* (ái)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, dục-vọng đối với những hình-sắc là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Dục-vọng đối với âm-thanh ... Dục-vọng đối với những mùi-hương ... Dục-vọng đối với những mùi-vị ... Dục-vọng đối với những đối-tượng chạm-xúc ... Dục-vọng đối với những hiện-tượng thuộc tâm là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác

(3) “Người mà biết và thấy như vậy ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 25:08)

9 Các Yếu-Tố (giới)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo yếu-tố đất là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Yếu-tố nước ... Yếu-tố nhiệt ... Yếu-tố khí ... Yếu-tố không gian ... Yếu-tố thức là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác.²⁷⁰

(3) “Người mà biết và thấy như vậy ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 25:09)

10 Các Uẩn

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, *sắc-thân* là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác (đang khác đi, đang biến đổi). *Cảm-giác* ... *Nhận-thức* ... *Những sự tạo-tác* ... *Thức* là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác.

(1) “Người đặt niềm-tin vào những giáo-lý này và nhất quyết về chúng như vậy thì được gọi là người tu theo niềm-tin (*người căn tín*), là người đã nhập-vào ‘đạo lộ đã định của sự chân chính’, đã nhập-vào cảnh giới của các thượng nhân, đã vượt trên cảnh giới của những phạm phu. Người đó không còn có thể làm điều gì mà vì nhân đó phải bị tái sinh trong địa ngục, trong cõi súc sinh, hay trong trú xứ ma quỷ; người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.

(2) “Người mà đã chấp nhận những giáo-lý này như vậy sau khi đã suy xét (cân nhắc, quán xét, suy nghiệm) chúng tới một mức độ đủ đầy bằng trí-tuệ thì được gọi là người tu theo Giáo Pháp (*người căn trí*), là

người đã nhập-vào ‘đạo lộ đã định của sự chân chính’, đã nhập-vào cảnh giới của các thượng nhân, đã vượt-trên cảnh giới của những phàm phu. Người đó không còn có thể làm điều gì mà vì nhân đó phải bị tái sinh trong địa ngục, trong cõi súc sinh, hay trong trú xứ ma quỷ; người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.

(3) “Người mà biết và thấy những giáo-lý này như vậy thì được gọi là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến cuối cùng của người đó.”

(SN 25:10)

Chương 26

Liên Kết KHỞI-SINH

(26 *Uppāda-samyutta*)

(26 *Tương Ứng Sinh*)

1 Mắt ... (sáu căn)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện (hiện thị, có mặt) của mắt là sự khởi sinh sự-khổ, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết. (*)

“Sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của tai ... của mũi ... của lưỡi ... của thân ... của tâm là sự khởi sinh sự-khổ, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn mất, sự biến mất của mắt ... của tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn mất của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:01)

► [Trong các kinh tiếp theo: mẫu đoạn kinh đầu (*) kể trên sẽ được **lần lượt** lặp lại bằng các chủ-đề tương ứng như các chủ-đề trong Chương 25 kể trên. Nhân tiện, kinh 26:09 hầu như giống kinh 14:36, chỉ có thêm “yếu-tố không gian” và “yếu-tố thức”. Còn kinh 26:10 thì giống y kinh 22:30.] ²⁷¹

2 Những Hình-Sắc ... (sáu trần)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của những hình-sắc ... những âm-thanh ... những mùi-hương ... những mùi-vị ... những đối-tượng chạm xúc ... những hiện-tượng thuộc tâm là sự khởi sinh sự-khổ, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn mất, sự biến mất của những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn mất của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:02)

3 Thức

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của thức-mắt ... thức-tâm là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn mất, sự biến mất của thức-mắt ... thức-tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn mất của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:03)

4 Tiếp-Xúc (xúc)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của tiếp-xúc mắt ... tiếp-xúc tâm là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn mất, sự biến mất của tiếp-xúc mắt ... tiếp-xúc tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn mất của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:04)

5 Cảm-Giác (thọ)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mắt ... cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tâm là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn mất, sự biến mất của cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mắt ... cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn mất của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:05)

6 Nhận-Thức (trưởng)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của nhận-thức về những hình-sắc ... nhận-thức về những đối-tượng thuộc tâm là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn mất, sự biến mất của nhận-thức về những hình-sắc ... nhận-thức về những đối-tượng thuộc tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn mất của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:06)

7 Sự Cố-Ý (tu)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của sự cố-ý đối với những hình-sắc ... sự cố-ý đối với những đối-tượng thuộc tâm là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn mất, sự biến mất của sự cố-ý đối với những hình-sắc ... sự cố-ý đối với những đối-tượng thuộc tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn mất của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:07)

8 Dục-Vọng (ái)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của dục-vọng đối với những hình-sắc ... dục-vọng đối với những đối-tượng thuộc tâm là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn mất, sự biến mất của dục-vọng đối với những hình-sắc ... dục-vọng đối với những đối-tượng thuộc tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn mất của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:08)

9 Các Yếu-Tố (giới)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của yếu-tố đất ... yếu-tố nước ... yếu-tố nhiệt ... yếu-tố khí ... yếu-tố không gian ... yếu-tố thức là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn mất, sự biến mất của yếu-tố đất ... yếu-tố thức là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn mất của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:09)

10 Các Uẩn

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của *sắc-thân* ... của *cảm-giác* ... của *nhận-thức* ... của *những sự tạo-*

tác ... của thức là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn mất, sự biến mất của sắc-thân ... thức là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn mất của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:10)

Chương 27

Liên Kết NHỮNG Ô-NHIỄM

(27 *Kilesa-samyutta*)

(27 *Tương Ứng Phiền Nã*)

1 *Mắt ...* (sáu căn)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, dục và tham đối với *mắt* là một sự ô-nhiễm của tâm.²⁷² Dục và tham đối với *tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm* là sự ô-nhiễm của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự ô-nhiễm của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó sẽ ngã theo hướng từ-bỏ. Một cái tâm được củng cố bằng sự từ-bỏ sẽ trở nên dễ-dụng (dễ dùng, dễ uốn nắn, dễ tu dưỡng) đối với (để đạt tới) những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp.”²⁷³

(SN 27:01)

2 *Những Hình-Sắc ...* (sáu trần)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, dục và tham đối với *những hình-sắc* là một sự ô-nhiễm của tâm. Dục và tham đối với *những âm-thanh ... những mùi-hương ... những mùi-vị ... những đối-tượng chạm-xúc ... những hiện-tượng thuộc tâm* là sự ô-nhiễm của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự ô-nhiễm của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó sẽ ngã theo hướng từ-bỏ. Một cái tâm được củng cố bằng sự từ-bỏ sẽ trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp.”

(SN 27:02)

3 *Thức*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, dục và tham đối với *thức-mắt ... thức-tâm* là sự ô-nhiễm của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự ô-nhiễm của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó ... sẽ trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp.”

(SN 27:03)

4 **Tiếp-Xúc** (xúc)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, dục và tham đối với *tiếp-xúc mắt ... tiếp-xúc tâm* là sự ó-nhiễm của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự ó-nhiễm của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó ... sẽ trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp.”

(SN 27:04)

5 **Cảm-Giác** (thọ)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, dục và tham đối với *cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc mắt ... cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc tâm* là sự ó-nhiễm của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự ó-nhiễm của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó ... sẽ trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp.”

(SN 27:05)

6 **Nhận-Thức** (tưởng)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, dục và tham đối với *nhận-thức về những hình-sắc ... đối với nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm* là sự ó-nhiễm của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự ó-nhiễm của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó ... sẽ trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp.”

(SN 27:06)

7 *Sự Cố-Ý* (tư)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, dục và tham đối với *sự cố-ý đối với những hình-sắc ... đối với những hiện-tượng thuộc tâm* là sự ô-nhiễm của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự ô-nhiễm của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó ... sẽ trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp.”

(SN 27:07)

8 *Dục-Vọng* (ái)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, dục và tham đối với *dục-vọng đối với những hình-sắc ... dục-vọng đối với những hiện-tượng thuộc tâm* là sự ô-nhiễm của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự ô-nhiễm của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó ... sẽ trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp.”

(SN 27:08)

9 *Các Yếu-Tố* (giới)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, dục và tham đối với *yếu-tố đất ... yếu-tố nước ... yếu-tố nhiệt ... yếu-tố khí ... yếu-tố không gian ... yếu-tố thức* là sự ô-nhiễm của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự ô-nhiễm của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó ... sẽ trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp.”

(SN 27:09)

10 Các Uẩn

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, dục và tham đối với *sắc-thân* ... đối với *cảm-giác* ... đối với *nhận-thức* ... đối với *những sự tạo-tác* ... đối với *thức* là sự ó-nhiễm của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự ó-nhiễm của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó sẽ ngã theo hướng từ-bỏ. Một cái tâm được củng cố bằng sự từ-bỏ sẽ trở nên dễ-dụng đối với (để đạt tới) những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp.”

(SN 27:10)

Chương 28

Liên Kết XÁ-LỢI-PHẬT

(28 *Sāriputta-samyutta*)

(28 *Tương Ứng Xá-Lợi-Phật*)

1 **Được Sinh Ra Từ Sự Tách-Ly ...** (Nhất thiên)

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Sāvattihī (Xá-vệ), trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc.

Lúc đó, vào buổi sáng, thầy Xá-lợi-phất mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvattihī để khát thực. Rồi, sau khi thầy ấy đã đi khát thực trong thành Sāvattihī và đã trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, thầy ấy đi đến chỗ (được gọi là) Khu Vườn (của) Người Mù để an trú ban ngày. Sau khi đi sâu vào Khu Vườn Người Mù, thầy ấy ngồi xuống một gốc cây để an trú ban ngày.

Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi chỗ ẩn trú đó và trở về Khu Vườn Jeta, Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ngài Ānanda nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và nói với thầy ấy như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, các căn của thầy tĩnh lặng, da dẻ thầy trong và sáng. Thầy Xá-lợi-phất đã trải qua ban ngày trong sự an trú nào?”²⁷⁴

“Ồ đây, này đạo hữu: [1] ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiên định thứ nhất (Nhất thiên), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vậy: ‘Ta đang chứng đắc tầng thiên định thứ nhất’, hay ‘Ta đã chứng đắc tầng thiên định thứ nhất’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi tầng thiên định thứ nhất’ đã không còn xảy đến với tôi.”

“Chắc hẳn là do cái sự tạo-nên cái ‘ta’ (ngã kiến), sự tạo-nên cái ‘của-ta’ (ngã chấp), và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ (tùy miên ngã mạn) đã được bứng sạch bên trong Ngài Xá-lợi-phất đã từ lâu, cho nên những ý nghĩ đó đã không còn xảy đến đối với thầy.”²⁷⁵

(SN 28:01)

2 Không Còn Ý-Nghĩ (tâm) ... (Nhị thiên)

Ở Sāvattthī.

... [như kinh kể trên] ... Ngài Ānanda nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và nói với thầy ấy như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, các căn của thầy tĩnh lặng, da dẻ thầy trong và sáng. Thầy Xá-lợi-phất đã trải qua ban ngày trong sự an trú nào?”

“Ở đây, này đạo hữu: [2] ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tâm hết tứ), tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiên), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’ Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vậy: ‘Ta đang chứng đắc tầng thiền định thứ hai’, hay ‘Ta đã chứng đắc tầng thiền định thứ hai’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi tầng thiền định thứ hai’ đã không còn xảy đến với tôi.”

“Chắc hẳn là do cái sự tạo-nên cái ‘ta’ (ngã kiến), sự tạo-nên cái ‘của-ta’ (ngã chấp), và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ (tùy miên ngã mạn) đã bị bứng sạch bên trong Ngài Xá-lợi-phất đã từ lâu, cho nên những ý nghĩ đó đã không còn xảy đến đối với thầy.”

(SN 28:02)

3 Sự Hoan-Hỷ (hỷ) ... (Tam thiên)

Ở Sāvattthī.

... [như kinh trên] ... Ngài Ānanda nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và nói với thầy ấy như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất ... trong sự an trú nào?”

“Ở đây, này đạo hữu: [3] ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc) bằng thân cùng với thân; tôi đã chứng

nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: “Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc)”.’ Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vậy: ‘Ta đang chứng đắc tầng thiền định thứ ba’, hay ‘Ta đã chứng đắc tầng thiền định thứ ba’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi tầng thiền định thứ ba’ đã không còn xảy đến với tôi.”

“Chắc hẳn là do ... không còn xảy đến đối với thầy.”

(SN 28:03)

4 Sự Buông-Xả (xả) ... (Tứ thiền)

Ở Sāvattthī.

... Ngài Ānanda nhìn thấy thầy Xá-lợi-phát đi tới từ xa, và nói với thầy ấy như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phát ... trong sự an trú nào?”

“Ở đây, này đạo hữu: [4] ‘Với sự dẹp bỏ sự sợng-khô (không còn sợng hay khô), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sợng hay khô, và gồm có sự chánh-niệm được thanh-lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’ (tức: sự chánh-niệm lúc này đã được thanh-lọc tới mức tinh-khiết nhờ có sự buông-xả siêu vời trong Tứ thiền). Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vậy: ‘Ta đang chứng đắc tầng thiền định thứ tư’, hay ‘Ta đã chứng đắc tầng thiền định thứ tư’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi tầng thiền định thứ tư’ đã không còn xảy đến với tôi.”

“Chắc hẳn là do ... không còn xảy đến đối với thầy.”

(SN 28:03)

5 Không Vô Biên Xứ

Ở Sāvattthī.

... Ngài Ānanda nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và nói với thầy ấy như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất ... trong sự an trú nào?”

“Ồ đây, này đạo hữu: [5] ‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (thuộc sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, tôi đã chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ vô biên của không gian].’ Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vậy: ‘Ta đang chứng đắc không vô biên xứ’, hay ‘Ta đã chứng đắc không vô biên xứ’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi không vô biên xứ’ đã không còn xảy đến với tôi.”

“Chắc hẳn là do ... không còn xảy đến đối với thầy.”

(SN 28:05)

6 Thức Vô Biên Xứ

Ở Sāvattthī.

... Ngài Ānanda nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và nói với thầy ấy như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất ... trong sự an trú nào?”

“Ồ đây, này đạo hữu: [6] ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘thức là vô biên’, tôi đã chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ vô biên của thức].’ Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ này đã không xảy đến với tôi: ‘Ta đang chứng đắc thức vô biên xứ’, hay ‘Ta đã chứng đắc thức vô biên xứ’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi thức vô biên xứ’.”

“Chắc hẳn là do ... không còn xảy đến đối với thầy.”

(SN 28:05)

7 Vô Sở Hữu Xứ

Ở Sāvattthī.

... Ngài Ānanda đã nhìn thấy thầy Xá-lợi-phát đi tới từ xa, và đã nói với thầy ấy như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phát ... trong sự an trú nào?”

“Ở đây, này đạo hữu: [7] ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘không-có-gì’, tôi đã chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì].’ Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vậy: ‘Ta đang chứng đắc vô sở hữu xứ’, hay ‘Ta đã chứng đắc vô sở hữu xứ’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi vô sở hữu xứ’ đã không còn xảy đến với tôi.”

“Chắc hẳn là do ... không còn xảy đến đối với thầy.”

(SN 28:07)

8 Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ

Ở Sāvattthī.

... Ngài Ānanda nhìn thấy thầy Xá-lợi-phát đi tới từ xa, và nói với thầy ấy như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phát ... trong sự an trú nào?”

“Ở đây, này đạo hữu: [8] ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, tôi đã chứng nhập và an trú trong phi tướng phi phi tướng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức].’ Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vậy: ‘Ta đang chứng đắc phi tướng phi phi tướng xứ’, hay ‘Ta đã chứng đắc phi tướng phi phi tướng xứ’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi phi tướng phi phi tướng xứ’ đã không còn xảy đến với tôi.”

“Chắc hẳn là do ... không còn xảy đến đối với thầy.”

(SN 28:07)

9 Diệt Thọ Tướng (chấm dứt nhận-thức và cảm-giác)

Ở Sāvattthī.

... Ngài Ānanda nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và nói với thầy ấy như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất ... trong sự an trú nào?”

“Ở đây, này đạo hữu: [9] ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên phi tướng phi tướng xú, tôi đã chứng nhập và an trú trong sự (trạng thái) diệt thọ tướng [sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác].’ Nhưng, này đạo hữu, nhưng ý nghĩ như vậy: ‘Ta đang chứng đắc sự diệt thọ tướng’, hay ‘Ta đã chứng đắc sự diệt thọ tướng’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi trạng thái diệt thọ tướng’ đã không còn xảy đến với tôi.”

“Chắc hẳn là do cái sự tạo-nên cái ‘ta’ (ngã kiến), sự tạo-nên cái ‘của-ta’ (ngã chấp), và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ (tùy miên ngã mạn) đã bị búng sạch bên trong Ngài Xá-lợi-phất đã từ lâu, cho nên những ý nghĩ đó đã không còn xảy đến đối với thầy.”

(SN 28:09)

10 Nữ Du Sĩ Sucimukhī

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Lúc đó, vào buổi sáng, thầy Xá-lợi-phất mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Rājagaha để khát thực. Rồi, sau khi thầy ấy đã đi một vòng khát thực liên tục (từng nhà) trong thành Rājagaha,²⁷⁶ thầy ấy ngồi ăn thức ăn khát thực, lưng dựa vào tường.

Lúc đó có một nữ du sĩ tên Sucimukhī đến gặp thầy Xá-lợi-phất và nói với thầy ấy:

“Này sa-môn, ông ăn với mặt úp xuống (đất) phải không?”²⁷⁷

“Thưa chị, tôi không ăn với mặt úp xuống.”

“Vậy thì, này sa-môn, ông ăn với mặt ngửa lên (trời) phải không?”

“Thưa chi, tôi không ăn với mặt ngửa lên.”

“Vậy thì, này sa-môn, ông ăn với mặt quay nhìn các [bốn] hướng phải không?”²⁷⁸

“Thưa chi, tôi không ăn với mặt quay nhìn các [bốn] hướng.”

“Vậy thì, này sa-môn, ông ăn với mặt quay nhìn các hướng xen giữa (bốn hướng) phải không?”

“Thưa chi, tôi không ăn với mặt quay nhìn các hướng xen giữa.”

“Khi ông được hỏi ‘Này sa-môn, ông ăn với mặt úp xuống phải không? ... ‘Ông ăn với mặt quay nhìn các hướng xen giữa phải không?’ thì ông đều trả lời: ‘Thưa chi, tôi không ăn như vậy’. Này sa-môn, vậy ông ăn kiểu sao?”

“Thưa chi, (i) những sa-môn và bà-la-môn kiếm sống bằng nghề bói đất bói hướng tầm phào²⁷⁹—một cách kiếm sống sai trái (tà mạng, đối với sa-môn)— thì những người đó được gọi là những sa-môn và bà-la-môn ăn úp mặt xuống (đất). (ii) Những sa-môn và bà-la-môn nào kiếm sống bằng nghề bói sao bói trời tầm phào²⁸⁰—một cách kiếm sống sai trái— thì những người đó được gọi là những sa-môn và bà-la-môn ăn ngửa mặt lên (trời). (iii) Những sa-môn và bà-la-môn nào kiếm sống bằng cách đi làm công việc người ta sai vật hay công việc đưa tin báo tin²⁸¹—một cách kiếm sống sai trái— thì những người đó được gọi là những sa-môn và bà-la-môn ăn với mặt quay nhìn đủ các [bốn] hướng. (iv) Những sa-môn và bà-la-môn nào kiếm sống bằng nghề bói chỉ tay tầm phào²⁸²—một cách kiếm sống sai trái— thì những người đó được gọi là những sa-môn và bà-la-môn ăn với mặt quay nhìn những hướng xen giữa.

“Thưa chi, tôi không kiếm sống bằng nghề bói đất tầm phào, hay nghề bói sao tầm phào, hay đi làm công việc người ta sai vật hay công việc đưa tin báo tin, hay bằng nghề bói chỉ tay tầm phào. Tôi tìm kiếm thức ăn bố

thí một cách chân chính, và sau khi kiểm được thức ăn đó, tôi ăn nó một cách chân chính.”

Rồi nữ du sĩ tên Sucimukhī đó đã đi từ đường này tới đường kia và từ khu này tới khu kia trong thành Rājagaha tuyên bố rằng: “Những sa-môn đi tu theo người con của dân tộc Thích-Ca (tức Phật) ăn thức-ăn chân chính; họ ăn thức-ăn phi tội lỗi. Hãy cúng dường thức-ăn cho những sa-môn đi theo người con của dân tộc Thích-Ca.”

(SN 28:10)

Chương 29

Liên Kết RỒNG NĀGA

(29 Nāga-samyutta)

(29 Tương Ứng Loài Rồng)

1 Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu sinh sản của những loài rồng (*nāga*).²⁸³ Bốn đó là gì? (1) Rồng sinh ra từ trứng, (2) rồng sinh ra từ bào thai, (3) rồng sinh ra từ hơi ẩm, (4) rồng sinh ra tự nhiên tự phát (theo nghiệp).” (noãn sinh, thai sinh, ẩm sinh, và hóa sinh)

(SN 29:01)

2 Tốt Hơn

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu sinh sản của những loài rồng ...

“Này các Tỳ kheo, trong đó (2), (3), và (4) là ưu việt hơn (tốt hơn, cao hơn) (1). Rồi (3) và (4) là ưu việt hơn (1) và (2). Rồi (4) là ưu việt (nhất) hơn (1), (2), và (3).

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn kiểu sinh sản của những loài rồng.”

(SN 29:02)

3 Uposatha (1) (Bố-tát)

Ở Sāvattthī.

Lúc đó một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa đức Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do một số rồng (*nāga*) được sinh từ trứng ở đây biết tuân giữ giới Bố-tát [Uposatha] và (đến mức) từ bỏ [sự quan tâm đối với] thân thể của chúng?”²⁸⁴

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một số rồng *nāga* được sinh từ trứng nghĩ như vậy: ‘Trong quá khứ chúng tôi hành vi một cách mâu thuẫn (lẫn lộn

thiện ác) trong thân, lời-nói, và tâm.²⁸⁵ Sau khi đã làm như vậy, khi thân tan rã, sau khi chết, chúng tôi đã bị tái sinh trong chủng loài rồng *naga* được sinh từ trứng. Nếu ngày nay chúng tôi tu tập hành-vi tốt thiện (thiện hành) trong thân, lời-nói, và tâm, thì khi thân tan rã, sau khi chết, chúng tôi sẽ được tái sinh trong một nơi-đến hạnh phúc, trong một cõi trời. Nào, bây giờ, chúng ta hãy tu tập hành-vi tốt thiện trong thân, lời-nói, và tâm.’

“Này Tỳ kheo, điều này chính là nguyên nhân và lý do một số rồng *naga* được sinh từ trứng ở đây tuân giữ giới Bồ-tát và từ bỏ [sự quan tâm về] thân thể của chúng.”

(SN 29:03)

4 Uposatha (2) (Bồ-tát)

5 Uposatha (3) (Bồ-tát)

6 Uposatha (4) (Bồ-tát)

[Giống hết bài kinh trên, chỉ lần lượt thay 03 chủng loài rồng *naga* còn lại cho 03 kinh này.]

7 Người Đó Đã Nghe (1)

Ở Sāvattihī.

... ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong chủng loài rồng *naga* được sinh từ trứng?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, có người hành vi một cách mâu thuẫn (lẫn lộn thiện ác) trong thân, lời-nói, và tâm. *Người đó đã nghe*: ‘Loài rồng *naga* sinh từ trứng sống lâu, đẹp đẽ, và nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong chủng loài

rồng *naga* sinh từ trứng!’ Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong chủng loài rồng *naga* sinh từ trứng.

“Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong chủng loài rồng *naga* sinh từ trứng.”

(SN 29:07)

8 Người Đó Đã Nghe (2)

9 Người Đó Đã Nghe (3)

10 Người Đó Đã Nghe (4)

[Giống hết bài kinh trên, chỉ lần lượt thay 03 chủng loài rồng *naga* còn lại cho 03 kinh này.]

11 — 20 Nhờ Sự Bố-Thí (1) (mà tái sinh ...)

Ở Sāvattthī.

... ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong chủng loài rồng *naga* sinh từ trứng?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, có người hành vi một cách mâu thuẫn (lẫn lộn thiện ác) trong thân, lời-nói, và tâm. Người đó đã nghe: ‘Loài rồng *naga* sinh từ trứng sống lâu, đẹp đẽ, được nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong chủng loài rồng *naga* sinh từ trứng!’ Người đó bố thí thức ăn ... Người đó bố thí thức uống ... Người đó bố thí quần áo ... Người đó bố thí một cỗ xe ... Người đó bố thí một vòng hoa ... Người đó bố thí một dầu thơm ... Người đó bố thí một thuốc cao ... Người đó bố thí một chỗ nằm ... Người đó bố thí

một chỗ ở ... Người đó bỏ thí một đèn thắp. [*Mỗi thứ bố thí lần lượt được ghi trong mỗi bài kinh từ 11-20.*]²⁸⁶ Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong chủng loài rồng *naga* sinh từ trứng.

“Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong chủng loài rồng *naga* sinh từ trứng.”

(SN 29:11–20)

21 — 50 Nhờ Sự Bố-Thí (2), (3), (4) (mà tái sinh ...)

[*Nhóm (1): (kinh 11-20) ở trên là nói về ‘chủng loại rồng naga sinh từ trứng’; ba nhóm còn lại (2), (3), (4) (từ kinh 21-50) có lời kinh giống hệt như vậy; chỉ lần lượt thay 03 chủng loại rồng naga còn lại cho mỗi nhóm (2), (3), (4).*]

(SN 29:21–50)

Chương 30

Liên Kết CHIM-THẦN

(30 *Supanna-samyutta*)

(30 *Tương Ứng Thần Điều*)

1 Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu sinh sản của những loài chim-thần (*supanna*) (= *ganuda*, kim sí điểu, đại bàng cánh vàng). Bốn đó là gì? (1) Loài chim-thần được sinh từ trứng, (2) loài chim-thần được sinh từ bào thai, (3) loài chim-thần được sinh từ hơi ẩm, (4) loài chim-thần được sinh một cách tự nhiên tự phát. Đây là bốn kiểu sinh sản của những loài chim thần.”

(SN 30:01)

2 Chúng Gấp Ròng Naga

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu sinh sản của những loài chim-thần ...

“Này các Tỳ kheo, trong số này, chim-thần loại (1) chỉ gấp đi được rồng *naga* loại (1), nhưng không gấp được ba chủng loại còn lại. Chim-thần loại (2) chỉ gấp được rồng *naga* loại (1) và (2), nhưng không gấp được hai chủng loại còn lại. Chim-thần loại (3) gấp được rồng *naga* loại (1), (2), và (3), nhưng không gấp được chủng loại còn lại. Chim-thần loại (4) thì gấp được rồng *naga* thuộc cả bốn chủng loại. ²⁸⁷

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn kiểu sinh sản của những loài chim-thần.”

(SN 30:02)

3 Lấn Lộn Thiện Ác (1)

Ở Sāvattthī.

... ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh vào chủng loài chim-thần sinh từ trứng?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, có người hành vi một cách mâu thuẫn (lẫn lộn thiện ác) trong thân, lời-nói, và tâm. Người đó nghe: ‘Loài chim-thần sinh từ trứng sống lâu, đẹp đẽ, và nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong chủng loài chim-thần sinh từ trứng.’ Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong chủng loài chim-thần sinh từ trứng.

“Này các Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong chủng loài chim-thần sinh từ trứng.”

(SN 30:03)

4 — 6 Lẫn Lộn Thiện Ác (2), (3), (4)

[Giống hết bài kinh trên, chỉ lần lượt thay bằng 03 chủng loài chim-thần còn lại cho 03 kinh này.]

(SN 30:04—06)

7 — 16 Nhờ Sự Bố-Thí (1) (mà tái sinh ...)

Ở Sāvattthī.

... ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong chủng loài chim-thần được sinh từ trứng?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, có người hành vi một cách mâu thuẫn (lẫn lộn thiện ác) trong thân, lời-nói, và tâm. Người đó đã nghe: ‘Loài chim-thần

sinh từ trứng sống lâu, đẹp đẽ, được nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong chủng loài chim-thần sinh từ trứng!’ Người đó bỏ thí thức ăn ... Người đó bỏ thí thức uống ... Người đó bỏ thí quần áo ... Người đó bỏ thí một cỗ xe ... Người đó bỏ thí một vòng hoa ... Người đó bỏ thí một dầu thơm ... Người đó bỏ thí một thuốc cao ... Người đó bỏ thí một chỗ nằm ... Người đó bỏ thí một chỗ ở ... Người đó bỏ thí một đèn thắp. *[Mỗi thứ bỏ thí lần lượt được ghi trong mỗi bài kinh từ 7-16]*. Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong chủng loài chim-thần sinh từ trứng.

“Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong chủng loài chim-thần sinh từ trứng.”

(SN 30:07–16)

17 — 46 Nền Sự Bỏ-Thí (2), (3), (4) (mà tái sinh ...)

[Nhóm (1): (kinh 7-16) ở trên là nói về ‘chủng loại chim-thần sinh từ trứng’; ba nhóm còn lại (2), (3), (4) (kinh 17-46) có lời kinh giống như vậy; chỉ lần lượt thay 03 chủng loại chim-thần còn lại cho mỗi nhóm (2), (3), (4).]

(SN 30:17–46)

Chương 31

Liên Kết CÀN-THÁT-BÀ

(31 Gandhabba-samyutta)

(31 Tương Ứng Càn-thát-bà)

1 Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về những thiên thần (chư thiên) thuộc loại Càn-thát-bà (*gandhabba*). Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thiên thần thuộc loại Càn-thát-bà? Này các Tỳ kheo, có những thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong lõi cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong lớp gỗ mềm cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong vỏ cây hương thơm,²⁸⁸ những thiên thần sống trú trong chồi cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong lá cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong trái cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong nhựa cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong mùi hương cây hương thơm.

“Này các Tỳ kheo, đây được gọi là những thiên thần thuộc loại Càn-thát-bà.”

(SN 31:01)

2 Hành Vi Thiện

Ở Sāvattthī.

... ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong số những thiên thần thuộc loại Càn-thát-bà?”

“Ồ đây, này Tỳ kheo, có người tu tập hành vi thiện lành trong thân, lời-nói, và tâm.²⁸⁹ Người đó đã nghe: ‘Những thiên thần thuộc loại Càn-thát-bà sống lâu, đẹp đẽ, và nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong số những thiên thần

thuộc loại Càn-thất-bà!’ Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần thuộc loại Càn-thất-bà.

“Này Tỳ kheo, đây là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong số những thiên thần thuộc loại Càn-thất-bà.”

(SN 31:02)

3 Người Bồ Thí (1)

Ở Sāvattihī.

... ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong số những thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, có người tu tập hành-vi thiện lành trong thân, lời-nói, và tâm. Người đó đã nghe: ‘Những thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm sống lâu, đẹp đẽ, và nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong số những thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm!’ *Người đó trở thành người bồ thí rễ cây hương thơm.* Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm.

“Này Tỳ kheo, đây là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong số những thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm.”

(SN 31:03)

4 — 12 Người Bồ Thí (2) ... (10)

[Giống hệt bài kinh kể trên, chỉ lần lượt thay bằng mỗi loại thiên-thân: ‘những thiên thần sống trú trong lõi cây hương thơm’ ... ‘những thiên thần sống trú trong mùi hương cây hương thơm (theo thứ tự ghi trong bài kinh **31:01**). Mỗi loại người bố thí tương ứng với thứ người đó bố thí.]

(SN 31:04–12)

13 — 22 Nhờ Sự Bố-Thí (1) (mà tái sinh ...)

Ở Sāvattihī.

... ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong số những thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, có người tu tập hành-vi thiện lành trong thân, lời-nói, và tâm. Người đó đã nghe: ‘Những thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm sống lâu, đẹp đẽ, và nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong số những thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm! Người đó bố thí thức ăn ... Người đó bố thí thức uống ... Người đó bố thí quần áo ... Người đó bố thí một cỗ xe ... Người đó bố thí một vòng hoa ... Người đó bố thí một dầu thơm ... Người đó bố thí một thuốc cao ... Người đó bố thí một chỗ nằm ... Người đó bố thí một chỗ ở ... Người đó bố thí một đèn thắp. [Mỗi thứ bố thí lần lượt được ghi trong mỗi bài kinh từ **13-22**.] Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm.

“Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong số những thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm.”

(SN 31:13–22)

23 — 112 Nhờ Sự Bó-Thí (2) (mà tái sinh ...)

[Nhóm (1) kể trên (kinh 13-22) là nói về loại ‘những thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm; nhóm (2) này (kinh 23—112) có lời kinh giống như vậy; chỉ lần lượt thay bằng mỗi loại Càn-thát-bà còn lại là: ‘những thiên thần sống trú trong gỗ lõi hương thơm’ ... ‘những thiên thần sống trú trong mùi hương cây hương thơm’.]

(SN 31:23—112)

Chương 32

Liên Kết THIÊN THẦN MÂY

(32 *Valāhaka-samyutta*)

(32 *Tương Ứng Thiên Thần Mây*)

1 Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về những thiên thần thuộc loại sống-trên-mây. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thiên thần thuộc loại sống-trên-mây?²⁹⁰ Này các Tỳ kheo, có những thiên thần mây-mát, những thiên thần mây-ấm, những thiên thần mây-bão, và những thiên thần mây-mưa.

“Này các Tỳ kheo, đây được gọi là những thiên thần thuộc loại sống-trên-mây (thiên thần mây).”

(SN 32:01)

2 Hành Vi Thiện

[Giống hết bài kinh **SN 31:02**, chỉ khác là thay bằng câu “tái sinh trong số những thiên thần mây”.]

(SN 32:02)

3 — 12 Nhờ Sự Bố-Thí (1) (mà tái sinh ...)

[Những kinh này được đúc theo “khuôn-mẫu” các kinh tương ứng từ **SN 31:13—SN 31:22**; chỉ khác là thay bằng câu “tái sinh trong số những thiên thần mây-mát”.]²⁹¹

(SN 32:03—12)

13 — 52 Nhờ Sự Bố-Thí (2) (mà tái sinh ...)

[“Khuôn-mẫu” kinh của nhóm **(1)** (kinh **3—12**) kể trên là nói về sự “tái sinh trong số những thiên thần mây-mát”. Các kinh của nhóm **(2)** này (kinh **13—52**) này lặp lại giống hết như vậy cho từng loại thiên-thần còn lại, lần

lượt là: “tái sinh trong số thiên thần mây-ấm”, “tái sinh trong số thiên thần mây-bão”, “tái sinh trong số thiên thần mây-mưa”.]

(SN 32:13—52)

53 Những Thiên Thần Mây-Mát

Ở Sāvattihī.

... ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có lúc trời (thời tiết) trở nên mát-mẻ?”

“Này Tỳ kheo, có thứ (chúng sinh) được gọi là những thiên thần mây-mát. Khi ý nghĩ này xảy đến với họ: ‘Chúng ta hãy vui chơi trong niềm vui riêng của mình’,²⁹² rồi, theo như ý muốn của họ, trời trở nên mát-mẻ. Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có lúc trời trở nên mát-mẻ.”

(SN 32:53)

54 Những thiên thần Mây-Ấm

Ở Sāvattihī ...

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có lúc trời (thời tiết) trở nên ấm-áp?”

“Này Tỳ kheo, có thứ (chúng sinh) được gọi là những thiên thần mây-ấm. Khi ý nghĩ này xảy đến với họ: ‘Chúng ta hãy vui chơi trong niềm vui riêng của mình’, rồi, theo như ý muốn của họ, trời trở nên ấm-áp. Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có lúc trời trở nên ấm-áp.”

(SN 32:54)

55 Những thiên thần Mây-Bão

Ở Sāvattḥī ...

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có lúc trời (thời tiết) trở nên bão-bùng?”

“Này Tỳ kheo, có thứ (chúng sinh) được gọi là những thiên thần mây-bão. Khi ý nghĩ này xảy đến với họ: ‘Chúng ta hãy vui chơi trong niềm vui riêng của mình’, rồi, theo như ý muốn của họ, trời trở nên bão-bùng. Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có lúc trời trở nên bão-bùng.”

(SN 32:55)

56 Những thiên thần Mây-Gió

Ở Sāvattḥī ...

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có lúc trời (thời tiết) trở nên nổi-gió?”

“Này Tỳ kheo, có thứ (chúng sinh) được gọi là những thiên thần mây-gió. Khi ý nghĩ này xảy đến với họ: ‘Chúng ta hãy vui chơi trong niềm vui riêng của mình’, rồi, theo như ý muốn của họ, trời trở nên nổi-gió. Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có lúc trời trở nên nổi-gió.”

(SN 32:56)

57 Những thiên thần Mây-Mưa

Ở Sāvattḥī ...

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có lúc trời (thời tiết) mưa?”

“Này Tỳ kheo, có những cái được gọi là những thiên thần mây-mưa. Khi ý nghĩ này xảy đến với họ: ‘Chúng ta hãy vui chơi trong niềm vui riêng của mình’, rồi, theo như ý muốn của họ, trời mưa. Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có lúc trời mưa.”

(SN 32:57)

Chương 33

Liên Kết VACCHAGOTTA

(33 Vacchagotta-samyutta)

(33 Tương Ứng Vacchagotta)

1 Do Không Biết (1)

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có du sĩ tên là Vacchagotta đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi với đức Thế Tôn.²⁹³ Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-Đàm, cái gì là nguyên nhân và lý do làm phát sinh những quan-điểm (cách-nhìn) mang tính suy đoán (võ đoán, đoán mò) khác nhau như vậy trong thế gian: ‘Thế giới là bất diệt’; hoặc ‘Thế giới là không bất diệt’; hoặc ‘Thế giới là hữu biên’; hoặc ‘Thế giới là vô biên’; hoặc ‘Linh hồn và thân thể là một’; hoặc ‘Linh hồn và thân thể là khác nhau’; hoặc ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’; hoặc ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’; hoặc ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’; hoặc ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’?”

“Này Vaccha, do không biết *sắc-thân* (sắc uẩn), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian: ‘Thế giới là bất diệt’ ... hoặc ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Này Vaccha, đây là nguyên nhân và lý do nên phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian.”²⁹⁴

(SN 33:01)

2 Do Không Biết (2)

Ở Sāvattthī ...

“Này Vaccha, do không biết *cảm-giác* (thọ uẩn), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế

gian: ‘Thế giới là bất diệt’ ... hoặc ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Nay Vaccha, đây là nguyên nhân và lý do nên phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian.”

(SN 33:02)

3 Do Không Biết (3)

... “Này Vaccha, do không biết *nhận-thức* (tưởng uẩn), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian ...”

(SN 33:03)

4 Do Không Biết (4)

... “Này Vaccha, do không biết *những sự tạo-tác* (hành uẩn), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian ...”

(SN 33:04)

5 Do Không Biết (5)

... “Này Vaccha, do không biết *thức* (thức uẩn), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian ...”

(SN 33:05)

6 — 10 Do Không Nhìn-Thấy (năm uân)

... “Này Vaccha, do không nhìn-thấy *sắc-thân ... cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian ...”²⁹⁵

(SN 33:06—10)

11 — 15 Do Không Đột-Phá (năm uân)

... “Này Vaccha, do không đột-phá (nhìn thấu, chứng ngộ về) *sắc-thân ... cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian ...”

(SN 33:11—15)

16 — 20 Do Không Năm-Rõ (năm uân)

[Giống y hệt các kinh **11—15** kể trên; chỉ lần lượt thay “do không nhìn-thấy” bằng “do không năm-rõ”.]

(SN 33:16—20)

21 — 25 Do Không Thâm-Nhập

26 — 30 Do Không Nhận-Thấy Được

31 — 35 Do Không Phân-Biệt Ra [đối xử]

36 — 40 Do Không Phân-Biệt [sự khác nhau]

41 — 45 Do Không Soi-Xét

46 — 50 Do Không Soi-Xét Kỹ Càng

51 — 55 Do Không Trực Tiếp Nhận-Biết

... “Này Vaccha, do không thâm-nhập do không trực tiếp nhận-biết *sắc-thân ... cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian: ‘Thế giới là bất diệt’ ... hoặc ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Này Vaccha, đây là nguyên nhân và lý do làm phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian: ‘Thế giới là bất diệt’; hoặc ‘Thế giới là không bất diệt’; hoặc ‘Thế giới là hữu biên’; hoặc ‘Thế giới là vô biên’; hoặc ‘Linh hồn và thân thể là một’; hoặc ‘Linh hồn và thân thể là khác nhau’; hoặc ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’; hoặc ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’; hoặc ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’; hoặc ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’.”

(SN 33:21—55)

Chương 34

Liên Kết THIÊN-ĐỊNH

(34 *Jhāna-Saṃyutta*)

(34 *Tương Ứng Thiên Định*)²⁹⁶

[“Liên-kết Thiền Định” (*Jhāna-samyutta*) là tên **Chương 34** này (Quyển 3), nhưng nó cũng là tên của **Chương 53** (Quyển 5). **Chương 53** thì nói về của 04 tầng thiền-định sắc giới (*jhāna*) như “những sự chứng-đắc”. Còn **Chương 34** này thì nói về “tiến-trình thiền tập” chứ không chủ ý nói về “những sự chứng đắc” hay “những tầng chứng đắc” đó; tuy nhiên tôi vẫn dịch tên chương trùng giống nhau như vậy.

- **Chương 34** này đã được tạo ra như một cỗ xe (*cakka*) chỉ ra tất cả những sự hoán-đổi có thể được giữa 11 kỹ-năng thiền-tập. Mỗi cặp kỹ năng đều được so sánh thêm theo 04 trường hợp nội dung là: **(i)** có-được kỹ năng này nhưng thiếu kỹ năng kia; **(ii)** có-được kỹ năng kia nhưng thiếu kỹ năng này; **(iii)** không-có cả hai; và **(iv)** có-được cả hai. Và trường hợp cuối cùng **(iv)** là tốt nhất! ... (297)

1 Chứng-Đắc tương quan với Định-Tâm

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì?”

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền thiện khéo về (kỹ năng) định-tâm *trong tu thiền định* [*đối với sự định-tâm*], nhưng không thiện khéo về (kỹ năng) chứng-đắc (chứng nhập tầng thiền định) trong tu thiền định. ²⁹⁷

(2) “Ở đây, một người thiền là thiện khéo về chứng-đắc trong tu thiền định, nhưng không thiện khéo về định-tâm trong tu thiền định.

(3) “Ở đây, một người không thiện khéo về định-tâm trong tu thiền định, cũng không thiện khéo về chứng-đắc trong tu thiền định.

(4) “Ở đây, một người vừa thiện khéo về định-tâm, vừa thiện khéo về chứng-đắc trong tu thiền định.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiền (4) “*vừa thiện khéo về định-tâm, vừa thiện khéo về chứng-đắc*” trong tu thiền định là hàng đầu, là tốt nhất, là bậc nhất, là cao nhất, là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó.

“Này các Tỳ kheo, giống như từ con bò cái có sữa, từ sữa có sữa đông, từ sữa đông có bơ đục, từ bơ đục có bơ trong, và từ bơ trong có váng kem được coi là tốt nhất trong tất cả. ²⁹⁸ Cũng giống như vậy, người thiền (4) vừa thiện khéo về định-tâm vừa thiện khéo về chứng-đắc trong tu thiền định là hàng đầu, là tốt nhất, là bậc nhất, là cao nhất, là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó.”

(SN 34:01)

2 Duy-Trì tương quan với Định-Tâm

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiện này. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiện thiện khéo về định-tâm ... nhưng không thiện khéo về duy-trì²⁹⁹ ... (duy trì: là kỹ năng nhập định bao lâu các tầng thiền định theo ý mình muốn và đã quyết định trước khi nhập thiền)

(2) “Ở đây, một người thiện là thiện khéo về duy-trì ... nhưng không thiện khéo về định-tâm ...

(3) “Ở đây, một người không thiện khéo về định-tâm ... cũng không thiện khéo về duy-trì ...

(4) “Ở đây, một người vừa thiện khéo về định-tâm , vừa thiện khéo về duy-trì ...

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiện (4) “*vừa thiện khéo về định-tâm, vừa thiện khéo về duy-trì*” trong tu thiền định là hàng đầu, là tốt nhất, là bậc nhất, là cao nhất, là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiện đó.

“Này các Tỳ kheo, giống như từ con bò mới có sữa ... từ bơ trong có váng kem được coi là tốt nhất trong tất cả. Cũng giống như vậy, người thiện vừa thiện khéo về định-tâm vừa thiện khéo về duy-trì ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiện đó.”

(SN 34:02)

3 Thoát-Ra tương quan với Định-Tâm

[Giống kinh kể trên, chỉ thay cụm chữ “*thiện khéo về duy-trì*” bằng “*thiện khéo về thoát-ra*”.]³⁰⁰

(SN 34:03)

4 Mềm-Dẻo tương quan với Định-Tâm

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng “*thiện khéo về sự mềm-dẻo*”.]³⁰¹

(SN 34:04)

5 Đối-Tượng tương quan với Định-Tâm

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng “thiện khéo về đối-tượng”.] ³⁰²

(SN 34:05)

6 Trú-Xứ tương quan với Định-Tâm

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng “thiện khéo về trú-xứ”.] ³⁰³

(SN 34:06)

7 Quyết-Tâm tương quan với Định-Tâm

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng “thiện khéo về quyết-tâm”.] ³⁰⁴

(SN 34:07)

8 Chu-Đáo tương quan với Định-Tâm

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng “là một người làm chu-đáo” (trong tu thiên định).] ³⁰⁵

(SN 34:08)

9 Kiên-Trì tương quan với Định-Tâm

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng “là một người làm kiên-trì”.] ³⁰⁶

(SN 34:09)

10 Thích-Hợp tương quan với Định-Tâm

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bởi “là một người làm điều thích-hợp”.] ³⁰⁷

(SN 34:10)

11 *Duy-Trì* tương quan với *Chứng-Đắc*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiên này. Bốn đó là gì?”

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, người thiên thiện khéo về chứng-đắc trong tu thiên định [đối với sự định-tâm], nhưng không thiện khéo về duy-trì trong tu thiên định.

(2) “Ở đây, này các Tỳ kheo, người thiên thiện khéo về duy-trì ... nhưng không thiện khéo về chứng-đắc ...

(3) “Ở đây, này các Tỳ kheo, người thiên không thiện khéo về duy-trì ... cũng không thiện khéo về chứng-đắc ...

(4) “Ở đây, này các Tỳ kheo, người thiên thiện vừa thiện khéo về duy-trì vừa thiện khéo về chứng-đắc ...

“Trong đó, người thiên (4) “*vừa thiện khéo về chứng-đắc, vừa thiện khéo về duy-trì*” trong tu thiên định là hàng đầu, là tốt nhất, là bậc nhất, là xuất sắc nhất trong bốn loại người đó.

“Này các Tỳ kheo, giống như từ con bò mới có sữa ... từ bơ trong có váng kem được coi là tốt nhất trong tất cả. Cũng giống như vậy, người thiên vừa thiện khéo về chứng-đắc vừa thiện khéo về duy-trì ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiên đó.”

(SN 34:11)

12 *Thoát-Ra* tương quan với *Chứng-Đắc*

[Giống kinh kể trên, chỉ thay cụm chữ “*thiện khéo về duy-trì trong tu thiên định*” bằng “*thiện khéo về thoát-ra trong tu thiên định*”]

(SN 34:12)

13 Mềm-Dẻo tương quan với Chứng-Đắc

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng cụm chữ “thiện khéo về mềm-dẻo trong tu thiên định”]

(SN 34:13)

14 Đối-Tượng tương quan với Chứng-Đắc

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng cụm chữ “thiện khéo về đối-tượng”]

(SN 34:14)

15 Trú-Xử tương quan với Chứng-Đắc

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng cụm chữ “thiện khéo về trú-xử”]

(SN 34:15)

16 Quyết-Tâm tương quan với Chứng-Đắc

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng cụm chữ “thiện khéo về quyết-tâm”]

(SN 34:16)

17 Chu-Đáo tương quan với Chứng-Đắc

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng cụm chữ “là một người làm chu-đáo”]

(SN 34:17)

18 Kiên-Trì tương quan với Chứng-Đắc

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng cụm chữ “là một người làm kiên-trì”]

(SN 34:18)

19 Thích-Hợp tương quan với Chứng-Đắc

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng cụm chữ “là một người làm điều thích-hợp”]

(SN 34:19)

20 Thoát-Ra tương quan với Duy-Trì

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiện này. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiện thiện khéo về (kỹ năng) duy-trì trong tu thiện định [đối với sự định-tâm], nhưng không thiện khéo về (kỹ năng) thoát-ra trong tu thiện định.

(2) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiện thiện khéo về thoát-ra ... nhưng không thiện khéo về duy-trì ...

(3) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiện không thiện khéo về duy-trì ... cũng không thiện khéo về thoát-ra ...

(4) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiện vừa thiện khéo về duy-trì, vừa thiện khéo về thoát-ra ...

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiện (4) “vừa thiện khéo về duy-trì, vừa thiện khéo về thoát-ra” trong tu thiện định ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiện đó.”

(SN 34:20)

21 — 27 Mềm Dẻo tương quan với Duy-Trì ...

[07 kinh này được đúc theo khuôn-mẫu bài kinh kể trên; chỉ có chữ “thoát-ra” được lần lượt thay bằng các 07 chữ “mềm-dẻo” ... “là một người

làm điều thích-hợp trong tu thiền định”, một cách tương ứng giống như nhóm kinh 13—19.]

(SN 21—27)

28 Mềm-Dẻo tương quan với Thoát-Ra

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền thiện khéo về (kỹ năng) thoát-ra, nhưng không thiện khéo về mềm-dẻo ...

(2) ... thiện khéo về sự mềm-dẻo, nhưng không thiện khéo về thoát-ra ...

(3) ... không thiện khéo về thoát-ra, cũng không thiện khéo về mềm-dẻo ...

(4) ... vừa thiện khéo về thoát-ra, vừa thiện khéo về mềm-dẻo trong tu thiền định.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiền (4) “*vừa thiện khéo về thoát-ra, vừa thiện khéo về mềm-dẻo*” trong tu thiền định ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó.”

(SN 34:28)

29 — 34 Đối-Tượng tương quan với Thoát-Ra ...

[06 kinh này được đúc theo khuôn-mẫu bài kinh kể trên; chỉ có chữ “mềm-dẻo” được lần lượt thay bằng 06 chữ “đối-tượng” ... “là một người làm điều thích-hợp trong tu thiền định”.]

(SN 29—34)

35 Đối-Tượng tương quan với Mềm-Dẻo

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiện này. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiện thiện khéo về (kỹ năng) mềm-dẻo, nhưng không thiện khéo về đối-tượng ...

(2) ... thiện khéo về đối-tượng, nhưng không thiện khéo về mềm-dẻo ...

(3) ... không thiện khéo về mềm-dẻo, cũng không thiện khéo về đối-tượng ...

(4) ... vừa thiện khéo về mềm-dẻo, vừa thiện khéo về đối-tượng trong tu thiện định.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiện (4) “*vừa thiện khéo về mềm-dẻo, vừa thiện khéo về đối-tượng*” trong tu thiện định ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiện đó.”

(SN 34:35)

36 — 40 Trú-Xứ tương quan với Mềm-Dẻo...

[05 bài kinh này được đúc theo khuôn-mẫu bài kinh kể trên; chỉ có chữ “đối-tượng” được lần lượt thay bằng 05 chữ “trú-xứ” ... “là một người làm điều thích-hợp trong tu thiện định”.]

(SN 36—40)

41 Trú-xứ tương quan với Đối-Tượng

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiện này. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiện thiện khéo về (kỹ năng) đối-tượng, nhưng không thiện khéo về trú-xứ ...

(2) ... thiện khéo về trú-xứ, nhưng không thiện khéo về đối-tượng ...

(3) không thiện khéo về đối-tượng, cũng không thiện khéo về trú-xứ ...

(4) ... vừa thiện khéo về đối-tượng, vừa thiện khéo về trú-xứ trong tu thiền định.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiền (4) “*vừa thiện khéo về đối-tượng, vừa thiện khéo về trú-xứ*” trong tu thiền định ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó.”

(SN 34:35)

42 — 45 *Quyết-Tâm tương quan với Đối-Tượng ...*

[04 kinh này được đúc theo khuôn-mẫu bài kinh kể trên; chỉ có chữ “trú-xứ” được lần lượt thay bằng 04 chữ “quyết-tâm” ... “là một người làm điều thích-hợp trong tu thiền định”.]

(SN 42—45)

46 *Quyết-Tâm tương quan với Trú-Xứ*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền thiện khéo về (kỹ năng) trú-xứ, nhưng không thiện khéo về quyết-tâm ...

(2) ... thiện khéo về quyết-tâm, nhưng không thiện khéo về trú-xứ ...

(3) ... không thiện khéo về trú-xứ, cũng không thiện khéo về quyết-tâm ...

(4) ... vừa thiện khéo về trú-xứ, vừa thiện khéo về quyết-tâm trong tu thiền định.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiền (4) “*vừa thiện khéo về trú-xứ, vừa thiện khéo về quyết-tâm*” trong tu thiền định ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó.”

(SN 34:46)

47 — 49 Chu-Đáo tương quan với Trú-Xứ ...

[03 kinh này được đúc theo khuôn-mẫu bài kinh kể trên; chỉ có chữ “quyết-tâm” được lần lượt thay bằng 03 chữ “là một người làm chu-đáo trong tu thiền định”, “là một người làm kiên-trì trong tu thiền định”, và “là một người làm điều thích-hợp trong tu thiền định”.]

(SN 47—49)

50 Chu-Đáo tương quan với Quyết Tâm

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền thiện khéo về (kỹ năng) quyết-tâm, nhưng không phải là một người làm chu-đáo ...

(2) ... là một người làm chu-đáo, nhưng không thiện khéo về quyết-tâm ...

(3) ... không thiện khéo về quyết-tâm, cũng không là một người làm chu-đáo ...

(4) ... vừa thiện khéo về quyết-tâm, vừa là một người làm chu-đáo trong tu thiền định.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiền (4) “vừa thiện khéo về quyết-tâm, vừa là một người làm chu-đáo” trong tu thiền định ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó.”

(SN 34:50)

51 — 52 Chu-Đáo tương quan với Trú-Xứ ...

[02 kinh này được đúc theo khuôn-mẫu bài kinh kể trên; chỉ có chữ “là một người làm chu-đảo trong tu thiên định” được lần lượt thay bằng 2 chữ “là một người làm kiên-trì trong tu thiên định”, “người làm điều thích-hợp trong tu thiên định”.]

(SN 51—52)

53 *Kiên-Trì tương quan với Chu-Đảo*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiên này. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiên là một người làm chu-đảo, nhưng không phải là một người làm kiên-trì ...

(2) ... là một người làm kiên-trì, nhưng không phải là một người làm chu-đảo ...

(3) ... không phải là một người làm chu-đảo, cũng không phải là một người làm kiên-trì ...

(4) ... vừa là một người làm chu-đảo, vừa là một người làm kiên-trì trong tu thiên định.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiên (4) “vừa là một người làm chu-đảo, vừa là một người làm kiên-trì” trong tu thiên định ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiên đó.”

(SN 34:53)

54 *Thích-Hợp tương quan với Chu-Đảo*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiên này. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiên là một người làm chu-đảo, nhưng không phải là người làm điều thích-hợp trong tu thiên định.

(2) ...

(3) ...

(4) ...”

(SN 34:54)

55 Thích-Hợp tương quan với Kiên-Trì

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiên này. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiên là một người làm điều thích-hợp, nhưng không phải là một người làm kiên-trì ...

(2) ... là một người làm kiên-trì, nhưng không phải là một người làm điều thích-hợp ...

(3) ... không phải là một người làm điều thích-hợp, cũng không phải là một người làm kiên-trì ...

(4) ... vừa là một người làm điều thích-hợp, vừa là một người làm kiên-trì trong tu thiên định.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiên (4) *“vừa là một người làm điều thích-hợp, vừa là một người làm kiên-trì”* trong tu thiên định là hàng đầu, là tốt nhất, là bậc nhất, là cao nhất, là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiên đó.”

“Này các Tỳ kheo, giống như từ con bò mới có sữa, từ sữa có sữa đông, từ sữa đông có bơ đục, từ bơ đục có bơ trong, và từ bơ trong có váng kem được coi là tốt nhất trong tất cả. Cũng giống như vậy, người thiên vừa là một người làm điều thích-hợp vừa là một người làm kiên-trì trong tu thiên định là hàng đầu, là tốt nhất, là bậc nhất, là cao nhất, là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiên đó.”

(SN 34:55)

— HẾT QUYÊN 3 —
(QUYÊN NĂM-UẨN)

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH & CHÚ GIẢI CHÍNH:

Be: *phiên bản Miến Điện của SN*

Ee: *phiên bản tiếng Anh của SN (ấn bản PTS)*

Se: *phiên bản Sinhala (Tích Lan cổ) của SN*

* **SN** = Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết (Tương Ứng Kinh Bộ)*

Spk (Be) = Sāratthappakāsinī: *Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Miến Điện)*

Spk (Se) = Sāratthappakāsinī: *Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Sinhala).*

Spk-pt = Sāratthappakāsinī-purāṇa-ṭīkā: *Tiểu Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Miến Điện)*

SS = Sinhala-script: *Tiểu Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Sinhala)*

CDB = Connected Discourses of Buddha: *bản dịch Pāli-Anh SN bởi Tỳ Kheo Bỏ-Đề*

SC = trang SuttaCentral: *bản dịch Pāli-Anh của các bộ kinh Nikaya bởi nhà sư Ajahn Sujato.*

► Lưu Ý: trong bản dịch Việt này dựa theo bản dịch của TKBD, các chú giải **Spk** thì mặc nhiên là của phiên bản Miến Điện (**Be**). Chỗ nào ghi **Spk (Be)** và **Spk (Se)** chỉ khi có sự khác nhau về về câu chữ được ghi trong hai phiên bản.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: *Vi Diệu Pháp Tạng*

* **AN** = Aṅguttara Nikāya: *Bộ Kinh Tăng Chi (Tăng Chi Kinh Bộ)*

As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Dhs*

Dhp = Dhammapada: *tập Kinh Pháp Cú (thuộc KN)*

Dhp-a = Dhammapada-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Dhp*

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: **Bộ Pháp Tụ** (thuộc **Abhi**)

* **DN** = Dīgha Nikāya: *Bộ Kinh Dài* (Trường Kinh Bộ)

It = Itivuttaka: *tập Kinh Phật Tự Thuyết* (thuộc **KN**)

It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập It*

Ja = Jātaka: *tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật* (thuộc **KN**)

Khp = Khuddakapāṭha: *tập Kinh Tiểu Tụng* (thuộc **KN**)

* **KN** = Khuddaka Nikaya: *Bộ Kinh Ngắn* (Tiểu Kinh Bộ)

Mil = Milindapanha: *tập kinh Milinda Vấn Đáp* (thuộc **KN**)

* **MN** = Majjhima Nikāya: *Bộ Kinh Trung* (Trung Kinh Bộ)

Mp = Manorathapūraṇī: *Chú Giải bộ AN*

Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc **KN**)

Nidd I = Mahā-niddesa: *tập Đại Diễn Giải* (Đại Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Nidd II = Cūḷa-niddesa: *tập Tiểu Diễn Giải* (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Paṭis = Paṭisambhidāmagga: *tập Con Đường Phân Biệt* (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc **KN**)

Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Patīs*

Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc **KN**)

Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Sn*

Pp = Puggalapannatti: *bộ Phân Định Cá Nhân* (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc **Abhi**)

Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Pp*

Ps = Papancaśūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ MN*

Pv = Petavatthu: *tập Chuyện Quỷ Đói* (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc **KN**)

Sn = Suttanipāta: *tập Kinh Tập* (thuộc **KN**)

Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): *Chú Giải Luật Tạng*

Sv = Sumaogalavilāsini (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ kinh DN*

Sv-pt = Sumaogalavilāsini-purāṇa-ṭīkā (Dīgha Nikāya-ṭīkā) (Be): *Tiểu Chú Giải bộ kinh DN* (phiên bản Miến Điện)

Th = Theragāthā: *tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ* (thuộc **KN**)

Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Th*

Thī = Therīgāthā: *tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ* (thuộc **KN**)

Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): *Chú Giải tập Thī* (bản 1998)

Ud = Udāna: *tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy* (thuộc **KN**)

Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Ud*

Vibh = Vibhaṅga: *Bộ Phân Tích* (thuộc **Abhi**)

Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): *Chú Giải bộ Vibh*

Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): *Tiểu Chú Giải tập Vbh* (phiên bản Miến Điện)

Vin = Vinaya: *Luật Tạng* (Rõ Luật)

Vism = Visuddhimagga: *Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH:

BL = Buddhist Legends: *Những Huyền Thoại Phật Giáo* (của học giả Burlingame)

CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: *Cẩm Nang Vi Diệu Pháp* (của Tỳ Kheo Bò-Đề)

EV I = Elders' Verses I: *Trưởng Lão Thi Kệ I* (của Norman)

EV II = Elders' Verses II: *Trưởng Lão Thi Kệ II* (của Norman)

GD = Group of Discourse: *tập Kinh Tập II* (của Norman)

Germ Tr = *Bản dịch SN tiếng Đức* (của Geiger)

KS = Kindred Sayings: *Bản dịch tiếng Anh của SN* (bởi Rhys Davids, Woodward)

LDB = Long Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của DN* (bởi học giả Walshe)

MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của MN* (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

Ppn = Path of Purification: *bản dịch Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

SN-Anth = “Saṃyutta Nikāya: An Anthology”: *Tuyển tập các kinh thuộc SN* (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC:

CPD = Critical Pāli Dictionary: *Tự Điển Pāli Phê Bình* (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch)

CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: *Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ứng A-hàm Hán Tạng* (của Enomoto)

DPPN: *Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli* (của Malalasekera)

MW = Monier-Williams’ Sanskrit-English Dictionary: *Tự Điển Phạn-Anh* (của Monier-William)

PED = Pāli-English Dictionary: *Tự Điển Pāli-Anh* (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC:

BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: *Chữ Lai Phạn trong Phật giáo*

BPS = Buddhist Publication Society: *Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan*

C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiên sĩ học giả dịch giả Rhys Davids)

PTS = Pāli Text Society (Hội Kinh Điển Pāli)

Skt = Sanskrit: tiếng Phạn

VĀT = Vanarata Ānanda Thera: *Trưởng Lão Vanarata Ānanda*

► Lưu Ý: Những số hiệu của các kinh Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBĐ) là ghi *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**. Còn các số hiệu kinh **DN**, **MN**, và **Ja** kèm theo *số kinh* sau đó là chỉ toàn bộ kinh đó. Các số trang dẫn chiếu tới **Vism** cũng được ghi kèm theo bằng *số chương* và *số đoạn* của **Ppn**. Mặc dù những số hiệu tham chiếu về các luận giảng cũng theo *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**, có lúc tôi phải quyết định chọn ghi bằng cách chuyển đổi từ **Be** hay **Ce** thông qua bảng chuyển đổi tương ứng của các giảng luận Pāli của PTS (*Pāli Aṭṭhakathā Correspondence Tables*)

CHÚ THÍCH

¹ [*Nakulapitā* có nghĩa là ‘cha của Nakula’, vợ ông là *Nakulamātā* nghĩa là ‘mẹ của Nakula’, mặc dù bài kinh không hề nói gì về danh tính người con Nakula là ai. Đức Phật đã tuyên bố vợ và chồng là đệ nhất về *sự tin-tưởng* trong số những đệ tử tại gia (*etadaggaṃ viśāsakānaṃ*). Theo luận giảng **Spk**, họ đã từng là cha mẹ của Phật trong 500 kiếp trước và là những người thân thuộc trong thêm nhiều kiếp quá khứ. (Tôi [TKBD] tin rằng chính vì điều đó mà Phật đã gọi họ là “đệ nhất về *sự tin-tưởng*” (*viśāsakānaṃ agga*) (tức họ tin chắc Phật là con của họ trong một kiếp trước). Mời đọc kinh trong kinh **AN 1:257** và chú thích 138 ở đó.

- Để đọc thêm về họ, mời coi *Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli DPPN* 2:03 và chương “*Những Cuộc Đời Ngắn Của Các Vị Đệ tử*” bởi học giả Hecker, trong quyển “*Những Đại Đệ Tử Của Đức Phật*”, trang 375–785.] (1)

² [Tất cả 03 phiên bản của bộ kinh **SN** và cả những phiên bản của **Spk**, đều ghi là *aniccadassā vī* (*không luôn là người nhìn thấy/gặp*), nhưng **SS** thì ghi là *adhiccadassā vī* (*người nhìn thấy/ gặp được cơ hội*) có lẽ là đúng chữ ghi nguyên thủy hơn; **CPD** cũng chọn chữ này. **Spk** giải nghĩa là: “Bởi do sự khổ đau của con nên con không thể đi đến nơi nào mình muốn; con chỉ thỉnh thoảng gặp được [đức Thế Tôn], không thường xuyên gặp được.”

- Chữ *manobhāvanīyā* được dùng để bổ nghĩa cho chữ *Tỳ kheo*, đã thường bị dịch nhầm bởi những người dịch là “*với cái tâm được tu tập*”. Tuy nhiên chữ này là một động-tính từ có nghĩa chữ là “*người nên được đưa đến tâm*”, tức người đáng được để tâm đến, đáng được kính trọng. **Spk**: “Những vị đại trưởng lão như Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên được gọi là ‘đáng được (ta) kính trọng’ [được đưa đến tâm (ta)] bởi vì tâm (*citta*) (của ta) sẽ tăng trưởng những phẩm chất thiện lành mỗi khi gặp thấy họ.”.] (2)

³ [**Be** và **Se** ghi chữ mô tả thứ hai là *aṇḍabhūto* (bị đè nặng, nặng nề), nghĩa đen là “trở thành trứng”, “*trở thành trứng*” và **Spk** đã bổ sung nghĩa này bằng lời chú giải: “*Aṇḍabhūto*: trở thành yếu ớt (*dubbala*) như trứng. Như

một người không thể chơi đùa với trứng bằng cách quăng ném hay đập vào nó—vì nó sẽ bể vỡ—cũng vậy thân này đã ‘trở thành như một cái trứng’ nó sẽ bể gãy ngay cả khi người người đó đâm vô vật nhọn hay gốc cây.” Cho dù các phiên bản kinh ghi vậy và luận giảng **Spk** nói vậy, chữ ghi trong phiên bản **Ee** là *addhabhūto* có lẽ thích đáng hơn; mời coi kinh **35:29** (Quyển 4) và chú thích 14 ở đó về chữ này.] (3)

⁴ [Về nguyên từ học theo luận giảng của chữ *puthujjana*, mời coi lại chú thích số 153 ở kinh **12:56** (Quyển 2). **Spk** đã phân tích dài về đoạn này; về bản dịch đoạn luận giải song hành ở **Ps I 20–25**, mời coi thêm chuyên luận có tên “*Kinh Gốc Rễ Của Sự Hiện-Hữu*”, trang 33–38, bởi TKBD. Những luận giảng có phân biệt “*người phạm chưa được chỉ dạy*” (*assutavā puthujjana*) và “*người phạm tốt thiện*” (*kalyāṇa puthujjana*). Trong khi cả 02 loại người phạm phu còn phạm tục về nghĩa kỹ thuật đều là những người chưa chứng đắc thánh đạo Nhập-lưu, nhưng (i) một loại là *chưa* có sự hiểu biết giáo lý về Giáo Pháp và *chưa* có sự tu tập nào cả, và (ii) một loại *đã* có cả hai và *đang* phấn đấu tu tập để chứng nhập vào thánh đạo.] (4)

⁵ [Đoạn kinh ở đây nêu ra 20 loại *thân-kiến* (*sakkāyadiṭṭhi*: *quan-điểm cho rằng mỗi người có một danh-tính cá thể*); 20 quan-điểm này là do đặt cái ‘ta’ (ngã) theo 04 cách liên quan với 05 uẩn kết tạo nên một danh tính ‘*con người*’ [về *danh-tính* (*sakkāya*), mời đọc **22:105** bên dưới]. Quan điểm *thân-kiến* là một trong 03 *gông-cùm* (kiết sử) cần phải được búng bỏ thì mới có thể chứng nhập vào dòng thánh đạo (Nhập-lưu).

- **Spk**: Người đó *cứ coi sắc-thân là ‘ta’* (*rūpaṃ attato samanupassati*): bằng cách coi sắc-thân và cái ‘ta’ là một, như kiểu coi ngọn lửa đèn dầu và màu của nó là một vậy. Người đó *coi cái ‘ta’ là sở hữu sắc-thân* (*rūpavantam attānam*): người đó lấy thứ vô sắc [như tâm hay những yếu tố thuộc tâm] là cái ‘ta’ sở hữu sắc-thân, giống như kiểu cái cây sở hữu bóng cây vậy; *sắc-thân nằm trong cái ‘ta’* (*attani rūpaṃ*): người đó coi thứ vô sắc [tâm] là cái ‘ta’ mà sắc-thân nằm trong đó, kiểu như mùi hương nằm trong một bông hoa vậy; *cái ‘ta’ ở trong sắc-thân* (*rūpasmim attānam*): người đó coi thứ vô sắc [tâm] là cái ‘ta’ nằm trong sắc-thân, kiểu như một viên ngọc nằm trong cái hộp vậy. Người đó *bị ám muội bởi những quan-niệm “Ta là sắc-thân, sắc-thân là của-ta”*: người đó nuốt những ý tưởng đó với dục-vọng (ái) và những

quan-điểm này nọ (tà-kiến), người đó đứng dựa trên chúng, và nắm giữ chấp thủ theo chúng.

- **Spk** ghi rằng việc nhận lấy mỗi *uẩn* là cái ‘ta’ chính là cách-nhìn của tư tưởng tự diệt-vong (*ucchedadiṭṭhi*, đoạn kiến), còn những cách-nhìn khác là những biến tấu của tư tưởng bất-diệt (*sassatadiṭṭhi*, thường kiến); như vậy có 05 loại tư tưởng tự-diệt và 15 loại tư tưởng bất-diệt. Theo tôi [TKBĐ] điều này không thể chấp nhận được, vì những quan điểm bất-diệt rõ ràng có được bằng cách lấy mỗi uẩn thuộc tâm (cảm-giác, nhận-thức ...) là cái ‘ta’. Tôi cũng nghi vấn tại sao phải bắt buộc quan-điểm cái ‘ta’ (thân kiến) là phải lấy một uẩn hay nhiều uẩn làm cái ‘ta’; bởi vì nếu quan-điểm cái ‘ta’ có ý nghĩa hay nội dung gì thì nó chỉ cần có một mối quan hệ giữa một cái ‘ta’ giả định đó và các uẩn mà thôi, chứ nó đâu cần phải nhận lấy uẩn nào là cái ‘ta’. Theo Đức Phật, tất cả những giả định (về thân kiến) như vậy đều sụp đổ khi phân tích ra. Coi thêm phần “*những suy-xét về cái ‘ta’*” trong kinh dài *Đại Duyên* (*Mahānidāna Sutta*; **DN 16**, từ mục 22) được dịch và luận giải bởi TKBĐ trong chuyên luận mang cùng tên kinh là “*Bài Kinh Đại Duyên*”, trang 53–55, 92–98.] (5)

⁶ [**Spk**: Ngay cả những vị Phật cũng bị khổ đau về thân, nhưng tâm thì chỉ bị khổ đau khi nó có đi kèm bởi những ô-nhiễm tham, sân, si.] (6)

{▶ (Nhân tiện: Những *sự tạo-tác* (*saṅkhārā*, hành) là chỉ: những hành vi cố ý, hành động cố ý, sự làm có chủ ý; sự tạo thành, sự tạo ra, sự tạo nên, sự gây ra, sự tác động có cố ý; sự tạo nghiệp; sự chủ động làm, sự cố ý làm (bằng thân và lời-nói); ý-nghĩ thực ra cũng là sự tạo-tác vì ý-nghĩ là có sự cố-ý của tâm (tâm tư) vì sự cố-ý (tư) về bản chất cũng là sự tạo-tác của tâm, là gốc của hành-vi tạo nghiệp, gốc của nghiệp (*kamma*). Riêng chữ *tạo-tác* trong tiếng Việt đã hàm nghĩa có ý, có cố ý, có tâm ý, có chủ ý, có ý nghĩ rồi, vì vậy người dịch hiệu đính năm 2024 đã sửa lại trong tất cả bản dịch trước đây thành “*sự tạo-tác*” cho gọn).

▶ (Lý do: Trong tất cả bản dịch trước 2024 người dịch đã dịch chính xác theo TKBĐ là “*những sự tạo-tác cố ý*” (có cố ý, có tư), như TKBĐ đã nói lý do ở cuối chú thích 7 kinh **SN 22:12** (Quyển 2). Tuy nhiên, để đỡ lấy sự ngắn gọn cho lời kinh chỉ ghi “*những sự tạo-tác*” trong lần hiệu đính lần này, chúng ta

chỉ cần lưu ý không nhầm lẫn bộ 03-hành đã được nói trong kinh SN 41:06 (Quyển 4), chú thích 298 và kinh MN 44, mục 13-29; bộ 03-hành trong 02 kinh đó được nói liên quan tới trạng thái định “*diệt thọ tưởng*” (sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác) và không liên quan gì *lý duyên-khởi* hay *vòng nhân-duyên*!

- Bộ 03-hành trong 02 kinh đó có thân hành và tâm hành là 02 hành có nghĩa thụ-động: là sự tạo-tác được tạo ra thông qua thân và tâm, và khẩu hành là sự tạo-tác tạo ra lời-nói, là loại hành có nghĩa chủ-động.) ND.]

⁷ [Đây là đoạn kinh “*mẫu*” hay “*công thức*” dùng để diễn tả một đệ tử với sự chứng ngộ tối thiểu cũng là Nhập-lưu (*sotāpatti*). Thánh đạo Nhập-lưu bừng bỏ 03 *gông-cùm* (kiết sử) đầu tiên là: (i) ‘*quan-điểm có danh-tính cố định*’ (thân-kiến), (ii) *sự nghi-ngờ* (nghi), và (iii) ‘*sự chấp-thủ sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thế nguyện*’ (giới-cấm thù).] (7)

⁸ [Spk chú giải rằng: Ở đây, *sự không khổ đau trong tâm* đã được chỉ ra là = ‘*sự vắng mặt những ô-nhiễm*’ (vô nhiễm). Như vậy trong kinh này số đông người phạm phu được cho thấy bị khổ đau cả về thân và tâm, còn A-la-hán chỉ bị khổ đau về thân nhưng không bị khổ đau về tâm. Còn 07 hạng học-nhân [*sekha*: 04 trên thánh đạo và 03 với thánh quả] thì không phải là [hoàn toàn] bị hay không [hoàn toàn] bị khổ đau trong tâm, mà họ đang theo đuổi mục tiêu đó là ‘*sự không còn khổ đau trong tâm*’ (*anāturacittatam yeva bhajanti*).] (8)

⁹ [Spk: Họ muốn đi đến chỗ để trú 03 tháng An Cư mùa mưa (kiết hạ).] (9)

¹⁰ [Spk đã chú giải rất dài về cách thầy Xá-lợi-phất trợ giúp những người đồng đạo về nhu cầu vật chất (*āmisānuggaha*) của họ và về Giáo Pháp (*dhammānuggaha*). Coi thêm quyển “*Xá-lợi-phất: Vị Thống Soái của Giáo Pháp*” bởi trưởng lão Nyanaponika, và quyển “*Những Vị Đệ tử Của Đức Phật*” bởi Nyanaponika và Hecker, trang 21–22.] (10)

- (► Chữ “*đời sống tâm linh*” (*phạm hạnh*) tức là “*đời sống thánh thiêng*”, “*đời sống tu hành*”, “*đời sống xuất gia*”, “*đời tu sĩ*”)

¹¹ [Theo luận giảng, nôm na là bụi cây này được người dân uốn mọc thành vòm che mát như một mái lều để ngồi dưới đó cho khỏi nắng.] (11)

¹² [**Spk**: *Đi nước ngoài* hay *xuất ngoại* (*nānāverajjagataṃ*): nghĩa là đi từ một (xứ, lãnh địa, bang) vương quốc của một vua này qua vương quốc của một vua khác. *Ngoại quốc* hay *nước ngoài* hay *ngoại bang* (*virajja*) là bang khác, nước khác; vì một vùng miền khác với vùng miền của mình cũng gọi là một *vùng ngoại* (*videsa*), cho nên xứ (lãnh địa, bang) khác cũng được gọi là ngoại bang, ngoại quốc.] (12)

¹³ [Đoạn mẫu lời kinh này cũng có ở nhiều kinh trong bộ kinh SN này, câu chữ giống nhau hoặc khác nhau chút ít, như trong **12:24**, **12:25**, **12:26**, **22:02**, **22:86**, **35:81**, **42:13**, **44:02**, và **45:05**.] (13)

¹⁴ [**Spk** nói rằng tất cả những chữ này nên được hiểu là đồng nghĩa với chữ *dục-vọng* (ái; *taṇhā*). Tôi cố ý dịch chữ *pariḷāha* theo 02 cách: (i) là *sự đăm-mê* khi nó được dùng là đồng nghĩa với *dục-vọng* (như ngay chỗ này), và (ii) là *sự sốt não* như khi nó được dùng để mức độ khắc nghiệt của sự khổ đau (như bên dưới).] (14)

¹⁵ [**Spk** chú giải rằng: Đoạn (v) và (vi) này được đưa vào thêm vào kinh để chỉ cho thấy *sự nguy-hại* đối với người không tránh bỏ tham-dục đối với năm uẩn, và *những ích-lợi* của người đã trừ bỏ tham-dục đó.] (15)

¹⁶ [Ngài *Đại Ca-chiên-diên* (Mahākaccāna) là đệ nhất trong số những Tỷ kheo “*giỏi phân giải chi tiết điều được nói ra một cách ngắn gọn*”, là một kỹ năng thầy ấy sẽ thể hiện trong kinh này và trong những kinh khác như **SN 35:130**, **132** (Quyển 4). Về cuộc đời và sự chỉ dạy của thầy ấy, mời đọc thêm quyển của TKBD có tên “*Đại Ca-chiên-diên: Bạc Thầy về Giảng Giải Giáo Lý*”, coi thêm quyển “*Những Vị Đại Đệ Tử Của Đức Phật*” của nhà sư Nyanaponika và học giả Hecker, trang 213–244. Avantī là quê nhà của thầy ấy, nằm ở miền xa tây nam của thung lũng sông Hằng. Toàn bộ bài kinh này đã được trích nguyên văn trong **Nidd I 197–200** trong chỗ một luận giảng về bài thi kệ bên dưới.] (16)

¹⁷ [Coi kinh **Sn 844**.] (17)

18 [Dòng đầu của bài kệ ghi là: *okaṃ pahāya aniketasārī*. Không thấy các luận giảng đề cập tới chữ *okasārī* (người đi lang thang trong nhà) và *anokasārī* (người đi lang thang không nhà), nhưng ngài Đại Ca-chiên-diên đã đưa vào những thuật ngữ này như ngụ ý có trong cấu trúc tuyệt đối *okaṃ pahāya*.

- Cách dùng chữ *dhātu* (yếu-tố, giới) đồng nghĩa = *khandha* (uẩn) là cách dùng *bất thường hiếm thấy*; vì thông thường 02 thuật ngữ này được coi là 02 tiêu-đề cho những khuôn-mẫu phân loại giáo pháp khác nhau; (*giới* và *uẩn* là khác nhau). Nhưng chúng ta cũng gặp phải cách dùng này trong các kinh **22:45, 22:53, 22:54** bên dưới. - (Người dịch Việt nghĩ bởi vì mỗi *uẩn* là một thành tố hay yếu tố của *năm-uẩn* cho nên cũng được gọi là yếu-tố *thức*, yếu-tố hành ...)

- Tôi làm theo cách ghi của **Se** và **Ee** ghi là: *rūpadhāturā gavinibaddham*, cách ghi này cũng được ủng hộ bởi **Spk (Be)**, khác với cách ghi trong **Be** là *vinibandham*. **Spk** đã quyết định cụm chữ kết hợp là *rūpadhātumhi rāgena vinibaddham* và chú giải *thức* này là *thức do nghiệp* tức *nghiệp thức* (*kamma-viññāṇa*). Đoạn này khẳng định tư cách đặc quyền của *thức* so với các uẩn còn lại. Trong khi tất cả các uẩn đều là những hiện-tượng có điều-kiện (pháp hữu vi) được ấn chứng bằng “03-đặc tính” (vô-thường, khổ, vô-ngã), riêng *thức* còn có vai trò làm *sợi dây nối kết* cho sự liên-tục [cá thể] thông qua chuỗi những lần tái-sinh. Điều này gắn liền với ý tưởng được diễn đạt trong các kinh **12:38–40** (Quyển 2) trong đó *thức* là yếu-tố luôn có mặt (trụ, duy trì) trong sự trải nghiệm nối kết sự hiện-hữu kiếp cũ với sự hiện-hữu kiếp mới. Còn 04 uẩn kia có vai trò là “*những trạm-trú cho/của thức*” (*viññāṇa-ṭṭhitiyo*; coi các kinh **22:53–54** (Quyển 3 này).)

- Tuy nhiên, ngay cả *thức* cũng không phải là một *danh-tính cái ‘ta’* (dạng ‘*bản ngã*’ hay ‘*linh hồn*’) nào cả, mà *thức* chỉ là một *chuỗi của những thời khởi-sinh tùy thuộc của sự nhận-biết* mà thôi; mời đọc lại kinh **MN 38** từ mục 2 trở đi).

- {Tức không phải kiểu như “*cùng một thức này cứ chạy và lang thang trong vòng luân hồi tái sinh, không phải thức nào khác*” như đã được nói một cách sai lầm và độc hại ở mục 2 kinh **MN 38**}.] (18)

19 [**Spk**: Vì sao yếu-tố *thức* không được nói ra ở đây [như là “*nhà của thức*”]? (trả lời) Vì để tránh nhầm lẫn, vì “*nhà*” ở đây được nói theo cái nghĩa là một *điều-kiện* (duyên, *paccaya*). Một *nghiệp thức* kiếp trước là *điều-kiện* (duyên) cho *nghiệp thức* và *quả thức* kiếp sau, và một *quả thức* [kiếp trước] cũng là *điều-kiện* (duyên) cho cả *quả thức* và *nghiệp thức* [kiếp sau]. Bởi vậy sự nhầm lẫn có thể xảy ra như vậy: “*Loại thức nào đang được nói đến ở đây?*” Để tránh sự nhầm lẫn này cho nên *thức* đã không được đưa vào ở đây và nhờ vậy sự giảng giải chỗ này cũng không bị rối loạn.

- Hơn nữa, 04 uẩn kia là các *đối-tượng* [hay các *cơ-sở*: *ārammaṇavasena*], được cho là “*các trạm-trú cho loại thức được tạo ra từ nghiệp*” (*abhisankhāravinnāṇaṭṭhitiyo*), và như vậy để chỉ cho họ thấy lý do *thức* không được đề cập ở đây.] (19)

20 [*Sự dính-líu và chấp-thủ* (*upay’ upādāna*) ... vân vân. Coi kinh **12:15** (Quyển 2) và chú thích số 31 ở đó. **Spk** chú giải rằng mặc dù tất cả A-la-hán đều đã trừ-sạch những sự này, nhưng Như Lai [Phật Toàn Giác] đã được đưa vào đây như một ‘ *gương mẫu tối thượng*’ bởi vì phẩm cấp của Đức Phật là một A-la-hán là điều hiển nhiên nhất đối với tất cả thế gian.] (20)

21 [Lưu ý: ở đây có lại ‘*yếu-tố thức là nhà của thức*’: mục đích chỉ để chỉ ‘*sự trừ bỏ ô-nhiễm*’ (lậu diệt), bởi vì *sự loại-bỏ hết ô-nhiễm* là không chỉ đối với 4 uẩn kia, mà đối với đối với tất cả năm uẩn.] (21)

22 [Tôi đọc cụm chữ ghép dài này theo cách ghi của **Be** và **Se** là: *rūpanimittaniketavisāravinibandha*. **Ee** thì ghi chữ *-sāra-* thay chỗ *-visāra-*. Sự dịch nghĩa chỗ này là khó khăn như đã nhìn thấy. Tôi đã làm rõ nghĩa chỗ này với sự trợ giúp của **Spk**, nó giải thích rằng: “*Bản thân sắc là dấu-hiệu* (*nimitta*, hình tướng, tướng) theo cái nghĩa nó là một *điều-kiện* (duyên) làm khởi sinh những ô-nhiễm (lậu hoặc), và nó cũng là *trú-xứ* [gồm có] ‘*dấu-hiệu của những hình-sắc*’, là trú-xứ theo cái nghĩa là *chỗ trú ở cho cái hành vi đối-tượng hóa*. Còn 02 chữ *sự phát rộng* (của những ô-nhiễm) và *sự trói buộc* (của chúng) (*visāra-vinibandha*) có nghĩa là sự mở rộng những ô-nhiễm và tính chất giam cầm trói buộc của chúng. [Do vậy toàn bộ cụm chữ ghép nên được hiểu là:] ‘*sự phát rộng và sự giam cầm trong trú xứ [nằm trong] dấu-hiệu của những hình-sắc.*’ Do vậy, ý nghĩa câu kinh ở đây là: ‘*bằng sự phát*

rộng của những ô-nhiễm và bằng sự giam cầm trói buộc của những ô-nhiễm khởi sinh trong trú xứ [nằm trong] dấu-hiệu của những hình-sắc’. Một người được gọi là người đi lang thang trong một trú-xứ: là ‘một người đi lang thang trong một nơi trú ở’ bằng cách làm cho [những hình-sắc] là một đối-tượng.’] (22)

23 [Spk: Tại sao *năm-uẩn* ở đây được gọi là “*nhà*”(oka), trong khi *sáu đối-tượng* được gọi là “*một chỗ trú*” (niketa)? Một cách tương ứng, đó là do tùy theo sự mạnh và yếu của dục và tham (*chanda-rāga*). Mặc dù cả “*nhà*” và “*chỗ trú*” đều có nghĩa là nơi ở chỗ ở, nhưng “*nhà*” có nghĩa là nhà của một người, một nơi thường trú, trong khi đó “*chỗ trú*” là một nơi một người trú ở cho mục đích riêng biệt nào đó nào đó, ví dụ như tịnh xá là chỗ trú ở để tu (chứ không phải là nhà cửa hay gia thất gia truyền) ... Giống như dục và tham là mạnh trong liên hệ với “*nhà*” của một người trong đó có vợ, con, của cải, dục và tham là mạnh trong liên hệ với *năm-uẩn bên trong*. Nhưng, giống như dục và tham là yếu hơn trong liên hệ với những nơi như tịnh xá, tu viện, chùa chiền, dục và tham cũng yếu hơn trong liên hệ với *những đối-tượng bên ngoài*.

- **Spk-pt** bổ sung: Bởi vì dục và tham là mạnh trong liên hệ với năm uẩn bên trong cho nên năm uẩn bên trong được gọi là “*nhà*” (thường trú) và bởi vì dục và tham là yếu hơn trong liên hệ với sáu đối-tượng bên ngoài cho nên sáu đối-tượng bên ngoài (sáu trần) được gọi là “*một chỗ trú*” (tạm trú).”] (23)

24 [Sự thân tình, thân mật, cảm tình và dính líu với những người tại gia như vậy được cho là không phù hợp (không được phép, trái giới luật) đối với một Tỷ kheo xuất gia; coi **SN 9:07** (Quyển 1) và **SN 35:241** (Quyển 4).] (24)

25 [Se ghi là: *purekkharāno*; **Be** và **Ee**: *purakkharāno*. **Sn** ghi giống **Se**. Chữ này thường có nghĩa “tôn vinh, kính trọng” nhưng lời kinh ở đây là nói theo nghĩa gốc của nó là “*đưa ra trước, đặt ra trước*”, được dịch nghĩa là sự *phóng tâm tới tương lai do có dục*.

Spk giải nghĩa chữ này = *vaṭṭam purato kurumāno* (đưa cái vòng luân-hồi ra trước). Chữ phủ định *apurekkharāno* trong câu kinh này được giải nghĩa = *vaṭṭam purato akurumāno*, và trong luận giảng **Pj II 547, 6–7** thì giải nghĩa = *āyatim attabhāvaṃ anabhinibbattento* (không còn sản sinh sự hiện-hữu cá

thê trong tương lai). Lời giảng giải của thầy Đại Ca-chiên-diên như vang vọng lại lời giảng giải của Đức Phật trong bài thi kệ ở kinh *Bhaddekaratta* (*Một Đêm Xuất Sắc*) đã nói trong chỗ kinh **MN 131**, mục 3.] (25)

26 [Đoạn lời ‘tranh cãi chê bai’ này cũng có trong kinh **56:09** (Quyển 5), cũng có trong kinh dài **DN 1**, mục 1.18, và một số chỗ khác. Thái độ tranh cãi này có lẽ được thấy giữa những du sĩ các giáo phái khác với nhau, như được thấy trong *Chương Tám* (*Aṭṭhakavagga*) của tập *Kinh Tập*, chỗ kinh **Sn 844**.] (26)

27 [Lời sau được trích từ kinh dài **DN 21** “*Những Câu Hỏi Của Đê-Thích*”, nhưng những chữ *seṭṭhā devamanussā naṃ* không thấy có trong kinh đó. Tuy nhiên, chúng được gắn vào một câu khá tương ứng cũng được nói cho Đê-thích trong kinh **MN 37**, từ mục 2.] (27)

28 [**Spk**: “*Được giải-thoát trong sự tắt ngấm dục-vọng (taṇhāsankhaya-vimuttā)*: là được giải-thoát trong *Niết-bàn* [vì *Niết-bàn* = *sự tắt ngấm dục-vọng* (ái tận)] bằng sự giải-thoát của thánh quả, (đó) lấy *Niết-bàn* là *mục-tiêu/đối-tượng*.” Sự chú giải này có lẽ cũng được ủng hộ bởi lời kinh.] (28)

29 [Coi chú thích số 58 trong kinh **12:21** (Quyển 2).] (29)

30 [Chỗ này lời kinh nói về *sự khởi-sinh* (nguồn gốc) theo lịch đại và xa xôi của năm-uẩn, ngược lại với *sự khởi-sinh* đồng thời và gần kề của năm-uẩn như được trình bày trong các kinh **22:56**, **22:57** (Quyển 2 này). Phần kết luận của đoạn kinh cho thấy rằng chúng ta đang có ở đây một lời tuyên thuyết “nén gọn” về *lý duyên-khởi* (sự khởi-sinh tùy thuộc).

- “*Tìm kiếm khoái-lạc trong sắc-thân, đón tiếp nó, và ôm giữ nó*” là công việc của dục-vọng (ái; *taṇhā*). *Khoái-lạc* hay *sự thích-thú* (*nandi*) người đạt được chính là *sự chấp-thủ* (thủ; *upādāna*), từ đó chạy ra những mắc-xích còn lại của vòng *nhân-duyên*. Đoạn kinh này do vậy đã chứng tỏ cách mà ‘*dục-vọng đối với năm-uẩn hiện tại*’ chính là nguyên nhân hiệu lực làm khởi sinh một ‘*mé*’ năm-uẩn mới cho sự hiện-hữu kiếp sau. Đó là phân khởi-sinh.

- Còn phần dưới nói về *sự phai-biến* (chấm dứt, diệt) nên được hiểu theo cách đảo ngược lại. Rằng: khi “*dục-vọng (ái) đối với/ tạo ra năm-uẩn hiện tại*”

chấm dứt, là người tu đã loại bỏ được cái nhân hiệu lực gây ra sự khởi-sinh của năm-uẩn cho sự hiện-hữu kiếp sau.] (30)

³¹ [*Sự tách-ly* (ẩn dật, thiên trú) chữ gốc là: *paṭisallāna*. **Spk**: Đức Phật nhìn thấy những Tỳ kheo đó đã rớt khỏi *sự tách-ly về thân* (*kāyaviveka*) nên đã nói với họ như vậy, bởi vì Phật biết sự thiên tập của họ chỉ thành công nếu họ có được *sự tách-ly về thân* (thân ẩn dật; tức ẩn dật, ẩn tu, tránh giao lưu, lánh trần, tránh người tránh cảnh). (Còn *sự tách-ly về tâm* là sự tách ly khỏi những ý-nghĩ tham, sân, si ... (tâm ẩn dật, thiên trú).] (31)

³² [Trong kinh **MN 138**, mục 20, đoạn (3) là hầu như giống hệt với đoạn (1) này trong kinh **SN 22:07** này; ngoại trừ rằng trong kinh **MN 138** thì ghi các cụm chữ là *anupādā paritassanā* và *anupādāya paritassati*. Đó thực ra là cách ghi bị lỗi sai đã được ghi trong kinh từ trước từ thời trước khi có những luận giảng và chú giải về nó, bởi vậy sau đó mới kéo theo có những chú giải sai và không đúng so với nghĩa thực nghĩa gốc của lời kinh. ► Những chữ này trong kinh **MN 138** do vậy nên được sửa lại cho đúng như trong kinh **SN 22:07** này.] (32)

³³ [**Spk** giải nghĩa cụm chữ *paritassanā dhammasamuppādā* là một mệnh đề *ghép đồng-đẳng* (*dvanda*): *tanhāparitassanā ca akusaladhammasamuppādā ca* (*sự khích-động của dục-vọng và một đống/mớ/nhiều trạng thái bất thiện*). Cụm chữ kết hợp dài này cũng có thể được hiểu theo kiểu như một chữ *ghép chính-phụ* (*tappurisa*) cho nên được dịch là (*một đống/mớ/ nhiều/ những trạng thái của tâm [đã khởi sinh từ, có kết nối với] sự lo-âu*). Cả **Spk** và **Spk-pt** đều hiểu chữ *paritassanā* theo nghĩa của *dục-vọng*, nhưng đối với tôi (TKBD) thì lời kinh nhấn mạnh nghĩa *bhaya-paritassanā* (*sự âu-lo do sợ-hãi*). Về cách mà chữ *paritassanā* đã mang 02 nghĩa: mời coi chú thích 137 ở kinh **SN 12:51** (Quyển 2), sau đoạn (2)-(11).] (33)

³⁴ [Trong khi bài kinh kể trước chỉ đóng khung trong những khoản nói về *quan-điểm có danh-tính* (thân kiến), thì kinh này được nói trong những khoản nói về “*ba sự nắm-giữ*” (*gāha*) (tam chấp): “*đây là của-ta*” (*etaṃ mama*) là sự nắm-giữ của dục-vọng (ái); “*đây là cái ‘ta’* (hay *ta-là*)” (*eso ’ham asmi*) là sự nắm-giữ của sự tự-ta (ngã mạn), và “*đây là bản ngã của ta*” (*eso me attā*) là sự nắm-giữ những quan-điểm này nọ (tà kiến). Ở đây cũng xảy ra sự biến

đôi trong hàm nghĩa của chữ *paritassanā*, từ *dục-vọng* và *sự sợ-hãi* thành *sự buồn sầu và ưu phiền*.) (34)

35 [Học giả Collins dịch chữ *bhārahāra* là “*sự mang gánh nặng*” vì cho rằng chữ *hāra* ở đây nên được hiểu là một danh từ chỉ hành-động chứ không phải danh từ chỉ tác-nhân (trong phần *Những Người Vô-ngã (Selfless Persons)*, trang 165). Tuy nhiên, MW liệt kê “*người mang, người khuân vác*” là nghĩa của chữ *hāra*, và nghĩa này có vẻ đúng với ngữ cảnh bài kinh ở đây.] (35)

36 [**Spk**: Theo nghĩa nào ‘*năm uẩn bị chấp-thủ*’ (năm thủ uẩn) được gọi là *gánh nặng*? Theo cái nghĩa phải ‘*mang nó*’ để duy trì (sự sống của nó). Để duy trì nó, phải nâng nó lên (đứng), di chuyển nó (đi), đặt nó xuống (ngồi, nằm, nghỉ), làm vệ sinh cho nó (tắm, rửa), và nuôi dưỡng nó (cho ăn) ... vân vân—đó là thứ phải được *curu mang* chăm lo như vậy; do vậy chúng được gọi là *gánh nặng* theo nghĩa phải được *curu mang* chăm lo để duy trì.] (36)

37 [Những trường phái duy-nhân (*puggalavāda*) chủ trương có sự tồn tại của ‘*cá nhân*’ hay ‘*người*’ (*puggala*) đã lấy đoạn kinh này để làm bằng chứng về sự tồn tại của ‘*cá nhân*’ hay ‘*người*’ *như một thực thể thực tính* (có danh tính, có tự tính, như ông A, bà B có tự tính hay ‘*linh hồn*’ riêng vậy) và ‘*người*’ đó không phải là năm-uẩn cũng không khác năm-uẩn. Họ tuyên bố đó chính là cái ‘*người*’ (*puggala*) luôn tồn tại qua những thay đổi, qua những lần tái sinh, và cuối cùng chúng đắc Niết-bàn. Lý lẽ này đã bị bác bỏ bởi những trường phái Phật giáo khác là những người nhìn thấy lý lẽ đó chỉ là một phiên bản nguy trang cho một cái ngã (*ātman*), là cái ngã được chủ trương bởi những triết lý phi Phật giáo. Để coi thêm những tranh luận, mời đọc quyển “*Những Nhánh Phái Phật Giáo Ở Ấn Độ*” (*Buddhist Sects in India*), trang 184–206, bởi học giả Dutt. Còn những trường phái chính của Phật giáo đều hiểu rằng một ‘*người*’ chỉ là cách gọi quy ước (*vohāra*) hay khái niệm (*paññatti*) phát sinh từ (*upādāya*) năm-uẩn, chứ cái ‘*người*’ đó không phải là một thực-thể thực chất (theo kiểu một bản ngã hay một ‘*linh hồn*’ bất diệt truyền kiếp).

- **Spk**: Do vậy, khi nói cụm chữ ‘*người mang gánh nặng*’ Đức Phật chỉ để chỉ cái ‘*người*’ do quy ước (của thế gian đã gọi). Được gọi là cái ‘*người mang gánh nặng*’ vì nó ‘*nhận mang*’ gánh nặng của năm-uẩn ngay lúc tái sinh, duy trì (sự sống của) gánh nặng đó bằng những việc tắm, cho ăn, cho ngồi, cho

nằm ... vân vân suốt tiến trình sự sống, rồi đến lúc chết thì thái bỏ nó; và chỉ ‘nhận mang’ gánh nặng năm-uẩn khác vào lúc tái sinh.] (37)

38 [*Sự mang gánh nặng (bhārādāna)*. Công thức mô tả này giống hệt với định nghĩa của *diệu-đế 2* (tập đê; nguồn-gốc khổ) [coi kinh **56:11** (Quyển 5)]. Cũng tương tự, *sự đặt xuống gánh nặng (bhāranikkhepa)* thì giống định nghĩa của *diệu-đế 3* (diệt đê; sự chấm-dứt khổ).

- **Spk** chú giải: “*Tìm kiếm khoái-lạc [sự khoái-thích] chỗ này chỗ nọ (tatratatrābhinandinu)*: nghĩa là có thói quen (tập khí, quán tính) tìm kiếm khoái-lạc ở nơi (cõi, thế gian) mình tái sinh hoặc trong vô số những đối-tượng (ví dụ như vật sắc, dục sắc ...). (1) *Dục-vọng khoái-lạc giác quan (kāmatanḥā, dục ái)* là tham-dục muốn được nắm đây khoái-lạc giác quan (nắm đây dục lạc, ngũ dục lạc). (2) *Dục-vọng muốn được hiện-hữu (bhavatanḥā, hữu ái)* là gồm (i) tham-dục muốn được (tái sinh trong) cõi trời sắc-giới và cõi trời vô-sắc giới, (ii) sự tham-đắm cảnh giới trạng thái các tầng thiên định (sắc giới tham, vô sắc giới tham), và (iii) tham-dục đi kèm tư tưởng có ‘linh hồn’ bất diệt truyền kiếp (thường kiến), và (3) *dục-vọng muốn/vì không hiện-hữu (vibhavatanḥā, phi hữu ái)* là tham-dục đi kèm tư tưởng sẽ diệt-vong [sẽ bị hủy diệt, chết là hết] (đoạn kiến).”

- Cách chú giải về 02 loại *dục-vọng* (2) và (3) như vậy thì theo tôi là hẹp nghĩa. Nói đúng hơn là: (2) *dục-vọng muốn được hiện-hữu* (hữu ái) được hiểu là sự ham-muốn bẩm sinh truyền kiếp được tiếp tục hiện-hữu (ai cũng muốn sống, tham sống sợ chết) [cho dù ham-muốn đó có đi kèm với niềm-tin có linh hồn bất diệt (thường kiến) hay không]; và (3) *dục-vọng muốn không hiện-hữu* (phi hữu ái) là mong muốn kết thúc sự hiện-hữu [không nhất thiết phải hình thành tư tưởng diệt-vong (đoạn kiến)] để kết liễu cái ‘*Ta*’ hay ‘*bản ngã*’ [mà người đó cho là] *thực*.

- (Người dịch Việt nghĩ sự chú giải (3) của **Spk** cũng là một cách hiểu hữu lý, bởi vì ở trong đời có vô số những người theo thuyết duy vật, phi tôn giáo, phi tâm linh họ nghĩ rằng “chết là hết, không có gì phải bị quả báo, cũng không có chuyện còn tái sinh gì nữa”, cho nên trong cuộc sống họ tham muốn hưởng thụ, làm tất cả mọi điều xấu ác để thỏa mãn bản thân trong kiếp này (vì nghĩ chết là hết), sống thì phải tranh đấu mọi cách để hưởng lạc cho bản

thân, bắt chấp mọi vấn đề về đạo đức hay tâm linh. Tụ cổ kim số này có rất nhiều, không riêng ở VN trong thời hiện tại.)] (38)

39 [**Spk**: tất cả những ‘*sự*’ này đều là những cách để chỉ Niết-bàn. Vì nó (niết-bàn) là phụ thuộc vào điều này (*taṃ hi āgamma*) đó là: *dục-vọng* phai biến sạch sẽ, chấm dứt, được buông bỏ, được từ bỏ, và được tự do khỏi nó; và ở đây không còn sự lệ thuộc vào những khoái-lạc giác quan (dục lạc) hay những quan-điểm này nọ (tà kiến, kiến chấp) nào nữa. Vì lý do đó nên Niết-bàn được gọi bằng những ‘*sự*’ như vậy.] (39)

40 (► Chữ *bạc Phúc Lành* là dịch chữ Pāli “*sugata*” theo một cách của thầy TKBD; nghĩa đen của chữ này là “*đi qua (bờ giải thoát) một cách thiện khéo*”, hay “*đã đi tới trạng thái thiện lành*”] nên được dịch (HV) là *bạc Thiện Thệ* (thiện: thiện khéo, thệ: đi qua).).

- [**Spk**: Gốc rễ của *dục-vọng* (ái) là vô-minh. Người tu bừng sạch *dục-vọng* (ái) cùng với gốc rễ của nó là *vô-minh* ở chặng thánh đạo A-la-hán. (*Con đói thêm, con khát, sự thêm khát* đều là những chữ chỉ *dục-vọng* (ái) và *sự giải hết con thêm khát* hàm nghĩa là *sự nguội tắt dục-vọng, sự tịch tịnh, Niết-bàn*).] (40)

41 [Cách giải thích về *sự hoàn-toàn hiểu* (*pariññā*, liễu ngộ) theo cách là những *sự trừ-bỏ* (*đẹp bỏ, tiêu diệt, đoạn trừ*) *tham* (*rāga kkhaya*) ... ban đầu có vẻ hơi khó hiểu, nhưng coi kinh MN 11, mục 10 và kinh MN 1, mục 3, trong đó chữ *pariññā* đã được dùng như một từ đồng nghĩa mô tả của chữ *pahāna*. **Spk** đặc tả chữ *pariññā* ở đây là *accantapariññā* (*sự đẹp-bỏ, sự trừ-bỏ tột cùng*), chữ này lại được giải nghĩa là *samatikkama* (*sự vượt trên, sự siêu thoát*) và nhận định đó là = Niết-bàn. Rõ ràng chữ ghép *accantapariññā* là khác biệt so với cách dùng thông thường của chữ *pariññā*, để thấy điều đó mời coi chú thích kế tiếp] (41)

42 [Các chữ *anabhijānaṃ* ... vân vân là những phân từ hiện tại, được giải nghĩa lần lượt là = *anabhijā nanto* ... vân vân

- **Spk** chú giải rằng: bằng “*sự-biết trực tiếp*” (*abhijānaṃ*) (hay *sự trực-tiếp biết, tự tri* hay *liễu tri*) cho thấy *sự hoàn-toàn hiểu về điều đã biết* (*ñātapariññā*); và bằng *sự “hoàn-toàn hiểu”* (*parijānaṃ*) cho thấy *sự hoàn-*

toàn hiểu thông qua sự soi-xét kỹ càng (*tīraṇa-pariññā*); và bằng sự “trở nên chán-bỏ” và sự “trừ-bỏ” chỉ ra sự hoàn-toàn hiểu là = sự trừ-bỏ (*pahānapariññā*). - Về 03 loại sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) này, mời coi thêm chú thích số 36 kinh **1:20** (Quyển 1).

- Trong kinh này, sự khác biệt giữa chữ *abhiññāya* (sự trực-tiếp biết, sự-biết trực tiếp, liễu tri) và *parijānāti* (hoàn-toàn hiểu, liễu ngộ) được chỉ ra một cách rõ rệt sắc nét hơn trong những luận giảng. Trong các kinh, chữ *abhiññāya* [và những chữ đồng loại phái sinh của nó] là chỉ sự-biết trực tiếp về những hiện-tượng (các pháp) theo khuôn mẫu “04-điều” của *Bốn Diệu Đế*. Sự-biết trực tiếp (liễu tri) này là có được (chung) bởi những học-nhân (*sekha*) và những A-la-hán. Nhưng ngược lại, sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) thì thường chỉ được dùng khi đề cập tới A-la-hán, và nó biểu thị cho sự toàn-thiện của trí-biết vốn được khởi phát bởi sự-biết trực tiếp (*abhiññāya*). Ví dụ, kinh *Mūlapariyāya Sutta* (*Gốc Rễ Của Tất Cả*) [MN 1, mục 27-74, mời đọc lại!] đã nhấn mạnh rằng bậc học-nhân (*sekha*) là “đã trực-tiếp biết” (*abhiññāya, liễu tri*) từng cơ-sở trong 24 “cơ-sở tạo ra sự nhìn-nhận” nhưng vẫn phải tu tập thêm nữa để có thể hoàn-toàn hiểu (*parijānāti, liễu ngộ*) chúng (*pariññeyyam tassa*). Chỉ khi nào nói về một A-la-hán thì lời kinh mới nói “người đó đã hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ)” (*pariññātam tassa*).

- (Mời coi lại ở kinh MN 1, mục 27, cuối chú thích 23 cũng nói rõ: sự-biết trực tiếp là được có chung bởi bậc học-nhân và A-la-hán, còn sự hoàn-toàn hiểu là có riêng bởi A-la-hán theo cái nghĩa nó là = sự trừ-bỏ hoàn toàn mọi ô-nhiễm. Nhân tiện, các chữ sự-biết trực tiếp, sự trực tiếp biết, trực-tiếp biết hay tự-tri (liễu tri) là giống nhau tùy theo chỗ dùng như nghĩa danh từ hay tính từ.) (42)

⁴³ [03 bài kinh kế tiếp được ghi theo mẫu kinh của các kinh SN 14:31–33. Ngay dưới đây, các kinh SN 22:29–30 là tương ứng với các kinh SN 14:35–36. Spk giải thích 03 bài kinh trước là nói về *Bốn Diệu Đế*; còn 02 kinh sau đó là nói về vòng luân-hồi và sự chấm dứt luân-hồi. Phiên bản song hành với kinh SN 14:34 đã được gắn vào trong kinh SN 22:60.] (43)

⁴⁴ [*Sự thống-khổ* là tạm dịch chữ *agha*. Spk nói chữ này là đồng nghĩa = *dukkha* (sự khổ, sự khổ đau).] (44)

⁴⁵ [Chữ *pabhaṅga* được giải nghĩa là *pabhijjanasabhāva* (phải bị tan rã). **Spk**: Đây là chỉ đặc tính của vô-thường.] (45)

⁴⁶ [Đề ý: Đoạn song hành tương tự trong kinh **MN 22**, mục 40, có ghi thêm chữ *dīgharattam* (trong một thời gian dài, dài lâu); kinh song hành **SN 35:101** (Quyển 4) cũng không ghi chữ này. **Spk** nói rằng sắc uẩn và những uẩn khác được dẹp-bỏ bằng cách dẹp-bỏ tham và sân; điều này cũng được xác nhận bởi kinh **SN 22:25** and **22:111** (Quyển 3).] (46)

⁴⁷ [Nguyên văn câu này: *Yaṃ kho bhikkhu anuseti tena saṅkham gacchati*. Động từ *anuseti* (có khuynh hướng, có tiềm năng) hàm chỉ những khuynh-hướng tiềm ẩn (*anusaya*, tùy miên), gồm 07 loại [coi kinh **SN 45:175** (Quyển 5)], hoặc, nói cho gọn đó 03 khuynh-hướng tiềm ẩn *tham, sân, si* [coi kinh **SN 36:03** (Quyển 4)]. **Spk**: Nếu người có một khuynh-hướng tiềm ẩn đối với sắc-thân thể hiện bằng cách của tham, sân, hay si thì người đó được ‘được coi, được quy theo’ tính chất của khuynh-hướng tiềm ẩn đó như *có tham, có sân, hay có si*. Nhưng khi khuynh-hướng tiềm ẩn đó không có, người đó ‘được quy theo’ là *không có tham, không có sân, hay không có si*.

- Thêm nữa, chúng ta có thể giả định rằng, một người “được quy kết” không chỉ dựa theo những ô-nhiễm (tham, sân, si) mà còn có thể dựa theo cách người đó thường nổi bật nhìn nhận ‘mình’ với các uẩn nào. Chẳng hạn, người khuynh hướng theo *sắc-thân* được cho là “người theo vật chất”, người ngã theo *cảm-giác* được cho là “người thích khoái cảm khoái lạc”, người ngã theo *những sự tạo-tác* được cho là “người của hành động”, người ngã theo *thức* được cho là “người tư duy” ... vân vân.] (47)

⁴⁸ [Mời coi lại chú thích số 376 trong kinh **6:03** (Quyển 1).] (48)

⁴⁹ [**Spk** luận giải chữ *anumīyati* cứ như nó là tương đương chữ tiếng Phạn *anumīyate* (chết cùng, chết theo), như vậy: “Khi khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) đang chết, *sắc-thân* mà nó khuynh hướng theo cũng chết theo nó (*anumarati*); bởi vì khi đối-tượng đang tan rã, thì những yếu-tố thuộc tâm (tâm sở) lấy nó là đối-tượng không thể còn trụ được.” Dĩ nhiên sự chú giải này là ngớ ngẩn, bởi vì chữ *anumīyati* rõ ràng là xuất thân từ *anu + mā*; **CPD** định nghĩa động từ này có nghĩa là “được đo lường sau đó; được đo lường theo đó, được quy theo đó”, như tôi đã dịch theo.

- Câu này đã soi rọi thêm ánh sáng vào đoạn kinh nổi tiếng trong kinh **44:01** (Quyển 4) tuyên bố rằng: “*Như Lai được giải-thoát khỏi sự suy tính (tính toán, ước tính, quy tính) về mặt sắc-thân (rūpasāṅkhāvimutto); Như Lai là sâu thăm, không thể đo lường, khó dò khó ước, giống như đại dương kia*”.] (49)

50 (*Sự biến-đổi của chúng khi đang tồn tại* (đang trụ, đang có mặt) nghĩa là = *sự biến-đổi liên tục của mọi sự mọi thứ* (mọi pháp hữu-vi), bởi vì mọi sự mọi thứ đều ‘tồn tại’ dưới dạng “đang biến đổi”, cho nên có thể hiểu đó là sự biến-đổi khi nó đang có mặt (đang trụ, đang hiện hành, đang tồn tại). Tức sự có mặt hay trụ hay hiện hành của nó là dựa trên sự biến-đổi; hay nói cách khác, sự có mặt (trụ, hiện hành) của nó chính là sự biến-đổi liên tục. Vì không có một sự nào, thể nào, hay pháp nào tồn tại dưới dạng ‘thường trụ bất biến’ cả.)

- [*Sự khởi-sinh, sự biến-mất, sự biến-đổi (uppāda, vaya, ʻitassa añña-thattam)*]. Trong kinh **AN 3:47** chúng được gọi là *03 đặc tính hữu-vi* (có điều-kiện, do điều-kiện) của những thứ hữu-vi (*tṭi saṅkhatassa saṅkhatalakkhaṇāni*). Những giảng luận nhận dạng đây là *03 tiểu khoảng-khắc [sát-na] trong khoảng-khắc sống của một pháp (dhamma)* đó là: *khởi-sinh (uppāda), có-mặt hay trụ (ʻhiti), và tan-hoại (bhaṅga)*. [Đọc thêm về vấn đề này ở **CMA 4:06**]. **Spk** chú giải cụm chữ *ʻitassa aññathatta* là sự già-đi (tàn hoại) của *một thực thể sống (dharamānassa jīvamānassa jarā)*, đó là (sự già đi hay hết dần) của *căn mạng*. Nhà luận giải này cũng đề cập ý kiến của các sư thầy rằng: không thể nào xác định một khoảng-khắc tàn-hoại (sát-na hoại) đối với trường hợp *những hiện-tượng* (như cảm-giác ...). [**Spk-pt** nói thêm: do tính chất ‘*biến-nhanh cực kỳ*’ của khoảng-khắc đó, nên sự tàn-hoại cũng nhanh chóng bị choáng chỗ bởi sự tan-rã (nên khó thể kịp nhận biết)], nhưng **Spk-pt** đã bác bỏ quan-điểm này dựa trên cơ sở của chính bài kinh. **Spk-pt** đưa ra một luận điểm hợp lý cho *tiểu khoảng-khắc có-mặt* (sát-na trụ): “*Như một giai-đoạn tan-rã khác biệt với giai-đoạn khởi-sinh đã được công nhận, vì nếu không là một thực thể tan-rã (diệt) ngay lúc khởi-sinh, do vậy chúng ta phải công nhận rằng, khác với giai-đoạn tan-rã (sát-na diệt), có một giai-đoạn một thực thể sống ‘đổi đầu với sự tan-rã của chính nó’ (bhaṅgābhimukhāvattā)*; bởi vì một thứ không thể tan-rã nếu nó không đổi đầu với sự tan-rã của chính nó.”.] (50)

⁵¹ [Nguyên văn cụm chữ này: *Dhammānudhammapaṭipanna*. **Spk** chú giải là: *Navannaṃ lokuttaradhammānaṃ anulomadhammaṃ pubbabhāgapaṭipadaṃ paṭipannassa* (khi người đó đang tu tập phần sơ cấp của sự tu-tập đúng theo Giáo Pháp 09-phần siêu thế) [gồm 04 thánh đạo, 04 thánh quả, và Niết-bàn]. So sánh chú thích số 34 ở kinh **12:16** (Quyển 2).] (51)

⁵² [*Rūpe nibbidābahulaṃ vihareyya* (sống thâm nhuần trong sự ghê-sợ đối với). Chữ *nibbidā* (sự ghê-sợ) thường được dùng để diễn tả một mức độ minh-sát bậc cao, theo sau đó là *sự-biết* và *sự-thấy* về mọi sự đúng như chúng thực là [coi thêm kinh **12:23** (Quyển 2) và chú thích số 69 ở đó. Theo kinh này: *sự ghê-sợ* (*nibbidā*) có trước *sự chán-bỏ* (*virāga*) và *sự giải-thoát* (*vimutti*) và *lậu tận minh*.)]

- **Spk** giải thích “hoàn-toàn hiểu” (liễu ngộ) theo cách diễn đạt của 03 sự hoàn-toàn hiểu [coi lại chú thích số 42 ở kinh 22:24 ở trên] và chữ “*được tự do*” (*parimuccati*) có nghĩa là “*được tự do nhờ/ thông qua sự hoàn-toàn hiểu về sự trừ-bỏ đã khởi sinh vào thời-khắc của thánh đạo.*” Nói cách khác, chúng ta có thể coi điều thứ nhất là *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) của A-la-hán về Điều Đệ 1, điều thứ hai là *sự giải-thoát khỏi sự tái-sinh tương lai* được bảo đảm bằng sự đã thanh-tẩy những ô-nhiễm (lậu diệt).] (52)

⁵³ [Lời kinh chỗ này của Phật là giống hết lời chỉ thị cuối cùng Phật đã nói cho Ngài Ānanda trong *Đại Kinh Bát Niết-bàn* (*Mahāparinibbāna Sutta*, **DN 16**), và cũng được ghi trong các kinh **SN 47:09, 13, 14** (Quyển 5).

- Khi chú giải về cụm chữ diễn đạt *attadīpa* (với chính mình làm hòn đảo), luận giảng **Spk** đã ghi: “Chữ ‘*chính mình*’ ở đây nghĩa là gì? (Đây là) Giáo Pháp thế tục và siêu thế (*ko pan’ ettha attā nāma? lokiyalokuttaro dhammo*). Bởi vậy ngay sau đó Phật nói tiếp rằng ‘*với Giáo Pháp là hòn đảo, với Giáo Pháp là nơi nương tựa, không nương tựa chỗ khác*’. Lời chú giải này đã bỏ qua điều rõ rệt rằng Đức Phật đang truyền dạy sự “*dựa vào tự thân*” tức sự “*tự lực*” của người tu (chứ không nên dựa vào tha lực như dựa vào Đức Phật).] (53)

⁵⁴ [Câu này có lẽ ghi như trong **Se** là đúng nhất: *yoni yeva upaparikkhitabbā*. **Be** ghi bỏ chữ *yeva* và **Ee** ghi chữ *yoni* như một danh từ giống đực. **Spk** giải nghĩa chữ *yoni* là = *kāraṇa* (nhân, nguyên nhân) và đề cập tới kinh **MN 126**

có ghi câu là: *yoni h' esā Bhūmija phalassa adhigamāya* (Này Bhūmija ... vì điều này là phương pháp phù hợp để thành tựu thánh quả). Mời coi thêm kinh **35:239** (Quyển 4). **Spk-pṭ** thì giải thích từ nguyên học là: *yavati etasmā phalaṃ pasavatī ti yoni*.

- Ở kinh **22:95** bên dưới chúng ta lại thấy cụm chữ *yoniso upaparikkhati* (điều tra một cách kỹ càng, như lý trạch pháp) và điều đó hoàn toàn có khả năng rằng chữ *yoniso* là chữ gốc nguyên thủy của lời kinh. Trong chữ biến tấu Miến Điện được ghi trong phiên bản **Ee** thực sự có ghi chữ *yoniso va*.] (54)

55 [*Na paritassati* (không còn bị khích-động). Về chữ này, coi lại chú thích số 33 ở kinh **22:07** ở trên và chú thích số 137 ở kinh **12:51** (Quyển 2).] (55)

56 [Nguyên văn câu này: *Tadaṅganibbuto ti vuccati*. Mặc dù chữ *nibbuto* là quá khứ phân từ thường được dùng để mô tả người đã chứng Niết-bàn (*Nibbāna*), nhưng tiếp đầu ngữ *tadaṅga-* đã phẩm định nghĩa của nó, cho thấy người đó thực sự chưa chứng Niết-bàn mà chỉ gần như chứng Niết-bàn. Người ta có thể dịch câu này nghĩa là “Người đã chứng Niết-bàn về phương diện đó” chỉ đúng theo nghĩa người đó có sự tự do về phương diện nào đó mà thôi (trong khi Niết-bàn là trạng thái tự do khỏi tất cả).

- **Spk** giải nghĩa rằng: Người đó “*đã hết khát* (= *đã nguội tắt, đã hết dục*) *đối với* [hoặc thông qua yếu tố minh-sát. Trong kinh này chỉ là sự minh-sát (*vipassanā va*) đã được thảo luận.] (56)

57 [Nguyên văn cả câu này: *Dukkhasamudayagāmini samanupassanā. Quan-điểm có danh-tính hay thân kiến (sakkāyaditṭhi)* được gọi là như vậy bởi do năm uẩn bị chấp-thủ (5 thủ uẩn) (chúng) kết hợp thành danh-tính cá thể (*sakkāya*), đó cũng là sự thể hiện căn cơ nhất của sự khổ (*dukkha*), như Đức Phật đã tuyên bố trong Diệu Đế 1: *saṅkhittena pañc' upādānakkhandhā dukkhā* (nói ngắn gọn: năm-uẩn dính chấp-thủ là sự khổ); [coi kinh **SN 56:11** (Quyển 5)].

- Theo **Spk** diễn dịch: chữ *samanupassanā* (nhìn nhận các thứ) ở câu cuối đoạn đầu là tương đương = những quan-điểm (*ditṭhi*, kiến) hay kiến chấp, trong khi chữ đó ở câu cuối cuối đoạn sau nói về sự chấm-dứt khổ thì nó hàm

chỉ trí-biết của 04 thánh đạo đi cùng minh-sát tuệ (giúp dẫn tới sự diệt khổ).] (57)

58 [Spk: “nhìn thấy bằng trí-tuệ chánh đúng” (*sammappaññāya*) là trí-tuệ của phần thánh đạo cộng với minh-sát tuệ. Tâm trở nên chán-bỏ (*virajjati*) trong thời thánh đạo, và được giải-thoát (*vimuccati*) trong thời thánh quả.] (58)

59 [Spk: Nó ổn định (*thitam*) bởi vì không còn việc phải làm thêm nữa; và hài lòng (*santussitam*) bởi vì điều gì cần được chứng ngộ đã được chứng ngộ. Lưu ý rằng đoạn kinh này đã tạo nên sự chuyển đổi bất ngờ từ những danh từ chỉ định vô tính phi cá nhân [mô tả tâm của Tỷ kheo; *cittam*] thành những động từ chỉ chủ-thể cá nhân [*na paritassati, parinibbāyati, pajānāti*].] (59)

60 [Cả 02 loại “những quan-điểm này nọ liên quan tới quá khứ” (*pubbāntānu-ditthiyo*) và “những quan-điểm này nọ liên quan tới tương lai” (*aparāntānu-ditthiyo*) đã được đề cập rõ ràng trong kinh dài DN 1 (kinh Lưới Trời, Phạm Võng) trong đó đã mô tả ‘62 quan-điểm do suy đoán’ (62 tà-kiến) nổi tiếng, gồm 18 cái về quá khứ và 44 cái về tương lai. Spk xác nhận điều này, và cũng giải thích chỗ này là nói về thánh đạo Nhập-lưu [Spk-pt bổ sung: nói về thánh đạo Nhập-lưu bằng cách chỉ ra sự dẹp-bỏ những quan-điểm này nọ (những tà-kiến được trừ bỏ ở chặng thánh đạo Nhập-lưu)]. Đoạn tiếp theo chỉ ra 03 thánh đạo và thánh quả cao hơn; hay, nói cách khác, đoạn đầu chỉ ra sự dẹp-bỏ những tà-kiến bằng sự minh-sát, đoạn tiếp theo chỉ ra 04 thánh đạo đi cùng với minh-sát. Còn chữ “sự nắm-chấp dai dẳng”, Se ghi *thāmasā parāmāso* có vẻ tốt hơn cả Be ghi là *thāmaso parāmāso* và Ee ghi là *thāmaso parāmaso*. Spk giải nghĩa chữ “sự nắm-chấp dai dẳng” là sự dai dẳng (cứng đầu, khó buông, khó trị) của những tà-kiến (*ditthithāmaso*), còn “sự nắm-chấp những tà-kiến” (*ditthiparāmāso*), rõ ràng hiểu theo chữ *thāmasā*, là một từ công cụ được dùng như trạng từ, cứ như nó là một danh từ động lập vậy.] (60)

61 [Chỗ này tôi đọc theo Be và Se là: *asmī ti c’ assa avigatam hoti*. Ee, và nhiều mss, ghi là *adhigatam* thay vì *avigatam*. Cách ghi sau là đúng, như đã được chứng minh trong kinh AN 6:13, đoạn (6), trong đó khẳng định ghi là *asmī ti kho me vigatam*. Lập luận tương tự cũng áp dụng cho cách ghi ở kinh 22:89 bên dưới chỉ dù có mặt chữ *adhigatam* ở đó.

- **Spk** chú giải: (i) “*cách nhìn-nhận các thứ như vậy*” là = cách nhìn-nhận bằng những tà-kiến này nọ (*diṭṭhisamanupassanā*), và (ii) [*quan niệm*] ‘*ta-là*’ (ngã mạn, mạn kiến) là = 03 *sự phóng-tâm* (*papañcattaya*) của *dục-vọng* (ái), của *sự tự-ta* (ngã mạn) và *những quan-điểm này nọ* (tà kiến). 02 sự này khác nhau ở chỗ “*sự nhìn nhận*” là một cách-nhìn được hình thành từ khái niệm, còn *quan-niệm ‘ta-là’* (ngã mạn) là một sự thể hiện tinh vi hơn của *vô-minh* khi thể hiện *dục* và *sự tự-ta* (ngã mạn); mời đọc thêm phần thảo luận quan trọng này ở kinh 22:89.

- *Quan-điểm có cái ‘ta’* (ngã kiến, thân kiến) sẽ bị loại bỏ bằng thánh đạo *Nhập-lưu*; còn [*quan niệm*] *cái ‘ta-là’* (ngã mạn) chỉ được bứng sạch bởi thánh đạo A-la-hán.] (61)

⁶² [Tôi coi câu nói ngắn tắt này là mô tả tiến trình tái-sinh xảy ra dựa trên sự có-mặt của *sự ngu-mờ* [*si*] về một cái ‘ta’ cá thể. Trong các kinh khác thì chữ *gốc-gác* (*avakkanti*)—của *thức*, của *danh-sắc*—là chỉ sự khởi đầu của một sự hiện-hữu mới [như được nói rõ trong kinh **SN 12:39, 58, 59** (Quyển 2)]. **Spk**: Hễ còn nhóm những ô-nhiễm này thì còn sự tạo ra năm căn cảm-nhận do bị tác động (duyên) bởi những ô-nhiễm và nghiệp.] (62)

⁶³ [Tôi dịch cả đoạn này như một sự chứng tỏ về cách mà ‘*giai đoạn hiện-hữu do nghiệp chủ động*’ bắt đầu thông qua sự tái phát sinh *sự nhìn-nhận* dựa theo cái ý niệm ‘*ta-là*’ (ngã chấp, ngã mạn) và *những quan-điểm do suy đoán về cái ‘ta’* (ngã kiến).

- **Spk** nhận dạng chữ *tâm* (*mano*) ở đây là *tâm-do-nghiệp* (*kammamano*) và *những hiện-tượng thuộc tâm* (*dhammā*, những tâm pháp) là *những đối-tượng của nó*; hoặc *tâm* ở đây là *bhavaṅga* (hữu phần) và *thức* theo đó. *Sự tiếp-xúc* (có, còn) *vô-minh* (*avijjāsamphassa*) là sự tiếp-xúc cùng có/ đi kèm/ câu hữu/ liên hữu/ nối kết với sự *vô-minh* (*avijjāsampayuttaphassa*).

- Sự *vô-minh* là điều-kiện *nền tảng nhất* (duyên gốc) nằm bên dưới tiến trình này, và khi nó được kích hoạt bởi *cảm-giác* (thọ) thì nó làm phát sinh cái ý-niệm có cái ‘*ta*’ hay ‘*ta-là*’ [= sự thể hiện của *dục-vọng* (ái) và *sự tự-ta* (ngã mạn)]. Cái ý tưởng “*Ta là này*” khởi sinh tiếp theo đó, khi cái ‘*ta*’ trống rỗng đó được đưa vào nội dung bằng cách bị nhận làm là một *uẩn* này hay *uẩn* nọ. Rốt cuộc, các quan-điểm ‘*bất-diệt*’ (thường kiến) và quan-điểm ‘*diệt-vong*’

(đoạn kiến) đều khởi sinh khi đã có một cái ‘ta’ do tưởng tượng được cho là sẽ ‘luôn tồn tại’ truyền kiếp (bất diệt) hay sẽ ‘bị hủy diệt’ (diệt vong) khi chết. Do vậy đoạn kinh này đã trình bày cho chúng ta một phiên bản khác của “lý duyên khởi” (sự khởi-sinh tùy thuộc), trong đó “*cách nhìn-nhận các thứ*” và [quan niệm về] cái ‘ta-là’ (ngã chấp, ngã kiến) là thuộc phía chủ động của nhân của kiếp quá khứ; còn *năm căn* là thuộc phía quả của kiếp hiện tại; và giờ *sự tái lập [quan-niệm về] cái ‘ta-là’* (ngã chấp, ngã kiến) là thuộc phía nhân của kiếp hiện tại. Đến lượt cái này sẽ tạo ra *sự tái hiện-hữu* trong kiếp sau.] (63)

⁶⁴ [Chữ *khandha* (uẩn, đống, tập hợp, tổ hợp) được giải nghĩa trong các luận giảng là = *rāsi* (nhóm). Mỗi uẩn gồm tất cả những loại hiện-tượng nào đó cũng có chung đặc tính riêng biệt (ví dụ sắc uẩn là gồm những thứ thuộc về vật chất). Có 11 hạng mục trong đó mỗi uẩn được phân loại, như đã được phân tích trong **Vibh** 1–12.] (64)

⁶⁵ [Kinh này đã được trích dẫn và thảo luận trong **Vism** 477–78 (**Ppn** 14:214–15) khi bàn về sự khác nhau giữa *các uẩn* và *các uẩn bị chấp-thủ [thủ uẩn]*. Hai thuật ngữ chính để phân biệt giữa *pañc’ upādānakkhandhā* (năm thủ uẩn) và *pañcakkhandhā* (năm uẩn) là *sāsava upādāniya* ([*nó*] những ô-nhiễm + bị chấp-thủ theo [*nó*]). *Năm thủ uẩn* thì nằm trong *năm uẩn*, bởi vì tất cả những thành viên của năm thủ uẩn cũng là những thành viên của năm uẩn. Tuy nhiên, việc có sự phân biệt giữa hai chúng hàm nghĩa rằng có những uẩn (*khandha*) không phải là *anāsava anupādāniya* (không bị ô-nhiễm và không bị chấp-thủ theo). Khi xem xét ban đầu thì có lẽ “*các uẩn không ô nhiễm*” (vô lậu uẩn) là các uẩn của A-la-hán, là người đã diệt sạch những ô-nhiễm (*āsava*; vô lậu, lậu tận) và sạch *sự chấp-thủ* (*upādāna*; vô thủ, thủ diệt). Tuy nhiên, trong *Vi Diệu Pháp* thì tất cả mọi sắc (*rūpa*) được xếp hạng đều là *có ô-nhiễm* (*sāsava*; hữu lậu) và đều bị chấp-thủ theo (*upādāniya*; hữu thủ), và các uẩn thuộc tâm *do quả* (*vipāka*) và *thuộc chức năng* (*kiriya*) của A-la-hán cũng như vậy [coi thêm **Dhs** §§1103, 1219]. Chỉ có những uẩn được xếp loại là *anāsava* (không còn bị ô-nhiễm, vô lậu) và *anupādāniya* (không bị chấp-thủ theo, vô thủ) là 04 uẩn thuộc tâm xảy ra trong những thời nhận-biết của 04 thánh đạo và thánh quả siêu thế [coi thêm **Dhs** §§1104, 1220]. Lý do có điều này là do chữ *sāsava* và *upādāniya* không có nghĩa “*đi kèm bởi những ô-nhiễm và bởi sự chấp-thủ*”, mà nó chỉ có nghĩa

là “có khả năng được coi là những đối-tượng của những ô-nhiễm và sự chấp-thủ” và các uẩn thể tục của A-la-hán có thể được coi là những đối-tượng của những ô-nhiễm và sự chấp-thủ bởi những người khác [coi **As** 347]. Để đọc chi tiết về vấn-đề này, mời coi tham luận của TKBD có tên là “Năm Uẩn và Năm Thủ Uẩn”.

- **Spk** chú giải rằng: Trong số năm uẩn thì *sắc-uẩn* là thuộc cảnh dục giới, còn *04 uẩn kia* là thuộc 04 cảnh khác [dục giới, sắc giới, vô sắc giới, và siêu thế]. Với/có những ô-nhiễm (*sāsava*, hữu lậu) nghĩa là: thứ trở thành một điều-kiện (duyên) cho những ô-nhiễm (lậu hoặc) theo cách của đối-tượng; cũng giống như vậy, thứ có thể bị chấp-thủ theo [nó] (*upādāniya*) có nghĩa là thứ trở thành một điều-kiện (duyên) cho sự chấp-thủ (thủ) [**Spk-pt** bổ sung: bằng cách bị làm thành đối-tượng của nó]. Trong số năm thủ uẩn, được nói ra theo cách của sự tu tập minh-sát (thiền quán), thì *sắc-uẩn* là dục giới, *04 uẩn kia* thuộc về 03 cảnh [tức chỉ bỏ cảnh siêu thế mà thôi]. (65)

⁶⁶ [Đây là *03 phần sự tự-ta* (mạn): ‘*Ta*’ tốt hơn; ‘*ta*’ bằng; ‘*ta*’ kém hơn.] (66)

⁶⁷ [Đoạn này hàm chỉ công thức ‘*Bốn Diệu Đế*’ đối với mỗi uẩn, theo lời tuyên thuyết của Phật trong bài kinh đầu tiên của Phật (kinh *Chuyển Pháp Luân*): “*Năm uẩn bị chấp-thủ là sự khổ*” [kinh **SN 56:11** (Quyển 5)]. Coi thêm kinh **SN 12:13** (Quyển 2) và chú thích số 27 ở đó.] (67)

⁶⁸ [**Spk**: *sự tiêu diệt tương của hồ khoái-lạc* (*nandi*) và *tham-dục* (*rāga*) được nói như vậy để hàm chỉ nghĩa rằng không có sự khác biệt giữa chúng. Hoặc, nói cách khác, một người đẹp bỏ khoái-lạc bằng cách trải nghiệm sự chán-bỏ (*nibbidānupassanā*); một người đẹp bỏ tham-dục bằng cách trở nên không còn tham thích thông qua ‘*sự thiền quán về sự chán-bỏ*’ (*virāgānupassanā*). Đến mức độ này là, sau khi đã thiết lập sự minh-sát, [**Spk-pt** bổ sung: bằng cụm chữ “*sự tiêu diệt khoái-lạc cho nên có sự tiêu diệt tham-dục*” nó hoàn thành chức năng của sự minh-sát], bằng cụm chữ “*với sự tiêu diệt tham-dục cho nên có sự tiêu diệt khoái-lạc*”, Đức Phật đã chỉ ra *con-đường/đạo* (cái lý tu); và bằng cụm chữ “*với sự tiêu diệt khoái-lạc và tham-dục cho nên tâm được giải-thoát*”, Đức Phật chỉ ra thánh quả (*kết quả của lý tu* đó).] (68)

⁶⁹ [Tôi đọc theo **Be** và **Se** là *upayo*, khác với **Ee** ghi là *upāyo*. Ở đây có vẻ danh từ đang được dùng như một hiện tại phân từ ảo (mô phỏng). **Spk** chú

giải: còn *dính lú*: người đó đã tiếp cận (*upagato*) *năm-uẩn* theo cách của đục-vọng, sự tự-ta và những quan-điểm này nọ (ái, ngã mạn, tà kiến).] (69)

70 [Tôi dịch theo cách ghi của **Se. Be** và **Ee** đã bỏ mất mấy câu trong ngoặc [...] về *cảm-giác* (thọ) và *nhận-thức* (trưởng), rõ ràng đây là lỗi khi biên tập. Tôi cũng đọc theo **Be** và **Se** ghi chữ *nandūpasecana*, khác với **Ee** ghi là *nandupasevana*. Mặc dù **Spk** không đưa ra giải nghĩa, những cách ghi của **Be–Se** có thể coi là sự đồng tình từ ví dụ về sự rưới nước tưới cây trồng, điều này càng rõ ràng hơn trong ví dụ trong kinh tiếp theo. Trong ví dụ chữ *nandirāga* được so sánh là yếu-tố *nước*, và do vậy sẽ phù hợp khi nó được cho là được “*rưới*”.

- Đoạn này cũng được ghi trong kinh dài **DN 33**, mục 18 khi nói về “*04 trạm-trú cho thức*” (*catasso viññāṇaṭṭhitiyo*); coi thêm **Nidd II 1**. Chúng ta thấy ở đây vẫn có hàm nghĩa khác về cách mà *thức* tăng trưởng và tiến hóa tùy thuộc vào *04 uẩn* kia. (Coi thêm về “*07 trạm-trú của thức*” cũng được nói trong kinh **DN 15**, mục 33–34).

- Kinh này và kinh kế tiếp nên được so sánh với các kinh **12:38–12:40**, **12:64** (Quyển 2) và kinh **22:03** (Quyển 3 này).

- Về lý do tại sao *thức* không “*dính lú*” với chính nó: mời coi lại chú thích số 19 trong kinh **22:03** ở trên, đoạn (1).] (70)

71 [**Spk**: *Cơ-sở đó bị cắt bỏ* (*vocchijjatārammaṇam*) nghĩa là: cái *cơ-sở* [hay *đối-tượng*] bị cắt bỏ thông qua sự không còn khả năng xúc tác kết tạo nên sự tái-sinh.

- **Spk-pt**: Cái *cơ-sở* [hay *đối-tượng*] đó là *điều-kiện* (duyên) tạo ra sự tái-sinh theo cách của *dấu-hiệu của nghiệp* (nghiệp tướng) ... vân vân, “*bị cắt bỏ*” theo cách [bằng sự cắt bỏ] *cái nghiệp tạo ra sự tái-sinh*. Như vậy **Spk-pt** đã coi chữ *ārammaṇa* ở đây theo cái nghĩa chiếm ưu thế trong Vi Diệu Pháp, tức coi đó là *đối-tượng của thức tái-sinh* [mời đọc chỗ **CMA 3:17**]. Tuy nhiên tôi thì hiểu chữ này theo *nghĩa xưa* của nó là “*cơ-sở*” và chữ này đã được những chỗ kinh khác đơn giản giải nghĩa là = *paccaya* (*điều-kiện, duyên*); mời đọc chú thích 112 ở kinh **12:38** (Quyển 2). Sự chú giải của **Spk** không nhất thiết phải giống theo sự chú giải của **Spk-pt**. (71)

72 [**Be, Se** ghi là: *Anabhisankhacca vimuttaṃ*; **Ee** ghi là: *anabhisankhāraṇca vimuttaṃ*. *Thức không tạo phát* nghĩa là thức không tạo ra những sự tạo-tác (các hành, *sankhāra*). **Spk** nói nó ‘*được giải-thoát*’ vì nó không tạo tác ra sự tái-sinh.] (72)

73 [**Spk**: Năm loại *mâm-gióng* (*bīja*) thực ra là năm phương tiện truyền phát, truyền bá. **Spk** đã dẫn ra năm loại từ **Vin IV, 35.**] (73)

74 [Về phiên bản bằng thi kệ của “*ví dụ tưới cây trồng*”: mời coi lại kinh **SN 5:09** (Quyển 1); về sự lặp lại ví dụ để so sánh *thức* và *một hạt giống*, mời coi lại kinh **AN 7:44** và phần kinh song hành của nó trong kinh **AN 9:24.**] (74)

- (Nhân tiện: chữ ‘*những trạm-trú cho/của thức*’ là dịch chữ “*viññāṇaṭṭhitiyo*” [theo nghĩa đó là ‘*những trạm-trú dành cho thức*’ hoặc ‘*những trạm-trú của thức*’, có nghĩa là ‘*những cảnh giới (tái sinh) của/ dành cho (tâm) thức*’]. Mời quý vị coi đối chiếu với nghĩa của chữ này trong kinh **AN 7:44** và chú thích ở đó, trong đó thì chữ ‘*những trạm-trú cho thức*’ về nghĩa kỹ thuật là chỉ những ‘*cảnh giới của thức*’ (*những cảnh giới của thức tái-sinh*), chứ không phải chỉ ‘*04 uẩn*’ như trong kinh này.

- Mời đọc thêm về “*07 trạm-trú của thức*” cũng được nói trong kinh **DN 15**, mục 33–34 và “*04 trạm-trú của thức*” trong kinh **DN 33**, mục 18.)

75 [**Spk** chú giải như vậy: Đức Thế Tôn đã tự thốt ra những lời này do đang có niềm hoan-hỷ *manh mẽ cao độ* được phát khởi trong khi đang quán chiếu lại về ‘*tính giải-thoát*’ (*niyyānikabhāva*) của Giáo Pháp.

- Năm *gông-cùm thấp hơn* (*pañc’ orambhāgiyāni samyojanāni*; hạ phần kiết sử) là gồm: tham-dục, sự ác-ý, quan-điểm có danh-tính (thân kiến), sự nghi-ngờ, và ‘*sự chấp-thủ sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện*’ (*giới-cấm thủ, sīlabbatupādāna*).

- *Công thức* của ‘*sự quyết-tâm*’ này được nói ra bởi Đức Phật và đã từng được ghi lại trong các kinh theo 02 phiên bản: (i) một được dùng bởi những người theo tư tưởng diệt-vong (đoạn kiến), và (ii) phiên bản được Phật ứng dụng (chuyển dụng, chế biến) như trong kinh này; vì 02 phiên bản này chỉ khác nhau về 02 thể động từ, cho nên nhiều lúc chúng đã bị nhầm lẫn trong

những lần tái kết tập khác nhau. Từ những sự giải nghĩa của luận giảng cho thấy dường như sự nhầm lẫn đã có trước thời có những luận giảng. Cùng một chỗ kinh có những cách ghi cũng khác nhau giữa những phiên bản khác nhau. Nói chung tôi ưu tiên chọn cách ghi trong **Se**, mặc dù đối với bài kinh này thì **Se** ghi dựa theo bổ-đề và sự giải-nghĩa của **Spk**, (chúng) được dùng trong cụm chữ đầu tiên trong phiên bản tư tưởng diệt-vong (đoạn kiến) [mặc dù không được diễn dịch như vậy]. Sự hư sai này có lẽ đã có trong lời kinh khi những nhà luận giảng đọc nó.

- Phiên bản tư tưởng diệt-vong—[được nhận rõ là quan-điểm đoạn-diệt (*ucchedadiṭṭhi*; đoạn kiến) trong kinh **22:81** và được xếp loại trong số những tà-kiến trong kinh **22:152** và **24:4** (Quyển 2 này)]—thì ghi là: *no c' assaṃ no ca me siyā, na bhavissāmi na me bhavissati*. Trong kinh **AN 7:55**, Đức Phật đã mô tả niềm-tin (mê tín) này là *loại cao nhất trong số những quan-điểm do suy đoán bên ngoài (etadaggaṃ bāhirakānaṃ diṭṭhigatānaṃ)*; lý do là: một người chấp nhận một quan-điểm như vậy sẽ không bị hấp dẫn (không quan tâm) đối với *sự hiện-hữu*, cũng không phản kháng đối với *sự chấm-dứt sự hiện-hữu*. Điều này thật khó khăn cho cách dịch cái mệnh đề ‘*tâm-nguyện*’ này trong phiên bản tư tưởng diệt-vong; có lẽ nó có thể được hiểu như một lời khẳng định về sự hiện-hữu cá thể, cùng với thế giới được trải nghiệm của nó [“*Lẽ ra ‘ta’ đã không là vậy và lẽ ra nó đã không là ‘của-ta’*”]. Mệnh đề ở thời tương lai rõ ràng khẳng định *sự hiện-hữu cá thể* và *thế giới* của nó sẽ kết thúc khi chết.

- Đức Phật đã chế biến công thức này thành một “*chủ-đề để thiền quán*” bằng giáo lý của Phật, bằng cách thay thế động từ ngôi thứ nhất bằng những động từ ngôi thứ ba của chúng: *No c' assaṃ no ca me siyā, na bhavissati na me bhavissati*. Sự chuyển đổi ngôi thứ đã chuyển đổi sự nhấn-mạnh từ *quan-điểm có cái ‘ta’* (ngã kiến) vốn hàm nghĩa trong phiên bản diệt-vong [“*Tôi sẽ bị hủy diệt*”] sang một *tâm-nhìn phi chủ-thể* (nó) phù hợp với học thuyết vô-ngã (*anattā*). Trong kinh này, *sự quyết-tâm (adhimuccamāno)* như vậy của công thức này được cho là dẫn tới đỉnh cao là “*sự tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn*” (hạ phần kiết sử), đó là trong chặng thánh đạo Bất-lai (*anāgāmitā*). Ở trong kinh khác thì công thức này gồm có thêm một điều-khoản là “*yad atthi yaṃ bhūtaṃ taṃ pajahāmi*” (*Cái đang hiện-hữu, là cái đã ắt xảy ra; là*

cái ta đang dẹp bỏ). Sự thiên-quán về điều này được cho sẽ dẫn tới “*sự buông-xả*”.

- Trong kinh **MN 106**, mục 10, thì sự tu-tập đã được hướng dẫn bằng công-thức đầy đủ với điều khoản bổ sung này, dẫn tới đỉnh cao là “*sự tái sinh trong phi tướng phi phi tướng xứ*” [nếu người thiên còn dính chấp sự buông-xả] hoặc có thể dẫn tới “*Niết-bàn*” [nếu người thiên không còn dính chấp sự buông-xả].

- Trong kinh **AN 5:55** sự quyết-tâm của công thức này, cũng lại có thêm điều-khoản nói trên, sẽ dẫn tới 01 trong 05 hạng của “*thánh quả Bất-lai*” hoặc tới luôn “*thánh quả A-la-hán*”. Chỗ kinh **Ud 78, 2–3** thì áp dụng công thức ngắn gọn hơn được áp dụng cho việc thiên ‘*sự chánh-niệm vào thân*’; người tu thiên trú như vậy sẽ dần dần vượt qua sự dính mắc trói buộc, nghĩa là chứng tới “*quả A-la-hán*”.

- Trong kinh **AN 7:55** thì ‘*sự quyết-tâm*’ đã được hướng dẫn cũng bằng công-thức với điều khoản bổ sung này, sẽ dẫn tới “*01 trong 05 hạng của bậc Bất-lai*” (05 cõi Tịnh Cư Thiên) hoặc có thể dẫn tới “*thánh quả A-la-hán*” luôn. Trong kinh **Ud 78,2–3** thì công thức ngắn hơn (không có điều khoản bổ sung) được áp dụng cho ‘*sự chánh-niệm về thân*’; người tu an trú như vậy sẽ dần dần vượt qua sự ràng-buộc, tức có thể chứng A-la-hán.

- Điều đáng lưu ý là: trong các bộ kinh *Nikāya* thì *ý nghĩa chính xác* của công thức này *chưa bao giờ được rõ ràng*, điều này cho thấy rằng công thức này có lẽ đã có vai trò như một “*một sự hướng-dẫn để mở*” để quán chiếu và sẽ được giải đáp bởi những người thiên thông qua trực-giác cá nhân của họ. Như đúng theo nghĩa của chữ, các luận giảng đã coi phân từ để mở *c’* là đại diện cho chữ *ce* (“*nếu*”), được giải nghĩa bởi **Spk** là = *sace* và bởi **Spk-pt** là = *yadi*. Dựa trên cơ sở này họ diễn dịch mỗi phần của công thức là *những thuộc tính điều-kiện* (nhân duyên). **Spk** giải thích công thức trong kinh này dựa trên cơ sở của cụm chữ đáng nghi vẫn là *c’ assam*, mặc dù cách chọn thứ hai này của nó cũng phù hợp với cách ghi tốt hơn ở trên là *c’ assa*.

- Ở đây tôi dịch theo nguyên chữ nghĩa của luận giảng **Spk**, dịch nghĩa câu bổ-đề đúng với ý luận giảng, như vậy: “*Nếu ta đã không là vậy, thì nó đã không là vậy đối với ta*: (nghĩa là) *Nếu ta đã không là vậy* (*sace aham na*

bhaveyyam), thì cũng đã không có cái [thuộc về] của-ta như vậy (*mama parikkhāro*). Hoặc cách khác: Nếu trong quá khứ không có sự tạo-nghiệp (*kammābhi-saṅkhāro*, sự tạo-tác nghiệp), thì giờ đã không có (quả đối với ta) là năm-uẩn này. Ta sẽ không là vậy, [và] nó (nghiệp quả) sẽ không là vậy đối với ta: (nghĩa là) Giờ ta sẽ tinh-cần để cho sẽ không có sự tạo-nghiệp nào của ta sinh ra năm-uẩn trong tương lai; khi (năm-uẩn) không có, thì đối với ta sẽ không có sự tái-sinh.”

- Tôi đồng tình với các luận giảng về nghĩa của chữ *c'*, tôi coi nó đại diện cho chữ *ca*; vì cú pháp của cả cụm chữ đòi hỏi phải như vậy. Những luận giảng tương đương của **Spk** trong các kinh khác cũng chứa chữ *ca* [như: trong kinh **Uv 15:04**, là kinh song hành với **Ud 78**]. Nếu tôi chấp nhận cách ghi này, thì [trong kinh hiện tại này, **SN 22:55**] chữ “*nó*” thứ nhất có thể được cho là chỉ năm-uẩn của cá nhân, còn chữ “*nó*” thứ hai là chỉ thế giới được thể hiện thông qua năm-uẩn. Đối với người phàm thì cặp đôi “*nó*” này bị hiểu lầm là tính hai-mặt (nhị nguyên) của cái ‘ta’ (ngã) và thế giới; đối với thánh nhân thì nó đơn giản được hiểu là tính hai-mặt của những pháp (hiện tượng) bên trong và bên ngoài.

- Dựa trên cơ sở này tôi có thể diễn dịch công thức như vậy: “Năm-uẩn có thể được kết thúc, và thế giới được thể hiện bởi chúng sẽ được kết thúc. Tôi sẽ chuyên-cần tu (tinh cần) như vậy để cho năm-uẩn sẽ được kết thúc, [và] để cho thế giới được thể hiện bởi chúng sẽ được kết thúc.” Nói cách khác, chữ “*nó*” thứ nhất có thể được coi là *dục-vọng* (ái) và chữ “*nó*” thứ hai là năm-uẩn đã khởi sinh thông qua *dục-vọng*. Trong điều khoản bổ sung thì “cái đang hiện hữu, cái đã ắt có mặt” là chỉ cái bộ năm-uẩn đang hiện hữu, (chúng) đang được *đẹp-bỏ* thông qua sự *đẹp-bỏ* cái nhân gây ra sự liên tục tái-hiện của chúng; nguyên-nhân đó chính là *dục-vọng* (ái), tức *dục* và *tham*.

- Cách tôi hiểu nghĩa của đoạn này như vậy là nhờ phần lớn sự thảo luận với nhà sư VĀT và Tỳ kheo Nāṇatusita. Tôi cũng biết ơn Peter Skilling vì đã gửi thông tin về giảng luận **Skt** và các phiên bản tiếng Tây Tạng của công thức (bổ-đề) này.] (75)

⁷⁶ [*Sắc-thân là sẽ bị hủy diệt (rūpaṃ vibhavissati) ... vân vân. Spk* giải nghĩa là = *rūpaṃ bhijjissati* (sắc-thân sẽ tan rã) và **Spk-pt** giải nghĩa là = *rūpaṃ*

vinasissati (sắc-thân sẽ diệt vong). Những nhà luận giải dường như đã hiểu chữ “*sự hủy diệt, sự diệt vong*” ở đây có nghĩa là ‘*sự chấm-dứt không ngừng trong từng khoảng-khắc (sát-na) của các uẩn*’, nhưng tôi tin rằng động từ ở đây là chỉ “*sự chấm-dứt cuối cùng của các uẩn bằng sự chứng đắc trạng thái*” (*anupādisesanibbānadhātu*). Nghĩa này sẽ hợp hơn với câu tuyên thán mở đầu, và cũng được ủng hộ bởi tập kinh *Trường Lão Kế* [02 câu **Th** 715cd] ghi là: *saṅkhārā vibhavissanti, tattha kā paridevanā* ([*chỉ là*] những sự tạo-tác sẽ bị hủy diệt, thì đâu còn sự than khóc ai oán về điều gì ở đó nữa.) (76)

77 [**Spk**: Với *sự hủy diệt của sắc-thân (rūpassa vibhavā)*: bằng cách nhìn thấy *sự hủy diệt*, bằng sự minh-sát [**Spk-pt** bổ sung: bởi vì chữ “*sự hủy diệt*” trong lời kinh được nói ra với sự lược bỏ chữ “*nhìn-thấy*”]. Bởi vì 04 thánh đạo cộng với sự minh-sát được gọi là “*sự nhìn-thấy sự hủy diệt của sắc-thân ...*” Cho nên điều đó được nói ra là do chiếu theo điều này.

- Về sự diễn dịch tôi chọn nghĩa [như đã được nói trong ghi chú kể trên]: “*sự hủy diệt của sắc-thân ...*” là chỉ cái *sự chấm-dứt rốt ráo tận cùng của năm-uẩn* trong Niết-bàn, và do vậy sự chứng ngộ ở đó sự chấm-dứt xảy ra có vai trò như sự thúc-giục hàm chứa trong ‘*công thức thiền quán*’ đã thôi thúc vị Tỳ kheo (phần đầu thiền tập) để phá bỏ năm gông-cùm đó.] (77)

78 [Nguyên văn câu cuối: *Anantarā āsavānaṃ khayō*. Ở đây “*sự tiêu diệt ô-nhiễm*” là đã chỉ thánh quả A-la-hán, cho nên dường như vị Tỳ kheo này đang hỏi ‘*liệu một người tu có thể chứng ngộ thánh quả A-la-hán trực tiếp, mà không cần phải qua giai đoạn Bất-lai?*’ **Spk** chú giải rằng: có 02 loại *sự chứng ngộ lập-tức (anantara)*, đó là loại ‘*kế cận*’ và loại ‘*xa*’. Sự minh-sát (i) là nguyên nhân lập-tức *kế cận* đối với thánh-đạo [bởi thánh đạo siêu thế khởi sinh khi tuệ minh-sát đã đạt tới đỉnh điểm của nó], và (ii) là nguyên nhân lập-tức *từ xa* đối với thánh-quả [bởi thánh quả trực tiếp theo sau thánh đạo]. Do vậy, Tỳ kheo này đã hỏi theo nghĩa là: “*Theo cách nào một người biết và thấy, cùng với sự minh-sát là nguyên nhân lập tức, để chứng ngộ thánh quả A-la-hán được gọi là “sự tiêu diệt ô-nhiễm” (lậu tận)?*.] (78)

79 [**Spk**: Người phạm phu trở nên sợ-hãi với sự minh-sát đã khởi sinh yếu ớt (*dubbavipassanā*); bởi người đó không thể vượt qua ‘*sự thương hại chính mình*’ và do vậy bị sợ-hãi khi nghĩ rằng “*Giờ ta sẽ bị hủy diệt và sẽ không*

hiện hữu nữa.” Người đó nhìn thấy mình rớt trong vực thẳm [coi thêm kinh **MN 22**, mục 15-17, và chú thích 181 ở kinh **22:90** bên dưới]. Nhưng khi sự minh-sát mạnh mẽ xảy ra với đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, người đó không bị sợ-hãi mà biết nghĩ rằng “*Đó chỉ là các hành khởi sinh, chỉ là các hành diệt.*” **Spk-pt** bổ sung: Sau khi một người phạm tội thiện nhìn thấy, bằng “sự-biết về bề ngoài là đáng sợ-hãi”, rằng các hành là đáng sợ-hãi, người đó không bị sợ-hãi.

- “*Sự-biết về bề ngoài là đáng sợ-hãi*” (*bhayat’ upaṭṭhānañāṇa*) là giai đoạn bậc cao của *sự-biết minh-sát* phơi trần cái bản chất *đáng sợ-hãi* của các hành trong tất cả 03 giai đoạn thời gian; coi thêm **Vism** 645–647; **Ppn** 21:29–34.] (79)

80 [“*Catuparivaṭṭa*” nghĩa gốc là: bốn lượt, bốn phiên chuyên, bốn vòng quay; tức ứng dụng *Bốn Diệu Đế* cho mỗi uẩn.] (80)

81 [Lạ thay rằng các bộ kinh *Nikāya* đã không đưa ra sự phân-tích nào về *sắc-thân phái sinh từ bốn yếu-tố lớn* (tứ đại) (*catunnaṃ mahābhūtānaṃ upādāya rūpaṃ*). Sự phân-tích này chỉ xuất hiện đầu tiên trong *Vi Diệu Pháp Tạng* (*Abhidhamma Piṭaka*), theo đó *sắc-thân* như vậy gồm có 05 căn cảm-nhận, 04 đối-tượng cảm nhận [đối-tượng chạm xúc được gán cho 03 trong 04 yếu-tố tứ đại, trừ yếu-tố nước], *yếu-tố không gian*, *sự quyết-định về tính dục*, và *dưỡng-chất thuộc thân* [tức = thức ăn] ... vân vân; coi thêm **CMA** 6:2–5. Về ‘*dưỡng-chất*’ là một *điều-kiện* (duyên) tạo nên thân thể, mời coi chú thích 18 ở kinh **12:11** (Quyển 2). Trong kinh này cái *điều-kiện kế cận* tạo ra sự khởi sinh của mỗi uẩn thuộc năm uẩn đã được chỉ ra, tương phản với kinh **22:05** này đang chỉ ra cái *điều-kiện xa* chung cho tất cả năm uẩn. Về sự phân biệt 02 loại điều-kiện, mời coi lại chú thích số 58 ở kinh **12:21** (Quyển 2).] (81)

82 [Đoạn (a) này là chỉ bậc *học-nhân* (*sekha*), là người đã trực-tiếp biết *Bốn Diệu Đế* và đang tu tập để chứng ngộ Niết-bàn—đó là *sự chấm-dứt rốt ráo của năm-uẩn*. Vì lý do này những bậc học-nhân được cho là “*đã có-được chỗ-đứng* (*gādhanti*) trong *Giáo Pháp* và *Giới-luật* này”, chứ chưa phải là những bậc toàn-ven đã hoàn thành mục tiêu *A-la-hán* (như được nói chú thích kế dưới).] (82)

83 [Đoạn (b) này mô tả những bậc *vô-học nhân* (*asekha*), tức A-la-hán. **Spk** giải thích: Họ đã *được khéo giải-thoát* (*suvimuttā*) bằng sự giải-thoát của thánh quả A-la-hán; *những người toàn- vẹn* (*kevalino*) là họ đã hoàn thành, đã làm hết toàn bộ những bỗn phận (tu) của mình. *Không có vòng luân-hồi nào để mô tả họ* (*vaṭṭaṃ tesam natthi paññāpanāya*): là không còn vòng luân-hồi nào nữa [không còn sự tái hữu tái sinh nào] để mô tả về họ. Nói cách khác, “*vòng luân-hồi*” có nghĩa là cơ-sở (*kāraṇa*), vậy là không có cơ-sở nào để mô tả về họ. Chỗ này là chỉ *cánh giới của bậc vô-học nhân* (*asekha-bhūmi*, tức = A-la-hán).

- Về “*người toàn- vẹn*” mời coi thêm chú thích số 446 ở kinh **SN 7:09** (Quyển 1), đoạn thứ ba của chú thích. Về ý nghĩa “*A-la-hán là vượt trên sự mô-tả hay vượt khỏi sự quy-tính*”, mời coi lại kinh **22:35** và chú thích 47 ở trên đây (Quyển 2 này).

- Lời diễn đạt *vaṭṭaṃ tesam natthi paññāpanāya* (*không còn vòng luân-hồi nào để mô tả về họ*) cũng có ghi tương tự trong câu cuối cùng của kinh **SN 44:06** (Quyển 4); và coi thêm kinh dài **DN 15** (?). Cụm chữ này cũng có thể được dịch là “*Không còn vòng luân-hồi cho sự hiện-thị (hiện thân, thể hiện) của họ*.”] (83)

84 [*Sự tiếp-xúc* (*phassa*) xảy ra cùng với *đối-tượng cảm nhận* và *thức* thông qua một *căn cảm-nhận* (giác quan). Khi điều này xảy ra thì các yếu-tố thuộc tâm khác khởi sinh, nổi bật nhất là *cảm-giác*, *nhận-thức*, và *sự cố-y* (thọ, tưởng, tư).] (84)

85 [Nguyên văn: *Cha cetanākāyā*. Ở đây chữ “*sự cố-y*” (tư) đã được dùng để gọi tên *những sự tạo-tác* (hành)!

- [Sự việc có sự khác nhau giữa cái tên của của *uẩn* này [*những sự tạo-tác* = *hành-uẩn* (*saṅkhārakkhandha*)] và thuật ngữ “*sự cố-y*” (tư; *sañcetanā*) cho thấy rằng *hành uẩn* có phạm vi rộng hơn những *uẩn* còn lại. Trong *Vi Diệu Pháp Tạng* và trong các luận giảng thì *hành-uẩn* (*saṅkhārakkhandha*) được coi là một “*phạm vi bao trùm*” cho việc *phân loại tất cả những yếu-tố thuộc tâm* trong các bài kinh ngoại trừ *cảm-giác* (thọ) và *nhận-thức* (tưởng). *Sự cố-y* (tư) được đề cập ở đây như một *thành-tố quan trọng nhất* của *uẩn* này theo định nghĩa này, chứ không phải như một thành phần riêng biệt của nó.] (85)

86 [Thật ý nghĩa chỗ này là: *trong khi sự tiếp-xúc* (xúc) là điều-kiện (duyên) kế cận làm sinh ra *cảm-giác* (thọ), *nhận-thức* (tưởng) và *những sự tạo-tác* (hành), thì chỉ có một mình *đanh-sắc* là điều-kiện kế cận sinh ra *thức*. Điều này đã gói gọn thành một ý, như đã được ghi trong kinh **SN 22:03** ở trên rằng: lý do *04 uẩn* kia là “*nhà*” của thức. Coi thêm sự liên kết về điều này trong kinh **SN 12:65** và **12:67** (Quyển 2).] (86)

87 [*07 trường hợp* (*sattatṭhānā*) có được bằng cách sát nhập cái khuôn-mẫu “*4-điều*” của kinh **22:56** kể trên và khuôn-mẫu “*3-điều*” của kinh **22:26** ở trên. (Ví dụ ngay bên dưới về *sắc-thân*: *07 trường hợp* là: *sau khi đã trực-tiếp biết* về (i) *sắc-thân*, (ii) nguồn-gốc của nó, (iii) sự chấm-dứt của nó, và (iv) con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó; sau khi đã trực-tiếp biết về (v) sự thỏa-thích, (vi) sự nguy-hại, và (vii) sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] *sắc-thân*).

- **Spk**: Kinh này là một sự nói về những sự chúc-mừng (*ussadanandiya*) và cả sự khuyến-dụ (*palobhaniya*). Bởi vì, giống như một vị vua sau khi thắng trận trọng thưởng và tôn vinh những quân lính chiến thắng của mình để tạo cảm-hứng cho những quân lính khác trở thành những anh hùng; ở đây Phật đề cao và khen ngợi những A-la-hán để tạo niềm cảm-hứng cho những người khác chứng ngộ thánh quả A-la-hán.] (87)

88 [*Người điều tra theo 03 cách* (*tividhūpaparikkhī*). Theo 03 cách có thể được hiểu là (i) theo cách của “*Các yếu-tố*” (giới) như đã được trình bày trong Chương **SN 14** [*Liên-kết Các Yếu-Tố* (*Dhātu-saṃyutta*), Quyển 2], (ii) theo cách của “*Sáu cơ-sở cảm nhận*” (sáu xứ) như được nói trong Chương **SN 35** [*Liên-kết Sáu Cơ-Sở Cảm Nhận* (*Salāyatana-saṃyutta*), Quyển 4] và (iii) theo cách của “*Sự khởi sinh tùy thuộc*” (lý duyên khởi) như được nói trong Chương **SN 12** [*Liên-kết Nhân Duyên* (*Nidāna-saṃyutta*), Quyển 2].

- Coi thêm kinh **MN 115**, trong đó kỹ năng về *Các yếu-tố* (giới), về *Sáu cơ-sở cảm-nhận* (sáu xứ), và ‘*Sự khởi-sinh tùy thuộc*’ (lý duyên khởi) đã được giảng giải một cách chi tiết, tăng cường thêm kỹ năng sự-biết về ‘*điều có-thể* và *điều không-thể*’.] (88)

89 [TKBĐ: Ở đây, chữ ‘*người được giải-thoát nhờ trí-tuệ*’ ở cuối câu này có lẽ là nghĩa chung để chỉ *tất cả* những A-la-hán chứ không phải để phân biệt

với những A-la-hán được giải-thoát bằng ‘*sự giải-thoát của tâm sạch nhiệm*’ hay ‘*sự giải-thoát về cả hai phương diện*’ (vừa *sự giải-thoát của tâm sạch nhiệm* + *sự giải-thoát nhờ trí-tuệ*). Ở đây không phải như trong kinh MN 70, mục 15, chú thích số 702 thì phân biệt riêng biệt về 03 loại *sự giải-thoát* đó. Mời đọc thêm chú thích số 210 ở kinh SN 12:70 (Quyển 2) giải thích chi tiết về các loại *sự giải-thoát* này.] (89)

⁹⁰ [“*Đặc tính vô-ngã*” (vô-ngã tướng) là tên *bài thuyết giảng thứ hai* Đức Phật đã khai giảng (cho nhóm 05 người bạn tu khổ hạnh trước kia với Phật, tức nhóm có ngài Kiều-trần-như), theo ghi chép trong luận giảng **Vin I 13–14** về *sự nghiệp truyền dạy Giáo Pháp* của Phật. 05 vị Tỳ kheo đó là 05 *đệ tử xuất gia đầu tiên* của Đức Phật, những vị đó lúc đó vẫn còn là những người đang tu học (học-nhân; *sekha*). Đức Phật đã giảng bài kinh này để dẫn dắt họ đạt tới *sự giác ngộ thánh quả A-la-hán*.

- **Spk** chú giải: Sau khi bài kinh (*Dhammacakkappavattana Sutta*; kinh *Chuyển Pháp Luân*), là bài khai giảng đầu tiên của Phật, được nói ra vào ngày Rằm tháng *Āsalha* (roi vào tháng 7) thì 05 vị đó đã lần lượt được thiết lập trong thánh quả Nhập-lưu. Vào ngày thứ năm của “2-tuần” kế tiếp, Đức Phật đã thuyết giảng tiếp cho 05 vị đó bài kinh thứ hai này nói về “*Đặc Tính Vô-Ngã*” (kinh *Vô Ngã Tướng*) với ý nghĩ rằng: “*Ta sẽ dạy cho họ Giáo Pháp này để dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm*” (lậu tận, tức quả A-la-hán).] (90)

⁹¹ [Kinh này đưa ra những “*luận cứ*” của thuyết *vô-ngã (anattā)*. (i) Luận cứ thứ nhất là *bản chất không có cái ‘ta’* (không có bản ngã, không phải là ngã) của *năm uẩn* dựa trên cơ sở chúng là không thể bị điều khiển, không thể bị tác động (bởi ai) để (người đó) có thể thực thi *sự làm-chủ (avasavattitā)* đối với chúng. Nếu thứ gì có bản tính là cái ‘*ta*’ thì nó phải bị điều khiển bởi chủ nhân; tuy nhiên, bởi vì, chúng ta đâu thể nào uốn ép hay điều khiển *năm uẩn* theo ý muốn của chúng ta, cho nên chúng cứ bị dính theo sự khổ đau và do vậy chúng không thể nào là cái ‘*ta*’ (ngã) của chúng ta cả. (ii) Luận cứ thứ hai là *sự lý giải* của Phật bắt đầu từ những câu “*Các thầy nghĩ sao? ...*” Luận cứ này chứng minh đặc tính *vô-ngã* dựa theo 02 đặc tính khác là *vô-thường* và *khổ*, một cách liên hoàn với nhau.] (91)

⁹² [Trong kinh “*Kết Quả Của Đời Sống Tu Sĩ*” (*Sāmaññaphala Sutta*, kinh *Sa-môn Quả* = **DN 2**) thì quan-điểm “*phi nhân duyên*” (*ahetukavāda*) này được gán cho vị thầy của Kỳ-na giáo là Makkhali Gosāla. Cũng trong kinh đó thì thuyết “*phi tác*” (*akiriyavāda*; sự không có tác động của các hành-động, phi nghiệp quả) được cho là của Pūraṇa Kassapa; [kinh **SN 24:06** (Quyển 3) cũng có nói, nhưng không nói thuyết là của ai]. Còn trong kinh **SN 46:56** (Quyển 5) thì một thuyết “*phi nhân duyên*” khác cũng được cho là của đạo sư Pūraṇa Kassapa.] (92)

⁹³ [Coi thêm kinh **SN 14:34** (Quyển 2).] (93)

⁹⁴ [Kinh này là như một phiên bản ‘rút gọn’ của bài *Kinh Lửa* (*Āditta Sutta*) nổi tiếng (**SN 35:28**, Quyển 4) đã dùng chữ ẩn dụ ‘*bốc cháy*’ đối với 12 *cơ-sở cảm-nhận bên trong và bên ngoài* (sáu nội xứ và sáu ngoại xứ; sáu giác-quan và sáu đối-tượng giác quan). Có lẽ kinh **SN 22:61** này đã được ‘đúc’ ra từ “khuôn” của bài *Kinh Lửa* đó rồi thay vào bằng *năm-uẩn*, và rồi ‘nén và nén’ cho thật ngắn lại để làm cho nó không giống hay không quan trọng *ngang bằng* bài *Kinh Lửa* rất nổi tiếng kia là *bài thuyết giảng thứ ba* của Đức Phật.] (94)

⁹⁵ [Nguyên văn câu này: *Niruttipathā adhivacanapathā paññattipathā*. **Spk**: Chữ nghĩa (ngôn ngữ) (*nirutti*: cách diễn đạt bằng ngôn ngữ, chữ nghĩa) tự nó là cái đường của chữ nghĩa; hoặc nói cách khác *chữ nghĩa* được gọi là đường chữ nghĩa bởi vì nó là đường để liên lạc trao đổi những ý nghĩa cần được hiểu thông qua chữ nghĩa. Hai cái còn lại cũng được hiểu theo cách tương tự như vậy; cả 03 chữ đều là đồng nghĩa nhau (trong ngữ cảnh này).

- **Dhs** §§1306–8 thì có phân biệt giữa 03 chữ *nirutti*, *adhivacana*, và *paññatti* theo một cách và chữ chung *đường* (*patha*) theo cách khác. Ở đó chữ *nirutti* và hai chữ kia được coi là đồng nghĩa, những *đường* tương ứng của chúng được cho là bao gồm *tất cả những hiện-tượng (tất cả mọi pháp; sabb’ eva dhammā)*.

- Trong kinh **DN 15**, *danh-sắc* cùng với *thức* được nói là “*adhivacanapatha, niruttipatha, paññattipatha*”. Dựa trên cơ sở lời kinh này thì có lẽ **Spk** đã bị lạc đề ở đây, và chúng ta nên hiểu rằng “*ba đường chữ-nghĩa, ba đường chỉ-định, ba đường mô-tả*” chính là *năm-uẩn* thuộc 03 giai đoạn thời gian, và

“*thuật ngữ, nhân, sự mô tả*” tương ứng theo thời gian được áp dụng cho chúng chính là “*chữ nghĩa, sự chỉ định, sự mô tả*”.

- Bài kinh này cũng được trích dẫn trong **Kv 150** để ủng hộ cho luận cứ của những người theo *Trưởng Lão Bộ (Theravādin)* bác bỏ những người theo *Nhất Thiết Hữu Bộ (Sarvāstivādin)* đã cho rằng những pháp quá khứ và tương lai là (đang) có mặt theo cách nào đó.] (95)

⁹⁶ [**Spk** chú giải chữ “*ukkalā*” có nghĩa là *người dân xứ Ukkala* [còn được gọi là Okkala; theo **CPD** thì xứ này là xứ Orissa ngày nay]. **Spk** đã ghép tên của 02 người này thành tên như một cặp-đôi (*vasabhaññā* như một chữ ghép đồng-đẳng (*dvanda*): *vasso ca bhañño ca*) và giải thích cả 02 người này đều nắm giữ *03 loại tà-kiến* như được nói trong các kinh **SN 24:05–07**.

- Tôi đọc lời diễn đạt cuối này theo **Se** và **Ee** là: *nindabyārosa-uparambhabhayā*. **Be** đưa thêm vào chữ *ghaṭṭana*, nhưng chữ này không được ghi trong các phiên bản khác. Mời coi đoạn kinh song hành trong kinh **MN 117**, mục 38, cũng ghi giống như **Se** và **Ee** ghi trong kinh này. Trong **Spk** thì chữ *ghaṭṭana* được giải nghĩa dựa theo chữ *byārosa*, chữ này **Be** đã rõ ràng đã đưa vào lời kinh.] (96)

⁹⁷ [**Spk**: *sự chấp-thủ* hay *sự chấp-thủ (upādiyamāno; thủ)*: là nắm giữ, nắm chặt, bám chặt, chấp giữ (điều gì) theo cách do *dục-vọng, sự tự-ta* và *những quan-điểm sai lạc* (ái, ngã mạn, tà kiến). Trong 02 kinh kế tiếp, *sự nhìn-nhận (maññamāno)* và *sự tìm-kiếm khoái-lạc (abhinandamāno)* cũng được giải thích bởi 03 nguyên nhân chính này.] (97)

⁹⁸ [Kinh **22:71** này có nội dung giống hết kinh **18:21** (và **22:91**). Còn kinh kế tiếp **22:72** là giống hết kinh **18:22** (và **22:92**); chỉ khác nhau tên của các Tỳ kheo. - Toàn bộ *Chương SN 23* (Quyển 2 này) là các kinh nói về Ngài Rādhā.] (98)

⁹⁹ [*09 cõi trú của chúng sinh (sattāvāsa)* được liệt kê trong kinh **AN 9:24** (= **DN 33**, mục 3.2 (3)). *Đỉnh cao của sự hiện-hữu (bhavagga)* được cho là *phi tướng phi phi tướng xứ* [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức], là cõi cao nhất của sự hiện-hữu hữu tình. Chữ này được dùng

theo nghĩa này cũng có trong **Vibh 426,8** và thường thấy trong các luận giảng.] (99)

100 [Câu này chúng ta nên đọc theo **Be** và **Se** là: *anejaṃ te anuppattā*. **Spk**: Đây là chỉ thánh quả A-la-hán = sự trừ bỏ dục-vọng (ái tận). Dục-vọng vốn được gọi là *sự quấy-động* (*ejā*). Vì vậy sự “*bất-động*” ở đây = *không còn bị quấy động bởi dục-vọng* (ái). Đọc thêm các kinh **35:90, 35:91** (Quyển 4).] (100)

101 [*Bảy phẩm-hạnh*, gồm: niềm-tin (tín), sự biết xấu-hổ lương tâm (tàm), sự biết sợ-hãi làm điều sai xấu (quý), sự học-hiểu (văn), sự nỗ-lực (tinh tấn), sự (thiết lập) chánh-niệm (niệm), và trí-tuệ (tuệ). Coi thêm kinh **MN 53**, mục 11-17 và kinh **DN 33**, mục 2.3 (5).] (101)

102 [*Bảy châu-báu*: bảy chi giác-ngộ (thất giác chi); coi thêm **SN 46:42**. *Ba-phần tu-tập* gồm: phần giới-hạnh bậc cao, phần (định)-tâm bậc cao, và phần trí-tuệ bậc cao [giới, định, tuệ].] (102)

103 [*Mười yếu-tố* hay *mười chi-phân*: gồm *tám chi phân Bát Thánh Đạo* đã hoàn thiện cộng với “*sự-biết đúng đắn*” và “*sự giải-thoát đúng đắn*” (chánh tri, chánh giải-thoát). Đặc biệt chúng được gọi là “*mười*” (phẩm chất) của một người tu đã vượt qua sự tu-học và đã thành bậc vô-học nhân [*asekha*]. Lời kinh mô tả như vậy cũng có ghi trong các kinh **MN 65**, mục 34, kinh **MN 78**, mục 14. Về chữ ‘*con rông*’ (nāga), mời coi lại chú thích chi tiết ở kinh **SN 1:37**, thi kệ 122 (Quyển 1).] (103)

104 [**Spk**: *03 sự phân-biệt đối đãi*: là 03 ý niệm về cái ‘ta’ như: “*Tôi tốt hơn*”, “*Tôi bằng*”, “*Tôi kém hơn*”.] (104)

105 [**Spk** chú giải: Sự tử ra khỏi hang và gằm lên được ví dụ với hình ảnh Đức Phật xuất hiện trong thế gian và tuyên dạy Giáo Pháp vậy. Tiếng gằm sự tử được ví dụ với “*sự thiết lập sự quay chuyển Bánh Xe Giáo Pháp*” của Đức Phật trong khu Vườn Nai, và sự sợ-hãi của những con thú nhỏ giống như “*sự khởi sinh sự sợ-hãi của sự-biết*” (*nāṇasantāsaṣṣa uppatti*) trong tâm những thiên thần sống đại thọ sau khi họ nghe Đức Phật tuyên thuyết về Bốn Diệu Đế; (tức sau khi họ nghe và biết được Bốn Diệu Đế, họ thấy sợ-hãi vì biết

rằng sự sống của họ ở cõi trời cũng là vô-thường và sẽ chấm-dứt, chứ không phải thường hằng vĩnh cửu như họ đã tưởng).] (105)

106 [Spk chú giải: “*Hầu hết họ*” (*yebhuyyena*) nghĩa là *tất cả họ* trừ số những thiên thần là những vị thánh đệ tử (như những bậc Nhất-lai, Bất-lai). Bởi vì không còn *sự sợ-hãi* nào khởi sinh trong những A-la-hán, cho dù họ vẫn trải nghiệm “*sự cấp-bách của sự-biết*” (*ñāṇasaṃvega*) (tức sự-biết rằng mình cũng là vô-thường), bởi vì những A-la-hán đã chứng ngộ ‘điều nên được chứng ngộ’ thông qua *sự chuyên-cần tu đúng đắn* (chánh cần) được thực hành bởi người đã được khuấy động bởi cái “*cảm-nhận về sự cấp-bách*”. Những thiên thần khác, khi họ lắng nghe về sự vô-thường, họ trải nghiệm sự sợ-hãi gồm (i) *sự khiếp-sợ về tâm* (*cittutrāsabhaya*) và, vào lúc minh-sát mạnh mẽ, là (ii) *sự sợ-hãi của sự-biết* (*ñāṇabhaya*: có lẽ vào giai đoạn tu tiên của thiên minh-sát được gọi là *bhayat’ upaṭṭhānañāṇa* (sự-biết về bề-ngoài là đáng sợ hãi); coi thêm chú thích **79** ở kinh **22:55**. *Nằm trong danh tính này* (*sakkāyapariyāpannā*): là nằm trong *năm-uẩn*. Như vậy Đức Phật đã dạy cho họ Giáo Pháp được ấn chứng bởi *ba đặc-tính* (vô thường, khổ, vô ngã), chỉ ra cho thấy *những nhược điểm và nguy hại* của vòng *luân-hồi hiện-hữu*, và *sự đáng sợ-hãi và thật khiếp-sợ* khi biết rằng mình đang ở trong cái vòng đó đã xâm nhập vào tâm trí họ.] (107)

107 [Spk nói rằng chỗ này không phải nói về “*sự quán-chiếu lại [hồi quán] bằng trí-biết trực tiếp [minh]*” [chẳng hạn như *túc mạng minh*] mà đang chỉ sự hồi-nhớ lại cõi sống quá khứ của một người bằng sự minh-sát. Spk dường như hiểu được chủ ý của câu này của Đức Phật có nghĩa là họ *cố-ý* hồi nhớ lại quá khứ theo cách của *năm-uẩn*. Tôi thì hiểu chỗ này khác, tức là, mặc dù những tu sĩ tưởng tượng họ đang nhớ lại trải nghiệm quá khứ về một cái ‘*ta*’ *thường hằng*, nhưng thực ra là họ chỉ đang nhớ lại những sự kết hợp của *năm-uẩn* mà thôi. Cách diễn dịch này có lẽ cũng được xác nhận trong đoạn kinh kế tiếp, từ cách nói về những ký ức của chủ-thể thứ nhất (*evaṃrūpo ahoṣim*) về những trải nghiệm giờ chỉ nói theo cách đóng khung trong *những thuật ngữ về sắc-uẩn* (*rūpaṃyeva*) mà thôi. Điều này cũng có thể được ủng hộ bởi đoạn kinh song hành ở đầu kinh **22:47**. Spk đã đặt tên cho đoạn này là “*phản tánh-không*” (*suññatāpabba*). Ở trong **Vibh-a** 3–6 có đoạn luận giảng song hành như vậy nhưng chi tiết hơn một chút.] (108)

108 [**Spk** diễn dịch: Mặc dù chỗ này nói về *sự trống-không* nhưng chưa nói tới *đặc tính trống-không* hay *tánh-không* (*suññatālakkaṇa*). Đoạn kinh này bắt đầu được đưa vào để chỉ cái *tánh-không* đó. **Spk-pt**: Bởi vì *sắc, cảm-giác* ... không phải là cái ‘ta’ hay ‘thuộc về cái ta’ nào cả, nó không có tự-tính hay chủ-thể nào cả, nó là trống không, tức không có cái ‘ta’ hay ‘bản ngã’ nào cả. Bản chất của nó là *sự trống-không*, đặc tính của nó là “*luôn bị biến dạng, biến sắc, biến thể, biến đổi* ... vân vân.”] (109)

109 [Nguyên văn câu này: *Ruppatti ti kho bhikkhave tasmā rūpan ti vuccati*. Tôi đã cố gắng, mặc dù rất lợm thợm, để ‘bắt’ cho được nghĩa của sự chơi chữ tinh tế trong tiếng Pāli, (nó) lợi dụng sự tương ứng rõ rệt giữa động từ *ruppatti* và danh từ *rūpa*. Về từ nguyên học thì 02 chữ này không liên hệ gì với nhau. Chữ *ruppatti* là động từ thụ động từ gốc từ *rup* [= (Phạn) *lup*] có nghĩa là “*làm gãy, làm hư, làm tổn hại, phá*”. **MW** liệt kê chữ *rupyate* [mục từ *rup*] có nghĩa là “*chịu sự đau đớn dữ dội thấu tận*”. Coi thêm luôn chữ *ruppatti* trong **PED**, mục từ này. **Spk** giải nghĩa là: *Ruppatti ti kuppatti ghaṭṭiyati piḷiyati, bhijjati ti attho* (*Nó bị biến dạng: nó bị quấy phá, bị đánh, bị áp bức, nghĩa là ‘nó bị hư gãy, bị bể gãy’*). **Spk** còn nói thêm rằng: sự bị “*biến dạng, biến sắc*” là đặc tính riêng (*paccattalakkhaṇa*) của *sắc*, nó phân biệt *sắc* với *cảm-giác* và các *uẩn* khác; nhưng chúng đều có những đặc tính chung (*sāmaññalakkhaṇa*) là ‘*vô-thường, khổ, vô-ngã*’.] (110)

110 [**Spk**: Chính cái cảm-giác nó cảm nhận, không phải có ‘ai’ hay ‘người nào’ hay một ‘chủ thể’ nào cảm nhận.] (111)

111 [Nguyên văn câu này: *Saṅkhatam abhisankharontī ti bhikkhave tasmā saṅkhārā ti vuccanti*. Không may tiếng Anh là phương tiện nghèo nàn không đủ để ‘bắt’ được sự tương quan nối kết của câu này trong tiếng Pāli, với vị ngữ (*saṅkhatam*), động từ (*abhisankharontī*), và chủ ngữ (*saṅkhārā*) đều xuất thân từ cùng một gốc từ. [Coi thêm phần thảo luận của tôi về chữ *saṅkhārā* trong phần *Giới Thiệu Chung* (của bản dịch Pāli-Anh, CDB, trang 44-47)]. Để cho giống tiếng Pāli chúng ta có thể dịch nghĩa câu này là: “*Chúng tạo tác thứ được tạo tác, do vậy chúng được gọi là những sự tạo-tác*”, mặc dù cách dịch này có những hàm nghĩa hơi xa lạ so với câu chữ gốc. Cũng là sự trùng hợp không may rằng “*những sự tạo-tác*” [đây là cách tôi đã dịch chữ *saṅkhārā* = *hành*] lại liên quan tới chữ “*sắc, thể-sắc*” [cách tôi dịch chữ

rūpa]. Trong tiếng In Pāli không có sự nối kết về mặt từ nguyên giữa 02 chữ *rūpa* và *saṅkhārā*. Để ‘bắt’ được mấy hàm nghĩa của động từ *abhisankharoti* có lẽ chúng ta phải tự cho mình một sự tự do để dịch nó, trong đoạn này, bằng 02 động từ là: (i) “*tạo ra, phát sinh*” để chuyển tải cái nghĩa rằng *những sự tạo-tác* thực sự sản sinh ra các *uẩn* khác [coi chú thích kế dưới], và (ii) “*tạo thành, tạo lập, tạo tác*” để chuyển tải ý nghĩa tương ứng với danh từ “*những sự tạo-tác*”.

- Đoạn này cho thấy vai trò chủ động của *cetanā* (*sự cố-ý, tư*) trong việc tạo lập ra thực-tại được trải nghiệm. *Sự cố-ý* (*tư*) này tác động nội dung khách quan của sự trải nghiệm, mà nó còn định hình cho cơ chế tâm-vật lý mà nó đã khởi sinh trong đó, và, thông qua vai trò của nó là *nghiệp* (*kamma*), nó định hình những “cấu-hình tương lai của năm-uẩn” được sản sinh bởi nghiệp. Sự kết nối giữ chúng như đã được thấy trong kinh SN 35:146 (Quyển 4): “*sáu cơ-sở cảm-nhận*” là “*nghiệp cũ*” và “*mọi hành-động ta làm trong hiện tại*” (bằng thân, miệng, tâm) chính là “*nghiệp mới*”] (112)

112 [Tất cả 03 phiên bản của SN đều ghi câu này là: *rūpaṃ rūpattāya saṅkhatam abhisankharonti*, và tương tự như vậy đối với các *uẩn* khác, ngoại trừ *uẩn thức* (*viññāṇa*) thì **Be** ghi là *viññāṇatthāya*; tuy nhiên, do **Be** không có chú giải về chỗ này, nên hầu như chắc chắn đây chỉ là lỗi do ghi chép. **Spk** [của **Se** và **Be**] ghi là *rūpatthāya* trong bổ đề của nó, hàm ý rằng đuôi chữ -*atthāya* đều được áp dụng cho mỗi *uẩn*, và rõ ràng phiên bản chữ Sinhala cổ *mss* của SN đã ghi như vậy. Tuy nhiên, **Spk** [của **Be**] lại ghi là *rūpattāya*. Sự chú giải trong luận giảng **Spk** đều có lý trong cả 02 cách ghi này của SN.

- Ở đây tôi làm theo **Spk** của **Be** ghi là: “Giống như một người nói là nẩu cháo là cháo, làm bánh là bánh, nó [**Spk-pt**: một đồng những trạng thái dẫn đầu bởi *sự cố-ý*] xây dựng, xây lên, tạo thành đồng, tạo thành *uẩn* (*abhisankharoti āyūhati sampiṇḍati*) *sắc-thân*—được gọi là “*có điều-kiện*” (hữu vi) bởi vì nó được làm bởi một sự kết hợp những điều-kiện— cho nên nó trở thành “*sắc-thân có điều-kiện*” đúng theo bản chất đích thực của nó, do cái thể sắc của nó (*tathattāya rūpabhāvāya*); ý nghĩa là nó sản sinh ra nó (*nipphādeti ti attho*). Nghĩa vẫn tất là vậy: Nó tạo dựng, sản sinh sự tạo-nên thể sắc cùng với chính nó và đi kèm với *cảm-giác* ... Ở đây Phật cũng chỉ ra đặc tính riêng của *những sự tạo-tác* [*hành*], đặc tính của nó chính là *sự cố-ý*

(tư). [Spk-pt bổ sung: Điều này được nói như vậy bởi vì sự cố-ý là thứ dẫn đầu của những trạng thái thuộc *đồng những sự tạo-tác* (hành uẩn).].] (113)

113 [Nguyên văn của 08 vị là: *ambila, tittaka, kaṭuka, madhuka, khārika, akhārika, loṇaka, aloṇaka*; mời coi thêm kinh **SN 47:8** (Quyển 5).

- Sự chú giải về chữ *viññāṇa* (*thức*) ở đây rất giống sự chú giải về chữ *saññā* (*nhận-thức*, *tưởng*), chỉ khác nhau về *loại đối-tượng cảm nhận* mà chúng nhận biết. **Spk** giải thích rằng sự khác nhau về đối-tượng chỉ ra sự khác nhau của những chức năng nhận-biết của chúng: (i) “*Nhận-thức* được phân tích theo cách của *cửa-mắt* bởi vì điều đó rõ ràng là sự nắm giữ *hình tướng và hình dạng* của đối-tượng; *thức* thì được phân tích theo cách của *cửa-lưỡi* (thiệt căn) bởi vì nó nắm giữ *những nét khác-biệt riêng* trong một đối-tượng, ngay cả khi không có hình tướng và hình dạng.”

- **Spk** tiếp tục bằng sự giải thích [cũng thấy có ghi trong **Vism** 437; **Ppn** 14:3–5] theo đó *saññā, viññāṇa*, và *paññā* lần lượt là *những chức năng nhận-biết về chiều sâu đang gia tăng, sự nhanh nhạy về phân-biệt, và sức mạnh của sự-biết*; tuy nhiên điều này khó mà hòa hợp với cách diễn tả về những yếu tố này như đã được thấy trong các bộ kinh. Thường thì trong các kinh chữ *viññāṇa* đơn giản là *sự ý thức căn bản về một đối-tượng thông qua một cơ-sở cảm-nhận* (giác quan) ... tức chỉ thuần túy là “*thức của*” hơn là dạng “*một năng lực phân biệt*”. Một cách diễn đạt như vậy về chữ *viññāṇa* trong kinh **MN 150**, mục 4, 5 đã định nghĩa nó thông qua khả năng của nó nhận biết 03 loại cảm-giác [sương, khổ, trung tính]; điều này đã chuyển đổi vấn đề khó khăn sang vấn đề phân biệt giữa *viññāṇa* và *vedanā*.

- Nữ học giả Hamilton đã thảo luận vấn đề được đưa ra bởi những đoạn này [trong bài luận *Danh Tính & Trải Nghiệm*, trang 53–55, 92–93]. Cô đã đưa ra gợi ý hữu ích rằng: mặc dù chữ *viññāṇa* ở đây được định nghĩa theo một cách xâm phạm vào lãnh địa của chữ *saññā*, nhưng chúng ta nên hiểu rằng *saññā* “*thực sự làm sự phân-biệt*” [về những đối-tượng ở tất cả 05 giác quan] trong khi đó *viññāṇa* “*là sự ý thức nhờ đó chúng ta trải nghiệm từng mỗi giai đoạn của tiến trình nhận-thức trong đó có chứa tiến trình phân biệt*” [trang 92]. Từ luận điểm của luận giảng, chữ *saññā* được thảo luận một cách đầy đủ trong **As** 110–11 và chữ *viññāṇa* [dưới tên *citta*] ở **As** 63–64.] (114)

114 [Spk: 02 phần đầu—phần *sự trống-không* và phần *tánh-không*—đã thảo luận đặc tính *vô-ngã*. Giờ Phật sẽ thảo luận đặc tính *khổ*. Trong đó, không phải *sắc* nhai nuốt một người như kiểu một con chó nhai một miếng thịt, cắn xé người đó ra, mà theo kiểu một cái áo dính dơ gây khó chịu khổ sở cho người đang mặc nó, như người ta hay nói “Cái áo này đang nhai nuốt tôi”.

- Những dòng chữ bên dưới “*Sau khi đã suy xét như vậy ...*” tương thích giống với những đoạn kết trong các kinh kinh SN 22:09–11 ở trên.] (115)

115 [Spk: Đoạn này được nói ra để cho thấy đặc tính *vô-thường*, và cho thấy bằng cách là đưa ra cả 03 *đặc-tính*.] (116)

116 [Tôi dịch đoạn này với sự trợ giúp của Spk. Spk giải nghĩa 02 cặp chữ sau như vậy: *Visineti na ussineti ti vikirati na sampiṇḍeti; vidhūpeti na sandhūpeti ti nibbāpeti na jālāpeti* [một số kinh ghi là *viseneti, usseneti*]; so sánh AN 4:200: ở đoạn (a) và (b) có cặp động từ “*lấy-vào*” và “*đẩy-ra*”. Đoạn này mô tả bậc học-nhân, người vẫn còn trong tiến trình tu để phá bỏ cái vòng luân-hồi.] (117)

117 [Spk: Đoạn này chỉ bậc A-la-hán (vô-học nhân), người an trú sau khi đã phá bỏ vòng luân-hồi.] (118)

118 [Hai câu kệ (*pāda*) cuối *c* và *d* nên đọc là: *yassa te nābhijānāma, yampi nissāya jhāyati*. Về câu hỏi “*tùy thuộc theo điều gì*”, mời quý vị đọc lại kinh AN 11:09 và chú thích 2210 ở đó và coi thêm chỗ kinh MN 22, mục 36.

- Spk nói rằng sau khi bài kinh này được nói ra, 500 Tỷ kheo đã chứng quả A-la-hán.] (119)

119 (Lưu ý trong đoạn mở đầu: *Thích-ca [Sakya]* là một nước (xứ, vương quốc) của dân tộc Thích-ca; dân tộc Thích-ca gồm có nhiều dòng họ, họ tộc khác sống trong nước Thích-ca đó. Ví dụ: Đức Phật là người dân tộc Thích-ca, họ tộc gia đình của Phật là Cồ-đàm [Gotama]. Chữ phiên âm *Thích-Ca* thường được viết hoa cả hai âm là *Thích-Ca* theo cách quen thuộc để tỏ lòng tôn kính dành cho Đức Phật, vì chúng ta thường gọi là *Phật Thích-Ca*.)

- [**Spk** chú giải: Sau khi đã trải qua kỳ An Cư Mùa Mưa (kiết hạ) ở Sāvattthī, Phật đã lên đường đi đến kinh đô Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) cùng với một đoàn lớn các Tỷ kheo. Khi họ đến đó, những người dân Thích-ca đã ra gặp Phật, họ mang theo nhiều thứ quà để cúng dường cho Tăng Đoàn. Lúc đó có sự ồn ào cãi vã giữa các Tỷ kheo về sự phân chia những đồ cúng dường đó, (và Phật đã buồn lòng) và đó là lý do Phật đã giải tán họ. Đức Phật đã làm vậy vì muốn dạy cho họ một bài học: “Đâu phải vì những thứ y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, thuốc-men (tứ vật dụng, được cúng dường bởi các thí chủ) ... mà các thầy đã từ bỏ đời sống tại gia để xuất gia tu hành, mà đó là vì (mục tiêu) thánh quả A-la-hán.”] (120)

120 [Lời đoạn kinh này cũng có ghi tương tự trong kinh **MN 67**, mục 7, nhưng trong kinh đó thì trước tiên những người họ Thích-Ca đã xin Phật tha thứ lỗi cho các Tỷ kheo đã cãi nhau, tiếp theo là vua trời Brahmā Sahampati cũng đã hiện ra thỉnh cầu Phật tha lỗi và chỉ dạy Giáo Pháp cho họ. Trong kinh **MN 67** thì thứ tự của 02 ví dụ này được đảo lại.] (121)

121 [Tôi làm theo **Se** chỗ này ghi là: *Tathārūpamiddhābhisaṅkhāraṃ abhisāṅkhāsi yathā te bhikkhū ekadvihikāya sārājjamānarūpā yena bhagavā ten’ upasaṅkameyyum*. **Be** và **Ee** ghi chữ *yenāhaṃ* thay cho *yena bhagavā*; dường như cả cụm chữ này bị bỏ mất trong **SS**. **Spk** giải nghĩa là: *Ekadvihikāya ti ek’ eko c’ eva dve dve ca hutvā. SārājjamānarŪpā ti ottappamānasabhāvā bhāyamānā*.

- **Spk chú giải**: Tại sao Phật làm chiêu thức thần thông như vậy? Là vì Phật mong muốn sự ích lợi cho họ. Bởi vì nếu họ kéo đến theo những nhóm đông thì họ sẽ không thể hiện sự tôn kính đối với Phật hoặc họ không thể tiếp thu lời dạy giáo pháp. Nhưng khi họ đến một cách bẽn lẽn, biết xấu hổ về chuyện đã ảy ra, đi một mình hay thành cặp, thì họ thể hiện sự tôn kính và tiếp nhận lời giáo lý]. (122)

122 (Ví dụ như người ta thường chửi nhục người khác là “Đồ ăn mày”.) - [**Spk** chú giải: “Bởi vì ngày xưa khi người ta nổi giận chửi người khác dơ tệt thì họ thường nói câu: ‘Ông nên mặc áo cà-sa, rồi tự đi kiếm cái bình bát và đi xin ăn!’”. Học giả *Kapāla*, đã nói rằng chữ “bình bát xin ăn” ở đây không phải là chữ thông thường được dùng để chỉ bình bát của một khất sĩ [= *patta*], mà nó

chỉ những loại bát xin ăn được dùng bởi những tu sĩ khổ sĩ ngoài đạo Phật [đôi khi nó được làm từ đầu lâu]; cách dùng chữ này thể hiện sự khinh thường miệt thị. Đoạn kinh này và đoạn kệ cũng được ghi trong kinh **It 89–90**. Một số chữ mô tả về một Tỷ kheo đang tà tu sai lạc trong đoạn (ii) bên dưới cũng được chú giải trong chú thích **176** ở kinh **2:25** (Quyển 1).] (123)

123 [**Spk** nói rằng đoạn này được đưa vào để cho thấy rằng người này đã trở thành như một khúc gỗ trong giàn thiêu xác bởi do những ý nghĩ xấu ác của mình.

- *Sự định-tâm vô dấu-hiệu* hay *vô-tướng định* (*animitta-samādhī*). **Spk** giải nghĩa đó là chỉ *sự định-tâm minh-sát* (*vipassanā-samādhī*); nó được gọi là *vô dấu-hiệu* vì trạng thái đó đã loại bỏ những dấu-hiệu (hình tướng) của sự (nhận lầm là) ‘thường-hằng, sướng, hữu-ngã, đẹp đẽ’ (thường, lạc, ngã, tịnh). Để đọc thêm những chú giải về *sự định-tâm vô dấu-hiệu*, mời coi thêm các chú thích ở Quyển 4: chú thích số 280 kinh **SN 40:09** (Quyển 4), số 312 kinh **SN 35:18**, và số 368 kinh **SN 43:04**.] (124)

124 [**Spk**: *cách-nhìn luôn hiện-hữu* (*bhavadiṭṭhi*, hữu kiến) là giống tư tưởng bất-diệt (*sassatadiṭṭhi*, thường kiến); *cách-nhìn không [tiếp tục] hiện-hữu* (*vibhavadiṭṭhi*, vô hữu kiến) là giống tư tưởng (sẽ) diệt-vong (*ucchedadiṭṭhi*, đoạn kiến). Đoạn này được đưa vào ở đây để chỉ rằng *sự định-tâm vô dấu-hiệu* không chỉ loại bỏ 03 loại ý-nghĩ bất thiện nói trên mà cũng loại bỏ tư tưởng bất-diệt và tư tưởng diệt-vong.] (125)

125 [Ở đây Phật nói kết *sự chấp-thủ* (thủ) [nó khởi sinh dựa trên cơ sở của ‘năm-uẩn’ vốn được coi là cái ‘ta’] với phần cuối của công thức *vòng nhân duyên*, như vậy cho thấy *sự chấp-thủ* hiện tại chính là *nhân* duy trì sự liên tục của vòng luân-hồi. Có nguyên một đoạn kinh song hành giống vậy ở kinh **MN 75**, từ mục 24.] (126)

126 [**Spk** nói rằng: sau khi bài kinh được nói xong, 500 Tỷ kheo đã chứng thánh quả A-la-hán cùng với các *trí-biết mang tính phân tích* (*paṭisambhidā*, vô ngại giải trí).] (127)

127 [**Spk** cho rằng: Kinh này là lúc xảy ra vụ tranh cãi của các Tỷ kheo ở Tịnh Xá Ghosita. Và sau 03 lần cố hòa giải các bên tranh cãi không xong, Phật đã

bỏ đi. Toàn bộ chuyện này, coi thêm **Vin I 337–357**; quyển ‘*Cuộc Đòi của Đức Phật*’ của nhà sư Ñāṇamoli, trang 109–119.] (Coi thêm quyển “*Giáo Trình Phật Học*” của Chan Khoon San biên tập, chương cuối “*Cuộc Đòi Đức Phật*”). (128)

128 [**Spk**: Những cư dân ở Pārileyyaka đã xây một túp lều bằng lá cây cho đức Thế Tôn trong một khu rừng được bảo vệ gần thị trấn của họ. Một cây sa-la *điềm lành* (*bhadda*) đã mọc ở đây. Trong thời gian sống nhờ vào thị trấn đó, đức Thế Tôn trú ở dưới một gốc cây gần túp lều bằng lá đó. **Spk** đã thuật lại sự việc này cùng với câu chuyện con voi đực đã đến để chờ hầu Đức Phật; coi kinh **Ud 41–42** và trong Luật Tạng **Vin I 352–53**.] (129)

129 [**Spk**: ‘*Nhóm Tỳ kheo*’ này không phải là các Tỳ kheo đã tranh cãi đó. Mà đoàn này gồm tới 500 Tỳ kheo đến từ nhiều vùng khác nhau sau kỳ An Cư mùa mưa (kiết hạ).] (130)

130 [Coi lại kinh **SN 22:55** ở trên và chú thích số 78 trong đó. **Spk** chú giải rằng câu này là đề cập tới “*thánh quả A-la-hán lập tức sau thánh đạo*” (*maggānantaraṃ arahattaphalaṃ*). Tuy nhiên, theo hệ thống các luận giảng thì thánh quả là *chắc chắn sẽ xảy ra lập tức ngay sau thánh đạo*. Tôi [TKBĐ] thì nghĩ rằng Tỳ kheo này thực sự chỉ đang hỏi làm cách nào để chứng A-la-hán một cách nhanh chóng và trực tiếp, mà không cần phải trải qua [ở lại trong] những chặng giác-ngộ thấp hơn.] (131)

131 [*Vicayasa* (một cách phân-giải). **Spk** đã giải nghĩa là = *vicayena* và đã diễn giải là: “*Sau khi (Phật) đã phân định bằng trí-biết (nó) có khả năng phân-biệt bản chất thực của những hiện-tượng khác nhau.*” Và theo sau là những phần tu-tập mà Phật đã giảng dạy, đó là: 37 phần trợ-giúp dẫn tới giác-ngộ (*bodhipakkhiyādhammā*; 37 bờ-đề phần, 37 phần trợ đạo); mời đọc lại phần *Giới Thiệu về Quyển 5* từ trang 1485–1487 trong bản dịch **SN** (CDB) của TKBĐ.] (132)

132 [**Spk** giải nghĩa chữ “*sự nhìn-nhận đở*” (*sā sasamanupassanā*) là “*sự tạo-tác cách nhìn*” (*diṭṭhi-saṅkhāra*; kiến hành). Tôi thì hiểu chữ *saṅkhāra* ở đây có nghĩa là *thứ bị điều-kiện* (bị duyên) chứ không phải là nguồn lực chủ động của sự tạo-tác, chẳng hạn kiểu như là *saṅkhata-saṅkhāra* của các luận giảng chứ không phải là *abhisankharaṇa-saṅkhāra* (hành-động của sự tạo-tác). Có

lẽ ý ở đây là, bằng cách gọi cái ‘*hành-vi nhìn nhận*’ là một “sự tạo-tác”, Đức Phật đã nhấn mạnh *sự khởi-sinh có điều-kiện* của nó. Đến phiên điều này lại làm rõ tính *vô-thường* của nó, sự ngộ ra điều đó đã đập tan *sự cố-chấp vào chính ý niệm có cái ‘Ta’* (ngã kiến thủ), và nhờ đó dẫn tới đỉnh cao là chứng A-la-hán.

- Về chữ “*sự tiếp-xúc (còn) vô-minh*” (*avijjāsamphassa*) ở bên dưới, mời coi lại chú thích số 63 ở cuối của kinh SN 22:47 ở trên.] (133)

133 [*Quan-điểm này, vốn đặt ra danh-tính của cái ‘ta’ và thế giới (so attā so loko)*, dường như xuất phát từ *Upaniṣads (Áo Nghĩa Thư)* của bà-la-môn giáo. Lại thay là luận giảng **Spk** đã im lặng bỏ qua cái quan-điểm này, và luận giảng **Ps** [khi chú giải kinh MN 22, mục 15 về *quan-điểm này*] chỉ giải nghĩa bằng một từ tối nghĩa. Đề thảo luận thêm về chỗ này, mời đọc quyển “*An Aspect of Upaniṣadic fitman and Buddhist ‘Anattā’*” của học giả Wijesekera, phần *Nghiên Cứu Phật Giáo và Vệ-đà*, trang 261–63.] (134)

134 [(Tức nghĩa là: *Nếu ta đã không tạo tác nghiệp, thì đã không có năm-uẩn hiện tại này của ta. (Giờ) nếu ta sẽ không tạo tác nghiệp tạo ra năm-uẩn, thì sẽ không có năm uẩn tương lai (tức không còn tái sinh) ...*)

- [Ở đây tôi (TKBD) đọc theo **Se** và **Ee** là: *no c’ assaṃ no ca me siyā, na bhavissāmi na me bhavissati. Be* ghi động từ thứ ba bị phủ định là *nābhavissam*. - **Spk** giải nghĩa câu này là: “*Nếu ta đã không là vậy (trong quá khứ), thì giờ đã không có những thứ thuộc ta; nếu ta sẽ không là vậy trong tương lai, thì cũng sẽ không có những thứ thuộc ta trong tương lai.*” Để đọc đầy đủ hơn về vấn đề này, mời đọc lại chú thích 75 ở trên ở đầu kinh 22:55 ở trên.] (135)

135 [**Spk**: Ngay cả khi *sự nghi-ngờ (vicikicchā)* không tồn tại trong các tâm (*citta*) dính dục-vọng (ái), thì ‘*sự tạo-tác sự nghi-ngờ*’ cũng vẫn khởi sinh bởi vì dục-vọng vẫn chưa được trừ-bỏ. Bởi vì *sự nghi-ngờ* vẫn còn khởi sinh trong một người chưa trừ bỏ *dục-vọng* (chưa đạt tới ái tận).] (136)

136 [Như vậy: bài kinh này đã giải thích về sự minh-sát (thiền quán), với 23 trường hợp, dẫn tới đỉnh cao là thánh quả A-la-hán.] (137)

137 [Toàn bộ lời bài kinh này cũng nằm trong kinh **MN 109.**] (138)

- (► Nhân tiện: “*Mẹ của Migāra*” (*Migāramātā*) là biệt danh của cô Visākḥā, là nữ đại thí chủ lớn nhất của Đức Phật; cô được gọi như vậy vì cha chồng của cô là ông Migāra (sau khi nhìn thấy trí tuệ về giáo pháp của cô đã quy phục cô và) gọi cô là “*Mẹ*”, theo cái nghĩa coi như cô là người dẫn dắt ông ta một cách thiện khéo đến với Phật Pháp (giống như một người mẹ khéo dẫn dắt con đi đúng đường vậy). *Khu Vườn Phía Đông* hay *Tịnh xá Đông Viên* là tên khu tịnh xá cô đã xây cúng dường cho Đức Phật và Tăng Đoàn).

138 [Nguyên văn: *Ime ... pañcupādānakkhandhā chanda-mūlakā*. **Spk** giải nghĩa chữ *chanda-mūlakā* (bắt rễ từ *dục* (ham muốn) là = *taṇhā-chanda-mūlakā* (bắt rễ từ *ái* và *dục*). Về cách năm-uẩn bắt nguồn từ *dục-vọng* (ái), coi lại kinh **SN 22:05** và chú thích số 30 ở đó.] (139)

139 [Phần hỏi đáp này cũng có trong kinh **MN 109**, mục 6 và **MN 44**, mục 6; coi thêm kinh **SN 22:121** ở dưới.

- **Spk**: “*Sự chấp-thủ không phải là một với năm-uẩn bị dính chấp*”: bởi vì năm-uẩn đơn giản được quy gọn thành ‘*dục* và *tham*’; “*nhưng sự chấp-thủ cũng không phải khác với năm-uẩn bị dính chấp*”: bởi vì không có sự chấp-thủ nào khác ngoài các uẩn là một yếu-tố đồng sinh hay một đối-tượng. Khi một tâm (*citta*) có dính *dục-vọng* xảy ra, thì thể sắc được sinh ra bởi tâm đó là thuộc về sắc-uẩn, và những trạng thái tâm còn lại là thuộc về 4 uẩn kia: như vậy không có sự chấp-thủ nào nằm ngoài các uẩn như những yếu-tố đồng sinh (với uẩn). [Ngoại trừ *dục-vọng*, bởi vì *dục-vọng* là cái dính chấp theo các uẩn, và một yếu-tố thuộc tâm không thể tặc chấp-thủ vào chính nó]. Rồi, tương tự, cũng không có sự chấp-thủ nào nằm ngoài các uẩn như một đối-tượng, bởi vì khi sự chấp-thủ khởi sinh nó lấy một uẩn làm đối-tượng, chẳng hạn như sắc-uẩn.] (140)

140 [“*Cho sự thể-hiện của sắc uẩn*” (*rūpakkhandhassa paññāpanāya*). Có lẽ nên dịch câu này là “*cho sự mô-tả về sắc uẩn*”. Chữ *paññāpana* nghĩa gốc là sự “*làm cho biết, làm cho thấy*” và thứ “*được làm cho biết, được làm cho thấy*” bằng cách thể hiện ra hay bằng cách được mô tả (để người ta biết hay thấy). (141)

141 [Tôi chọn cách ghi trong đoạn song hành của kinh **MN 109**, mục 14, là *anattakatāni kammāni kam attānaṃ phusissanti*. Trong kinh **SN** này, phiên bản **Be** và **Se** ghi là *katham attānaṃ*, và **Ee** ghi là *katam attānaṃ*, có lẽ đều nên được chỉnh lại là *kam attānaṃ*. **Spk** không chú giải gì về chỗ này nhưng luận giảng **MA** thì giải thích rằng: vị Tỳ kheo này đã bị rớt vào quan điểm bất-diệt (thường kiến), nghĩ rằng có một cái ‘ta’ hay ‘bản ngã’ bất diệt.] (142)

142 [Nguyên văn cả câu này: *Paṭipucchā-vinutā kho me tumhe bhikkhave tatra tatra tesu tesu dhammesu*. Cách ghi trong phiên bản **Ee**, và trong kinh **MN** (phiên bản **Ee**) nên được sửa lại cho đúng như vậy. Chỗ này luận giảng **MA** về bộ kinh **MN** và cả **Spk** đều không chú giải gì, nhưng chúng ta cũng dễ thấy rằng “*sự chỉ dạy thông qua vấn-đáp*” là phương pháp hỏi-đáp được dùng như trong đoạn kế tiếp.] (143)

143 [(Đoạn cuối người dịch Việt ghi đầy đủ như kinh **MN 109** để người đọc đầy đủ luôn). [Kinh **MN 109** kết luận rằng, trong khi bài thuyết giảng này đang được nói ra, tâm của 60 vị Tỳ kheo đã được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm. Còn **Spk** thì ghi rằng: vào lúc Đức Phật nói xong *mỗi* bài kinh trong **NHÓM 3** này có 500 Tỳ kheo đã chứng thánh quả A-la-hán! Phần thi kệ cuối kinh này chỉ có trong phiên bản **Be** và **Ee**, nhưng không có trong **Se**, và cũng không có trong kinh **MN 109**.] (144)

144 [Thầy Phú-lâu-na được Phật cho là đệ nhất trong số những đệ tử giỏi thuyết pháp, coi kinh **AN 1:196**. Về thầy Phú-lâu-na và hạnh nhãn-nhìn của thầy; mời đọc lại kinh **SN 14:15** (Quyển 2).] (145)

145 [Chữ *upādāya* có một nghĩa kép nên rất khó ‘bắt’ được nghĩa khi dịch chỗ này. Khi ở thể tuyệt đối là *upādiyati* nó có nghĩa là “*đã dính chấp vào/theo*” (cái gì), nhưng nó cũng có nghĩa thành ngữ là “*xuất thân từ, có từ, tùy thuộc vào*” như trong cách diễn đạt của câu *catunnañ ca mahābhūtānaṃ upādāya rūpaṃ* (sắc xuất thân từ bốn yếu tố tứ-đại). Ngay chỗ này thì tôi dịch là “*bằng sự chấp-thủ vào*” với giả định nghĩa đen này là nghĩa chính, nhưng **Spk** thì cứ nhấn mạnh nghĩa thành ngữ của nó bằng lời chú giải như vậy: *Upādāyā ti āgamma ārabhha sandhāya paṭicca*; trong đó “*chữ upādāya: phụ thuộc vào, dựa trên, dựa trên căn bản, tùy thuộc vào (mà có)*”. Ví dụ cái gương có thể ủng hộ nghĩa này, và cả hai nghĩa đều có lẽ có ý nói rằng: Một

người trẻ soi nhìn hình ảnh của mình (trong gương) bằng sự quan-tâm tới diện mạo của cá nhân mình [*“với sự chấp-thủ”*] và hình ảnh trở nên hiện thị tùy thuộc vào/ dựa vào cái gương (mà có). Cũng giống như vậy, một người nhìn nhận cái ‘*ta-là*’ với *sự chấp-thủ* vào *các uẩn* như những thứ đối chiếu khách quan, cho nên cái ý-niệm về cái ‘*ta-là*’ (ngã mạn) khởi sinh (tức còn chấp theo các uẩn là còn có cái ‘*ta*’ (tự ngã) khởi sinh). Coi thêm kinh **22:151**, ở đó lại tiếp tục có sự chơi chữ với 2-nghĩa của chữ *upādāya* này.] (146)

146 [**Spk** giải thích: nghĩa là thầy ấy đã thâm nhập *Bốn Diệu Đế* bằng trí-tuệ và chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.] (147)

147 [Coi kinh **SN 21:09** (Quyển 3) và chú thích ở đó.] (148)

148 [Đoạn mô tả trạng thái một Tỷ kheo như vậy cũng có trong các kinh khác, ví dụ trong kinh **47:09**, chú thích 139 và **47:13**, chú thích 159 (Quyển 5).

- **Spk** không giải thích từ-nguyên của chữ *madhurakajāto*, chỉ giải thích câu đầu theo nghĩa là “*Thân đã trở nên khó dụng, cứ nặng nề.*” *Madhuraka* có nghĩa là “ngọt, dễ chịu, quyen rũ”, nhưng tôi đã dịch theo ý chú giải của **PED** là “*như uống nước ngọt ngào mà có tâm độc*”.

- Câu “*các thứ không rõ ràng đối với tôi*” là dịch câu “*dhammā pi maṃ na paṭibhanti*”. **Spk** coi chữ *dhammā* là “*những giáo pháp*” và nó diễn dịch nghĩa là: “*Ngay cả những giáo pháp không còn rõ ràng đối với tôi; những gì tôi học và nghiên cứu giờ không hiện ra*”. Có thể chữ *dhammā* (viết thường) ở đây chỉ mang nghĩa chung là *những thứ, những sự* (các pháp) chứ không chỉ riêng là *những giáo pháp, những giáo lý*. Vì vậy ở đây dịch nghĩa chung là “*các thứ không còn rõ ràng đối với tôi*”. (Cách dịch này cũng áp dụng cho câu này trong các kinh khác mới nói trên).] (149)

149 [**Spk** nói: Thầy ấy không chỉ hài lòng, mà sau khi có được sự yên-ủi từ Đức Phật, thầy ấy đã tinh tấn và tinh cần, và thời gian sau đó thầy cũng được thiết lập trong thánh quả A-la-hán.] (150)

150 [TKBD: Lập trường của thầy này không hẳn là giống tư tưởng diệt-vong khi chết (đoạn kiến), bởi thầy ấy không cho rằng mọi chúng sinh đều bị hủy

diệt sau khi chết. Đường như thầy ấy: **(i)** có quan-điểm trường tồn bất-diệt (thường kiến) đối với những chúng sinh không giác-ngộ [do họ có một bản ngã nào di chuyển từ kiếp này sang kiếp khác] và **(ii)** có quan-điểm diệt-vong đối với A-la-hán [do A-la-hán hoàn toàn tịch diệt sau khi chết].

- **Spk** nói rằng: nêu ý của thầy ấy là “*Những sự tạo-tác (hành) sinh rồi diệt; đó là một tiến trình đơn giản của những sự tạo-tác đạt tới sự không-còn xảy ra*”, thì đó không phải là một quan-điểm (*ditthigata*) mà là một *sự-biết đúng theo Giáo Pháp*. Nhưng do thầy ấy nghĩ “*Một chúng sinh sẽ bị tiêu diệt và hủy diệt*”, nên ý này là một quan-điểm (kiến, tà kiến).

- Đoạn tiếp theo là tương tự như sự việc và tình huống xảy ra trong các kinh **MN 22**, từ mục 3 và **MN 38**, từ mục 3 (một Tỷ kheo nói một quan-điểm sai lầm so với lời của Đức Phật, và các Tỷ kheo khác đang cố khuyên can và vấn hỏi Tỷ kheo đó.) (151)

151 [**Spk** chú giải: Sau phần chỉ dạy giáo lý về 03 đặc-tính chỗ này, thầy Yamaka chứng quả Nhập-lưu. Thầy Xá-lợi-phất đã hỏi những câu hỏi sau đây để sát hạch thầy Yamaka và để cho thầy Yamaka chứng tỏ rằng mình đã từ bỏ cái *quan-điểm sai trái* đó của mình (vì phải trừ bỏ tà-kiến và có được chánh-kiến mới có thể chứng quả Nhập-lưu) .

- **Spk** giải nghĩa chữ *tathāgata* ở đây là một ‘*chúng sinh*’ (*satta*): điều này tôi [TKBĐ] thấy không thỏa đáng. Tôi coi chủ-đề của cuộc thảo luận ở đây không phải là một ‘*chúng sinh*’ mà là về ‘*A-la-hán*’ được nhìn nhận là một *chúng sinh*, như một bản ngã thực chất có tự tính. Như vậy phần vấn-đáp này đã cho thấy thầy Yamaka đã dẹp bỏ cái *quan-điểm có danh-tính* (thân kiến; *sakkāyadiṭṭhi*) của mình, và bằng cách đó quan-điểm của thầy ấy về “*A-la-hán là một cái ‘ta’ trải qua sự diệt-vong*” cũng đã được dẹp bỏ.

- Chúng ta tìm thấy có sự chuyên đổi tương tự từ *A-la-hán* (*vimuttacitta bhikkhu* = Tỷ kheo có tâm được giải-thoát) sang *Như Lai* (*Tathāgata*) như trong kinh **MN 22** và **MN 72**.] (152)

152 [03 mệnh đề khả dĩ đầu tiên (1), (2), (3)—*coi từng uẩn là Như Lai, Như Lai là ở trong các uẩn, và Như Lai là khác với các uẩn*—là tương ứng với 03 kiểu nhìn-nhận trong kinh *Mūlapariyāya Sutta* (**MN 1**), và chúng được nói

trong liên hệ với *những cơ-sở cảm-nhận* (sáu xứ) trong các kinh **SN 35:30, 35:31** (Quyển 4). Mệnh đề thứ tư (4) thì *coi sự kết hợp năm-uẩn là Như Lai*; thứ năm (5) là *coi Như Lai là vượt trên, không liên hệ gì các uẩn*. Những kiểu nhìn-nhận này có thể cũng liên quan với *20 loại quan-điểm có danh-tính* (thân kiến).] (153)

153 [Nguyên văn câu này: *Diṭṭh' eva dhamme saccato thetato tathāgato anupalabbhiyamāno*. So sánh với kinh **MN 22**, mục 15-16 có ghi câu: *Attani ca bhikkhave attaniye ca saccato theta- to anupalabbhamāne*. Và từ mục 17-21 có câu: *Diṭṭh' evāhaṃ bhikkhave dhamme tathāgataṃ ananuvejjo ti va-dāmi*. (Mời đọc lại kinh **MN 22** để song chiếu các ý nghĩa như trong kinh này).]

- (Nói nôm na, chỗ đoạn này có nghĩa là: cái ‘*năm-uẩn*’ không phải là cái ‘*ta*’ (ngã). Không có cái ‘*bản thân*’ (bản ngã, danh tính) nào của Như Lai hay của Tỳ kheo A-la-hán bị tiêu hủy và hủy diệt khi chết cả, chỉ có cái sự ‘*năm-uẩn*’—khi hợp thì có khi hết hợp thì tan—mà thôi).] (154)

154 [Y hết chú thích 147 cuối kinh **22:83** kê trên: (**Spk**: thầy ấy đã thâm nhập *Bốn Diệu Đế* bằng trí-tuệ và chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu).] (155)

155 [Đoạn này có thể đọc như một sự giải nghĩa cho câu cách-ngôn nổi tiếng của Phật: “*Ta chỉ cho thấy [chỉ dạy về] sự khổ và sự chấm-dứt khổ*”, coi câu này ở cuối kinh **SN 22:86** kê dưới.] (156)

156 [**Ee** ghi chữ này là *daheyya*, có lẽ đúng hơn là *saddaheyya* như **Be** và **Se** đã ghi.] (157)

157 [**Spk** diễn dịch ví dụ: (i) *Người phạm chưa được chỉ dạy* dính trong vòng luân-hồi giống như người gia chủ cả tin trong ví dụ này, *năm-uẩn mong manh vô thường* giống như kẻ thù sát thủ. (ii) Khi kẻ thù tới gặp mở lời muốn phục vụ ông chủ, đó giống như lúc *năm-uẩn* đã được thu nạp vào lúc tái-sinh. (iii) Khi ông chủ coi kẻ thù là bạn hữu, đó giống như lúc người phạm tục nắm giữ *năm-uẩn*, nghĩ rằng “*Chúng là của-ta*”. (iv) Vinh dự ông chủ ban cho kẻ thù giống như người phạm tục dung dưỡng *năm-uẩn* bằng cách trân quý nó, tắm rửa nó, cho nó ăn uống, chăm sóc nó ... suốt đời. (v) Kẻ sát hại ông chủ

thì giống như sự hủy diệt sự sống của người phạm tục khi *năm-uẩn* tan rã.] (158)

158 [04 đoạn b, c, d, e cũng có trong kinh **22:55** ở trên.] (159)

159 [Chỗ này mời coi lại chỗ **12:15** (Quyển 2) với các chú thích số 31 và 32 trong đó.] (160)

160 [Câu cuối cùng này không có trong **Be.**] (161)

161 [Lời bài kinh này cũng có trong **44:02** (Quyển 4) có ghi đầy đủ những vấn-đáp; kinh **22:86** này thì ghi tóm lược hơn].

- (► Lưu ý: ngài Anurādha tạm đọc phiên âm (Việt hay HV) là A-nu-rà-đa hay A-nậu-là-đa) để tránh dễ bị đọc nhầm với ngài Anurudha (A-nậu-lâu-đa).] (162)

162 [Nguyên văn câu này là: *Tathāgato uttamapuriso paramapuriso paramapattipatto*. Điều này nên xác lập rằng “*Như Lai*” ở đây không phải là “*một chúng sinh*” mà là một vị Phật hay một A-la-hán; cách diễn đạt này cũng có trong kinh **SN 44:09** (Quyển 4). Bốn trường hợp giả định này đều bắt rễ từ một khái-niệm rằng Như Lai là một ‘người’, một cái ‘ta’ hay ‘tự ngã’. Những luận giảng luận giải: trường hợp 1 là tư tưởng bất-diệt (thường kiến), trường hợp 2 là tư tưởng diệt-vong (đoạn kiến), trường hợp 3 là tư tưởng hồ-lớn (gộp chung; 1 phần của tư tưởng bất-diệt), và trường hợp 4 là tư tưởng hoài-nghi lảng tránh.

- Toàn bộ 02 chương trong bộ kinh **SN** là *Vacchagotta-samyutta* [**SN 33**] và chương *Abyākata-samyutta* [**SN 44**] là nói về những trường hợp giả định này. Coi thêm kinh **16:12** (Quyển 1).] (163)

163 [**Spk** diễn dịch đại ý rằng: Nên nói rằng: nếu thầy Anurādha trả lời mà còn đề cập lại 04 trường hợp mà họ đã hỏi, thì chúng giống như những kẻ thù của Giáo Pháp. Đức Phật không bao giờ mô tả [một Như Lai] theo cách họ đã hỏi. Đức Phật chắc hẳn đã mô tả về một Như Lai theo cách khác.] (164)

164 [Câu cách-ngôn của Phật có thể được diễn dịch ở 02 mức độ. (1) Ở mức độ nông cạn hơn: có thể hiểu Phật không tuyên bố để trả lời những câu hỏi

siêu hình như về kiếp sau ... mà Phật chỉ giảng dạy về *con-đường tu tập thiết thực để đạt tới sự chấm-dứt khổ ngay trong kiếp này* [tại đây và bây giờ]. Tuy nhiên, sự diễn dịch này lại không kết nối được cách-ngôn này với lời tuyên bố trước đó của Phật rằng “*Như Lai*” là “*không nắm bắt được*” ngay trong kiếp này. (2) Để kết nối được chỗ này, chúng ta phải đưa ra sự diễn dịch thứ hai theo đó “*Như Lai*” chỉ đơn thuần là một *danh từ quy ước* được dùng để chỉ “*một tổ-hợp của những sự tạo-tác vô thường*”, tổ hợp đó là “*khổ*” bởi chúng không có một bản-thể thường hằng nào cả. Chúng chỉ có mặt khi Như Lai còn sống, và chúng chỉ chấm dứt khi Như Lai qua đời. (Chứ không có một cái ‘*Như Lai*’ nào trở thành này thành nọ sau khi chết). Ngữ cảnh trong kinh **MN 22**, từ mục 30 cũng ủng hộ cách diễn dịch thứ hai này.] (165)

165 [Trong kinh **AN 1:208** thầy Vakkali được Phật tuyên bố là *đệ nhất* (trong số những đệ tử) *có niềm-tin bất thối chuyển (etadaggaṃ saddhādhimuttānam)*. - **Spk** chú giải: Sau khi trải qua kỳ an cư Mùa Mưa (kiết hạ), vị trưởng lão này đã lên đường đi gặp Đức Phật, rồi bị ngã bệnh nặng khi đang ở giữa kinh thành (Vương Xá). Thầy ấy không thể đi bộ được nữa, vì vậy họ đã đặt thầy ấy lên một cái cáng và khiêng thầy ấy vào một lán kho của một lò gốm.] (166)

166 [Cử động, tựa mình, muôn ngời dậy ... là để tỏ lòng kính trọng và chào đón khi có người (Phật) đến thăm mình; chú thích này và lời đoạn kinh tiếp theo cũng giống lời trong kinh **SN 35:74** (Quyển 4).] (167)

167 [Nguyên văn hai câu này là: *Yo kho Vakkali dhammapassati, somampassati. Yomampassati, so dhammaṃ passati*. **Spk** chú giải như vậy: “Ở đây Đức Thế Tôn đã cho thấy [bản thân mình là] thân Giáo Pháp (Pháp thân), như đã được ghi trong câu ‘*Này đại vương, Như Lai là thân Giáo Pháp.*’ Bởi vì *09 Giáo Pháp siêu thế* là thân của Như Lai.”] Tôi [TKBĐ] không thể truy ra được trong Kinh Tạng hay Luật Tạng có câu nào giống như câu mới được **Spk** dẫn ra. **Spk** có lẽ đã trích nhầm từ kinh dài **DN 27**, mục 9, câu đó thực ra là: “*Này Vāseṭṭha, bởi vì đây là một cách để chỉ (mô tả) Như Lai, đó là, thân Giáo Pháp ...*” (*tathāgatassa h’ etaṃ Vāseṭṭha adhvacaṇaṃ dhammakāyo iti pi...*). Về “*09 Giáo Pháp siêu thế*” [đó là: *04 thánh đạo, 04 thánh quả, và Niết-bàn*] mời coi thêm chú thích số 51 ở kinh **22:39** ở trên.

- Mặc dù mệnh đề thứ hai có lẽ đơn giản nói rằng ‘*bằng cách nhìn thấy thân của Phật là nhìn thấy Giáo Pháp*’, nhưng chắc chắn ý nghĩa là: ‘*để thực sự thấy Phật thì người tu nên nhìn thấy Giáo Pháp, (đó) là sự-thật mà người tu cần giác ngộ tới.*’ Vì vậy đoạn vấn-đáp kế tiếp là chủ ý hướng dẫn thầy Vakkali đạt đến sự chứng ngộ.] (168)

168 [Chỗ đó là cùng chỗ thầy Godhika đã tự kết liễu thân mình và bát niết-bàn, như trong kinh **SN 4:23** (Quyển 1).] (169)

169 [(Nghĩa là = *giải-thoát khỏi thân*, bằng cách tự kết liễu thân bệnh đau đớn của mình). *Ý định giải-phóng [mình]: vimokkhāya ceteti.* **Spk** giải thích: là để đạt tới sự *giải-phóng của đạo (magga-vimokkhatthāya)*. Mặc dù chữ *vimokkha* và *vimutti* đều có cùng có tiếp đầu ngữ (*vi + muc*) nhưng chúng thường xuất hiện trong những ngữ cảnh khác nhau. Để khỏi lẫn lộn, tôi (TKBD) dịch chữ trước là “*giải-phóng*” và chữ sau là “*giải-thoát*”. Thật sự thì trong lời kinh ở đây chúng là đồng nghĩa nhau.] (170)

170 [(Tức: giải-thoát và lập tức chứng quả A-la-hán). Nguyên văn cụm chữ: *suvimutto vimuccissati.* **Spk**: nghĩa là thầy ấy sẽ được giải-thoát bằng sự giải-thoát của thánh quả A-la-hán. Những thiên thần đã nói như vậy bởi vì họ biết “*Cho dù thầy ấy phát khởi sự minh-sát theo cách thức nào, thầy ấy sẽ lập tức chứng quả A-la-hán.*”] (171)

171 [TKBD: khi nhờ thừa với Phật bằng những lời như trên, thầy Vakkali đã chứng tỏ mình đã chứng ngộ quả A-la-hán; mặc dù **Spk** không khẳng định lúc đó thầy ấy đã chứng quả như vậy, nhưng dựa theo lời kinh thì khó mà nói giảng luận **Spk** là đúng cho được.

- Để biết thêm chuyện về các Tỷ kheo khác cũng tự kết liễu thân bệnh của mình cũng nghĩ mình đã là một A-la-hán, mời coi kinh **SN 35:87** (Quyển 4) về thầy Channa.

- Thầy Godhika trong kinh **SN 4:23** (Quyển 1, và coi thêm các chú thích của nó) đã tự sát nhưng không có niềm tin mình đã là A-la-hán, thầy ấy kết liễu thân mạng chỉ vì sự tuyệt vọng với sự bệnh đau quá sức chịu đựng của thân. Tuy nhiên thầy ấy rút cuộc cũng chứng quả A-la-hán *ngay khi chết*. Về trình

tự ‘*từ tự sát cho đến chứng quả A-la-hán*’ của thầy Godhika, mời đọc lại kinh **SN 4:23** và các chú thích số 313, 314 ở đó.] (172)

172 [TKBD: Tôi đọc câu này theo **Be** ghi là: *gelaññe passambhetvā passambhetvā kāyaṅkhāre viharāmi, so ’haṃ samādhim nappaṭilabhāmi*. Ở đây ‘*những sự tạo-tác của thân*’ chính là = “*sự thở-vào và thở-ra*” (*assāsa-passāsa*); coi thêm kinh **MN 44**, mục 13-21 (tức = **SN 41:06**, Quyển 4).

- **Spk** chú giải rằng: Người tu duy trì sự lẩn-lặng của ‘*sự thở vào-thở ra*’ khi người tu đang an trú trong tầng thiền định thứ tư, trong trạng thái đó hơi-thở đã ngưng thở [**SN 36:11**]. Do người tu đó bị rút ra khỏi tất cả các trạng thái tầng thiền định mà mình đã từng chứng nhập trước đó, cho nên người đó cứ lo nghĩ “*Cầu mong ta sẽ không rút khỏi Giáo Pháp này.*”] (173)

173 [**Spk** đã diễn dịch nghĩa chỗ này [cứ như Phật đã từng nói] rằng: “*Trong Giáo Pháp của ta, đó [sự định-tâm] không phải là cốt lõi; cốt lõi là minh-sát, thánh đạo, và thánh quả.*” (*Samādhisarakā samādhisāmaññā ti samādhim yeva sārāṇ ca sāmaññā ca maññanti.*)] (174)

174 [**Spk** nói rằng, khi hét phần Đức Phật nói về “*03 đặc-tính*” (vô-thường, khổ, vô-ngã) như trên, thầy Assaji đã chứng thánh quả A-la-hán. Nhưng Phật tiếp tục nói thêm đoạn kinh mẫu này là để chỉ ra “*sự an-trú thường xuyên*” của một A-la-hán. Đoạn kinh mẫu kể dưới từ (3)-(5) cũng có ghi trong kinh **12:51** (Quyển 1) chỉ *khác ví dụ*, và trong các kinh **22:88** (Quyển 3) và **54:08** (Quyển 4) với *cùng ví dụ*; và cũng có trong kinh **MN 140**, mục 23-24 với *cùng ví dụ*.

- (Đoạn (3): lời kinh gốc ghi theo nghĩa thụ động: ‘*người đó hiểu: ‘Nó không được nắm giữ (dính theo)’*; người đó hiểu: ‘*Nó không được ưa thích*’, nhưng người dịch Việt đã dịch theo nghĩa chủ động cho dễ hiểu: ‘*người đó hiểu: ‘Không nắm giữ (dính theo) nó*’; người đó hiểu: ‘*Không ưa thích nó*’).] (175)

175 [Đoạn này nêu rõ sự khác-nhau cốt lõi giữa bậc học-nhân (*sekha*) và A-la-hán. Bậc học-nhân đã loại bỏ cái *quan-điểm có danh-tính* (thân kiến) và do vậy không còn nhìn nhận bất kỳ uẩn nào là cái ‘ta’, nhưng họ vẫn chưa loại bỏ *vô-minh, vô-minh* còn duy trì tàn dư hơi hướng của *sự tự-ta* (ngã mạn) và

dục (tham muốn) cái ‘ta-là’ (*anusahagato asmi ti māno asmi ti chando*) trong liên quan với *nām-uẩn*. Ngược lại, bậc A-la-hán thì đã bừng sạch vô-minh, là gốc rễ của mọi quan niệm sai lầm, và do vậy không còn dung dưỡng ý tưởng nào về cái ‘ta’ hay ‘của-ta’. Những trưởng lão kia rõ ràng chưa chứng ngộ tầng giác-ngộ nào và do vậy không hiểu được sự khác-nhau này; nhưng Ngài Khemaka chắc chắn đã chứng ngộ ít nhất quả Nhập-lưu [**Spk-pt**: một số người cho rằng ngài đã là bậc thánh Bất-lai, số khác cho rằng ngài là Nhất-lai] và do vậy ngài đã biết rõ sự loại bỏ *quan-điểm về danh-tính* chưa hẳn là đã loại bỏ hết cái cảm-nhận về ‘danh-tính cá thể’ của mình. Ngay cả đối với bậc thánh Bất-lai thì “*cái mùi chủ-thể*” dựa trên *nām-uẩn* vẫn còn phảng phất trong khắp sự trải nghiệm của mình.] (176)

176 [Chữ này tôi chọn theo cách ghi của **SS** là *vaṇṭassa*; 03 phiên bản in giấy kia đều ghi chữ *vaṇṇassa*.] (177)

177 [**Spk**: *Tiến-trình tâm* của người phàm phu giống như một tấm vải dính đất bụi, dơ bẩn. 03 phân tu thiền quán [về tính vô thường, khổ, vô ngã] thì giống như 03 loại chất tẩy giặt tẩy những thứ dơ bẩn ô nhiễm đó. Tiến trình tâm của bậc thánh Bất-lai thì giống như tấm vải đã được giặt tẩy bằng 03 loại chất tẩy [và bậc ấy đang tu tiếp chặng thánh đạo A-la-hán để tiến tới chứng ngộ thánh quả A-la-hán]. Toàn bộ ô-nhiễm đã được tẩy sạch bởi chặng thánh đạo A-la-hán, chỉ còn lại chút tàn dư hơi hướng giống như mùi của nước tẩy hay xà bông còn phảng phất trên tấm vải đã sạch. Còn trí-biết ở chặng thánh đạo A-la-hán thì giống như một ngăn tủ thơm tho mùi thơm, và tiến trình diệt sạch mọi ô-nhiễm bằng chặng thánh đạo này giống như sự phai biến dần dần và sạch mất cái mùi của các chất tẩy còn vương trên tấm vải; sau một thời gian nó được đặt vào ngăn tủ nó sẽ dần dần biến sạch luôn.”. (Sự biến-sạch cái tàn dư của “*cảm-nhận về cái ‘ta-là’*” chính là sự chứng đắc thánh quả A-la-hán).] (178)

178 [**Spk** nhận diện thầy Channa này chính là người lái xe ngựa của Đức Phật (lúc còn là thái tử) đã đưa Phật ra khỏi kinh thành vào cái đêm thực hiện cuộc xuất-gia mãi mãi của Phật. Channa đã thụ giới thành Tỳ kheo, nhưng do ý lại vào mối quan hệ thân cận của mình với Phật, thầy ấy thường tư cao tự đại, thị uy và ăn nói gắt gỏng với các Tỳ kheo khác. Không lâu trước khi Phật bát-niết-bàn, Phật đã chỉ dụ cho Tăng Đoàn áp đặt hình phạt *brahma-danda* [một

hình thức cảnh cáo im lặng; coi *Đại kinh Bát Niết-Bàn (DN 16)*, mục 6.4]. (Theo nhà sư W. Rahula, “*brahma*” là thuộc bậc trời, tức cao quý; ‘-*danda*’ có nghĩa là cây gậy, gậy gộc, hình phạt. “*Brahma-danda*” có nghĩa là hình phạt dành cho các bậc cao quý). Giờ, khi Channa nhận ra mình bị Tăng Đoàn coi là thành phần bất xứng, thầy ấy thấy run sợ bởi “*cảm-nhận về sự cấp-bách*” (*saṃvega*) phải mau chóng tu tập mới có thể giác-ngộ. Đó là hoàn cảnh của bài kinh khi thầy ấy bắt đầu đi thỉnh cầu những bậc trưởng lão chỉ giáo cho mình cách tu tập.] (179)

179 [Spk: Mọi sự tạo-tác trong ba cõi (*sabbe tebhūmakā saṅkhārā*) là vô thường; mọi hiện-tượng trong bốn cõi (*sabbe catubhūmakā dhammā*) đều vô ngã. Vì sao các Tỷ kheo không đề cập luôn đặc tính “khổ”? Do họ nghĩ “Channa là người hay tranh cãi. Nếu nói tới “khổ” thầy ấy sẽ cãi và có thể nói ngang kiêu như: ‘Nếu sắc uẩn, thọ uẩn ... đều là khổ thì đạo và quả cũng là khổ, vậy người tu chẳng chứng đắc được gì ngoài sự khổ ...’ Do vậy họ chỉ nói về vô thường và vô ngã để khỏi bị bắt bẻ.

- Coi thêm kinh **MN 35**, mục 4 và mục 9, trong đó chỉ đề cập về tính “vô thường” và “vô ngã” trong bối cảnh rõ ràng hai bên đang tranh luận. Luận giảng về đoạn kinh đó cũng đưa ra giải thích tương tự như trên về lý do không nhắc đến “khổ”.] (180)

180 [Nguyên văn câu này: *Atha ko carahi me attā*. Spk diễn dịch rằng: Nghe nói rằng vị trưởng lão này đã bắt đầu tu tập thiền minh-sát mà chưa phân biệt được những điều-kiện (các duyên tạo ra năm-uẩn). Sự minh-sát yếu ớt của thầy ấy đã không thể loại bỏ được sự nắm-giữ cái ‘ta’ (*attagāha*), và do vậy khi những sự tạo-tác xuất hiện đối với thầy ấy là trống không, thì sự kích-động đã khởi lên trong thầy ấy cùng với quan điểm diệt-vong (đoạn kiến) rằng “Tôi sẽ bị hủy diệt, tôi sẽ bị tiêu diệt”. Thầy ấy thấy mình đang rớt xuống vực thẳm. [Spk-pt: Sự kích-động thông qua sự sợ-hãi (*bhayaparitasanā*) và sự chấp-thủ theo những tà-kiến (*diṭṭh’ upādāna*) đã khởi lên trong thầy ấy thông qua ý nghĩ: “Nếu những hiện-tượng là vô-ngã, vậy thì những hành-động được làm bởi thứ vô-ngã tác động tới cái ‘ngã’ nào?” [coi thêm kinh **22:82** và chú thích 142]. Sự phân-biệt hay sự nhận-biết những điều-kiện (duyên) (*paccayapariggaha*) là một giai đoạn tu tập sự minh-sát trong đó người thiền khám phá những điều-kiện làm khởi sinh năm-uẩn [coi

thêm **Vism**, Chương 9]. Theo trình tự đúng đắn của sự tu tập, thì giai đoạn này nên *dẫn trước* sự điều-tra về năm-uẩn là ‘vô thường, khổ và vô-ngã.’] (181)

181 [*Sự cần-cối (khiḷam pabhindi)*. Kinh trung **MN 16**, mục 3-7, có đề cập tới *05 sự cần-cối của tâm = 05 sự hoang-dại của tâm (cetokhila)*. Vấn đề của thầy Channa ở đây có lẽ cái thứ năm, đó là “*sự tức-giận và khó-chịu với những Tỳ kheo đồng đạo của mình*” (bởi trước giờ thầy Channa thường hay ‘cao ngạo và khinh thường’ đối với các Tỳ kheo khác do nghĩ mình từng là người lái xe ngựa thân cận của Phật khi Phật còn là thái tử).] (182)

182 [Thầy Ānanda chọn kinh *Kaccānagotta Sutta* [**SN 12:15** (Quyển 2)] là rất thích hợp, vì kinh này dạy về cách mà ‘*sự khởi-sinh tùy thuộc*’ (lý duyên khởi) là đối ngược với 02 quan-điểm cực đoan là *tư tưởng bất-diệt* (thường kiến) và *tư tưởng diệt-vong* (ngã kiến), và thay thế *cách-nhìn có cái ‘ta’* (ngã kiến) bằng *sự chứng ngộ lẽ-thực* rằng “*chỉ có khổ sinh và khổ diệt*” mà thôi.] (183)

183 [Kinh **22:91** này là *giống hệt* kinh **18:21** (Quyển 2), và kinh **22:92** kế tiếp là *giống hệt* kinh **22:72** (Quyển 3 này), chỉ khác tên của 02 Tỳ kheo. Nếu cần mời coi các lại chú thích ở trong các kinh trước.] (184)

184 [Ngay chỗ này và đoạn sau đây, bài kinh này đưa ra một luận điểm đối-ngược với thông điệp của kinh *Kaccānagotta Sutta* [**SN 12:15** (Quyển 2)]. Ở đây Đức Phật nhấn mạnh rằng Phật không từ chối tất cả những giả-định thuộc bản thể học, mà chỉ từ chối những giả-định vượt ra khỏi giới hạn của sự trải nghiệm khả thi. Trong khi kinh *Kaccānagotta Sutta* chỉ ra rằng “*giáo lý trung-đạo*” loại bỏ những quan-niệm cố định và mang tính thực thể về sự hiện-hữu và sự không hiện-hữu, thì bài kinh này lại cho chỉ rằng “*giáo lý trung-đạo*” có thể dung dưỡng những tuyên bố rõ ràng về những vấn đề bản thể học này. Ở đây sự khẳng định về sự hiện-hữu của năm-uẩn, *như một tiến trình vô thường*, là như một cú đáp-trả cho những thuyết hư ảo cho rằng thế giới không có những sự hiện-hữu thực.] (185)

185 [**Spk** chú giải: ‘*Hiện-tượng thế giới*’ hay ‘*pháp thế gian*’ ở đây là chỉ: *năm-uẩn*; ‘*trong thế giới*’: là trong thế giới của những sự tạo-tác, trong thế giới các hành (*saṅkhāra-loka*). *Năm uẩn* chính là = *hiện-tượng thế giới* hay

pháp thế gian. **Spk** chú giải: *Năm-uẩn* được gọi như vậy do bản chất của chúng là sẽ bị tan rã (*lujjanasabhāvattā*). Chữ *loka* xuất phát từ chữ *lujjati* như đã nói trong kinh **SN 35:82** (Quyển 4). Về mặt từ nguyên thì không chấp nhận suy theo nghĩa đen như vậy, nhưng ở đây chỉ dùng cho mục đích su phạm (dùng để chỉ dạy)] (186)

186 [**Spk** chú giải: Kinh này có 03 loại ‘thế giới’ hay ‘thế gian’ được nói đến (bởi cùng một chữ *loka*). Khi nói “*Ta không tranh chấp với thế gian*” thì đó là *thế giới của chúng sinh (sattaloka)*. “*Một hiện-tượng thế giới*”: đây là chỉ *thế giới của những sự tạo-tác (sankhāraloka)*. “*Như Lai đã được sinh ra trong thế gian*”: nghĩa là trong *thế giới địa lý (okāsaloka)*, tức địa cầu này. **Ee** đã bỏ chữ *loke jāto*, chắc hẳn là do vô ý.

- *Ví dụ hoa sen sinh ra và lớn lên từ nước này để tả về Như Lai cũng có ghi trong kinh AN 4:36, đoạn (4).*] (187)

187 [**Spk**: Lúc này Phật ra khỏi chỗ ẩn cư là ‘Hương Thất’ và đến ngồi bên bờ sông Hằng. Phật nhìn thấy một đồng bọt-nước trên sông và quyết định “*Ta sẽ làm một bài giảng Giáo Pháp về năm-uẩn*” cho những Tỷ kheo đang ngồi xung quanh Phật. Bài kinh này là một bài giảng ‘*triệt để tận gốc*’ nhất về *bản chất rỗng-không của những hiện-tượng có điều-kiện* (những pháp hữu vi); hình ảnh của bản chất rỗng-không đó [đặc biệt trong những ví dụ về *ảo-ảnh* và *màn ảo-thuật*] đã được vận dụng bởi những nhà tư duy Phật giáo thời sau Phật, nhiều nhất là những người theo *Trung Quán Luận (Mādhyamika)*. Một số hình ảnh ví dụ cũng được thấy trong các kinh khác, chẳng hạn như trong **Dhp 46, Dhp 170**.

- Trong bối cảnh của *Phật giáo tiền thân*, những ví dụ này đã được xử trí một cách cẩn thận. Chúng không được nói ra với chủ ý như một ‘quan-điểm hư ảo’ về thế giới, mà chỉ để chỉ ra rằng: ‘*những quan-niệm của chúng ta về thế giới*’ và ‘*những quan-niệm về sự hiện-hữu của chúng ta*’ phần lớn là bị méo mó xuyên tạc bởi ‘*tiến trình nhận-biết*’ của chúng ta mà thôi. Giống như *ảo-ảnh* và *màn ảo-thuật* là dựa trên những thứ có thật trong đời thật—như cát có thật trong sa mạc, những dụng cụ có thật của nhà ảo thuật—cũng tương tự vậy, *những quan-niệm sai lầm* phát sinh từ một cơ-sở khách quan có thật, đó là *năm-uẩn*; nhưng khi được nhìn thấy thông qua một cái tâm bị tùy thuộc

vào sự méo mó đảo điên thuộc về khái niệm, thì năm-uân hiện ra theo một cách sai lệch khác hẳn với “bản chất thực” của chúng”. Thay vì được thấy là *vô-thường* và *vô-ngã* (đúng như chúng thực là) thì chúng lại được (con người) nhìn thấy như một thực-thể tự tính và như một ‘bản ngã’ thường hằng.] (188)

188 [Spk chú giải rất dài về cách thể-sắc (sắc-thân) giống như một đồng bọt-nước (*phenapinda*). Tôi chỉ dẫn ra những câu chính: vì đồng bọt-nước không có thực chất (*sāra*) gì, sắc-thân cũng không có thực chất nào là thường hằng, chắc chắn, ổn định, hay một thực ngã; vì đồng bọt-nước có đầy lỗ rỗng và nứt nẻ và làm nơi trú ẩn cho nhiều vi thứ vi sinh (ấu trùng, vi trùng nằm trong đó), thân người cũng giống vậy; vì đồng bọt-nước tới lúc giãn ra cũng là tan vỡ, thân người cũng giống vậy, cũng bị nghiền nát trong miệng của thần chết. Sự chú giải của Spk cũng có trong **Vibh-a 32–35**.] (189)

189 [Spk: Một bong-bóng nước (*bubbula*) là yếu ớt mong manh và không thể nắm bắt được, vì nó sẽ vỡ tan ngay khi đụng vào; cũng giống như cảm-giác là yếu ớt mong manh và không thể nắm bắt được như thứ gì thường hằng và chắc chắn. Khi bong-bóng nước khởi sinh là lập tức vỡ tan khi có giọt mưa rớt xuống nó, cũng giống như cảm-giác: 100,000 *koṭi* cảm-giác khởi sinh và chấm dứt trong khoảng khắc bằng một cái búng ngón tay [1 *koṭi* = 10 triệu]. Vì bong-bóng nước khởi-sinh tùy thuộc vào những điều-kiện (duyên), cảm-giác cũng khởi-sinh tùy thuộc vào một cơ-sở cảm-nhận (giác quan), một đối-tượng, những ô-nhiễm, và sự tiếp-xúc.] (190)

190 [Spk: Nhận-thức giống như ảo-ảnh (*marīcikā*) theo cái nghĩa nó là không có thực chất, bởi vì không thể nắm lấy một ảo-ảnh để uống hay tắm hay đổ vào bình. Vì ảo-ảnh đánh lừa, nhận-thức cũng đánh lừa gấp bội lần như vậy, nó dụ dỗ người ta có ý nghĩa đó là một đối tượng đầy màu sắc, đẹp đẽ, đáng thích, và thường (mà thực ra là ngược lại).] (191)

191 [Nguyên văn chữ cuối: *akukkukajātaṃ*. Spk: Không có lõi cứng phát triển ở bên trong (*anto asañjātaghanadaṇḍakaṃ*).] (192)

192 [Ví dụ *thân-cây-chuối* này cũng được dùng trong kinh **MN 35**, mục 22, nhưng để diễn đạt một giáo-lý khác. Spk: Vì một *thân cây-chuối* (*kadalikkhandha*) chỉ là một sự lắp-ráp nhiều lớp lớp vỏ xơ mềm, mỗi lớp

mỗi đặc tính, cũng giống như tập-hợp *những sự tạo-tác* (hành uẩn) chỉ là một sự lắp-ráp nhiều hiện-tượng, mỗi hiện-tượng mỗi đặc tính.] (193)

193 [Spk: *Thức* giống như màn ảo thuật (*māyā*) theo nghĩa nó là không thực, không thực chất, và không thể nắm bắt được. *Thức* thậm chí còn biến đổi và biến hóa *siêu nhanh hơn* cả ảo-thuật hay ảo-tưởng. Vì nó tạo cảm-tưởng rằng một người đến đi, đứng ngồi, với cùng một cái tâm, nhưng *thực ra* trong mỗi hành vi đến, đi, đứng, ngồi với cùng mỗi tâm khác nhau. *Thức đánh lừa gấp muôn vàn lần* hơn cả màn ảo-thuật.

- Mời đọc thêm một bài luận hiện đại giảng giải một cách song hành như vậy về “*bản chất đánh lừa*” của *thức*, cũng được giảng giải dựa trên ví dụ này, bởi nhà sư Nānananda, trong quyển “*Ảo Thuật Gia của Cái Tâm*”, trang **5-7**.] (194)

194 [Về ý nghĩa này, mời đọc lại một cách diễn đạt của Ngài Xá-lợi-phất trong kinh **MN 35**, mục 27: [*“Này đạo hữu, khi thân này bị tước đi ba trạng thái—sức-sống, nhiệt, và thức—thì nó thành thứ bỏ đi và vứt đi, nằm vô tri vô giác như một khúc cây.”*]. Về câu kệ này, rồi không thể dò ra câu nào tương đương được chính Đức Phật nói ra, chỉ thấy có diễn đạt trong kinh *Pháp Cú Dhp 41*.] (195)

195 [Spk chú giải rằng: câu *māyāyam bālāpini* (*Là sự ảo-tưởng này, là kẻ lừa bịp những người ngu dại*) là chỉ riêng về *thức-uẩn*. Đồng các uẩn này là một kẻ sát hại theo 02 nghĩa: (i) bởi vì các uẩn sát hại lẫn nhau; và (ii) bởi vì kẻ sát hại xuất hiện tùy thuộc vào các uẩn. Cũng giống như vậy, (i) khi yếu-tố *đất* tan rã nó cũng kéo theo những yếu tố khác (nước, gió, lửa), và khi *sắc-uẩn* tan rã nó cũng kéo theo những uẩn thuộc tâm khác (thọ, tưởng, hành, thức). Cũng giống như vậy, (ii) khi các uẩn có mặt thì những thứ là kẻ sát-hại, sự trói-buộc, sự làm hư tổn ... cũng có mặt. Về sự so sánh các *uẩn* như *những kẻ sát-hại*, mời coi thêm kinh **22:85** ở trên, đoạn (I), (f).] (196)

196 [Câu này đọc đúng là: *divā vā yadi vā rattim*.] (197)

197 Spk giải thích như vậy: “*Đời-sống tâm linh* hay *đời-sống thánh thiêng* của đạo” khởi sinh làm lặn mất *những sự tạo-tác* trong 03 cõi. Nếu có chút thứ gì là thường-hằng thì cho dù thánh đạo có khởi sinh cũng đâu thể nào làm lặn

mất vòng luân-hồi của những sự tạo-tác. Và nếu vậy thì đời-sống tu hành (phạm hạnh) cũng đâu được nhận thấy (vì đâu có công dụng gì hay nghĩa lý gì để mà tu hành).] (198)

198 [**Spk** diễn nghĩa: Điều này được nói để chỉ ra rằng: “Nếu những sự tạo-tác là thường hằng, thì sự thành đạt ta của ta khi là Vua Mahāsudassana đã là thường hằng”. Về Vua Mahāsudassana, một kiếp tiền thân của Đức Phật, mời đọc kinh dài **DN 17.**] (199)

199 [Voi báu, ngựa báu, châu báu, phụ nữ đẹp, và tướng quân báu là 05 thứ báu của một vị vua quay chuyển bánh xe (*rājā cakkavattī*; chuyển luân vương). Hai thứ khác mà Vua Mahāsudassana sở hữu là xe báu và người hầu báu; mời coi thêm chi tiết trong kinh **DN 17. 07 báu** cũng được nói trong kinh **46:42** (Quyển 5).] (200)

200 [Đoạn kinh từ câu “*Trong 84.000 kinh thành đó...*” cho tới cuối kinh cũng được ghi trong kinh dài **DN 17**, mục 2.14-15 nhưng trong kinh **DN** có thêm đoạn kết là mục 2.16-17. Lời giảng về *sự vô-thường* ở đây cũng có ghi trong kinh **SN 15:20** (Quyển 2).

- **Spk** diễn nghĩa: Sau khi chỉ ra sự thành đạt trong thời kiếp khi Phật là Vua Mahāsudassana, giờ Phật chỉ ra *sự vô-thường* của nó. Giống như một người đặt cái thang dựa vào cây to [campaka], leo lên đó, hái một bông hoa trên ngọn, và leo xuống; Đức Phật đã leo lên câu chuyện về sự thành đạt của Vua Mahāsudassana, hái cái *đặc tính vô-thường* ở trên ngọn, và leo xuống.] (201)

201 [Tôi đọc chỗ này theo cách ghi của **Se** là *khattiyā vā velāmikā vā*. **Spk** giải thích một *velāmika* là người được sinh ra có cha giai cấp chiến-sĩ và mẹ là bà-la-môn, hoặc đảo lại.] (202)

202 [Lời kinh thâm thúy quen thuộc này giống trong các kinh từ **SN 15:01** ... trong *Chương 15 “Liên Kết Vô-Thúy”* (Quyển 2).] (203)

203 [Về sự hủy diệt thế giới bằng lửa, coi **Vism 414–17 (Ppn 13:32–41).**] (204)

204 [*Vì dụ con chó bị xích* này cũng có trong kinh **MN 102**, mục 12. **Spk**: *Người phạm còn ngu tối* giống như con chó bị xích; *cách-nhìn* của họ giống như sợi dây xích; cái ‘*ta*’ *danh-tính* (*sakkāya*) của họ giống như *cái cột*. Sự chạy quanh *cái cột* của con chó bởi bị xích dây cũng giống như sự chạy quanh cái ‘*danh-tính*’ của con người do bị trói buộc bởi dục-vọng và tà-kiến.] (205)

205 [*Caranam nāma cittam*. Chữ *citta* ở đây là tương đương chữ *citra* trong tiếng Phạn, nghĩa là *bức họa*. Ý nghĩa chính xác của *cái tên* của bức họa là không rõ ràng. **Spk** giải nghĩa đó là *vicaraṇacitta = bức họa lang thang*, [**Spk-pt**: bởi vì họ mang nó và lang thang trôi giạt cùng với nó], nhưng chữ *carana* ở đây có nghĩa là ‘hành vi, cách hành xử’ như trong những ngữ cảnh khác. **Spk** diễn dịch: Saṅkha là một giáo phái dị giáo của những bà-la-môn. Họ dùng những tấm vải và cho vẽ những bức họa về những nơi-đến (tái sinh) tốt và xấu để minh họa cho sự thành công và thất bại, rồi họ mang nó theo mình đi lang thang khắp nơi. Họ đưa cho người ta coi và giải thích “Nếu ai làm điều này sẽ lãnh hậu quả này; nếu ai làm việc kia sẽ lãnh hậu quả kia.”] (206)

206 [Nguyên văn cả câu: *Tam pi ... caranam nāma cittam citten’ eva cittitam, tena pi ... carāṇena cittena cittaññeva cittataram*. Có những cách chơi chữ ở đây nên khó chuyển dịch thành công (ngay cả trong tiếng Phạn về vấn đề đó). *Citta* vừa là *tâm* (như trong tiếng Phạn) vừa là *bức họa* (= *citra* tiếng Phạn). *Cittita* [**Ee** ghi là: *cintita*] vừa có nghĩa là *đã nghĩ ra* [liên quan chữ *citta*, *tâm*] vừa có nghĩa là *đa dạng* [liên quan chữ *citra*, *bức họa*]. Tôi đã dùng cụm chữ “*được thiết kế trong sự đa dạng của nó*” để ‘bắt’ được’ cả 02 hàm nghĩa. Luận giảng **As 64–65** đã trích dẫn đoạn này để thảo luận cách cái tâm luôn thiết kế thể giới (của nó).] (207)

207 [Nguyên văn cả câu này: *Te pi ... tīracchānagatā pāṇā citten’ eva cittitā, tehi pi ... tīracchānagatehi pāṇehi cittaññeva cittataram*. Đây cũng lại là một loạt những sự chơi chữ. Cái lý ở đây là: sự đa dạng của những sinh vật trong trong cảnh súc-sinh phản ảnh sự đa dạng của nghiệp quá khứ gây ra sự tái sinh thành (đa dạng, đủ loài, đủ loại ...) súc-sinh, và đến lượt sự đa dạng của *nghiệp* xuất thân từ sự đa dạng của *sự cố-ý* (*cetanā*, *tu*), là một thành-tổ của tâm. Luận giảng **As 64–65** thảo luận rất dài về đoạn này.] (208)

208 [Ví dụ này cũng có ở kinh **SN 12:64** (Quyển 2). Coi thêm chú thích số 173 trong kinh đó.] (209)

209 [Đoạn thứ nhất này là giống = đoạn thứ nhất của kinh **SN 12:23** (Quyển 2). Phần còn lại (I), (II), (III) đến hết kinh thì giống = kinh **AN 7:71**.] (210)

210 [Chỗ này liệt kê lại tổng cộng 37 phần tu trợ giúp dẫn tới sự giác-ngộ (tức 37 phần bồ-đề hay 37 phần trợ đạo trong đạo Phật).] (211)

211 [Ví dụ con gà ấp trứng cũng có trong kinh **MN 16**, mục 27 và **MN 53**, mục 19, nhưng được dùng cho sự giảng giải lý khác. Coi thêm **Vin III 3–5**.] (212)

212 [Đọc theo cách ghi của **Be** và **Se** là *palagaṇḍassa*. **Spk** giải nghĩa là = *vaddhakissa*.] (213)

213 [Ví dụ con thuyền cũng giống ví dụ trong kinh **45:158** (Quyển 5).] (214)

214 [*Tham-muốn dục lạc* (dục tham) được loại bỏ bởi thánh đạo Bất-lai; còn *tham-muốn được hiện-hữu* (hữu tham), *vô-minh*, và *sự tự-ta* (ngã mạn) thì được loại bỏ bởi thánh đạo A-la-hán.] (215)

215 [Ví dụ thanh xà này và 06 ví dụ tiếp theo cũng được dùng trong các kinh **45:141–47** (Quyển 5), nhưng để giảng giải những lý khác. Ví dụ về *mặt trời mọc lên* cũng có trong kinh **2:29** (Quyển 1).] (216)

216 [**Spk** giải nghĩa chữ *antā* (nghĩa gốc: đầu, đầu cuối) là = *koṭṭhāsā* và giải thích rằng kinh này diễn dịch về *năm uẩn* theo cách diễn đạt bằng khuôn mẫu “*Bốn Diệu Đế*” (bốn sự thật).] (217)

217 [**Spk** giải nghĩa chữ *pariññeyya* (hoàn-toàn hiểu, liễu ngộ) là = *samatikkamitabba* và chữ *pariññā* là = *samatikkama*; coi lại chú thích 41 ở kinh **22:23**. “*Người đã hoàn-toàn hiểu*” (*pariññātāvī*, người liễu ngộ) là cách diễn đạt theo quy ước; coi lại chú thích 37, đoạn (2), kinh **22:22** ở trên.] (218)

218 [**Spk** nói: *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) là = *sự tiêu diệt tham, sân, si* = chính là *Niết-bàn*.] (219)

219 [Học giả Woodward trong **KS 3:136** đã nói kinh này giống hết kinh kể trên, nhưng thực ra không phải, kinh này có thêm cụm chữ *samudayañ ca atthaṅgamañ ca* (nguồn-gốc, sự biến-diệt).] (220)

220 [► Đề ý: trong bài kinh kể trên (**22:109**) khi nói về một bậc “*Nhập-lưu*”, Đức Phật đã định nghĩa và gọi với danh từ là ‘*một người thánh đệ tử*’: là người đã chứng ngộ vào dòng thánh đạo nhưng chưa diệt sạch những ô-nhiễm và những gông-cùm trói buộc. Còn trong bài kinh này (**22:110**) [và những kinh khác] khi nói về các bậc “*A-la-hán*” [cũng như các danh từ “*người đã giải-thoát*”, “*người đã niết-bàn*”] thì Phật luôn gọi với danh từ là ‘*một Tỳ kheo*’.] (221)

221 [Coi thêm kinh cùng tên là kinh **SN 12:16** (Quyển 2) và chú thích 34, 35 ở đó.] (222)

222 [Chỗ này tôi đọc theo **Be** ghi là *baddho jiyati* (người lớn già /già đi trong sự ràng-buộc) khác với **Se** và **Ee** ghi là *baddho jāyati* (người được sinh ra trong sự ràng-buộc).] (223)

223 [Tên kinh trong phiên bản **Ee** là *Parimucchita* (*Giải Thoát*), nó nên được sửa lại thành chữ *Paripucchita* (*Sự Vấn Hỏi, Sự Chặt Vắn*)] (224)

224 [Danh sách *11 tính từ* này cũng có trong các kinh khác trong các bộ Nikāya [kinh **MN 64**, mục 9, chú thích 655 ở đó; **MN 74**, mục 9; **AN 4:124**, đoạn (1), **AN 9:36**, đoạn (1)]. *11 tính từ* này đã được mở rộng thành *40* trong luận giảng **Paṭis II 238**, và được đề cập trong **Vism 611–13** (**Ppn 20:19–20**).

- **Spk** thì thu gom chúng lại thành *03 nhóm quán-niệm* (để thiền quán), trong đó “vô thường” và “tan rã” đại diện cho nhóm ‘*quán niệm tính vô-thường*’; “trống không” và “vô ngã” đại diện cho nhóm ‘*quán niệm tính vô-ngã*’; và số còn lại là đại diện cho nhóm ‘*quán niệm tính khổ*’.

- Tuy nhiên, **Vism 613** và **Ps III 146,13** thì đưa tính từ “như kẻ lạ” (*parato*) vào nhóm ‘*quán niệm tính vô-ngã*’, điều này có lẽ đúng lý hơn.] (225)

225 [Nguyên văn: *Natthi ... arahato uttarikaraṇīyaṃ katassa vā paṭicayo*. **Spk** không bình luận về chỗ này, nhưng luận giảng **Mp** khi chú giải về kinh

AN có giải thích: “*Không còn gì để làm thêm nữa*, là bởi vì vị ấy đã làm xong những 04 trách nhiệm cần cần phải làm theo giáo pháp của *Bốn Diệu Đế*. (Coi thêm kinh **56:11** (Quyển 5)). *Và không cần lặp lại những gì đã làm xong*, bởi vì đạo đã tu tập xong không cần tu tập lại và những ô-nhiễm đã trừ bỏ xong không cần phải được trừ bỏ lại.

- Mời coi thêm chú thích 332 trong kinh **17:30** (Quyển 2) trong đó TKBD có ghi rằng: [**Spk** nhận định “*những sự an trú hạnh phúc*” (lạc trú) chỉ là (trạng thái) “*sự chứng quả*” thì nghĩa này quá hẹp. Chữ này thường có nghĩa là = (trạng thái) “*những tầng thiên định*” (*jhāna*).] (226)

226 [Chữ Pāli là: *kukkula* (*đống than cháy đỏ*). Chữ này cũng được dung trong thi kệ 824, kinh **10:05** (Quyển 1). **Spk** giải nghĩa đó là: Một đám cháy lớn, nóng và bốc cháy dữ dội. Trong kinh này là nói về đặc tính của sự khổ đau.] (227)

227 [Lời kinh chỗ này giống trong **SN 22:39**, mời coi lại chú thích 52 ở đó.] (228)

228 [03 bài kinh **SN 22:147, 148, 149** này là tương ứng với 03 kinh **SN 22:40, 41, 42** ở trên.

- **Ee** đã bỏ mất phần lời của kinh **22:148**, rõ ràng là do lỗi sơ suất bởi vì tên bài kinh vẫn được ghi đúng, trong khi phần lời kinh thì chép nhầm lời của kinh **22:149**. Tương tự, trong *Chương* này tất cả những kinh từ đây trở đi trong **Ee** đều bị ghi số hụt bớt một số so với phiên bản ghi đúng.] (229)

229 [**Spk** giải nghĩa chữ *kiṃ upādāya* là = *kiṃ paṭicca*, nhưng chỗ cụm chữ này có thể có sự chơi chữ; coi thêm chú thích 146 ở kinh **22:83**. Do vậy nghĩa kép có thể là: (i) sự sống và sự khổ khởi sinh vì người dính chấp theo năm uẩn bằng dục và tham, và (ii) chúng khởi sinh tùy thuộc vào năm uẩn là chỗ-dựa và đối-tượng của chúng.] (230)

230 [Chữ gốc *kiṃ abhinivissa*. **Spk** chú giải là: *Kiṃ abhinivisitvā; paccayaṃ katvā ti attho*. Đường như **Spk** coi chữ *abhinivissa* không phải bỏ nghĩa mà là một chữ đồng nghĩa với *upādāya*; nhưng câu hỏi là: tại sao nó được thêm vào trường hợp *những cách-nhìn* (trong kinh này) nhưng không thêm vào

trường hợp *sự sưng và sự khổ* (ở kinh trên)? *Abhinivissa* là một tuyệt đối từ liên quan tới danh từ *abhinivesa* (*sự cố-chấp*), ở đây hàm chỉ một yếu-tố để diễn dịch, đó là sự diễn dịch về trải nghiệm thông qua cái lăng kính lệch lạc là “*tà-kiến*”. Khi điều này được thừa nhận, thì chúng ta có thể thấy rằng chữ *abhinivissa* đã gọi tả có sự áp đặt một sự diễn dịch mang tính nhận biết về năm uẩn, điều đó vượt quá nghĩa thuần túy thông thường của chữ sự chấp-thủ (*upādāya*).] (231)

231 [Đây là *tư tưởng bất-diệt toàn phần* (thường kiến), mời coi thêm kinh **SN 22:81** ở trên, đoạn (vi) và chú thích số 134 ở đó.] (232)

232 [Đây là *tư tưởng diệt-vong* (đoạn kiến); coi thêm kinh **22:81** và chú thích 135 ở đó, và chú thích số 75 ở đoạn đầu kinh **22:55**.] (233)

233 [Chữ gốc: *micchādiṭṭhi* = *cách-nhìn* (quan-điểm này nọ, sự kiến chấp) *sai lạc*; tức = *tà-kiến*. Trong các bộ kinh có chỗ cũng coi đây là *tư tưởng hư-vô*, chẳng hạn quan-điểm hư-vô được ghi trong **MN 41**, ở mục 10. Mời đọc thêm phần lời kinh trong kinh **SN 24:05** (Quyển 3 này).] (234)

234 [*Sakkāyadiṭṭhi*: *Cách-nhìn/ quan-điểm có danh-tính* (thân kiến): tức quan-điểm cho rằng có một ‘danh-tính’ của ‘ta’. Coi chú thích số 5 ở kinh **22:01**, đoạn (I), (i).

- Chỗ luận giảng **Paṭis I 143** có ghi định nghĩa công thức đối với 20 loại *cách-nhìn có danh-tính* (thân-kiến)] (235)

235 [*Attānudiṭṭhi*. *Cách-nhìn/ quan-điểm có cái ‘ta’* (ngã kiến).] (236)

236 [**Spk-pt** giải thích *những sự cố-chấp* (*abhinivesa*) là gồm 03 thứ: *dục-vọng* (ái), *sự tự-ta* (ngã mạn), và *những quan-điểm này nọ* (tà kiến); và *những xiềng-xích* (*vinibandha*) là những xiềng-xích thuộc tâm do vẫn chưa hết tham-dục đối với sắc-thân, cảm-giác ... [đọc thêm chỗ *05 xiềng-xích* ở kinh **MN 16**, mục 2]. Còn trong bài kinh kế tiếp có thêm *sự nắm-giữ* (*ajjhosāna*) được định nghĩa bởi **Spk-pt** là gồm 02 thứ: *dục-vọng* và *những quan-điểm này nọ* (ái và tà kiến).] (237)

237 [**Spk**: Tình huống ở đây là: Thầy Ananda đã thấy các Tỳ kheo khác nhận lãnh từ Phật chủ-đề (đề-mục) *thiền quán về năm-uẩn* và họ đã chứng quả A-la-hán và đã tuyên bố ‘trí-biết cuối cùng’ của mình trước mặt Đức Phật. Vì vậy nên thầy Ananda đã đến gặp Phật vì muốn nhận lãnh chủ-đề thiền quán để có thể tu thành như họ. Đức Phật biết thầy Ananda sẽ *không* chứng đắc 03 thánh quả cao hơn (cao hơn Nhập-lưu hiện đã có) trong thời gian Phật còn tại thế, nhưng Phật vẫn đưa ra những hướng dẫn thiền quán để làm thỏa lòng thầy Ananda. (Mỗi ngày) thầy Ananda sẽ chú-tâm vào (thiền quán) chủ-đề thiền của mình một hay hai lần trước khi đến hầu cận Phật, và chính đó là một trong những yếu-tố giúp thầy ấy về sau “*chín muời tới sự giải-thoát*”.] (238)

238 [*Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli*, **DPPN** 2:730, giải thích thầy Rādha trước kia là một bà-la-môn ở thành Rājagaha (Vương Xá), đã thụ giới trở thành một Tỳ kheo *khi tuổi đã già*. Thầy Rādha được Phật tuyên bố là người tiếp nhận được nhiều bài kinh mang tính hùng biện nhất từ Đức Phật, như được ghi trong kinh **AN 1:233**. Nói cách khác, Đức Phật tuyên bố thầy là đệ nhất trong số những đệ tử có năng-lực “*phát khởi tính hùng biện tài diễn đạt trong người khác*” (*etadaggamapaṭi-bhāṇakeyyāna*), (chẳng hạn: thầy là người làm cho người khác (như Đức Phật) phát khởi tính hùng biện để nói ra những bài thuyết giảng mang tính hùng biện nhất). Thầy Rādha cũng được tả trong 02 kinh thi là **Th 133–134** (= **Dhp 13–14**).

- **Spk** giải thích rằng: Hễ khi Phật nhìn thấy vị trưởng lão này thì những chủ-đề (giáo lý) vi tế khởi lên trong Phật. Vì vậy Phật đã chỉ dạy cho thầy ấy Giáo Pháp theo nhiều cách khác nhau. Trong **Chương 23** này, có 02 **NHÓM** kinh (*vagga*) được giảng dạy theo cách ‘*đặt câu hỏi*’; 01 **NHÓM** thứ ba thì theo cách ‘*thỉnh cầu*’, và 01 **NHÓM** thứ tư thì theo cách ‘*nói chuyện thân mật*’ (*upanisinnakakathā*: nghĩa gốc là “*nói chuyện khi ngồi gần nhau*”.)] (239)

239 [**Spk**: Ở đây Ma Vương (Māra) là chữ ẩn dụ chỉ “*cái chết và năm-uẩn*” (*māra-khandha, khandha-māra*)]. (240)

240 [Nguyên văn câu này: *Māro vā assa māretā vā yo vā pana mīyati*. **Spk** giải nghĩa chữ *māretā* là = *māretabbo*, nhưng chữ này rõ ràng là một danh từ tác nhân với một nghĩa chủ động.] (241)

241 [Nguyên văn câu này: *Vimutti kho Rādha nibbānatthā*. **Spk** giải nghĩa: “*Sự giải-thoát của thánh quả*” này là vì mục đích (dẫn tới) *Niết-bàn không còn sự chấp-thủ* (*phalavimutti nāṃ’ esā anupādānibbānatthā*).] (242)

242 [(Nghĩa là đã ra khỏi giới hạn của vấn đề, vì Niết-bàn đã là cuối cùng của vấn đề). Câu này cũng có tương tự trong kinh **SN 48:42** (Quyển 5), chú thích 228 và kinh **MN 44**, mục 29. Phiên bản **Be** luôn ghi động từ là *accayāsi* [là thể bất định của *atiyāti*]; **Se** thì ghi là *accasarā* [thể bất định của *atisarati*]. Chữ *assa* ghi ở đây và chữ *ajjhaparam* ghi bên dưới chắc hẳn là lỗi chính tả.

- Nguyên văn Pāli của câu cuối cùng của bài kinh là: “*Nibbānogadham hi Rādha brahma-cariyaṃ vussati nibbānaparāyanam nibbānapariyosānam*”—
Nhiều dịch giả đã dịch chữ *nibbānogadha* nghĩa là ‘nhập Niết-bàn’, ‘nhập vào Niết-bàn’, ‘nhập thể Niết-bàn’, ‘nhập trong Niết-bàn’, ‘nhập chung với Niết-bàn’ hoặc ‘nhảy vào Niết-bàn’ bởi vì do các luận giảng đã gợi ý kết nối chữ *ogadha* với chữ *ogāha*: nghĩa là *sự nhảy vào, sự nhập vào* [xuất thân từ động từ *ogāhati*: *nhảy vào, nhập vào, phóng vào*]. Nhưng thực chất thì chữ *ogadha* là chữ đồng dạng biến thể của chữ *ogādha* là xuất thân từ động từ *ogādhati* mà các luận giảng cho là đồng nghĩa = *patiṭṭhahati* (*được thiết lập*). Họ đã xác nhận mối liên kết này bằng cách mạnh tay giải thích *ogadha* = *patiṭṭhā* (*sự hỗ trợ*); bởi vậy tôi mới diễn dịch theo nghĩa là “*nền tảng, căn cứ*”. Để tham khảo thêm, mời coi tự điển Pāli **CPD**, mục chữ *ogadha*, *ogādhati*, *ogāha*, và cách dùng chữ *gādha*, cả về nghĩa gốc và nghĩa ẩn dụ của nó được thấy trong thi kệ **263** ở kinh **2:05** (Quyển 1). Còn **MW** thì định nghĩa chữ *gādha* [từ gốc từ *gādh*: *đứng vững, trụ chắc*] là một căn cứ hay nền tảng để đứng chắc chân dưới nước, ở chỗ nước cạn, chỗ sông cạn.] (243)

243 [Câu trả lời này có sự chơi chữ giữa *satta* (i) vừa là tương đương chữ Phạn *sattva* có nghĩa là “*một chúng sinh*” và (ii) vừa là phân từ quá khứ của chữ *sajjati* [= chữ Phạn *sakta*] có nghĩa là “*bị đánh, bị ràng buộc, bị dính mắc*”.] (244)

244 [Tôi đọc chữ này là *dhanāyanti* như **Be** và **Se** đã ghi, và được **Spk** giải nghĩa = *dhanam viya maññanti*.] (245)

245 [Tôi đọc theo cách ghi của **Se**. **Be** ghi là *bhavanetti-nirodho* hai lần; **Ee** ghi là *bhavanetti bhavanetti-nirodho*. *Bhavanetti* nghĩa gốc là: “*cái dẫn tới sự*

hiện-hữu”, được **Spk** diễn giải nghĩa là = *bhavarajju* (sợi dây của sự hiện-hữu) by **Spk**. Cách diễn giải này là đồng nghĩa chữ *bhavataṇhā* (dục-vọng muốn được hiện-hữu; hữu ái), và cách diễn đạt bóng bẩy này thường có trong các thi kệ.] (246)

246 [Một dãy chữ gần giống vậy cũng được thấy ghi trong kinh **12:15** (Quyển 2), đoạn (2). Coi thêm chú thích số 31 và 32 trong đoạn đó.] (247)

247 [Chữ gốc là: *Māradhamma*. **Spk** giải nghĩa là = *marañadhamma* (phải bị chết). Trong mấy kinh tiếp theo [lần lượt nói về bản vô-thường, khổ, và vô-ngã] thì tôi đã dịch đuôi chữ *-dhamma* là “có/thuộc bản chất/ thuộc tính” hơn là chữ “phải bị”.] (248)

248 [Quan-điểm lạ lùng này có lẽ như mấy vần thơ thơ thần nào đó nói về bản chất của sự biến đổi chỉ là hão huyền vậy. Chữ ghép “*đứng-yên như cột nhà*” (*esikaṭṭhāyitṭhita*) đã từng được dùng trong câu nói về những quan-điểm bất diệt như trong kinh **DN 28**, mục 1.12 và trong giáo thuyết về ‘*bảy-thân*’ được nói trong kinh **24:08** bên dưới. Giáo thuyết cho rằng thời gian và sự thay đổi chỉ là hão huyền hư ảo (*avicalita-nityatva*) đã nổi lên sau đó trong lịch sử của trường phái ngoại đạo (*Ajīvika*) và có thể đã được du nhập từ giáo phái của Pakudha Kaccāyana, người sáng lập ra thuyết ‘*bảy-thân*’. Mời coi thêm quyển *Lịch Sử và Những Giáo Thuyết Ngoại Đạo (Ajīvika)*, trang 236. Trong **Mvu III 317** có ghi một quan-điểm tương tự, với những câu chữ gần như vậy, đã được trích dẫn như một điển hình về “*những đức tin sai trái và độc hại*” vốn đã được lan truyền trong xứ Ma-kiệt-đà (Magadha) vào thời trước khi Đức Phật đến đó; mời đọc thêm thêm bài của/học giả **Jones 3:306**.

- **Spk**: đã chú giải đại ý rằng, theo quan-điểm của họ: “Cho dù gió thổi gãy những nhánh cây ... nhưng (thực ra) không có gió nào; đó chỉ là bản sao của gió (*vātalesā*; **Spk-pt** giải nghĩa là: *vātalesā ti vātasadisā*). Gió đứng-yên như cột nhà và đỉnh núi. [**Spk-pt** bổ sung: chữ “*như cột nhà*” là chỉ sự bất-chuyển-động (*niccalabhāva*); “*đỉnh núi*” là chỉ sự trường tồn bất-diệt (*sas-satisama*).] Giải thích tương tự như nước chảy nhưng (thực ra) không phải nước chảy. Mặc dù phụ nữ có thai sinh con, nhưng (thực ra) những phôi thai không phát sinh; đó chỉ là những bản sao của phôi thai. Mặc dù mặt trời và trăng mọc và lặn, nhưng (thực ra) chúng không làm vậy; đó chỉ là những bản

sao của mặt trời và trăng, chúng (thực ra) đứng-yên như cột nhà và đỉnh núi.”] (249)

249 [Đây là 04 sự phân-loại tất cả các đối-tượng. Theo **Spk**: (1) *thứ được nhìn thấy (dīṭṭha)* là cơ sở hình-sắc (sắc xứ) được nhìn thấy; (2) *thứ được nghe thấy (suta)* là cơ sở âm-thanh được nghe thấy (thanh xứ); (3) *thứ được cảm nhận (muta)* là những đối-tượng được ngửi thấy, nếm thấy, và chạm xúc; và (4) *thứ được nhận biết (viññāta)* là 07 cơ-sở khác (tức: gồm sáu cơ-sở cảm nhận bên trong (sáu giác quan, sáu nội xứ) và một cơ sở hiện-tượng thuộc tâm ở bên ngoài (pháp xứ). **Spk**: Những chữ “*được đạt-tới, được tìm-kiếm, và được bao-quát bởi cái tâm*” (*pattaṃ pariyesitaṃ anuvicaritaṃ manasā*) chỉ là lặp lại như đồng nghĩa và làm rõ nghĩa hơn cho chữ *được nhận biết* mà thôi.

- Trong những kinh kế tiếp của **NHÓM** này thì phần lời này đã được bỏ đi khi giản lược, nhưng chúng ta phải được hiểu là chúng có đầy đủ trong các kinh gốc nguyên thủy.] (250)

250 [**Spk** không giải thích ‘sáu trường hợp’ là gì. Dường như ‘sáu’ là gồm: 05 uẩn và 01 bộ [bộ gồm: 04 đối-tượng giác quan được gộp chung thành 01 bộ]. So sánh với kinh **MN 22**, mục 15, trong đó 01 bộ 04 đối-tượng giác quan đã thực sự thay thế cho “*thức*” (*viññāna*) làm nên một cơ-sở tạo ra những cách-nhìn (*dīṭṭhitṭhāna*) là sai lạc (tà kiến).

- (Và 01 bộ = 04 đối-tượng giác quan được ghi trong kinh **MN 22**, mục 15 và chú thích 258 chính là: [(i) “*Thứ được nhìn thấy*” là chỉ thức-mắt, (ii) “*thứ được nghe thấy*” là chỉ thức-tai, (iii) “*thứ được cảm nhận*” là chỉ 03 loại thức-mũi, thức-lưỡi, và thức-thân, và (iv) “*thứ được nhận biết*” [và các chữ bỏ nghĩa sau nó] là chỉ thức-tâm].) (251)

251 [Đây tư tưởng *bất-diệt* (thường kiến): coi kinh **SN 22:81**, đoạn (**xxi**), và chú thích 134 của nó.]

252 [Đây là tư tưởng *diệt-vong* (đoạn kiến). Coi kinh **SN 22:82**, đoạn (**xxii**), và chú thích 135 của nó.] (253)

253 [Từ chỗ này trở xuống là toàn bộ ‘*thuyết hư-vô*’ (*natthika-vāda*), còn gọi là ‘*thuyết (sẽ bị) hủy-diệt*’ (*uccheda-vāda*), nó được cho là do đạo sư khổ sĩ Ajita Kesakambalī nói ra. Thuyết này được ghi trong kinh dài **DN 2** (kinh *Sa-môn Quả*) mục 23; (cũng có trong bộ kinh **MN**, như **MN 76**, mục 7).] (254)

254 [Từ đây trở xuống là ‘*thuyết phi tác-động*’ (*không có tác-động của hành-động*; thuyết vô tác, thuyết không-làm-gì; *akiriya-vāda*), được cho là do đạo sư khổ sĩ Purana Kassapa nói ra. Thuyết này được ghi trong kinh dài **DN 2** mục 17-18; (cũng có trong bộ kinh **MN**, như trong **MN 60**, mục 13).] (255)

255 [Giáo thuyết ‘*phi nhân duyên*’ (*ahetukavāda*) được cho là của Makkhali Gosāla như trong kinh **DN 2** mục 20, nhưng trong kinh **SN 22:60** (Quyển 3) thì một phần của giáo thuyết này được cho là của Pūraṇa Kassapa; coi lại chú thích số 92 trong kinh đó. Về phần chú giải, mời coi bài chuyên luận mang tên bài kinh “*Những Kết Quả Của Đời Sống Sa-Môn*” (*Fruits of Reclusheship*, tức về *Kinh Sa-môn Quả*) bởi TKBD, trang 70–72. Còn *thuyết định-mệnh nghiêm ngặt* (*niyativāda*) được biết là luận điểm chính của thuyết ngoại đạo của Makkhali, đã được thảo luận chi tiết bởi học giả Basham trong quyển “*Lịch Sử và Những Giáo Thuyết Ngoại Đạo*” (*History and Doctrines of the Ājīvikas*) trang 224–39. Câu trong ngoặc {...} bên dưới là được chép qua từ kinh dài **DN 2**, vì trong kinh **SN 24:07** này và trong **MN 60**, mục 21 không có (có lẽ nó đã bị bỏ sót khi kết tập).] (256)

256 [*Sáu giai-cấp* (*chaḷabhijātiyo*)—đen, xanh, đỏ, vàng, trắng, và trắng tột cùng—thể hiện 06 giai đoạn tu-tập của những *Ājīvika* (ngoại đạo) để đi tới sự hoàn-thiện; coi thêm bài viết của TKBD về “*Kinh Sa-Môn Quả*”, trang 73–75. Trong kinh **AN 6:57** và chú thích số 1378 của nó, thuyết này được cho là của Pūraṇa Kassapa] (257)

257 [Từ đây trở xuống là học thuyết ‘*bảy-thân*’ được cho là của Pakudha Kaccāyana.] (258)

258 [Đoạn kinh trong ngoặc móc {...} này được tôi [TKBD] chép từ các kinh thuộc bộ **DN** và **MN**, bởi vì dường như đoạn này trong các kinh **SN** này đã bị bỏ mất khi kết tập.] (259)

259 [Trong phiên bản của thuyết này được ghi trong bộ kinh dài **DN** thì dữ liệu kỳ dị về vũ trụ học này đã được kết nối với *thuyết phi nhân-duyên* của Makkhali Gosāla, trong đó toàn bộ hệ thống được gọi là giáo thuyết “*thanh-lọc bằng vòng luân-hồi*” (*samsārasuddhi*) (tức mọi chúng sinh đều phải trải qua số lượng kiếp đã được định trong vòng luân-hồi, khi nào trải qua hết số kiếp đó sẽ tự chấm dứt khổ đau). Tuy nhiên trong kinh **MN 76**, mục 16, thì thuyết này cũng được gắn với *thuyết ‘bảy-thân’*. Điều này gợi ý rằng khuôn-mẫu vũ trụ học này có thể đã được chia sẻ lẫn nhau bởi cả 02 hệ thống tư tưởng, và quả thật là vậy: các giáo phái của Makkhali và Pakudha sau này đã kết hợp với nhau tạo thành nhánh phái miền nam của những du sĩ ngoại đạo (*Ājīvika*). Học giả Basham đã thảo luận những quy kết khác nhau ở trang 18–23 trong chuyên luận của mình, nhưng ở trang 240-254 ông đã coi vũ trụ học là một nét không thể tách rời của hệ thống giáo thuyết của Makkhali ...

- Tôi đã dịch đoạn này với sự trợ giúp của **Spk**, nhưng chúng ta phải ghi nhớ trong tâm rằng: những luận giải này đang giải thích những thuật ngữ khó hiểu: (i) từ cách-nhìn từ bên ngoài cộng đồng Phật giáo [có thể đã quen với một phiên bản sai lệch của giáo thuyết đó], và (ii) rồi khoảng cách thời gian thêm nhiều thế kỷ đã tách những nhà luận giải khỏi thời kỳ mà những quan-điểm đó còn hiện hành. Thường thì sự chú-giải là dính theo sự phỏng-đoán này nọ, và có khi sự chú-giải là sai một cách rõ rệt luôn.

- Phần dịch toàn bộ chú giải của **Spk** nằm ở trang 72–77 trong quyển chuyên luận mang cùng tên kinh là *Kết Quả Của Đời Sống Sa- Môn* bởi TKBD, và để tiếp cận thêm vấn đề này, mời coi thêm thảo luận của học giả Basham ở trang 240–254.] (260)

260 [Chỗ này tôi làm theo **Spk**, nó giải nghĩa chữ *ājīvaka* là = *ājīvavutti* (*phương tiện kiếm sống, cách mưu sinh*).] (261)

261 [Nguyên văn câu cuối này là: *bāle ca paṇḍite ca nibbēthiyamānā sukha-dukkham paleti* (*kẻ ngu và người trí, bằng cách tháo hết (vòng luân-hồi) thì sẽ thoát khỏi sự sướng và khổ*). Còn trong phiên bản trong **DN 2** cuối mục 20 và kinh **MN 76** mục 16, thì nguyên văn câu này là: *bāle ca paṇḍite ca sandhāvitvā samsarivā dukkhass’ antaṃ karissanti* (*kẻ ngu và người trí, sau khi đã lang thang và trôi giạt (hết vòng luân-hồi), thì sẽ làm được sự chấm-*

dứt khổ.” - Lưu ý: trong cả 02 phiên bản những chữ chỉ danh số nhiều đều có đuôi chữ là *-e*. (262)

262 [10 kinh tiếp theo này (**24:09—24:18**) lần lượt nói về “*những quan-điểm đã không được tuyên bố*” (bởi Phật), và chúng được nói theo những góc độ khác so với góc độ trong các kinh thuộc *Chương 33* (Quyển 3) và *Chương 44* (Quyển 4).] (263)

263 [(i) Tôi dịch tên của 03 **NHÓM** kế tiếp theo như **Be** là: *Dutiyagamana-vagga*, *Tatīyagamana-vagga*, *Catutthagamana-vagga*. (ii) Trong **Se**, **NHÓM 3** và **NHÓM 4** cũng được đặt tên giống vậy, nhưng **NHÓM 2** thì được ghi là *Gamana-vagga*. (iii) **Ee** thì gộp tất cả 18 kinh tiếp theo (từ kinh **19-36**) để làm thành **NHÓM 2**, rồi lại phân thành 4 **PHÂN NHÓM** được gọi là *gamana*. **Ee** đặt tên cho **NHÓM 1** [18 kinh đầu] là *Purimagamana* và **NHÓM 2** [18 tiếp theo] là *Dutiyagamana*; còn **NHÓM 3** và **NHÓM 4** thì đặt tên giống như các phiên bản kia, nhưng không có chữ “*-vagga*” (**NHÓM**).

- Trong lời giới thiệu về phần này [trang **ix**] học giả Feer đã đề nghị tính ghi 18 kinh của **NHÓM 1** “*Nhập-Lưu*” (*Sotāpatti-vagga*) thành 02 lần, và do vậy sẽ duy trì toàn bộ *Chương 24* này gồm có 114 kinh [18 + 18 + (3 x 26)]. Tuy nhiên, cách này phải nhân đôi một cách không cần thiết [mà bản thân Feer cũng cho là rắc rối]. Như vậy, tốt nhất là làm theo cách sắp xếp của *Chương 24* này theo như **Be** và **Se** đã làm.] (264)

264 [Điều này được nói như vậy bởi vì *năm-uẩn* chính là = *sự khổ*, như Phật đã kết luận khi giảng về *sự khổ*.] (265)

265 [08 kinh (và 08 tà-kiến) tiếp theo này (**37—44**) cũng nói về quan-điểm cho rằng cái ‘ta’ (ngã) là trường tồn bất-diệt sau khi chết; giống như cũng được nói trong kinh **DN 1**, ở mục 2.38.] (266)

266 [Các kinh được thuyết lại trong **NHÓM 3** (‘*Thuyết Lại Vòng Ba*’) này chỉ tương ứng khác nhau với các kinh trong **NHÓM 2** (‘*Thuyết Lại Vòng Hai*’) ở chỗ đoạn cuối này mà thôi: **NHÓM 2** đoạn cuối đánh dấu là (a) và **NHÓM 3** này đoạn cuối đánh dấu là (b).

- Nhân tiện, cũng tương tự như vậy, các kinh trong **NHÓM 4** (*Thuyết Lại Vòng Bốn*) cũng chỉ tương ứng khác nhau với các kinh trong **NHÓM 2 & 3** ở chỗ đoạn cuối này mà thôi: **NHÓM 4** thì đoạn cuối đánh dấu là (c).] (267)

267 [(*Okkanti* là tên của Chương 25 này, có nghĩa gốc là *nhập vào, hạ nhập vào* (bào thai). Nhưng nghĩa được dùng ở đây là sự *nhập-vào đạo lộ chân chính*, cũng có nghĩa là *nhập vào dòng thánh đạo Nhập-lưu*).

- *Người tu theo niềm-tin* hay *người căn-tín* (*saddhānusārī*) và *người tu theo Giáo Pháp* hay *người căn-trí* (*dhammānusārī*) là 02 loại đệ tử đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. 02 loại người tu này là hàng thấp nhất trong cách phân loại chính thức về 07 hàng đệ tử, như trong kinh MN 70, mục 20-21. Tất cả 07 hàng đệ tử cũng được định nghĩa, hơi khác một chút, trong Pp 14-15 (§30-36) và trong Vism 659-60 (Ppn 21:74-78). *Người căn-tín* và *người căn-trí* cũng được phân biệt trong kinh SN 55:24 và SN 55:25 (Quyển 5) mặc dù không được phân biệt trong kinh này. Trong dãy các kinh SN 48-12-17 (Quyển 5) thì 02 loại người tu này đứng cuối danh sách những thánh nhân, ở hàng những đệ tử đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. Và trong đó *người căn-tín* xếp dưới *người căn-trí* vì lý do *căn-tín* là *thấp hơn căn-trí*. Nói gọn hơn, *người căn-tín* và *người căn-trí* chỉ khác nhau ở chỗ những *trọng căn* (căn chính, căn trội) của họ: *người căn-tín* dựa vào *niềm-tin* (tín) làm cỗ xe tu tiến; còn *người căn-trí* vào *sự hiểu-biết* (trí). Rồi khi họ chứng ngộ Nhập-lưu, *người căn-tín* được gọi là “*người được giải-thoát nhờ niềm-tin*” (*saddhāvimutta*; tín giải-thoát - coi thêm MN 70, mục 19 và MN 65, mục 11), và *người căn-trí* chứng ngộ Nhập-lưu thì được gọi là “*người đã đạt tới cách-nhìn*” (*ditṭhippatta*; kiến đắc); (coi thêm MN 70, mục 18 và MN 65, mục 11).

- Theo hệ thống Vi Diệu Pháp, với khái niệm của nó về *thánh đạo siêu thế* chỉ xảy ra *trong một sát-na duy nhất*, cả người căn-tín và người căn-trí đều chứng ngộ trong “*một khoảng-khắc tâm*” [*sát-na*] của thánh đạo. Tuy nhiên sự diễn dịch này, cho dù được ủng hộ bởi các luận giảng, cũng khó hòa hợp được với các kinh bộ *Nikāya*. Để đọc phần thảo luận rất thú vị về 02 khuôn-mẫu này, mời đọc quyển *The Buddhist Path to Awakening* (*Đạo Phật dẫn tới sự Giác-Ngộ*) của học giả Genthin, trang 129-33.

- Về cụm chữ ‘đạo lộ (lộ trình) chân chính đã được định xong’ (*sammattaniyāma*) hoặc có thể gọi là ‘đạo lộ đã định của sự chân chính’ hay ‘chánh đạo lộ đã định xong’. **Spk** giải nghĩa *sammattaniyāma* cụm chữ này đơn giản chính là = *thánh đạo (ariyamagga)*.

- Về câu “người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu”: **Spk** cho rằng một khi thánh đạo đã khởi sinh thì không còn trở ngại nào tới thánh quả. Trong **Pp 13 (§20)** có ghi câu này: “Người này phải là người đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu, và phải đến lúc một đại kiếp cũng cháy rụi, (nhưng) một đại kiếp sẽ không cháy rụi cho đến khi người đó chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.” (Cách nói nhấn mạnh quả quyết rằng người này là đã chắc chắn sẽ chứng quả Nhập-lưu trước hay ngay khi chết!)] (268)

268 [Về người tu theo *Giáo Pháp* (người căn trí), mời đọc lại chú thích **268** mới nói kể trên. Các luận giảng không làm rõ cú pháp của lời diễn đạt: *ime dhammā evaṃ paññāya mattaso nijjhānaṃ khamanti*.

- **Spk** chú giải rằng: *Mattaso nijjhānaṃ khamanti ti pamāṇato olokanaṃ khamanti* (được chấp nhận sau khi được soi xét kỹ tới một mức độ đủ) nghĩa là được chấp nhận với sự đo lường [thông qua] sự xem xét. **Spk-pt** bổ sung rằng: *Olokanaṃ ti saccābhisamayasaṅkhātataṃ dassanaṃ; khamanti saṃhanti, ñayanti ti attho* (“Dự xem xét”: là tầm-nhìn có trong sự đột phá đến những sự-thật). “Được chấp nhận” nghĩa là: được đồng ý, có nghĩa là “được biết”.

- **Spk-pt** đang cố gắng đồng hóa “sự xem xét” hay “sự soi xét kỹ” của người tu theo *Giáo Pháp* với sự đột-phá đến các sự-thật thành tựu được trong thời thánh quả Nhập-lưu, nhưng bản thân bài kinh tự nó đã phân biệt về 02 điều này: đơn giản cái trước là sơ khởi của cái sau (tức là người tu xem xét, soi xét kỹ, tìm hiểu kỹ trước khi có sự đột phá hay chứng ngộ sự-thật hay diệu đế).] (269)

269 [Câu này làm rõ bậc Nhập-lưu là khác so với những người tu khác đang trên đường [đạo] đạt tới Nhập-lưu. Người căn-tín chấp nhận những giáo lý dựa theo niềm-tin của mình [cộng với một mức độ sự-hiểu còn hạn chế], người căn-trí thì còn nhờ sự điều-tra tìm hiểu để biết; nhưng bậc thánh Nhập-lưu thì đã trực-tiếp biết và thấy các giáo pháp. Chỗ này tôi cũng đọc theo **Se** ghi là: *evaṃ jānāti evaṃ passati*.] (270)

270 [Chữ *yếu-tố thức* (*viññāṇa-dhātu*) bị mất trong phiên bản **Ee**, nhưng có trong cả **Be** và **Se**.] (271)

271 [Trong các kinh tiếp theo: mẫu đoạn kinh đầu (*) kể trên sẽ được **lần lượt** lặp lại bằng các chủ-đề tương ứng như các chủ-đề trong Chương **25** kể trên. Nhân tiện, kinh **26:09** hầu như giống kinh **14:36**, chỉ có thêm “*yếu-tố không gian*” và “*yếu-tố thức*”. Còn kinh **26:10** thì giống y kinh **22:30**.] (272)

272 [*Sự ó-nhiễm của tâm* (tạm dịch Việt theo cái nghĩa là *sự hư-đồi, sự hư-bại, sự tối-tệ*). [Nguyên văn cụm chữ này: *Cittass’ eso upakkilesa*. **Spk** chú giải như vậy: “Đây là chỉ *sự ó-nhiễm* của tâm nào? (trả lời) Đó là cái tâm thuộc 04 cảnh. Công nhận điều này là đúng đối với cái tâm thuộc 03 cảnh [thế tục], những làm cách nào đó là *sự ó-nhiễm* thuộc cái tâm siêu thế cho được? (trả lời) Lý do là nó cản trở *sự khởi-sinh* của *tâm siêu thế*. Nó được gọi là một *sự ó-nhiễm* bởi vì nó không cho phép tâm đó khởi sinh (theo nghĩa là nó là khuyết điểm làm cản trở, làm suy đồi, làm hư bại).”

- Mặc dù tên của **Chương 27** này ghi tên là *kilesa* mà tôi [TKBD] đã dịch là “*những ó-nhiễm*” (lậu hoặc), nhưng trong thân bài kinh thì lời kinh lại dùng chữ *upakkilesa* mà tôi dịch là “*sự ó-nhiễm*” (tạm dịch Việt theo nghĩa là *sự suy-đồi, sự hư-bại, sự hoen-ố, vết-nhơ, tì-vết, sự ô-uế*) *làm ó nhiễm cái tâm, làm cho cái tâm không sạch và bất tịnh*. Kinh **MN 7**, mục 3, có liệt kê ra “*16 sự ó-nhiễm của tâm*”.

- Còn trong kinh **SN 46:33** (Quyển 5) thì danh ngữ *upakkilesa* (và *cittass’ eso upakkilesa*) đã được dùng để chỉ *năm chướng-ngại* (ngũ cái)—là những thứ lớn và nặng hơn đối với sự tu tập cái tâm, vì vậy để phân biệt người dịch Việt đã dịch là “*những sự hư-nhiễm của tâm*”, “*những thứ hư-nhiễm của tâm*”.]

- Nhân tiện, chữ *upakkilesa* này còn được dịch là “*những tì-vết*” hay “*những sự không hoàn-hảo*” trong sự tu tập sự định-tâm (thiền định) hay là “*những sự không hoàn-hảo*” trong sự tu tập minh-sát (thiền quán), như đã được nói và chú giải trong kinh **MN 128**, chú thích 1194 và trong kinh **MN 7**, chú thích 86.

- Hòa thượng Minh Châu đã dịch chung chữ này trong các kinh là những

cầu-ué.].] (273)

273 (Nghĩa là: *tâm như vậy là dễ dụng tu để chứng ngộ những điều* (sự thật, chân lý, trạng thái) *bằng sự-biết trực tiếp.*)

- (Về cụm chữ “*trong sáu trường hợp này*”: như chú thích số 251 ở kinh 24:01 ở trên).

- [**Spk** giải thích rằng: “*Tâm của người đó sẽ ngã theo hướng từ-bỏ*” (*nekkhammaninnaṃ c’assa cittaṃ hoti*): là cái tâm vắng-lặng (định) và minh-sát (tuệ) ngã hướng ‘09 trạng thái siêu thế’. “*Những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp*” (*abhiññā sacchikaraṇīyesu dhammesu*): là những điều thuộc ‘06 loại trí-biết trực tiếp’ (03 thông và 03 minh). **Spk** không giải thích chữ *khāyati*, nhưng nghĩa gốc nó là ‘*xuất hiện, hiện ra*’.] (274)

274 [Giống lời trong kinh **SN 21:03** (Quyển 2). Coi thêm chú thích số 18 ở kinh **1:10** (Quyển 1): *các căn tĩnh lặng; sắc diện trong và sáng.*] (275)

275 [Mời quý vị coi lại phần (iii) của chú thích 340 ở **SN 18:21** (Quyển 2). Ở đây trích đoạn cuối chú thích đó như vậy:

- “*Sự tạo-nên cái ‘ta’*” được coi là chức năng của *cách-nhìn sai lạc* (tà kiến: ngã kiến, quan-điểm có cái ‘ta’, có ‘bản ngã’), “*sự tạo-nên cái ‘của-ta’*” có chức năng của *dục-vọng* (ái, tham ái). Còn gốc rễ sự ‘*tự-ta*’ (ngã mạn) là tự đại cái “*ta-là*” (*asmimāna*), do vậy sự tự-đại này cũng chịu trách nhiệm cho cái “*sự tạo-nên cái ‘ta’*.”] (276)

276 [*Đi một vòng khát thực (tùng nhà) liên tục* nghĩa là đi khát thực bằng cách ghé từng nhà liên tục, không bỏ qua nhà nào, không phân biệt nhà giàu nhà nghèo, nhà có nhà không cho. Mời coi thêm chú thích số 377 ở kinh **6:03** (Quyển 1).] (277)

277 [Tên của nữ du sĩ này có nghĩa là “*Khuôn Mặt Tinh Khiết*”. **Spk** giải thích rằng cô đã tiếp cận trưởng lão Xá-lợi-phất với ý định chế giễu thầy ấy bằng những câu hỏi của cô ta và để khích khởi một cuộc tranh luận. Mỗi câu hỏi và trả lời đều mang nghĩa đen và ẩn ý thâm sâu, như dưới đây.] (278)

278 [Chữ này là *disā mukha*. **Spk** giải nghĩa là: *Catasso disā olokento ti attho*.] (279)

279 [*Vatthuvijjā*: khoa bói đất, bói địa, nghề bói đất là thuộc những sự mưu-sinh bất chánh (tà mạng) đối với các tu sĩ [sa-môn] như đã được ghi trong kinh **DN 1**, mục 1.21. **Spk** chú giải đây là nghề coi bói các khu đất có thích hợp cho việc trồng trọt hay không, trong khi luận giảng **Sv I 93** thì cho rằng nghề bói đất này là để bói những điềm tốt và điềm xấu của một miếng đất được chọn để xây nhà cửa hoặc chùa chiềng, tu viện ... vân vân, bao gồm cả việc đọc, yếm bùa và dán bùa hộ mệnh lên miếng đất đó.] (280)

280 [*Nghề bói sao bói trời: nakkhattavijjā*. Về nghề bói sao, trăng, trời ... (chiêm tinh), coi lại kinh dài **DN 1**, mục 1.24 có nói chi tiết.] (281)

281 [*Làm công việc người ta sai vặt hay công việc đưa tin báo tin: dūteyya-paṇṇāgamanānuyoga*. Coi bộ kinh dài **DN 1**, mục 1.19 có ghi chi tiết. Việc đi làm những việc vặt người khác nhờ hoặc làm việc chạy đi nghe tin báo tin này nọ là không phù hợp với một Tỳ kheo, vì người ta sẽ nghĩ Tỳ kheo làm ‘nghề’ đưa tin báo tin cho những người khác (không phải công việc của một tu sĩ).] (282)

282 [*Nghề bói chỉ tay: aṅgavijjā*. Nghề này cũng được nói trong kinh **DN 1**, mục 1.21. **Spk** giải thích đây là một môn bói đoán thời vận tương lai của một người bằng cách coi những đường nét (chỉ tay, nhân tướng, nhân dạng ... chứ không riêng chỉ tay) của người đó. (Giống nghề *bói tướng số* ở các nước Đông Á như Việt Nam ...).] (283)

283 [Về những loài rồng (*nāga*) được nói trong *Chương 29* này và những loài chúng-sinh khác (*chim-thần, càn-thát-bà, thiên-thần-mây*) được nói trong 03 *Chương 30, 31, 32* tiếp theo, mời đọc lại phần *Giới Thiệu về Phần III* trong *CDB* (bản dịch Pāli-Anh của bộ kinh này bởi TKBD), trang 850-851. *Bốn phương thức sinh sản* hay *bốn kiểu sinh (yonī)* được nói ra ở đây là chỉ *tất-cả các loài chúng sinh*; coi thêm **MN 12**, mục 32. Theo **Spk**, Đức Phật nói kinh này với mục đích là để giải cứu các Tỳ kheo khỏi cái *chí hướng muốn tái sinh thành những chúng loài rồng (nāgayoni uddharaṇattham, hay (Se): ukkaṇṭhanattham)* như vậy, để làm cho họ chán-bỏ với những kiểu sinh thành rồng và kiếp rồng như vậy.] (284)

- (Lưu ý: Trong kinh kể dưới người dịch Việt đánh số và tóm lược để người đọc dễ đọc, khỏi bị vấp khi đọc nguyên văn các loài.)

284 [Nguyên văn: *Uposatham upavasanti vossatṭhakāyā ca bhavanti*. Theo cổ tích Phật giáo, những loài rồng *naga* có thể kiêng giữ giới-hạnh trong ngày rằm Bô-tát (*Uposatha*), và thậm chí có thể nhất tâm giữ giới-hạnh đó cho dù phải chết. Câu chuyện minh họa là *Chuyện Tiên Thân Campeyya* (*Campeyya Jātaka*; chuyện số 506), trong đó vị Bô-tát được tái sinh thành vua rồng *naga*, long vương) đã trì giới ngay cả khi bị hành hạ tàn khốc bởi một con rắn bùa mê.

- **Spk-pt** còn chú giải thêm: “*Từ bỏ thân thể chúng*”: khi chúng đã quyết tâm giữ-giới thì chúng từ bỏ thân thể với một cái tâm không quan tâm tới thân thể nữa, chúng chỉ nghĩ rằng: “Ai muốn da, máu, xương của ta thì cứ lấy”.] (285)

285 [**Spk** giải nghĩa *dvayakārino* (một cách mâu thuẫn) là = *duvidhakārino*, và giải thích rằng chúng làm những hành-động ác có, thiện có.] (286)

286 [Mỗi thứ bố thí lần lượt được ghi trong mỗi bài kinh từ **11-20**.] (287)

287 [Tức là: một chủng loài *chim-thần* chỉ “gấp” được rồng *naga* thuộc chủng loài thấp hơn hoặc bằng chủng loài mình, chứ không thể gấp rồng *naga* thuộc chủng loài cao hơn chủng loài mình.] (288)

288 [Chữ *gandhabba* liên hệ với những chất hương thơm, rõ ràng là vậy, vì chữ này dựa trên gốc từ *gandha*, có nghĩa là *mùi hương*. **Spk**: Những *càn-thát-bà* trong những gốc cây hương thơm được sinh ra nhờ sự hỗ trợ của một *cây có gốc rễ thơm*, nhưng toàn bộ cây đó đều là nơi cư trú của những *càn-thát-bà* đó. Tương tự đối với những loại *càn-thát-bà* khác được sinh ra nhờ sự hỗ trợ của những bộ phận khác của cây ... vân vân.] (289)

289 [Sự tái sinh thành một *càn-thát-bà* được coi là tốt lành và đó là nghiệp quả trực tiếp từ những hành-vi thiện (thiện hành, thiện nghiệp); khác với sự tái sinh của rồng *nāga* và chim thần *supanna*, đó là sự hỗn hợp (tốt và xấu) và là nghiệp quả trực tiếp của những hành vi mâu-thuẫn (tức nghiệp thiện và ác lẫn lộn).] (290)

290 [**Spk**: đây là những thiên thần sống trong không trung khởi sinh trong số những thiên thần sống-trên-mây (thiên thần mây).] (291)

291 [Chỗ này sự đánh số các kinh của phiên bản **Ee** đã bị sai rôi, cả trong bản gốc và bản dịch của phiên bản này.] (292)

292 [Tôi dịch theo cách ghi của **Se** và **Ee** là: *Yaṃ nūna mayaṃ sakāya rati-yārameyyāma*. **Be** ghi động từ là *vaseyyāma*. **Spk** giải thích trời “mát” trong những ngày mưa hoặc mùa đông là thời tiết tự nhiên do bốn mùa tạo ra, nhưng ở đây nó trở thành ‘cực lạnh trong mùa mát’, hoặc ‘mát trong mùa hè’, điều đó là do những thiên thần dùng năng lực của họ gây ra. Cách giải thích tương tự cho những trường hợp “ấm”, “bão”, “gió”, “mưa” tiếp theo.] (293)

293 [*Vacchagotta* là một du sĩ nổi tiếng trong Kinh Điển Pāli: ông xuất hiện 03 lần trong các kinh **MN 71, 71, 73**, và lần thứ ba ông đã trở thành Tỳ kheo và chứng luân A-la-hán. Riêng trong bộ kinh **SN** này, ngoài chỗ kinh này, ông cũng còn tái hiện trong các kinh **SN 44:07–11** (Quyển 4).] (294)

294 [Bài kinh này và các bài kinh tiếp theo đều sử dụng cùng khuôn mẫu “*Bốn Diệu Đế*” [*sự-thật, nguồn-gốc, sự chám-dứt, và con-đường dẫn tới sự chám-dứt*] cho từng *uẩn* của năm *uẩn*. *Vô-minh* là = *sự không hiểu biết Bốn Diệu Đế*, và các bài kinh này chỉ ra sự *vô-minh* là nguyên nhân nằm bên dưới “*10 quan-điểm mang tính suy đoán*” (tà kiến) như vậy.] (295)

295 [**Spk** cho rằng lý do “*do không nhìn-thấy*” cũng đồng nghĩa = “*do không biết*”.] (296)

296 [“*Liên-kết Thiền Định*” (*Jhāna-samyutta*) là tên **Chương 34** này (Quyển 3), nhưng nó cũng là tên của **Chương 53** (Quyển 5). **Chương 53** thì nói về của 04 tầng thiền-định sắc giới (*jhāna*) như “*những sự chứng-đắc*”. Còn **Chương 34** này thì nói về “*tiền-trình thiền tập*” chứ không chủ ý nói về “*những sự chứng đắc*” hay “*những tầng chứng đắc*” đó; tuy nhiên tôi vẫn dịch tên chương trùng giống nhau như vậy.

- **Chương 34** này đã được tạo ra như một *cỗ-xe* (*cakka*, tu thừa) chỉ ra tất cả những sự hoán-đổi có thể được giữa 11 kỹ-năng thiền-tập. Mỗi cặp kỹ năng đều được so sánh thêm theo 04 trường hợp nội dung là: (i) *có-được kỹ năng*

này nhưng thiếu kỹ năng kia; **(ii)** có-được kỹ năng kia nhưng thiếu kỹ năng này; **(iii)** không-có cả hai; và **(iv)** có-được cả hai. Và trường hợp cuối cùng **(iv)** luôn là **tốt nhất!**

- **Spk** nói rằng: toàn bộ **Chương 34** này đã được giảng giải theo cách của *những tầng thiên định thế tục*.

- Một số những kỹ-năng cũng được nói đến trong những kinh khác, như: *06 kỹ năng* trong kinh **AN 6:24**; *06 kỹ năng* này hầu hết được lặp lại trong kinh **AN 6:41**; và *07 kỹ-năng* trong kinh **AN 6:41**.

- Trong các kinh trong bộ kinh **SN** và **AN** nói về *thiên-định* thì đều nói đủ *tất cả mọi kỹ-năng thiên định*, chỉ riêng kỹ năng “*thiện khéo về đối-tượng*” (*ārammaṇakusala*) thì có lẽ chỉ có **Chương 34** này của **SN**.

- Các chú giải về *thiên-định* trong luận giảng **Mp** về bộ kinh **AN** [như chỗ các trang từ **Mp III 354–55**] và trong luận giảng **Spk** về bộ kinh **SN** là tương ứng giống nhau, chỉ có *vài chỗ khác nhau đôi chút* sẽ được chỉ ra trong những chú thích kế tiếp dưới đây.] (297)

²⁹⁷ [**Spk**: *Thiện khéo về (sự) định-tâm (samādhikusala)*: (= giỏi về đạt-định) là thiện khéo về sự nhận định những yếu-tố như vậy: ‘Tầng thiên định thứ nhất có 05 yếu tố’, ‘Tầng thiên định thứ hai có 03 yếu-tố ... Nhưng không thiện khéo về (sự) chứng-đắc đối với sự định-tâm (Na samādhismiṃ samāpattikusala)’: nghĩa là, mặc dù người tu đã làm cho tâm mềm-dẻo bằng cách làm hoan-hỷ nó [**Spk-pt** bổ sung: bằng cách loại bỏ những trạng thái đối nghịch và thu thập những nhân hợp tác] những người đó không thể chứng đắc tầng thiên định.

- Luận giảng của **Mp** về bộ kinh **AN** [chỗ **Mp III 354**] khi chú giải về chữ *samāpattikusala (thiện khéo về sự chứng-đắc)* ghi rằng: “Sau khi đã thu thập thức ăn và khí hậu, người đó thiện khéo về sự chứng đắc sự định-tâm—khéo giỏi, có khả năng, và thành thực về việc đó.”— Tôi (TKBĐ) nghi ngờ rằng những chú giải này không ‘bắt’ được nghĩa muốn nói của lời kinh, và tôi nghĩ ở đây sự “*chứng-đắc*” chỉ là đồng nghĩa với kỹ năng “*làm chủ sự chứng-đắc*” (*samāpattivāsī*) được mô tả trong luận giảng **Paṭis I 100** như vậy: “Người đó

chứng đắc tầng thiền định thứ nhất (vân vân) ở đâu, khi nào, và trong bao lâu tùy ý mình; người đó không có khó khăn gì trong việc đó”.]

- (► Cùm chữ [*đối với sự định-tâm*] hay [*về việc định-tâm*]: nguyên văn chữ gốc là *samādhismim*. Nhưng người dịch Việt tạm dịch bằng cùm chữ *trong tu thiền định* để cho người đọc dễ hiểu và khỏi bị lẫn lộn với cái kỹ-năng định-tâm (*samādhi*) được ghi liên tục trong cả **Chương 34** này).] (298)

298 [Về ví dụ các loại kem sữa, ván sữa: mời đọc lại chú thích 64 ở kinh **12:22** (Quyển 2).] (299)

299 [*Không thiện khéo về duy-trì (Na samādhismim ṭhitikusalo)*. **Spk**: là không giỏi khéo trong việc ổn định trong tầng thiền định, không khả năng nhập định ổn định trong một thời gian ngắn chỉ bằng 7 hay 8 cái búng ngón tay. (Đây có thể được coi là kỹ năng “*làm chủ sự chứng-đắc*”).

- Kỹ năng này có thể tương ứng với kỹ năng “*làm chủ sự quyết-định*” (*adhīṭhānavasī*) được mô tả trong luận giảng **Paṭis** I 100 như vậy: “*Người đó quyết định [khoảng thời gian nhập định] trong tầng thiền định thứ nhất (vân vân) ở đâu, khi nào, và bao lâu tùy ý mình; người đó không có khó khăn trong việc quyết định [khoảng thời gian nhập định].*”] (300)

300 [*Không thiện khéo về sự thoát-ra (Na vuṭṭhānakusalo)*. **Spk**: là không thể thoát ra khỏi trạng thái tầng thiền định vào một thời điểm đã định trước. (Người thiền thành thực thì có thể định trước trong tâm thời gian nhập định bao lâu và thời điểm thoát ra khỏi tầng thiền định). Mời coi thêm định nghĩa về kỹ năng “*làm chủ sự thoát-ra*” (*vuṭṭhānavasī*) được mô tả trong luận giảng **Paṭis** I 100, tương ứng với mới các định nghĩa về 02 kỹ năng mới được nói trên là “*làm chủ sự chứng-đắc*” (chú thích 298) và “*làm chủ sự quyết-định*” (chú thích 300).

- (Kỹ năng “*làm chủ sự thoát-ra*” (*vuṭṭhānavasī*) có lẽ gồm có cả kỹ năng *quán chiếu lại* những gì người thiền đã *nhìn thấy* trong trạng thái tầng thiền định, từ đó dẫn tới trí-tuệ và dẫn tới giác-ngộ!)] (301)

301 [*Không thiện khéo về sự mềm-dẻo (Na kallitakusalo)*. **Spk**: là không giỏi làm cho tâm được mềm-dẻo (dễ uốn nắn, dễ dụng) bằng cách làm hoan-hỷ nó.] (302)

302 [*Không thiện khéo về đối-tượng (Na ārammaṇakusalo)*. **Spk**: là không giỏi về đối-tượng thiền bằng vật thể [*kasīṇa*]. Những *kasīṇa*, là đối-tượng của những chủ-đề (đề mục) thiền định khác nhau, được dùng để (chú mục, chú tâm, hội tụ tâm vào đó) đạt được sự định-tâm: mời quý vị coi sự giảng giải trong Thanh Tịnh Đạo, **Vism** 113 (**Ppn** 3:117).] (303)

303 [*Không thiện khéo về trú-xứ (Na gocarakusalo)*. **Spk**: là (i) không giỏi về trú-xứ (tâm, lĩnh vực, phạm vi) của chủ-đề thiền định [**Spk-pt** bổ sung: là (không giỏi) về trú-xứ mà sự định-tâm được sản sinh, về cái nơi mà sự đạt-định xảy ra—‘nơi’ đó được biết là chủ-đề thiền (tức về phạm vi của chủ-đề thiền)], và (ii) không giỏi về trú-xứ (khu vực, chu vi) của vòng đi khát-thực [**Spk-pt** bổ sung: do thiếu sự chánh-niệm và sự rõ-biết—(giống như luận giảng **Mp** đã nói khi chú giải về kinh **AN 6:24**, coi chú thích 1291 kinh đó.)]

- Luận giảng **Mp** khi chú giải về kinh **AN 6:24**, chú thích 1291, thì chú giải hơi khác như vậy: {“*Sau khi tránh những thứ không phù hợp là không hữu ích và theo đuổi những thứ phù hợp là hữu ích, người đó là thiện khéo về trú-xứ (lĩnh vực, tâm) khi người đó biết ‘Sự định-tâm có một dấu-hiệu (nimitta, tâm ảnh) là đối-tượng, (tâm ảnh) này có đặc tính [vô thường, khổ, vô ngã] là đối-tượng.’*”} Câu cuối này đề cập tới sự khác-biệt giữa thiền-định (*samatha*, sự vắng lặng) và thiền-quán (*vipassanā*, sự minh-sát).] (304)

304 [*Không thiện khéo về sự quyết-tâm (Na abhinīhāarakusalo)*. **Spk** không chú giải gì chữ này, nhưng **Spk-pt** thì nói: “Là không giỏi về sự quyết-tâm để nâng hạng chủ-đề thiền định để có thể có được sự khác-biệt (cao hơn) (*kammaṭṭhānaṃ viśesabhā gīyatāya abhinīharitum akusalo*). Điều này nghĩa là không có khả năng (quyết tâm) nâng hạng từ tầng thiền định thứ nhất lên tầng thiền định thứ hai, thứ ba ...”.] (305)

305 [*Không phải là một người làm việc chu đáo (Na sakkaccakārī)*. **Spk**: Là người đó không làm (thực hiện, tu tập) một cách kỹ càng đủ để chứng nhập tầng thiền định. (*Chu đáo* là chỉ sự làm một cách chu toàn kỹ càng đủ để chứng nhập chứng đắc tầng thiền định).] (306)

306 [*Không phải là một người làm kiên-trì (Na sātaccakārī).*] (307)

307 [*Không phải là một người làm điều thích-hợp (Na sappāyakārī).* **Spk:** là người đó không khả năng hoàn thiện những phẩm-chất hữu ích và thích hợp cho sự định-tâm (không đủ các phẩm-chất thích hợp đó để đạt-định).] (308)

++++

Về bản dịch, quý độc giả có sự thắc mắc, góp ý, tra cứu, hoặc xin nhận bản in giấy ấn tống, liên hệ người dịch: email: lekimkha@gmail.com, hoặc nhắn tin/điện thoại: (+84)—0898909451; 0909503993, hoặc liên hệ Thư Viện Chùa Bửu Quang, Bình Triệu, Thủ Đức, điện thoại: 0908475521 (chú Bính)

Hoặc anh Huỳnh Văn Thịnh, điện thoại: 0363316764 hoặc email: huynhvanthinh@gmail.com